

Giải thưởng Prix Femina Étranger tại Pháp

Cảnh cửa

S Z A B Ó M A G D A



nh
nhã nam

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

<http://sieulun.hopto.org>



SZABÓ MAGDA

có sự nghiệp văn chương trắc trở. Từ năm 1949 bà bị cấm in, bị đuổi việc, chỉ sau năm 1958 sách của bà mới lại được phép lưu hành. Trong hơn nửa thế kỷ cầm bút, Szabó Magda đã để lại gần sáu mươi tác phẩm giá trị, chủ yếu là tiểu thuyết (mười một tác phẩm đã được dựng phim). Vượt qua định mệnh bị vùi lấp bởi những biến cố chính trị lịch sử, Szabó Magda được tái phát hiện trong làn sóng tôn vinh cuộn lên ở châu Âu, cùng với cây đại thụ của văn đàn Hungary: Márai Sándor.

Szabó Magda đã nhận nhiều giải thưởng, trong đó có giải Kossuth danh giá của Hungary, giải Prix Femina Étranger tại Pháp và gần đây nhất là Prix Cévennes, hai lần được đề cử Nobel Văn chương. Bà là một trong những nhà văn được dịch ra nhiều thứ tiếng, được yêu thích và được đọc nhiều nhất ở Hungary.

Cank uad



"Cuốn sách được dịch với sự tài trợ của Bảo tàng Văn học Petőfi
và Văn phòng Sách và Dịch thuật Hungary."

Title original

Az Ajtó

First published by Európa Könyvkiadó

Copyright © Szabó Magda, 1987

Dịch từ nguyên bản tiếng Hungary: *Az Ajtó* của Szabó Magda,

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2014.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

SZABÓ MAGDA

Cánh cửa

GIÁP VĂN CHUNG dịch



nhà nam

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Cuốn sách này, chính xác hơn là lần tái bản mới này, là dấu mốc quan trọng đặc biệt trong văn nghiệp của tôi: trước hết vì, khi hoàn thành cuốn sách, tôi luôn cảm thấy mình đã hoàn công viết lên mặt giấy, sẽ không có ai quan tâm tới câu chuyện của Szeredás Emerenc, càng ít người quan tâm hơn tới sự khắc họa chân dung như sám hối không mấy hấp dẫn này của tôi, sự sám hối thấu tóm trong cái khung ghép từ những mảnh gương vỡ con người nhà văn và sự thật không thể bị xúc phạm nhưng vẫn bị thương tổn.

Nhưng rồi Emerenc, con người bao giờ cũng được cảm nhận như một nhân vật huyền thoại, đã làm nên điều kỳ diệu: một tuần sau khi sách ra mắt, đã không còn mua được câu chuyện về bà, dù không thể tưởng tượng nổi chuyện riêng tư nào riêng tư hơn thế; độc giả, những người giúp đỡ nhà văn vượt qua mọi trở ngại của mình, đã coi thông điệp của cuốn sách là chuyện riêng của họ. Bà già quét đường - người nếu có thể làm được, luôn cố gắng quét hết mọi rủi ro, nguy hiểm cho mọi người - đã vượt qua biên giới Hungary, hình tượng bà được biết đến trên đất Đức, cũng như trên Biển Bắc hay ở Thụy Sĩ, người New York ham đọc có thể thấy bà trong tủ sách Chân dung Đông Âu của Đại học Columbia. Vì bà mà những người lạ mặt tìm đến nhà tôi, họ đứng trên ban công nhà tôi, từ đó vẫn có thể trông thấy căn hộ bà đã ở một thời, đã có người xin tôi ảnh của bà và một kỷ vật nào đó về con chó Viola. Rõ ràng Nhà xuất bản Europa cũng được khích

lệ bởi Emerenc, khi bắt đầu tái bản một loạt sách của tôi, không phải vì tiểu thuyết Freskó khởi đầu sự nghiệp, khi ngọn lửa đam mê của một nhà văn trẻ tuổi - quay lại khán đài lần đầu tiên - bốc cháy giữa những câu văn đã biến điệu thành trầm tĩnh, mà vì Cánh cửa, tác phẩm mà sự hiện hữu của người sáng tạo nên nó đã được chứng tỏ qua ba mươi tư ngôn ngữ trên thị trường sách quốc tế.

SZABÓ MAGDA, 2006.

CÁNH CỬA

Ít khi tôi mơ. Nếu có, tôi thường thức dậy mờ mờ tối tối. Những lúc như vậy tôi thường nằm lại, đợi con tim trấn tĩnh, và ngẫm nghĩ về quyền năng kỳ diệu, không thể cưỡng nổi của đêm. Hồi còn bé con hay còn trẻ tôi chẳng mơ điều tốt lành, cũng không mơ điều xấu xa, chỉ tuổi già cứ xô đẩy về phía tôi hết đợt này đến đợt khác nỗi kinh sợ đã được nhào nặn cứng bởi bèo bọt của quá khứ, nó đáng sợ vì khiến tôi căng thẳng hơn, bi kịch hơn so với bất cứ điều gì tôi đã trải qua, bởi trên thực tế chưa một lần diễn ra điều gì khiến tôi phải hét lên khi thức dậy.

Những giấc mơ của tôi giống hệt nhau, đó là những ảo ảnh trở đi trở lại, bao giờ tôi cũng chỉ mơ đúng một giấc mơ. Tôi đứng dưới chân cầu thang ngoài cổng nhà chúng tôi, phía trong chiếc cổng khung sắt lắp loại kính lưới thép không thể đập vỡ và cố mở khóa. Chiếc xe cứu thương đứng ngoài đường, tôi thấy bóng các nhân viên y tế qua cửa kính to khác thường, mặt họ nhòa rộng và có quầng như mặt trăng. Chìa khóa xoay, nhưng tôi hoài công khó nhọc, không mở nổi cổng, dù tôi phải cho các nhân viên cứu thương vào, nếu không họ sẽ không kịp đến với người bệnh của tôi. Nhưng khóa không nhúc nhích, cánh cổng đứng yên như thể bị hàn chặt vào khung sắt. Tôi gào lên nhờ giúp đỡ, nhưng chẳng có ai trong căn nhà bốn tầng để ý đến tôi, họ không thể, vì - tôi nhận ra - mình chỉ há miệng gào khan như một con cá; đỉnh điểm của nỗi sợ hãi trong giấc

mơ là tôi ý thức được rằng chẳng những tôi không mở nổi cánh cổng cho họ vào cứu giúp, mà tôi còn bị cầm. Tiếng thét của chính mình đánh thức tôi dậy; tôi bật đèn, cố thử chống lại cơn ngạt thở bao giờ cũng ập đến sau giấc mơ, quanh tôi là những đồ gỗ quen thuộc của căn phòng ngủ, phía trên giường ngủ của chúng tôi là các chân dung gia đình, các bậc tổ tiên biết hết mọi việc của tôi mặc áo cổ cồn cứng bó sát người, có tua ngủ kiểu Hung truyền thống hay kiểu Beidermeier⁽¹⁾, những nhân chứng duy nhất biết mỗi đêm tôi chạy ra mở cổng mấy lần cho xe cứu thương, bao nhiêu lần tôi đã tưởng tượng, trong khi thay vì tiếng động ban ngày quen thuộc của các con phố nằm lặng chỉ có những cành cây xao động trong bóng đêm tràn vào từ phía sau cánh cổng đã mở và những chú mèo lướt qua gây nên chút tiếng động khe khẽ nào đó, sẽ ra sao nếu đến một lần tôi hoài công xoay sở, chìa khóa vẫn không xoay.

Những bức chân dung biết hết, rõ hơn cả là điều tôi muốn quên đi nhất, điều không còn là giấc mơ. Một lần, một lần duy nhất trong đời tôi, không phải trong giấc ngủ thiếu máu lên não, mà là trên thực tế, một cánh cửa cũng đã mở ra trước tôi, cánh cửa mà người ở bên trong nó giữ gìn sự cô đơn và sự khốn khổ bất lực của mình quyết liệt đến mức không chịu mở ra ngay cả nếu mái nhà cháy đang ụp xuống trên đầu. Chỉ một mình tôi có quyền năng dịch chuyển chiếc khóa đó: người xoay chìa khóa tin tôi hơn tin vào Chúa Trời, và trong phút định mệnh đó tôi tưởng mình là Chúa Trời, thông tuệ, chín chắn, tốt bụng và tỉnh táo. Cả hai chúng tôi đều nhầm, cả người tin ở tôi, cả tôi, kẻ quá tự tin. Giờ thì mọi việc đã an bài, vì điều đã

1. Một phong cách nghệ thuật thịnh hành ở vùng Trung Âu khoảng từ 1815-1848, ảnh hưởng tới cả cách trang phục thời bấy giờ.

xảy ra không thể cứu vãn. Hãy để các nữ thần Erinnös⁽¹⁾ đi giày cao gót, đeo mặt nạ bi kịch, đội mũ cứu thương cứ đến, và xếp hàng quanh giường tôi nằm, với những thanh kiếm mài sắc hai lưỡi trong tay, với những giấc mơ của tôi. Tối nào tôi cũng tắt điện chờ họ đến, và tôi đợi tiếng chuông sắp reo lên trong tai tôi đang ngủ, âm thanh của nó khiến nỗi kinh sợ không tên xô đẩy tôi về phía chiếc cổng trong mơ không khi nào mở.

Đức tin của tôi không biết đến sám hối cá nhân, qua lời cha cố chúng tôi nhận ra mình có tội, đáng bị nguyên rủa, vì chúng tôi đã vi phạm lời răn bằng mọi cách. Chúng tôi được xá tội bằng cách Chúa không đòi hỏi ở chúng tôi lời giải thích cũng như các chi tiết.

Dưới đây tôi sẽ đưa ra lời giải thích và các chi tiết.

Cuốn sách này không viết dành cho Chúa, người biết những bí mật của trái tim tôi, cũng không viết cho những cái bóng chứng giám mọi chuyện, và dõi theo những giờ tỉnh táo cũng như những giấc mơ của tôi, mà viết cho những người khác. Đến lúc này tôi đã sống can đảm, hy vọng tôi sẽ chết như thế, can đảm và không dối trá, nhưng điều kiện để tôi làm được như vậy là tôi phải nói ra: tôi đã giết chết Emerenc. Việc tôi không muốn giết, mà muốn cứu bà, chẳng thay đổi được điều gì.

1. Nữ thần của sự nguyên rủa, trừng phạt và báo thù trong thần thoại Hy Lạp.

HỢP ĐỒNG

Lần đầu tiên khi chúng tôi đàm phán với nhau, tôi muốn nhìn mặt bà, nhưng bà không cho tôi cơ hội đó, khiến tôi lúng túng. Bà đứng trước mặt tôi như một bức tượng, bất động, không phải đứng nghiêm mà đứng hơn là hơi nghiêng, từ vầng trán bà tôi không cảm nhận được gì, khi đó tôi còn chưa biết rằng tôi chỉ có thể nhìn thấy bà không đội khăn trùm đầu trên giường bệnh lúc bà sắp chết, cho tới khi đó bao giờ bà cũng trùm khăn, giống một người Công giáo sùng đạo hay một người đàn bà Do Thái bị đức tin cấm không được xuất hiện đầu trần trước Đức Ngài. Đó là một ngày hè, chẳng có lý do hay đòi hỏi gì phải che đầu, chúng tôi đứng trong vườn nhà tôi dưới bầu trời chiều muộn đang ngả sang màu tím, và nom dáng vẻ bà chẳng thích hợp chút nào với những khóm hoa hồng. Người ta cảm thấy ai sẽ là loài hoa gì nếu sinh ra là phận cỏ cây, tạng của bà chắc chắn không phải hoa hồng, sự phô diễn không e thẹn gần đó như son, hồng không phải loài hoa ngây thơ. Tôi cảm thấy ngay đó không phải là Emerenc, nhưng tôi chưa biết gì về bà, càng không biết bà là người thế nào.

Chiếc khăn bà đội trên đầu rủ bóng xuống mắt, sau này tôi phát hiện ra trông mắt bà màu xanh. Tôi muốn biết tóc bà thế nào, nhưng bà trùm kín đầu, cho tới khi hình ảnh đó trở nên đồng nhất với chính bà. Chúng tôi đã trải qua những phút quan trọng vào buổi chiều muộn này, cả hai phải quyết định có chấp nhận nhau không. Vợ chồng tôi sống trong căn nhà

mới từ vài tuần nay, nó rộng hơn hẳn nhà cũ, nơi chúng tôi ở trước đây. Để giữ ngăn nắp cho căn hộ một phòng, trước đây tôi không cần người giúp việc, ít ra là vì sự nghiệp văn chương bị treo bút mười năm của tôi vừa tái khởi, và ở chỗ mới này tôi trở thành nhà văn chuyên nghiệp, với những cơ hội gia tăng và vô số trách nhiệm, khi gắn chặt tôi vào bàn viết, lúc buộc tôi phải xa nhà. Vì thế mà hôm ấy tôi đứng trước người đàn bà im lặng kia. Rõ ràng là từ nay, nếu không có ai đó gánh vác việc nhà thay tôi, thì chắc tôi không thể công bố được những gì đã viết trong thời gian im lặng, cũng không thể viết tiếp những gì tôi còn muốn nói. Khi chuyển xong sổ sách nhiều ngang với một thư viện và số đồ gỗ ọp ẹp sang nhà mới, tôi liền bắt đầu dò hỏi kiếm người giúp việc trong nhà. Tôi hỏi tất cả những người quen quanh vùng, cuối cùng một bạn học cũ đã giải tỏa những nỗi lo của tôi, chị nói một bà đứng tuổi dọn dẹp cho gia đình người anh em của chị đã nhiều năm nay, bà đáng giá hơn bất cứ người còn trẻ nào, chị sẵn lòng giới thiệu bà cho tôi, chỉ lo bà không còn đủ thời gian làm cho chúng tôi. Chị đảm bảo bà sẽ không đốt nhà vì thuốc lá, không có những vụ lằng nhằng với đàn ông, không lấy đi một thứ gì, bất quá bà sẽ đem thêm đến nhà, nếu bà yêu quý chúng tôi, vì bà là người rất thích được tặng quà cho người khác. Chưa bao giờ bà có chồng, con cũng không, thường có một người cháu đến thăm bà, và một sĩ quan công an, trong vùng ai cũng quý bà. Chị nói về bà nhiệt tình, trân trọng, chị bảo Emerenc còn là quản gia, nghĩa là gần như công chức, chị hy vọng bà sẽ chấp nhận chúng tôi, vì nếu chúng tôi không giành được cảm tình của bà, thì có trả bao nhiêu tiền bà cũng sẽ không nhận làm.

Sự việc khởi đầu không khích lệ, Emerenc cũng không thân thiện, khi tôi mời bà sang bên nhà tôi một lát để trao đổi

câu chuyện. Tôi gặp bà trên sân ngôi nhà nơi bà làm quản gia - bà ở gần nhà tôi, gần đến nỗi từ ban công nhà tôi có thể nhìn thấy nhà bà. Bà giặt vô khối quần áo, bằng những dụng cụ kiểu cũ, bà nhóm củi đun chăn gối trải giường trong vạc, và lật các tấm chăn bằng chiếc thìa gỗ lớn trong tiết trời nóng như rang. Lửa phàn phật quanh người bà, bà cao, xương xẩu, đáng to lớn dù đã đứng tuổi, không béo nhưng vạm vỡ, tỏa ra sức mạnh như một Valkyrie⁽¹⁾, chiếc khăn bà đội trên đầu cũng giống như một chiếc mũ sắt. Bà đồng ý sẽ đến tìm tôi, vì vậy mà chúng tôi đứng với nhau vào buổi hoàng hôn ấy trong vườn. Bà lắng im nghe tôi nói về những việc phải làm ở nhà tôi, trong khi nói, tôi chợt nghĩ mình chưa bao giờ tin vào nhà văn trong một cuốn tiểu thuyết lớn nào đó thể kỷ trước từng viết rằng diện mạo của một người nào đó giống như mặt hổ. Tôi cảm thấy hổ thẹn, như đã bao lần, vì đã dám hoài nghi các nhà cổ điển: mặt Emerenc đơn giản là không thể so sánh với thứ gì khác hơn là mặt hổ phẳng lặng, không một gợn sóng buổi sớm mai. Tôi không biết bà có quan tâm chút nào tới khả năng tôi đưa ra hay không, bà chẳng cần việc làm, cũng chẳng cần tiền, điều đó toát ra từ toàn bộ con người bà, việc bà nhận lời đối với tôi cực kỳ quan trọng, nhưng gương mặt nước hồ dưới bóng chiếc khăn trùm đầu nhắc người ta nhớ đến những phụ kiện nghi lễ ấy không hé lộ điều gì. Cuối cùng, khi trả lời bà vẫn không ngẩng đầu lên: có thể chúng ta sẽ quay lại chuyện này, vì một nhà, nơi bà làm việc, đã thành chỗ làm khó chấp nhận, vợ chồng họ say rượu, con trai lớn hư hỏng, bà sẽ bỏ họ. Nếu như ai đó xác nhận và đảm bảo với bà rằng không ai trong chúng tôi hay cáu bẳn, không ai

1. Tên gọi đội ngũ các nữ thần thị ti, theo huyền thoại Bắc Âu là các nữ thần chuyên ra trận địa để vận chuyển linh hồn các liệt sĩ Bắc Âu về lâu đài Valhalla.

nghiện rượu, thì bà có thể nhận. Tôi kinh ngạc nghe bà nói, lần đầu tiên có chuyện một người nào đó đòi hỏi lý lịch về chúng tôi. “Tôi không giặt đồ bẩn cho bất kỳ ai đâu!” Emerenc nói.

Bà có giọng *soprano*, trong và nghiêm. Có thể bà đã sống ở thủ đô từ lâu, vì nếu không phải một thời nào đó người ta đã đào tạo tôi thành nhà ngôn ngữ, thì tôi không thể nhận ra qua những nguyên âm của bà rằng có lẽ bà xuất thân từ vùng quê tôi. Tôi hỏi có đúng bà là người Hajdúság⁽¹⁾ không, tưởng bà sẽ mừng vì câu hỏi, nhưng bà chỉ gật đầu công nhận mình đến thủ đô từ Nádori, chính xác hơn là từ Csabadul, làng cận kề với Nádori, rồi bà đổi chủ đề ngay, như không muốn đi động đến vấn đề này. Cũng như nhiều việc khác, nhiều năm sau tôi mới vỡ lẽ ra rằng bà coi câu hỏi đó là nhiều sự và thóc mách, bà không có ý định hồi tưởng. Emerenc không học Heraclitus⁽²⁾, nhưng bà vẫn biết nhiều hơn tôi. Khi nào có thể là tôi lại lao về cái thành phố ngày xưa mà tôi đã rời bỏ, tìm cái đã mất, cái không thể lấy lại, tìm lại những ngôi nhà một thời đã đổ bóng xuống đời tôi, căn nhà của tôi một thời đã mất, và dĩ nhiên tôi chẳng tìm lại được gì, vì con sông mà giữa những giọt nước của nó cũng trôi dạt những giọt nước của cuộc đời tôi, nay đã uốn lượn ở phương nào. Emerenc khôn ngoan hơn, bà không đi tìm cái không thể, bà để dành sức lực vào việc có thể làm được gì cho quá khứ trong tương lai, nhưng dĩ nhiên mãi sau này tôi mới hiểu được tất cả những điều đó.

Ngày hôm ấy, khi lần đầu nghe tên hai địa danh: Nádori và Csabadul, tôi chỉ cảm thấy rằng vì lý do nào đó, hai từ này là

1. Vùng đồng bằng phía Đông-Bắc Hungary, cũng là quê hương nữ nhà văn Szabó Magda.

2. Heraclitus (khoảng 535 TCN - 475 TCN): nhà triết học duy vật Hy Lạp cổ đại, tác giả câu nói “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”.

cầm ky, tôi đừng nên nhắc tới. Được, nếu vậy chúng ta hãy nói về những chuyện thực tế. Tôi tưởng chúng tôi sẽ thỏa thuận lương tính theo giờ làm việc, như thế có lợi hơn đối với bà, nhưng trước mắt bà còn chưa muốn quyết, bà bảo bà sẽ quyết định xem tôi sẽ phải trả bà bao nhiêu, sau khi bà đã biết về chúng tôi: cầu thả, lượm thuộm đến mức nào, và có bao nhiêu việc phải làm ở nhà tôi. Bà sẽ thu lượm thông tin về chúng tôi - không phải từ người bạn học, vì người đó thiên vị, sau khi nhận đủ, ngay cả khi câu trả lời là không, bà cũng sẽ thông báo lại. Tôi chỉ biết nhìn theo bà, lúc bà bước đi, có một khoảnh khắc cảm động khi tôi chợt nghĩ bà là một người đàn bà không bình thường, có lẽ tốt hơn cho tất cả là bà đừng nhận việc, còn chưa muộn để gọi với theo bà, nói với bà rằng tôi không cần người làm nữa. Nhưng tôi không gọi.

Một tuần sau bà quay lại, tất nhiên giữa chừng tôi gặp bà trên phố không chỉ một lần, nhưng bà chỉ chào rồi đi lướt qua chúng tôi, như người không muốn đi đến quyết định vội vàng, cũng không muốn đóng chặt lại cánh cửa còn chưa mở một cách vô nghĩa. Khi bà bấm chuông cửa, thấy bà mặc lễ phục, tôi hiểu ngay bộ trang phục có nghĩa gì, tôi lúng túng đứng cạnh bà trong bộ đồ tắm nắng hờ hang. Bà mặc bộ đồ đen, áo vải tốt dài tay, đi giày da sơn, và như thế tiếp tục cuộc nói chuyện hôm trước, bà bảo hôm sau bà sẽ bắt đầu công việc, và đến cuối tháng bà có thể nói lương tháng của bà là bao nhiêu. Trong khi bà nhìn chăm chăm lên đôi vai để trần của tôi, tôi mừng vì ít ra bà không thấy điều gì đáng quở trách ở chỗ tôi, ông mặc áo complet, thắt cravat ngồi trong cái nóng ba mươi độ, ngay trong tiết nóng nực ông cũng không khi nào thay đổi các thói quen đã hình thành ở nước Anh trước chiến tranh. Bên cạnh tôi, hai người ăn mặc như thế muốn làm gương cho cái

cộng đồng nguyên thủy chỉ họ mới cảm nhận được, trong đó có tôi, và muốn dẫn dắt tôi tới sự tôn trọng về bề ngoài thích hợp với phẩm giá cao thượng của con người. Nếu một khi nào đó, trên thế giới này, có người giống với Emerenc về mặt các chuẩn mực nhất định, thì đó là chồng tôi, rõ ràng chính vì vậy mà trong một thời gian khá dài họ không thể cảm thông thực sự với nhau.

Bà đưa tay cho cả hai chúng tôi, khi khác, nếu có thể, bà thường tránh động chạm vào tôi, khi tôi đưa tay ra, bà xua những ngón tay tôi như xua ruồi, nhưng tối hôm ấy không phải bà *đến* nhà chúng tôi, điều đó không xứng đáng hay phải lẽ: Emerenc đã *hiện diện* ở nhà chúng tôi. Lúc về bà chào chồng tôi thế này: “Chúc ông chủ ngon giấc!” Ông nhìn theo bà. Trên trái đất này không có ai ít thích hợp với từ này hơn so với ông. Bà gọi chồng tôi như thế đến tận lúc chết, phải lâu lắm ông mới quen với cách xưng hô ấy và đáp lời bà.

*

Không có thỏa thuận về việc Emerenc sẽ làm việc bao nhiêu thời gian trong nhà chúng tôi, cũng như về giờ giấc bà đến. Có khi cả ngày chúng tôi không nhìn thấy bà, nhưng đến mười một giờ đêm thì bà xuất hiện, bà không vào các phòng trong, nhưng bà dọn bếp và buồng để đồ ăn đến tảng sáng, cũng có khi chúng tôi không thể dùng buồng tắm suốt một ngày rưỡi, vì bà ngâm tắm trong bồn tắm. Thời gian làm việc thất thường của bà đi đôi với hiệu quả đáng kinh ngạc, bà làm việc như một cái máy, không thương xót bản thân mình, bà nâng những đồ gỗ người khác không thể nhắc nổi. Trong sức làm việc và sức khỏe của bà có điều gì đó *siêu nhân*, gần như

đáng ngại, hơn thế nữa, thực ra bà không có nhu cầu phải nhận ngân ấy công việc, có thể nhận thấy bà sống hết mình cho công việc, bà thích làm việc vì không biết làm gì với thời giờ rỗi rãi. Tất cả những gì bà làm không hề sơ suất, bà im lặng đi lại giữa các phòng, chẳng những không thân mật hay tò mò, mà còn tránh mọi cuộc chuyện trò không cần thiết. Bà đòi hỏi nhiều so với tôi nghĩ, nhưng bà cũng cho nhiều. Nếu tôi báo có khách, hay bất chợt có ai đến, bà thường hỏi tôi có muốn bà giúp gì không, đa phần những lúc như thế tôi khước từ đề nghị của bà. Tôi không muốn bạn bè biết: tôi không có tên ngay trong nhà mình. Emerenc chỉ tìm ra cách xưng hô với chồng tôi, tôi chẳng là nữ nhà văn, cũng chẳng là bà chủ, bà không xưng hô với tôi cho tới khi bà có thể xếp tôi vào đúng chỗ trong cuộc đời bà, cho tới khi bà nhận ra, đối với bà, tôi là ai, và cách gọi nào hợp với tôi. Tất nhiên, ngay cả trong chuyện này bà cũng đúng, vì nếu không có một thái độ nào đó thì mọi định nghĩa đều không chính xác.

Emerenc, đáng tiếc, hoàn hảo về mọi mặt, đôi khi đến khó chịu. Khi nghe những lời khen rụt rè của tôi, bà không che giấu rằng bà không muốn nghe sự phản hồi thường xuyên, chúng tôi đừng khen bà, bà tự biết rõ khả năng của mình. Bao giờ bà cũng mặc màu xám, chỉ ngày lễ hay các dịp đặc biệt mới mặc màu đen, hằng ngày bà thay đổi tạp dề để giữ quần áo cho sạch, bà ghét khăn tay bằng giấy, chỉ dùng khăn vải đã là cứng gòn màu trắng tinh. Tôi gần như sung sướng khi phát hiện ra dấu sao bà vẫn có những điểm yếu, chẳng hạn có khi nửa ngày dù tôi có hỏi han bất cứ điều gì, bà vẫn lặng thinh; khi trời sấm chớp, tôi nhận ra: bà sợ bão. Nếu thấy trời mưa rào, bà ném bất cứ thứ gì đang cầm trong tay, không một lời giải thích, bà lao về nhà, đóng kín cửa lại. “Bà già không thể không có tính

gàn dở,” tôi nói với chồng, nhưng ông chỉ lắc đầu. “Nỗi sợ hãi ấy vừa ít hơn vừa nhiều hơn sự gàn dở,” ông nói. “Chắc hẳn bà ấy có lý do, chỉ không phải là lý do mà theo bà có liên quan đến chúng ta, nhưng đã khi nào bà ấy nói điều gì thật sự quan trọng về bà chưa?” Như tôi nhớ: chưa bao giờ; Emerenc không phải loại lảm lời.

*

Bà đã làm ở nhà tôi hơn một năm, khi tôi định nhờ bà nhận giúp một gói quà được báo là sẽ đến vào chiều hôm ấy chồng tôi bận hỏi thi, còn tôi thì ông bác sĩ nha khoa chỉ có thể tiếp vào ngày hôm ấy. Tôi ghim một mảnh giấy lên cửa ra vào, nhắn người chuyển quà hãy tìm ai và ở đâu khi chúng tôi vắng nhà, rồi chạy sang nhà Emerenc, khi bà quét dọn tôi quên không nói việc định nhờ, bà vừa xong việc ở nhà tôi, chắc mới về đến nhà vài phút. Cánh cửa im lìm sau khi tôi gõ, nhưng từ bên trong lọt ra tiếng lục lọi. Tay nắm cửa nhà bà không nhúc nhích không phải là chuyện bất thường, chưa ai nhìn thấy cánh cửa nhà Emerenc mở, nếu khó khăn lắm mới khẩn nài được bà ra ngoài, thì ngay sau khi quay vào bà liền chốt chặt cửa lại, quanh vùng này mọi người đã quen với điều đó. Tôi gọi to vào trong, giục bà hãy nhanh lên, vì tôi vội đi có việc gì đó; thoát tiền đáp lại lời tôi vẫn là sự im lặng, nhưng khi tôi lắc tay nắm cửa, bà lao ra nhanh đến nỗi tôi sợ bà sẽ đánh mình. Đóng sập cửa lại phía sau, bà hét lên bảo tôi đừng có quấy rầy bà sau giờ làm, điều này không có trong tiền lương tôi trả bà. Tôi đứng đó trong nỗi ngượng ngùng, mặt đỏ tía tai vì tiếng hét lạ lùng không nguyên cớ, vì nếu bởi một lý do không thể phân tích nổi nào đó mà bà cảm thấy bị xúc phạm khi tôi động chạm đến còi

riêng tư của bà, thì bà vẫn có thể nói nhẹ nhàng hơn. Tôi lẩm bẩm nói ra việc tôi muốn nhờ, bà không đáp, cứ đứng trước mặt tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, ánh mắt như thể tôi vừa thọc dao vào cánh tay bà. Được. Tôi nhả nhận chào bà rồi quay về nhà, bỏ cuộc gặp ông bác sĩ nha khoa, chồng tôi bắt đầu ra khỏi nhà, chỉ tôi có thể ở nhà chờ cái gói. Đến đọc sách tôi cũng không có hứng, cứ đi lại vật vờ trong nhà, bản khoản không biết mình đã làm gì không phải, sao lại có sự chối từ quyết liệt, cảm giác như bà đã cố tình xúc phạm tôi, hơn nữa nó không đúng với tính cách của bà, người biết hành xử một cách hình thức đôi khi đến khó chịu.

Tôi ở một mình trong nhà khá lâu. Ngày hôm đó tôi tệ hết mức, cuối cùng gói quà cũng không đến, chồng tôi không về đúng giờ như thường lệ, sau khi hỏi thi xong ông còn ở lại với học trò, tôi đang giở xem một album ảnh thì nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ phía ngoài. Tôi không nghe tiếng chào quen thuộc, từ đó suy ra không phải chồng tôi về, Emerenc sang, người mà trong buổi tối khó xử này tôi chẳng muốn nhìn thấy chút nào. Bây giờ chắc bà đã trấn tĩnh - tôi nghĩ - và sẽ xin lỗi. Nhưng Emerenc không ngó vào phòng tôi, cũng chẳng nói năng gì, tôi nghe tiếng bà loay hoay trong bếp với cái gì đó, lát sau có tiếng khóa cửa, bà đã ra khỏi nhà. Khi chồng tôi về, tôi chạy ra bếp lấy đồ ăn bữa tối, hai cốc sữa chua, tôi thấy một đĩa thức ăn nguội trong tủ lạnh, những miếng ức gà màu đỏ hồng, một ai đó đã thái lát mỏng rồi xếp lại, với sự thành thực của một nhà giải phẫu. Hôm sau, tôi cảm ơn món ăn hòa giải đó và đưa lại chiếc khay đã rửa sạch, bà chẳng những không nói rất vui lòng hay chúc sức khỏe chúng tôi, mà chối bay cả khay thịt gà và không nhận lại chiếc khay sạch, đến nay tôi còn giữ. Mãi sau này, qua một cú điện

thoại, trong khi hỏi tìm gói quà không tới, tôi mới biết tôi đã hoàn công chờ cả buổi chiều, cái gói đã nằm ở ngăn giá dưới cùng trong buồng để đồ ăn, bà đã mang nó sang cùng món ức gà, vì bà đã chờ trước cổng, nói với người đưa thư đúng từng lời tôi nói, bà nhận gói quà rồi mất hút vào trong nhà, mà không nói với tôi. Đây là một tình tiết quan trọng trong cuộc đời chúng tôi, vì từ đó trở đi một thời gian dài, tôi cảm thấy bà già không bình thường, từ nay về sau chúng tôi phải tính đến đầu óc bất thường của bà.

Nhiều chi tiết củng cố thêm niềm tin của tôi, đặc biệt là thông tin tôi nhận được từ người thu phí - sống trong cùng một tòa nhà với Emerenc, xung quanh gọi ông là ông thợ bách nghệ, thời gian rảnh ông thường đục đẽo thứ gì đó - ông cho biết từ khi ông sống ở đây chưa bao giờ thấy một ai bước qua hiên nhà Emerenc, vì không khi nào bà cho khách vào phòng mình, và bà cũng rất ghét ai bất chợt gọi bà ra khỏi nhà. Bà nuôi mèo trong nhà, không cho chúng ra ngoài, đôi khi người ta nghe tiếng mèo kêu, nhưng trong nhà có gì thì không thể nhìn thấy, vì các cửa sổ bị bịt kín bởi các tấm ván chẳng khi nào mở. Ngoài những chú mèo, bà còn cất giữ gì trong nhà, ai mà biết được, dù nếu có cửa quý, kín cửa không phải là cách hay, làm thế bất cứ ai cũng có thể nghĩ bà giấu của nả, rồi sẽ có lần bà bị đập vì thế. Bà không đi đâu xa, bất quá có đám tang ai quen bà mới đi đưa tiễn người ấy tới nơi an nghỉ cuối cùng, nhưng lần nào bà cũng vội vàng về, như thể bà sợ mỗi hiểm họa thường xuyên nào đó. Tôi đừng lấy làm phiền lòng nếu không vào được nhà bà, đến cả người cháu, con trai ông em Józsi của bà và ông trung tá bà cũng chỉ tiếp ở hiên phía trước cửa, đồng cũng như hè. Hai người cũng chấp nhận việc vào nhà trong bị cấm kỵ, nhưng họ chỉ cười, họ đã quen.

Tôi cảm nhận được bức chân dung khá đáng sợ qua câu chuyện, vì vậy tôi càng lo lắng hơn. Sao lại có thể sống khép mình đến thế? Và tại sao bà không cho lũ mèo ra ngoài, nếu nuôi chúng, vì ngôi nhà có một khu vườn quây rào riêng? Cho tới lúc đó tôi thực sự nghĩ đầu óc bà có vấn đề, tới khi một hôm từ bài thuyết giảng dài dòng thi vị của một người hâm mộ thường xuyên của bà, vợ góa của ông kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, tên là Adélka, mới vỡ lẽ ra rằng chú mèo đầu đàn một thời của bà là tay thợ săn cừ khôi, nó đã xé tan nát đàn bồ câu của một lão nuôi bồ câu chuyển đến ở đó trong thời gian chiến tranh. Lão đã giải quyết triệt để vấn đề, vì khi Emerenc phân tích mèo không phải là giáo sư đại học để có thể thuyết phục nó bằng lời, và đáng tiếc trong bản năng của nó, dù cho ăn no, nó vẫn thích giết chóc; lão kia không yêu cầu Emerenc khóa kín con mèo trong nhà, lão tóm được nó và treo cổ chú thợ săn lên tay nắm cửa nhà bà Emerenc. Lúc bà về, đứng lặng trước thi thể đã dãn ra của con mèo, lão còn lên lớp một bài rất hay: đáng tiếc là lão buộc phải dùng phương pháp đã chọn để bảo vệ nguồn thức ăn duy nhất và nguồn sống của gia đình lão.

Emerenc không nói gì. Bà tháo con mèo khỏi sợi dây thép, vì người tử hình không dùng dây sợi thường, mà dùng dây thép, xác con mèo đực nom rất ghê, mồm nó há hốc, bà già vùi nó trong vườn, rồi đem chôn vào sát mộ ông Szloka, do việc đó bà đã bị lôi thôi, vì kẻ giết mèo đã báo cảnh sát, may là rồi vụ việc cũng xuôi. Nhưng mọi việc cũng chẳng mang lại điều tốt lành cho người nuôi chim câu, lão không thể cãi nhau với Emerenc, bà không thèm để mắt đến lão, nếu có việc gì chính thức cần nói, bà đàm phán qua đường sứ giả, bà nhún qua ông thợ bách nghệ, ngược lại, như thể có một tình đoàn kết đen

tối cấu kết các loài vật, đàn bồ câu thay nhau lăn ra chết. Khi đó cảnh sát lại đến: ông trung tá thường đến thăm bà, lúc ấy ông mới là chuẩn úy. Lão nuôi chim câu tổ cáo Emerenc đánh thuốc độc, nhưng khi giải phẫu người ta không tìm thấy độc tố trong dạ dày chim câu chết, bác sĩ thú y quận xác định lũ chim chết vì dịch do một loại virus lạ, chim bồ câu của người khác cũng chết, không nên quấy nhiễu hàng xóm và cả nhà chức trách vì những chuyện không đầu như thế.

Cả khu nhà hợp lực chống lão nuôi chim câu, cặp vợ chồng có uy tín nhất, vợ chồng ngài Brodarics nộp đơn lên hội đồng, phàn nàn giấc ngủ của họ bị quấy rầy bởi tiếng gù sớm mai thường xuyên của lũ chim, ông thợ bách nghệ thì báo lên là lũ chim luôn xả xú uế xuống ban công nhà ông, bà kỹ sư phàn nàn các triệu chứng dị ứng của bà là do lũ chim câu gây ra. Hội đồng tuy không buộc lão nuôi chim phải tiêu hủy đàn chim, nhưng cảnh cáo lão. Dân cư trong nhà thất vọng vì muốn trừng phạt tội giết chết con mèo của Emerenc, một sự trừng phạt thật sự.

Sự trừng phạt cũng đã tới: lão đao phủ tiếp tục thất bát, đàn chim mới mua của lão lại lăn ra chết một cách bí ẩn như đàn trước. Lão lại thử trình báo một lần nữa, lần này viên chuẩn úy không cho kiểm tra y tế nữa, mà mắng lão một trận nên thân vì phiền nhiễu phòng cảnh sát dù sao cũng đã quá tải với công việc. Từ đó lão rút ra kết luận cuối cùng, lão đứng trước nhà nguyện rửa Emerenc một hồi, hành động cuối cùng, dù không thể chứng minh nổi, là lão giết thêm một con mèo nữa của bà, rồi chuyển nhà ra vùng ngoại ô xanh. Sau khi chuyển đi, lão còn hành nhà chức trách nhiều lần bằng các tội đổ lên đầu bà quản gia. Emerenc đương đầu với những lời kết tội đó bằng sự vui vẻ hòa nhã và hài hước khôn khéo đến nỗi

hội đồng và phòng cảnh sát đều quý mến bà. Không một đơn từ khiếu kiện nào để lại hậu quả, người ta đã quen với việc bà già thu hút đơn từ tố cáo nặc danh như ngọn núi có nam châm hút sắt. Cảnh sát mở một hồ sơ riêng cho Emerenc, lưu đủ loại giấy tờ, họ chỉ phủi tay khi có thư mới đến, không có tay cảnh sát mới vào nghề nào không biết đến vốn từ, đến cách diễn đạt vòng vo, cầu kỳ kiểu ba róc của lão nuôi chim câu. Thỉnh thoảng một viên cảnh sát lại đến nhà bà, chỉ để uống một tách cà phê, trò chuyện với Emerenc. Ông trung tá leo dần lên nấc thang cấp bậc coi bà như chỗ thân tình, mỗi khi có lính mới lại dẫn đến giới thiệu với bà. Emerenc chuẩn bị xúc xích, bánh *pogácsa*⁽¹⁾, bánh *palacsinta*⁽²⁾, tùy theo sở thích từng người, bà khiến tất cả những chàng cảnh sát nhà quê nhớ tới làng xóm, tới bà nội bà ngoại, tới gia đình họ ở xa. Họ cũng chẳng làm bà bức mình bằng việc nói cho bà biết trong sổ các tội trạng người ta tố giác bà có cả những việc như bà đã giết và cướp đoạt tài sản của người Do Thái trong thời kỳ chiến tranh, bà là gián điệp Mỹ, bà chuyển các thông điệp mật, bà đầu cơ tích trữ, giấu báu vật trong nhà. Thật ra tôi chỉ yên tâm sau lời kể của Adélka, nhất là khi tôi phải đến phòng cảnh sát vì mất chứng minh thư. Ông trung tá đi ngang qua sảnh đúng lúc tôi đọc dữ liệu cá nhân, ông chú ý đến tên tôi, mời tôi vào phòng ông ngồi trong khi người ta làm chứng minh thư mới. Tôi chắc ông quan tâm đến tôi vì biết đến công việc của tôi, nhưng hóa ra tôi nhầm. Ông không muốn nghe về điều gì khác ngoài hỏi xem Emerenc thế nào, làm gì, qua bà

1. Pogácsa: một loại bánh bột trộn với mỡ, bơ hay tóp mỡ rồi viên tròn, nướng trong lò.

2. Palacsinta: bánh bột trộn với sữa, trứng tráng mỏng hình tròn, sau đó phết sô cô la hay mứt hoa quả, sữa chua và cuộn lại.

ông biết bà đã giúp việc cho cả hai vợ chồng tôi, và ông muốn biết cô bé gái con người cháu của bà đã ra viện hay chưa. Tôi thậm chí không biết đứa bé tồn tại trên đời.

Tôi nghĩ ban đầu tôi sợ Emerenc. Bà đã lo lắng cho chúng tôi hơn hai chục năm, nhưng trong năm năm đầu tiên có thể dùng khí cụ chính xác để đo được mức độ bà cho phép trong việc giao tiếp với chúng tôi. Tôi là dạng dễ kết bạn, tôi thích trò chuyện với cả những người lạ, Emerenc chỉ hạn chế trong việc thông báo những gì cần thiết nhất, bà chú ý làm việc cẩn thận và nhanh, vì lúc nào bà cũng có vô khối việc và chương trình. Cả hai mươi tư giờ trong ngày của bà chặt kín, và trong khi bà chẳng cho ai vào trong bốn bức tường nhà bà, tin tức vẫn đồn đến cửa nhà, khu hiên trước nhà giống như một phòng điện báo, người ta thông báo mọi tin tức ở đây, tin báo tử, tin về các vụ bê bối, tin vui, thảm họa. Chăm sóc người bệnh mang lại cho bà niềm vui, gần như ngày nào tôi cũng gặp bà trên phố, bê khay thức ăn đầy kín; nhìn hình dáng của chúng, tôi biết bà mang thứ gì, bà đem thức ăn cho bất kỳ ai mà thông tấn xã vừa hề cho biết người ấy cần đến thức ăn để bồi bổ. Bao giờ Emerenc cũng biết ở đâu cần đến bà. Bà gây cảm tình giỏi đến nỗi người ta biết có thể mở lòng với bà mà không hy vọng ở bà sự tin cậy ngược lại, trong khi họ biết rằng họ chỉ nhận được từ bà những lời nói tầm thường hay những sự việc ai cũng đã biết. Bà không quan tâm đến chính trị, đến nghệ thuật cũng hoàn toàn không, bà không am hiểu thể thao. Bà nghe những chuyện chê vợ bỏ chồng ngoài phố, nhưng không lên án. Bà thích nghe thời tiết nhất, vì nó quyết định những chuyến ra thăm nghĩa địa của bà, liệu trời có bão hay không, như tôi đã nói bà sợ bão. Thời tiết không chỉ quyết định những sự kiện có thể coi là xã hội, mà cả thời gian biểu mùa thu, mùa đông của

bà, khi trời bắt đầu trở lạnh, mưa tuyết trở thành nhà độc tài chi phối thời gian của bà. Bà quét tuyết phía trước hầu hết các nhà trong khu vực, đến nghe đài bà cũng chẳng có thời gian, chỉ về đêm và sáng sớm. Khi ở ngoài đường bà nhìn sao đoán trời hôm sau sẽ thế nào, bà biết chúng, bằng những tên gọi mà tổ tiên bà đã gọi các vì tinh tú, độ mờ tỏ của chúng nói trước cho bà biết sự thay đổi thời tiết ngay cả khi chưa có dự báo chính thức. Bà nhận quét tuyết cho mười một tòa nhà, nếu trời gió mạnh, bà quần mình lại đến không thể nhận ra, nom bà như một con búp bê giẻ rách khổng lồ; thay vì giày da bóng lộn, khi đó bà đi ủng làm việc. Những năm mùa đông khắc nghiệt, có cảm giác Emerenc chẳng khi nào ở nhà, chỉ ở ngoài đường, có lẽ bà chẳng cả ngả lưng như người trần tục khác. Điều này thật đúng như vậy: Emerenc chẳng khi nào nằm ngủ tử tế, bà chỉ thay quần áo sau khi tắm rửa, trong đồ nội thất của bà thiếu hẳn chiếc giường, bà chỉ gà gât chợp đi chốc lát trên chiếc ghế tựa đôi nhỏ, còn gọi là “ghế tình nhân”. Bà khẳng định cứ nằm xuống là bà cảm thấy mệt mỏi, chỉ có ngồi thì cái sống lưng hay đau của bà mới có chỗ tựa thích hợp, khi nằm bà cảm thấy chóng mặt, bà không cần đến giường.

Những ngày tuyết rơi nhiều, tất nhiên ngay cả trên ghế tựa bà cũng không được nghỉ, khi quét xong đến nhà thứ tư thì trên vỉa hè trước nhà thứ nhất tuyết đã phủ dày, bà cứ chạy hết nhà này đến nhà khác trên đôi ủng cỡ to với chiếc chổi bó bằng cành bạch dương còn to hơn. Chúng tôi đã quen, những ngày tuyết trắng như thế bà chẳng ngó ngang đến chúng tôi; tôi không nhắc nhở bà, nhắc làm gì, lý lẽ không nói ra của bà thật rõ ràng: chúng tôi có mái che trên đầu, bà thường dọn dẹp tử tế, đến lúc có thời gian bà sẽ làm bù mọi việc, hơn nữa cúi xuống ngẩng lên đối với tôi cũng chẳng hại gì.

Ngay sau khi tuyết ngừng rơi, Emerenc lại xuất hiện, bà dọn dẹp nhà cửa đầu vào đấy, rồi không một lời giải thích, bà để lại trên bàn ăn món bánh nướng hay một khay bánh mật. Hãy hiểu rằng món ăn đưa lên này mang thông điệp giống như món ức gà lát mỏng hôm bà vô cớ nổi nóng: “Các người đã ngoan ngoãn,” cái khay bánh nói, như thể chúng tôi là lũ học trò, và làm như ở nhà tôi mọi người không ăn kiêng, “trẻ con ngoan thì được thưởng.”

Làm sao trong một cuộc đời duy nhất có thể dồn nén bấy nhiêu cuộc đời, tôi không biết, nhưng Emerenc không bao giờ ngồi không, khi trong tay bà không cầm chổi, chắc chắn bà đang bê khay thức ăn đi đâu đó, hoặc đi tìm chủ nhân của một con vật nuôi bị lạc, nếu không tìm được bà sẽ cố gửi nó cho một ai đó nuôi, thường là bà thành công, nếu không thì dù là chó hay mèo, chúng bỗng nhiên biến mất khỏi khu vực, như thể chúng chưa từng lang thang đói khát quanh những thùng rác.

Bà làm việc nhiều, làm ở nhiều nơi, kiếm được nhiều tiền, nhưng không bao giờ nhận tiền bo dưới bất kỳ hình thức nào. Điều này thì tôi còn có thể hiểu được, nhưng tại sao bà từ chối quà tặng thì tôi không sao hiểu nổi. Bà chỉ thích cho người khác, nếu người ta muốn gây bất ngờ cho bà bằng món quà gì đó, bà không cười mà nổi cáu thật sự. Trong nhiều năm tôi thử đi thử lại, biết đâu chả có lần bà nhận quà tặng của tôi, nhưng vô ích, bà cáu kỉnh bảo việc bà làm không cần trả thêm. Tôi cảm thấy bị xúc phạm, cất chiếc phong bì đi. Chống tôi cười bảo tôi đừng có muốn lấy lòng Emerenc, đừng có cố thay đổi tình trạng đã hình thành. Đối với ông, cái bóng ẩn hiện ấy rất thích hợp, tuy bà xuất hiện ở những thời điểm không thể tưởng tượng nổi và chẳng theo

quy luật nào, nhưng bà làm mọi việc trong nhà chúng tôi, và chẳng nhận thêm gì, dẫu chỉ một tách cà phê. Emerenc là người giúp việc lý tưởng, tôi hãy tự trách mình, nếu đối với tôi bà làm việc tốt chưa đủ, nếu với ai tôi cũng muốn sống gần gũi về mặt tinh thần. Một sự nhận biết không dễ dàng: cũng như với tất cả mọi người, vào đạo đó, Emerenc đã quyết định không gần gũi cả với chúng tôi.

ANH EM CHRIST

Đúng là bà chẳng để ý đến chúng tôi trong nhiều năm, rồi bỗng nhiên bà thay đổi, khi chồng tôi ốm thập tử nhất sinh. Tôi có thể nhận thấy rằng bà chẳng may mắn để tâm gì đến những việc xảy ra trong nhà tôi, tôi biết chắc nếu có nói với bà sự thật khủng khiếp kia thì bất quá chỉ nhờ cậy được ở bà một khay thức ăn an ủi là cùng, nên tôi không nói gì với bà, cứ thế đưa người ốm đi mổ áp xe phổi, chẳng một ai trong khu nhà hay quanh vùng biết, kể cả bà cũng không biết chúng tôi đi đâu. Bà không hề biết chuyện gì đã xảy ra, bà cũng không biết người ta đã làm các xét nghiệm trước khi mổ, cuối cùng khi tôi quay về nhà, bà đang ngồi trên ghế bành đánh bóng đồ bạc, với một gói thìa nhỏ trong tạp dề. Ca mổ kéo dài gần sáu tiếng, ai đã nhìn chiếc đèn hiệu gắn trên cửa phòng mổ và biết rằng người bệnh có thể không bao giờ tỉnh dậy nữa, không cần giải thích cũng có thể biết tôi bước vào nhà trong trạng thái như thế nào. Lần đầu tiên Emerenc đã trải qua cảm giác bị tôi bỏ qua không cho biết về tình huống quan trọng nhất của đời mình, và tôi chỉ thông báo với bà tình hình hiện tại, không nói đến những chi tiết cụ thể. Bà nhìn tôi: tôi đã loại bà ra khỏi sự sợ hãi của mình trước một ca mổ có thể gây tử vong, như loại một người dưng. Bà trách, không phải là bà bị xúc phạm, bà nổi nóng. Tôi đáp, cho đến lúc đó tôi nhận thấy bà đâu có để ý đến cuộc sống của chúng tôi, làm sao tôi biết những cảm xúc của bà lại bị ảnh hưởng vì những gì xảy ra với chúng tôi, tôi

cảm phiền bà để tôi ở lại một mình, hôm nay tôi muốn đi ngủ sớm sau một ngày không dễ dàng gì, và chưa biết mọi chuyện sẽ ra sao. Emerenc đi ngay, tôi nghĩ có khi bà đi hẳn, tôi đã xúc phạm bà, nhưng chừng nửa tiếng sau bừng tỉnh từ một giấc mơ chập chờn, hỗn loạn, tôi thấy bà lại đang lục lọi trong nhà, rồi bà xuất hiện với một cốc nước bốc hơi.

Đúng là một tác phẩm nghệ thuật làm bằng thủy tinh dày, màu xanh ngọc, chạm khắc hai bàn tay theo hình trái xoan, trên cổ tay phụ nữ có vòng đeo tay, trên cổ tay đàn ông có đường ren trang trí, hai bàn tay đỡ một tấm bảng vàng từ hai phía, trên bảng là dòng chữ bằng men sứ màu xanh: TOUJOURS⁽¹⁾. Tôi cảm phần để nhắc nó lên đưa về phía ánh sáng, một thứ nước có mùi đinh hương, sẫm màu, bốc hơi nghi ngút.

“Uống đi!” bà bảo. Tôi không muốn uống, tôi chẳng muốn gì ngoài sự yên tĩnh.

“Uống đi!” bà nhắc lại, như nói một đứa trẻ hư khó bảo. Khi thấy tôi đặt cái cốc xuống và không mở miệng, bà cầm cái cốc lên, rồi vẩy vào chỗ hở trên ngực áo tôi chút vang nóng khiến tôi hét lên. Bà nhẹ nhàng nắm lấy một bên tay tôi, gí sát chiếc cốc vào miệng, nếu không muốn bà đổ lên người, tôi buộc phải nuốt. Đó là thứ nước uống tốt nhất thế giới, dù nóng kinh khủng, năm phút sau tôi hết run. Lần đầu tiên Emerenc ngồi xuống cạnh tôi trên chiếc trường kỷ, lấy chiếc cốc không khỏi tay tôi, rồi bà cứ ngồi thế, như muốn đợi tôi cất tiếng, nói về sáu giờ đồng hồ mà bà chưa biết và những gì tiếp theo sau đó. Tôi không nói được, không diễn tả nổi những điều đã xảy ra, hay khiến bà cảm nhận được nỗi lo sợ

1. Toujours (tiếng Pháp): luôn luôn, mãi mãi, đời đời.

của tôi trước đó. Thứ nước tôi uống cạn một hơi đã phát huy tác dụng, tôi biết thế vì tôi chợt thức dậy sau một giấc ngủ, và đèn vẫn sáng như khi tôi về nhà, chỉ có đồng hồ đã chỉ hai giờ đêm. Có thể bà đã lật giường tôi lên, vì tôi nằm trên trường kỷ với chiếc mền mùa hè, chắc bà lấy từ hộc giường ra. Trước đó, bà nói với giọng bình thường, không chút xúc cảm, rằng tôi không nên qua đêm với những ý nghĩ chẳng lành, đừng lo lắng, mọi việc rồi sẽ ổn, bà thường dự cảm thấy cái chết, hơn nữa quanh vùng không con chó nào báo điềm dữ, cũng chẳng chiếc cốc nào vỡ, cả bên nhà bà, cả trong bếp nhà tôi; dĩ nhiên, tin bà hay không là quyền của tôi, nếu tôi muốn cầu trời, bà sẽ đem cuốn *Kinh Thánh* đến, không nhất thiết phải trò chuyện với bà.

Khi đó tôi không còn nhớ tới món rượu vang đun nóng nữa, thậm chí cả việc bà đã thức trắng đêm bên tôi, tôi chỉ cảm thấy sự nhạo báng: bà lại châm chọc tôi. Chưa đủ sao, mỗi Chủ Nhật tôi phải đi đường vòng đến nhà thờ để tránh những lời gièm pha của bà? Biết giải thích cho bà thế nào khi bà chẳng muốn hiểu, đối với tôi kính Chúa có nghĩa là gì; có bao nhiêu người vô hình ngồi trên những hàng ghế xung quanh tôi, trải qua bao thế kỷ họ cũng đã cầu nguyện những điều giống như tôi; hay đó là giờ duy nhất tôi chắc chắn mình được giao cảm với cha mẹ tôi đã quá cố, trong sáu chục phút của buổi lễ cầu nguyện. Emerenc không hiểu, không chấp nhận, giống như thủ lĩnh một bộ tộc lạc hậu nào đó, bà phất cao bộ áo dạ hội đính trang kim sáng lấp lánh như lá cờ chiến về phía ngọn cờ chiến non của đời sống tín ngưỡng.

Bà đối lập với Giáo hội bằng sự cuồng tín gần như của thế kỷ 16, không chỉ với các cha cố, mà cả với Chúa và tất cả các nhân vật trong *Kinh Thánh*, ngoại trừ một nhân vật duy nhất là

Szent József⁽¹⁾, người bà đánh giá cao bởi nghề nghiệp của ông ta: sinh thời bố bà là thợ mộc. Khi nhìn thấy ngôi nhà nơi bà chào đời, tỏa ra vẻ kiêu hãnh lấp ló từ sau hàng rào cây, với mái dúp tựa trên hàng cột vững chãi tạo cảm giác vừa như một ngôi nhà nông dân kiểu ba rốc, vừa như một ngôi chùa vùng Viễn Đông, tôi đã cảm thấy một điều gì đó từ thị hiếu và tính cách của ông Szeredás József⁽²⁾, người đã trực tiếp vẽ mẫu ngôi nhà. Những cây *bò sữa*, như cách Emerenc gọi những cây tiêu huyền đã lớn xung quanh nhà, tán lá xòe rộng, quanh nhà rực rỡ một vườn hoa... Khi tôi đến đó, nó vẫn là ngôi nhà đẹp nhất làng Nádori, là xưởng mộc của hợp tác xã. Chủ nghĩa Voltaire⁽³⁾ của Emerenc không hợp logic, một thời gian dài tôi không hiểu nguyên nhân của nó, điều đó khiến tôi lúng túng, cho tới khi - với sự giúp đỡ của một người bạn khác của bà, một cô bán rau quả tên là Sutú - chúng tôi sắp xếp lại mọi tình tiết, và rõ đầu đuôi câu chuyện.

Sự bất bình đối với tôn giáo không diễn ra trong thời gian gồng mình dưới cuộc phong tỏa⁽⁴⁾, sự kiện cuối cùng của chiến tranh và đầu tiên của hòa bình, không phải là kết quả của triết lý hình thành giữa đồng tro tàn của một thế giới đổ nát, mà là sự trả thù sơ đẳng, thô sơ vì một gói quà gửi từ Thụy Điển. Những người bạn cùng đức tin của Emerenc nhận được quà cứu trợ từ Scandinavia. Cho tới lúc đó không ai để ý lắm tới tín ngưỡng của Emerenc, cũng chẳng thấy bà đi nhà thờ, vì lúc

1. Szent József tức thánh Giuse (tiếng Hung): nhân vật trong kinh *Phúc âm*, chồng của Maria, được coi là cha đỡ đầu hay cha về mặt pháp lý của Chúa Jesus.

2. Szeredás József: là tên thân phụ bà Emerenc.

3. Chủ nghĩa chống đề cao quyền lực của Giáo hội.

4. Đây là thời kỳ từ 3-11-1944, khi Hồng quân Liên Xô bắt đầu tấn công Budapest (đang bị phát xít Đức chiếm đóng) đến 13-2-1945, khi Budapest được giải phóng.

nào bà cũng làm việc, nhất là vào thời gian đầu, khi bà thường xuyên nhận giặt thuê, và xử lý nhiều quần áo bẩn nhất vào ngày Chủ Nhật. Trong khi người khác đi nhà thờ thì bà nhóm lò và bắt đầu xát xà phòng. Dĩ nhiên cái tin những người bạn cùng tín ngưỡng phương xa gửi quà tặng cho giáo đoàn đã đến tai bà, bà bạn Polett đã đến báo cho bà, và khi cuộc chia quà bắt đầu trong phòng cầu nguyện, thì Emerenc - người không khi nào có mặt trong nhà thờ - bỗng nhiên xuất hiện trong bộ lễ phục màu đen và chờ người ta gọi tên. Từ các ngôi nhà xung quanh mọi người đều biết bà, nhưng không ai nghĩ đến bà. Những phụ nữ được chỉ định đứng ra phát quà, những người phiên dịch cho các thành viên của phái đoàn Thụy Điển, lúng túng nhìn người đàn bà gầy guộc chờ đợi với vẻ mặt bất động. Họ hiểu ngay rằng dù bà không đi nhà thờ, nhưng rõ ràng bà là thành viên của giáo đoàn. Tuy nhiên, tất cả quần áo vải bông hay sợi đã được chia hết, chỉ còn lại mấy bộ áo dạ hội nằm dưới đáy rổ, những đồ thừa thải loại mà một người Thụy Điển làm từ thiện, chắc không tính đến tình hình ở đây, đã gửi đến. Họ không muốn bà phải ra về tay không, như sau này mới rõ, người ta hy vọng bà sẽ bán được chúng cho một nhà hát hay nhà văn hóa nào đó, hay có khi đổi lấy thức ăn, chứ họ không có ý giễu cợt bà. Nhưng Emerenc lại cảm thấy thối, bà ném bộ áo dạ hội xuống chân bà chủ tịch nhóm phụ nữ từ thiện, và từ đó trở đi không phải vì bận công việc, mà vì bà thể sẽ không đến nhà thờ ngay cả trong trường hợp ngoại lệ bà có một giờ rảnh rỗi. Trong ý thức của bà, những người phụ nữ làm từ thiện đồng nghĩa với Chúa và Giáo hội, và bà không bỏ qua một cơ hội nào có thể chạm chọc các nhóm mộ đạo, kể cả tôi bà cũng chẳng tha, nếu bà thấy trong ngày lễ trước buổi cầu nguyện nửa tiếng tôi cầm cuốn sổ thánh thi bước ra khỏi cổng.

Ban đầu tôi còn chưa biết câu chuyện về bộ áo dạ hội, tôi ngây thơ và vô tình hỏi bà có đi cùng tôi không. Bà bảo bà không phải là bà lớn để bôi xanh bôi đỏ mặt mũi rồi đến nhà thờ khoe mẽ bản thân, nếu không phải quét dọn trước nhà, thì bà cũng chẳng đi. Tôi kinh ngạc nhìn bà, vì ngay từ đầu đã rõ ràng là bà có người họ hàng trong *Kinh Thánh*, đó là Martha⁽¹⁾. Cả đời bà cũng làm lụng và giúp đỡ người khác, làm sao bà lại có thể hận Đấng Tối Cao đến thế? Khi biết lý do là bộ áo dạ hội, tôi phần nộ cật vấn về cách cư xử của bà, nhưng bà cười vào mặt tôi, cái cười chẳng hợp với bà chút nào, cả nước mắt, cả tiếng cười vui đều không phải là thế giới của Emerenc.

Bà bảo bà chẳng cần đến cha cố lẫn Giáo hội, cũng không đóng góp, bà đã nhìn thấy việc làm của Chúa trong chiến tranh. Bà chẳng trách cứ gì ông thợ mộc và con trai ông ta, họ chỉ là những người thợ, chỉ có thằng bé đã bị đám làm chính trị lừa dối, và khi nó trở thành cái gai trong mắt các thủ lĩnh, thì họ buộc nó dính vào một chuyện gì đó để có cớ giết nó. Người bà thương xót nhất là mẹ cậu ta, vì bà mẹ ấy không có lấy một ngày sung sướng. Điều kỳ lạ là con người đáng thương đó ngủ yên lần đầu tiên vào đêm thứ Sáu trước ngày lễ Phục sinh, vì cho tới ngày đó lúc nào bà cũng chỉ lo cho con trai. Tôi đành nhìn tia sét của Đức Chúa sẽ giáng xuống, trong lúc Emerenc thao thao bất tuyệt coi Christ là nạn nhân của một âm mưu chính trị, một nhân vật thất bại của một vụ án nguy tạo, người cuối cùng đã bước ra khỏi cuộc đời của Đức Mẹ Đồng Trinh suy sụp vì lo lắng cho con trai. Emerenc đã khiến tôi bị tổn thương, sung sướng vì điều đó, bà đặc ý nhìn theo

1. Martha: nhân vật trong kinh *Phúc âm*, là chị của Maria và Lazarus, ba chị em là chỗ tin cậy, thân tín của Jesus. Martha giỏi về việc nội trợ.

tôi ngẩng đầu đi về phía nhà thờ. Đó là lần đầu tiên tôi nghĩ con người kỳ lạ này, người được cho là không bao giờ quan tâm đến chính trị, đầu sao vẫn hấp thụ một điều gì đó qua những đường ống li ti bí ẩn của những ngày bình thường diễn ra trên đất nước này trong những năm sau chiến tranh, và tôi nghĩ cần phải tìm một cha cố làm thức tỉnh những gì rõ ràng đã từng có trong con người bà, nhưng tôi nhận ra bà sẽ chỉ lãng mạ ông ta mà thôi. Emerenc là người Cơ Đốc giáo, nhưng không có một linh mục nào thuyết phục nổi bà về việc này; không mảnh trang kim nào còn sót trên bộ áo dạ hội, nhưng những bụi phấn trang kim đã ăn sâu vào tâm trí bà.

*

Tất nhiên đêm hôm đó bà chỉ muốn chọc tức tôi, và thật lạ, điều đó lại khiến tôi trấn tĩnh, tôi nghĩ nếu bà cảm thấy nguy hiểm thì bà đã không trêu chọc tôi, nhưng ơn Chúa, bà đã làm thế. Tôi muốn dậy, nhưng bà không cho, bà bảo nếu tôi nghe lời, bà sẽ kể chuyện cho tôi nghe, chỉ cần tôi đừng cựa quậy, hãy nhắm mắt lại. Tôi xoay trở, Emerenc đứng tựa vào lò sưởi. Tôi biết về bà ít, chỉ sắp xếp những mảnh vụn thông tin trong những năm đó thành ảo ảnh, gần như chẳng có gì. Vào cái đêm siêu thực mà cuộc sống và cái chết nắm tay nhau đứng trong buổi rạng sáng mùa đông ấy, để xua đuổi những ý nghĩ run rẩy của tôi, Emerenc rút cuộc đã tự nói về mình.

‘Các con là những người anh em của Christ,’ mẹ tôi thường nói thế, vì cha tôi là thợ mộc, thợ mộc và thợ đóng tủ. Em trai ông, cũng là cha đỡ đầu của tôi, là thợ pho, nhưng ông chết ngay sau khi tôi được làm lễ rửa tội, ông là người khéo tay, cũng như mọi người trong gia đình Szeredás. Bố tôi là người

hiếu biết, điển trai nữa. Mẹ tôi thì đúng là một tiên nữ. Tóc vàng óng dài quét đất, bà có thể bước chân lên mái tóc, ông ngoại tôi rất tự hào về mẹ, ông không chịu gả mẹ cho người làm ruộng, khó khăn lắm mới đồng ý gả cho người làm nghề thủ công. Ông cho mẹ đi học trường dành cho con nhà khá giả và bắt cha tôi hứa không được bắt mẹ tôi làm lưng vất vả. Và ông cũng không bắt mẹ làm gì thật. Khi cha tôi còn sống, mẹ chỉ đọc sách, tuy giai đoạn ấy không kéo dài, vì lúc tôi chưa đầy ba tuổi thì cha tôi mất. Điều lạ là ông tôi thù cha vì cha dám chết, cứ như chính cha tôi muốn cái chết của mình, để chộc tức ông. Hơn nữa, chiến tranh nổ ra, mọi việc trở nên khó khăn hơn. Tôi không nghĩ lúc đầu mẹ tôi đã yêu ông đốc công, nhưng bà không điều hành nổi cái xưởng, thế là bà lấy ông ta. Bố dượng tôi không ưa sách, nhưng đó không phải là vấn đề chính, mà là mọi người đều bị gọi đi lính, và ông sợ sẽ đến lượt mình, dù ông sống với mẹ tôi cũng ổn, ông đối với chúng tôi cũng tử tế, ông không phải là người xấu, dù ông bắt tôi nghỉ học, và ông hiệu trưởng cũng tiếc, nhưng tôi phải nấu ăn cho thợ gặt, vì mẹ tôi làm không xuể, tôi lại phải dỗ hai đứa em sinh đôi, cha dượng tôi không bao giờ rầy la chúng, nhưng tôi không ngạc nhiên, vì nếu bà đã nhìn thấy hai thiên thần bé nhỏ, thì chúng chính là thế, cả hai đứa, chúng giống hệt mẹ tôi. Em trai Józsi⁽¹⁾ của tôi, bà biết con trai của cậu ấy đấy, người vẫn đến thăm tôi, chẳng giống ai trong chúng tôi chút nào hết. Tôi ít khi gặp Józsi, vì sau khi cha tôi mất, ông ngoại Divék bắt cậu ấy về ở với ông, cậu ở Csabadul nhiều hơn ở làng Nádori, chỗ chúng tôi. Người thân còn lại của mẹ tôi nay vẫn sống ở đó. Khi tôi bị buộc bỏ học, ông hiệu trưởng quát lên: thật đáng tiếc, một sự mất mát

1. Józsi: tên gọi thân mật của Józef.

lớn. Bố dựng tôi bảo kẻ nhúng mũi vào việc nhà người khác là đồ vô lại, đừng có kích động tôi, nếu không ông đánh vỡ đầu, ông đã lấy một bà góa với bốn đứa con, hơn nữa bất cứ lúc nào cũng có thể phải sung vào lính, bà vợ một mình không kham nổi công việc. Tưởng ông sung sướng lắm khi bắt tôi phải lao động à? Nhưng ông biết làm sao, không có đàn ông đỡ đần cả trong xưởng mộc, cả ngoài đồng. Nông phẩm thì người ta vẫn đòi phải nộp, dù sản phẩm thu hoạch được đem nuôi gia súc cũng chẳng đủ. Tóm lại là dựng cho ông hiệu trưởng một bài, còn tôi thì phải đi làm. Ông không phải là người ác, bà đừng nghĩ thế. Ông chỉ sợ, mà bà cũng biết đấy, khi con người ta sợ thì người ta có thể làm gì. Tôi không giận ông ấy, dù nhiều lần ông đánh tôi, vì lúc đầu tôi vụng. Chúng tôi có ruộng đất, nhưng cho tới lúc ấy tôi chẳng liên quan gì, tôi ra đồng để chơi, chứ không làm lụng. Bố dựng tôi sợ hãi chửi đồng vì giấy gọi cứ bay về như bướm bướm. Một buổi tối, khi tất cả đã yên tĩnh, tôi đã cho hai đứa trẻ sinh đôi đi nằm, cậu em trai Józsi của tôi lúc đó không còn ở nhà nữa mà ở bên ông ngoại, mẹ tôi bảo bố dựng đừng có nhắc tới việc mà ông sợ, vì nhắc lắm rồi thế nào nó cũng đến. Ông chỉ lắp bắp giải thích rằng ông đã đoán được, vì ông mơ thấy việc đó, nếu bị triệu tập, chẳng bao giờ ông còn nhìn thấy chúng tôi nữa. Và rồi ông không nhìn thấy chúng tôi nữa thật, ông là người Nádori bị bắt lính đầu tiên đã hy sinh.

“Mẹ tôi không biết làm gì với cái xưởng mộc, việc buôn bán gỗ cũng bị cấm, chẳng ai xây dựng, cũng chẳng có người làm, nhưng ban đầu bà tưởng không có đàn ông chúng tôi vẫn vượt qua được. Bà là con gái chủ trang trại, bà nghĩ mình biết làm ruộng, rồi một mình bà sẽ xoay sở. Giá như bà nhìn thấy mẹ tôi cực nhọc thế nào, tôi không phải là đứa trẻ ngốc, tôi đã giúp bà những việc tôi làm được, nhưng cũng chẳng ăn thua

gì, chín tuổi tôi đã nấu ăn cho cả nhà, đổ dành hai đứa trẻ. Khi được tin bố dưỡng tôi mất, tôi nhận ra bà đã yêu cả ông, bà khóc cả hai người, cha tôi và bố dưỡng tôi, chỉ có điều bố dưỡng không có mộ, mẹ tôi bắt đầu thấy cuộc sống không thể chịu đựng nổi. Bà dường như chỉ có loại người như bà mới có cảm xúc.

“Mẹ tôi mệt mỏi, bất lực và còn rất trẻ. Một hôm hai đứa bé quấy quá, tôi cũng chẳng ra sao, vì tôi cũng vẫn là trẻ con, và khi mẹ đánh vì tôi mãi chơi không làm xong việc bà giao, tôi định trốn đến Csabadul, chỗ cậu em Józsi. Ông tôi nuôi em tôi tử tế, có bất làm gì cũng chỉ gọi là. Tôi muốn đem cả hai đứa trẻ sinh đôi đi theo, rồi mẹ muốn làm gì thì làm, tôi biết đường, có thể đi bộ sang bên đó, vì làng Csabadul ở ngay bên cạnh.

“Thế là một buổi sáng sớm, ba chúng tôi đi, tôi bế trên tay hai đứa bé tóc vàng. Nhưng chúng tôi chỉ mới ra đến bãi gôm lúa ngoài cánh đồng thì hai đứa bé muốn ngồi xuống ăn, rồi chúng đòi uống nước. Tôi cầm chiếc ca sắt tây - lúc nào tôi cũng đeo ở cổ - chạy tới cái giếng nước cho gia súc. Tôi biết bọn trẻ hay đòi nước, ở nhà tôi cũng đeo ca bên người, chứ không nói lúc đi xa. Cái giếng nước ở gần hay xa tôi cũng không biết, một đứa trẻ thì biết gần xa thế nào. Đúng lúc tôi đến nơi thì gió bão nổi lên, chưa khi nào tôi thấy bão đến nhanh thế, vùng này chưa chứng kiến bầu trời rung chuyển dữ dội như thế, bão cũng chưa bao giờ tàn phá khủng khiếp như thế. Trong một khoảnh khắc, bầu trời thay đổi hẳn, không phải biến thành màu đen như lúc khác, mà là màu tím, tất cả cháy rừng rực, như lửa đốt trên các tầng mây. Sấm động, tiếng sấm chạy đuổi trên trời như muốn xé rách màng tai, nhưng tôi vẫn lấy dĩa ca nước, rồi lao trở lại, tìm những mái tóc vàng, nhưng tôi không thấy chúng đâu, mà thấy một tia sét đánh vào lùm cây trên đầu chúng.

“Khi tôi đến gần tất cả vẫn còn nghi ngút khói, cả hai đứa đã chết, nhưng tôi không đoán ra có phải tôi nhìn thấy chúng nó hay không, vì chẳng còn hình thù gì giống con người. Khi đó mưa đã bắt đầu ập xuống, nước mưa dính chặt vào tôi như mỡ hôi. Tôi cứ đứng lặng trước thi thể hai đứa em, một trai một gái, tôi thấy hai cái bó đen sì như khúc gỗ cháy thành than, cong queo, bé nhỏ. Tôi cứ đứng như kẻ mất hồn, quay đầu nhìn hết chỗ này chỗ khác xem hai đứa trẻ tóc vàng biến đi đâu, vì những hình thù kia không thể là các em tôi. Bà có ngạc nhiên là mẹ tôi nhảy xuống cái giếng nước cho gia súc hay không? Với mẹ tôi, chỉ còn thiếu nhìn thấy cảnh tượng đó nữa thôi, bà thấy tôi đang gào thét, như kẻ phát cuồng, tôi hét to đến mức khi cơn bão đã ngừng, tiếng kêu của tôi vang đến đường quốc lộ, tới tận nhà tôi. Mẹ tôi lao ra, chân trần, áo sơ mi, bà lao vào đánh tôi tới tấp, đấy là bà còn chưa biết tôi định trốn khỏi nước mắt, sự ỉu rù, lo lắng và than vãn không lúc nào dứt của bà. Bà chẳng biết mình đang làm gì, bà muốn đập phá trong cơn quẫn bách, bà đánh bất cứ ai bà túm được thế thôi, rồi khi hiểu ra vì sao tôi gọi, và nhìn thấy những đứa bé, nét mặt bà bỗng như bốc lửa, như một mũi tên, bà lao vút qua bên tôi trong làn mưa, kéo theo mái tóc dài xổ ra trên mặt đất, bà cứ chạy và rú lên, chỉ có loài chim mới kêu như thế. Nhìn thấy bà nhảy xuống giếng, nhưng tôi không nhúc nhích nổi, cứ đứng đấy bên cái cây và xác hai đứa bé. Sấm chớp đã ngừng, nếu lúc ấy tôi chạy đi gọi người đến giúp, có khi còn cứu được bà, nhà chúng tôi nằm bên đường quốc lộ, bãi gom lúa bắt đầu từ cuối khu vườn, nhưng tôi cứ đứng đó như bị thôi miên, đầu óc trống rỗng tê liệt, dù trán tôi đầm nước. Không ai yêu hai đứa bé như tôi, tôi cứ nhìn hai cái bó cháy đen, vẫn chưa thể tin mình có liên quan gì tới chúng; tôi không kêu cứu, cứ trân trân nhìn, lại nghĩ

không biết mẹ tôi làm gì dưới đáy giếng lâu thế. Bà đã làm gì, đã làm gì ư, mẹ đáng thương đã chạy trốn tôi, trốn cảnh tượng khủng khiếp và số phận của mình, với bà thế là quá đủ, thế đấy, có lúc người ta chỉ muốn kết thúc mọi chuyện.

“Tôi cứ đứng đó một lúc nữa, nhìn quanh, rồi lặng lẽ bỏ đi. Trong nhà chẳng có ai, tôi về nhà làm gì, tôi đứng bên quốc lộ, và bảo người đi qua đầu tiên hãy đến nói với mẹ tôi, vì bà đang ở dưới giếng, còn các em tôi, hai đứa tóc vàng đã biến khỏi gốc cây, và thế vào chỗ chúng là hai vật đen đen. Người hàng xóm lao đi, vì chính là ông ta vừa đến chỗ tôi, và cuối cùng chính ông đã giải quyết mọi việc. Tôi được gửi ở chỗ ông hiệu trưởng cho tới khi người ta đón ông ngoại tôi tới đưa tôi đi. Nhưng ông tôi không nuôi tôi, chỉ giữ em trai Józsi của tôi; khi từ Pest có người đến tìm con ở, ông liền giao tôi cho họ. Sau tang lễ họ đưa tôi đi ngay. Tôi chẳng hiểu gì về đám tang, dù lễ ra tôi còn có thể nhìn những người thân yêu lần cuối, vì hai chiếc quan tài để mở, hai đứa sinh đôi trong một chiếc và mẹ tôi trong chiếc kia. Hình hài mẹ tôi cũng khó hiểu như hai đứa bé, tóc chúng tan chảy hết, trên đầu chẳng có gì, thật ra chúng chẳng có đầu nữa, chúng khác hẳn những đứa trẻ khác, đến nỗi tôi không khóc được. Những gì diễn ra đối với tôi là quá nhiều, không thể chịu đựng nổi.

“Bà có biết tôi góp tiền làm gì không? Để xây một hầm mộ. To bằng cả thế giới, và đẹp như chưa từng có, mỗi cửa sổ một loại kính màu, trong đó là các giá đỡ, trên mỗi giá đỡ là một chiếc quan tài, mẹ tôi, cha tôi, hai đứa sinh đôi, tôi, nếu con trai cậu em Józsi của tôi không đổi ý, hai chỗ còn lại có thể là của bố con họ. Tôi đã bắt đầu tích góp từ trước chiến tranh, nhưng rồi cần dùng tiền vào việc khác, người ta xin để cho một nơi tử tế, tôi đã đưa cho họ, không vô ích. Tôi lại tiếp tục tích

góp. Rồi tôi bị cướp, nhưng tôi lại kiếm được khoản tiền mới, còn có tiền thường xuyên nữa, một người gửi từ nước ngoài, hơn nữa cả đời tôi chưa bao giờ thất nghiệp dù chỉ một ngày. Tiền đã đủ xây một nhà mồ, nếu đi dự đám tang nào đó, bao giờ tôi cũng xem có ngôi nhà mồ nào giống cái tôi dự định, nhưng chẳng có cái nào, cái của tôi phải khác của mọi người. Rồi bà sẽ thấy, ánh sáng lúc mặt trời mọc và lặn chiếu qua các cửa sổ màu sẽ in lên những chiếc quan tài những vệt sáng đẹp thế nào, những người thừa tự tôi sẽ cho xây căn nhà mồ mà ai đi ngang qua cũng phải dừng chân. Bà có tin không?”

VIOLA

Đối với tôi, nghiệm sinh điều này bao giờ cũng quan trọng: người có quan hệ gần gũi với tôi phải khiến tôi cảm nhận được nỗi vui mừng ở họ khi gặp lại. Về lãnh đạm hoàn toàn vào buổi sáng hôm sau của Emerenc không làm tổn thương lòng kiêu hãnh của tôi, mà làm tổn thương nhu cầu này, sau cái đêm kỳ lạ bà đã ở bên tôi và kể về thời niên thiếu của bà. Đêm ấy, lúc gần sáng tôi đã ngủ không phấp phồng và sợ hãi, cảm thấy thế giới đầy sao vẫn ổn, và không một phút nghi ngờ ca mổ sẽ thành công, vì câu chuyện Emerenc kể đã xua đi nỗi sợ hãi trong tôi. Cho tới lúc đó, một tấm khăn đã phủ kín mọi chi tiết quan trọng của đời bà, giờ đây bà trở thành nhân vật trung tâm của bức tranh đồng quê hoang dã, phía sau bà là nền trời đỏ rực, phía trước bà là hai thi thể đã cháy thành than, phía trên chiếc cần kéo nước giếng là tia sét khô khan. Tôi nghĩ có một điều gì đó giữa hai chúng tôi đã vĩnh viễn được hóa giải, Emerenc không còn là người đứng nữa, mà là bạn: bạn của tôi.

Tôi không nhìn thấy bà cả lúc thức dậy, cả lúc trên đường tới bệnh viện, nhưng thấy việc bà làm qua đoạn vỉa hè trước cổng đã được quét dọn sạch sẽ. Chắc bà đang đến những nhà khác, tôi tự giải thích với mình trong khi ngồi trên xe, tôi không cảm thấy hồi hộp, tim không nhói đau, cảm thấy chỉ có những tin lành chờ đón tôi trong bệnh viện, và đúng như thế. Tôi ở lại đến giờ ăn trưa, lúc về đã đói, nghĩ chắc bà đang ngồi trong nhà ngóng tin tôi mang về, nhưng tôi đã lầm. Tôi

phải đối diện với ấn tượng không thể quen nổi là không một ai tò mò muốn biết tôi bước vào nhà mình với tin vui hay buồn thế nào. Tổ tiên Neanderthal⁽¹⁾ của chúng ta chắc cũng đã biết khóc khi lần đầu tiên trải qua việc một mình kéo về nhà con bò rừng đã hạ thủ được, nhưng không có ai để chia sẻ ấn tượng chiến thắng, không có ai để khoe chiến lợi phẩm và những vết thương của mình. Căn nhà trống không, tôi vào hết các phòng để tìm bà, đơn giản là tôi không muốn tin rằng bà lại có thể ở nơi khác ngày hôm nay, khi bà còn chưa biết chống tôi sống hay chết; tuyết đã ngừng rơi, chắc chẳng có việc gì khiến bà phải ra đường lúc này. Nhưng chẳng thấy bà đâu, tôi vào bếp hâm nóng thức ăn, nhưng bỗng nhiên chẳng còn thấy muốn ăn uống gì nữa. Xét về lý, tôi biết mình không có quyền gì đòi hỏi ở bà, nhưng cái lý cũng không thể loại bỏ được tất cả: cảm giác trống vắng ủa tôi, cả sự thất vọng. Ngày hôm ấy Emerenc hoàn toàn chẳng dọn dẹp gì, tôi thấy cái mền vẫn ở trên trường kỷ như lúc tôi thức dậy. Tôi xếp dọn nhà cửa, rửa cả bát đĩa, rồi lại đến bệnh viện, hy vọng vào những tin tức tốt lành hơn. Cảm giác an toàn quay lại khiến tôi cứng rắn hơn, tôi định nếu gặp bà tôi sẽ không kể với bà một lời rằng các bác sĩ nói gì, sẽ không làm phiền bà bằng những chuyện riêng của tôi. Chắc bà cũng chẳng quan tâm. Có gì đảm bảo là bà đã nói thật vào cái đêm bà cho tôi uống rượu vang đun nóng ấy? Bà nói những chuyện không thể tin nổi, một khúc ba lát dân gian bằng văn xuôi, mà việc gì tôi phải lưu tâm đến Emerenc nhiều thế nhỉ, họa tôi có điên chẳng?

1. Người viễn cổ Neanderthal thuộc giống Người thông minh (Homo Sapiens), lần đầu tiên phát hiện được di cốt ở thung lũng Neanderthal thuộc nước Đức, sống cách ngày nay từ 20 đến 30 vạn năm.

Hôm ấy bà đến rất muộn, bà bảo tuyết lại sắp rơi, có thể ngày mai bà cũng không rảnh để dọn dẹp nhà, nhưng rồi bà sẽ làm bù. Ông chủ đã khá hơn, đúng không? Không quan tâm đến việc bà thông báo, cũng không để ý đến câu hỏi của bà, tôi lật giở một cuốn sách về bất cần, chỉ nói chống tôi vẫn còn sống, bà cứ đi đi, đừng bận tâm. Bà đi ngay thật, còn chúc tôi ngon giấc, nhìn thấy cốc sữa chua tôi để quên trong bếp bà cũng chẳng buồn ném vào thùng rác. Bà cũng không nhóm lửa. Đêm ấy bà không quay lại nữa, không có vang hâm nóng, cũng chẳng có chuyện kể. Mãi hai hôm sau bà mới quay lại, quét dọn nhà cửa rất cẩn thận, nhưng cũng chẳng hỏi xem ông chủ thế nào, chắc từ bản năng bà biết tình trạng của ông đã khá hơn. Bà không thích chuyện dông dài không cần thiết.

Sau hôm đó, bà ít đến nhà tôi hơn mọi khi, cuộc sống của mỗi chúng tôi đều được điều chỉnh bởi việc gì đó, của tôi là bệnh viện, còn của bà là lượng tuyết rơi. Tôi không tiếp khách, cũng hầu như không ở nhà. Gần đến Giáng sinh, tôi được đón chồng về nhà. Emerenc chào ông rất lịch sự, chúc ông bình phục hoàn toàn, và đúng theo cách thức của mình, bà mang đến cho người dưỡng bệnh một âu thức ăn. Lần này tôi nhìn kỹ cái âu, tôi đã không thể đón nó từ tay bà trên phố, khi chúng tôi gặp nhau. Cũng như chiếc cốc đựng rượu vang nóng bữa trước, chiếc âu cũng là một tác phẩm nghệ thuật, hình tròn, có hai tay cầm, đặt trên một đế tròn nhỏ. Trên nắp âu bằng sứ có hình lá cờ Hung, với chân dung và tên Kossuth⁽¹⁾. Bà mang cho chúng tôi món xúp thịt gà mái nổi vầng mỡ óng ánh. Thấy tôi cứ chăm chú chiêm ngưỡng cái âu, bà bảo nó rất tiện dụng, bà

1. Kossuth Lajos (1802-1894): chính khách nổi tiếng, một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Cách mạng và cuộc đấu tranh vì tự do 1848-1849 của Hungary.

được một bà chủ cho, bà Grossman, vào thời kỳ áp dụng Luật Do Thái⁽¹⁾. Trước đây nó không được dùng đựng thức ăn, mà là chậu hoa, nhưng dùng làm chậu hoa thật uống. Bà ấy có nhiều đồ sứ và đồ thủy tinh, cái cốc đựng rượu vang nóng cũng là di sản của bà Grossman.

Một di sản nhỏ quý báu nhỉ, tôi ghê tởm nghĩ, dầu sao tôi cũng đang khó chịu vì bà lại đông cứng trở lại khuôn mặt cũ, lại thêm hình dung cảnh tượng bà đang gói ghém trong căn nhà bề bộn, đã vắng chủ. Tôi đã trải qua những năm trước Thế chiến II trong những hoàn cảnh chính trị rất may mắn, giữa những người ngoại quốc thông thạo tin tức hơn hẳn môi trường Hungary ở trong nước. Nếu một khi nào đó tôi viết câu chuyện về giai đoạn đó của đời mình, những năm tháng người ta gần như không bao giờ nói tới, thì câu chuyện về tuổi trẻ của tôi sẽ không thiếu hấp dẫn, tôi biết những toa xe chờ gì, chờ đi đâu, với mục đích gì. Tôi muốn trả lại Emerenc âu thức ăn, nhưng không thể làm thế mà không giải thích lý do, điều đó sẽ làm chống tôi căng thẳng. Cho tới lúc đó tôi vẫn phải gương nhẹ, chỉ cho ông biết những thông tin chọn lọc từ đời sống, vì dù có ốm liệt giường ông cũng sẽ chồm dậy nếu biết người ta đựng thức ăn cho ông trong đồ đạc bỏ lại của một người xa lạ nào đó đã bị đẩy vào lò khí ga. Rõ ràng dạo đó Emerenc cũng nghĩ như bao nhiêu người khác, rằng nếu bà không lấy thì nó cũng sẽ có chủ khác. Thế là tôi cứ để cho ông mục đến giọt xúp cuối cùng, và trả thù bà bằng cách không nói cho bà biết: đó là

1. Ở đây nói đến điều luật về người Do Thái được chính phủ thân phát xít Hungary thông qua ngày 29-3-1944, quy định người Do Thái khi ra đường phải đeo ngôi sao vàng sáu cánh, hạn chế nhiều quyền lợi cơ bản của người Do Thái. Điều luật này cũng mở đầu cho việc đưa hàng loạt người Do Thái vào các trại lao động và tập trung, và việc tàn sát người Do Thái trên quy mô lớn, có tổ chức.
<http://tieulun.hopto.org>

lần đầu tiên ông ăn ngon miệng thật sự, dù Emerenc còn loay hoay trong bếp khá lâu, và mặc dầu bà hay từ chối, nhưng tôi cảm thấy lần này bà đặc biệt chờ nhận được lời khen. Tôi chẳng cả cảm ơn, chỉ đặt cái âu không xuống trước mặt bà, rồi quay về phòng ngủ. Tôi cảm nhận được ánh mắt bà phía sau lưng, tôi mừng vì lúc này bà không hiểu tôi có chuyện gì. Hiếu thắng, kiêu hãnh và hơi khinh bỉ, tôi cảm thấy đã tìm ra lời giải thích vì sao bà cấm không cho ai vào nhà bà. Sự ngờ vực của ông thợ bách nghệ là có lý, sau cánh cửa lúc nào cũng đóng kín có thể là của quý, các báu vật của những người đã bị giết hại, không thể trưng các đồ đạc đó ra, biết đâu người ta chẳng nhận ra thứ gì đó, và lúc đó thì Emerenc sẽ ra sao, lúc đó dù bà có gói ghém kỹ cũng vô ích, cũng không thể bán thứ gì đó mà tránh khỏi nguy hiểm. Một con người mới kỳ lạ làm sao! Gia đình Grossman đáng thương đến nỗi mà cũng không có, trong khi bà ta góp tiền để xây Taj Mahal⁽¹⁾! Thế mà bảo vì bà nuôi mèo bên trong nên không mở cửa! Liệu có phải bà nuôi một con vật nô lệ để chỉ làm vì, lý do không đến nỗi vụng về, nhưng chưa đủ, vì của hồi môn của gia đình Grossman chưa được nói tới trong câu chuyện truyền thuyết về bà.

Bà còn sĩ diện hơn tôi, dù có bị bất ngờ, bà không một lần hỏi lý do vì sao bỗng nhiên tôi lạnh lùng với bà. Chồng tôi không phải là người dễ gần, đặc biệt với bà, như tôi đã nói, dù không thể hiện bằng lời, nhưng trong nhiều năm, sự có mặt của bà già khiến ông khó chịu. Emerenc là một yếu tố mới gần với

1. Taj Mahal: là một lăng mộ nổi tiếng nằm tại Agra, Ấn Độ. Hoàng đế Shah Jahan (gốc Ba Tư, lên ngôi năm 1627, trong tiếng Ba Tư Shah Jahan có nghĩa là "chúa tể thế giới") đã ra lệnh xây nó cho người vợ yêu dấu của mình là Mumtaz Mahal đã qua đời khi sinh con gái thứ hai. Công việc xây dựng bắt đầu năm 1632 và hoàn thành năm 1648.

cả điều hay và dở, không thể đơn giản loại bà ra khỏi cuộc sống của hai chúng tôi. Không bao giờ bà mời chúng tôi thứ gì nữa. Lúc này tôi không còn cảm thấy như trước đó, rằng bà tự chủ, vì tôi tưởng đã khám phá ra bí mật của bà, tôi cũng không còn nghĩ bà khôn ngoan hơn người thường, vì hiện nay hay bất cứ lúc nào trước đây, nếu bà thông minh, thì sau năm bốn năm bà đã có cơ hội học hành. Nếu sau chiến tranh bà bắt đầu học, bây giờ bà có thể trở thành đại sứ hay bộ trưởng, nhưng bà không cần tới văn hóa, đầu óc bà chỉ chú tâm vào tích góp cho nhiều, và bây giờ bà làm từ thiện bằng đồ ăn cấp được, và làm tôi mê muội vào lúc nhạy cảm gần sáng bằng câu chuyện có khi nghe được của người hát rong ngoài chợ hay tìm được trong các tiểu thuyết rẻ tiền của ông bà vớt trên tầng áp mái. Bão và sấm chớp, rồi giếng nước, từng ấy thứ khó nghe, quá nhiều. Giờ đây sự thụ động về chính trị và sự thù hằn tôn giáo của bà cũng trở nên dễ hiểu, đúng là khôn ngoan hơn thì bà cũng chẳng nên xuất hiện trên diễn đàn nào, Budapest dù sao vẫn không nhỏ, biết đâu gia đình Grossman chẳng còn họ hàng. Có ai đó nghe tin về căn nhà lúc nào cũng đóng cửa của bà, có thể bắt đầu suy nghĩ và đi đến kết luận giống như tôi; hơn nữa, người như thế đến nhà thờ làm gì, loại người ấy thì tin vào điều gì.

Mùa đông năm ấy khắc nghiệt, Emerenc nhiều việc. Tôi dành hết thời gian chăm sóc chồng. Chúng tôi chẳng mấy khi gặp nhau, gần như chẳng khi nào trò chuyện thực sự với nhau thì cũng chẳng có gì lạ.

Rồi sau đó tôi nhặt được một con chó.

Chồng tôi lại có thể đi ra ngoài, sức khỏe ông hồi phục dần, tôi phải chăm lo ông thường xuyên. Trong ba mươi lăm năm vợ chồng sống với nhau, không ít hơn dăm lần ông đã bị bàn tay của Tử thần chạm đến, nhưng cuối cùng ông đều thoát

khỏi, trẻ trung hơn, cho tới lần cuối cùng. Với ông, trên mọi lĩnh vực của đời sống, chiến thắng có tầm quan trọng sống còn.

Đó là ngày lễ Giáng sinh, sau khi đến phòng trực xin đơn thuốc, hai chúng tôi trở về trong làn mưa bụi lúc hoàng hôn thì nhìn thấy một con chó nhỏ vùi trong tuyết ngập đến tận cổ ven hàng cây. Trong các phim chiến tranh nói về các trại tù ở Viễn Đông ta hay thấy cách hành hình như thế, một ai đó bị chôn đến tận tai, cát đã vào tận miệng, chỉ còn ra hiệu được qua mũi, không kêu mà rên rỉ. Con chó cũng rên rỉ, dù là ai đã tính đến chuyện có người nào đó sẽ cứu nó, thì đó cũng không phải là một nhà tâm lý tồi: liệu ai có thể bỏ một sinh linh sắp chết vào đúng buổi tối Chúa sinh ra. Đó chính là khoảnh khắc mà sự kỳ diệu của nó ngay cả ông chồng không thích súc vật của tôi cũng không cưỡng nổi, thật ra ông không muốn đón một sinh linh lạ vào nhà, chó lại càng không, vì nó không chỉ đòi được ăn uống, còn đòi hỏi cả tình cảm nữa, thế nhưng ông vẫn giúp tôi bôi con chó ra khỏi đồng tuyết. Thực ra chúng tôi không định nuôi nó vĩnh viễn, chúng tôi nghĩ rồi sẽ có người nhận nuôi nó. Nhưng chúng tôi biết rằng không thể bỏ mặc nó ở đây, vì đến rạng sáng là nó sẽ chết. Con vật không hứa hẹn gì khác ngoài sự phiến toái, có thể thấy trước hết nó cần bác sĩ hơn cần thức ăn. “Đây là món quà đặc biệt,” chồng tôi nói, trong khi tôi ử con chó vào trong áo khoác, đóng cúc lại; từ sau cổ áo lông, đôi mắt hốt hoảng của nó tò mò nhìn lối đi, từ chân, từ bụng nó tuyết tan chảy trong áo khoác của tôi, “con người ta ít khi được tặng quà thực sự bất ngờ vào Giáng sinh.” Ở nhà, Emerenc đã dọn dẹp xong, các phòng đều bóng lộn. Trên đường về hai vợ chồng tôi vất óc suy nghĩ xem nên để con chó ở đâu. Chúng tôi quyết định sẽ để ở phòng mẹ tôi, khi đó bà đã mất, chúng tôi cũng không sưởi căn phòng có nhiều đồ gỗ đẹp ấy. “Hy vọng

nó thích thể kỷ mười tám”, chống tôi nói. “Giống chó chỉ nhai đồ đến lúc hai tuổi, sau đó nó tự thôi.” Tôi không đáp, vì ông nói đúng, nhưng cũng không thể làm gì khác, thậm chí nếu con chó bất hạnh đang nằm dưới cổ tôi đây có gặm nát hết đồ đạc trong nhà. Chúng tôi đi như một đám rước nhỏ bí ẩn của một giáo phái, mang vật báu màu đen trên cổ tôi, vào tối Giáng sinh.

Không khi nào trước đó, hay sau này, khi bà sẵn sàng chết vì tôi, tôi thấy Emerenc trong trạng thái tình cảm dạt dào tình mẹ như khi đó, lúc bà nhìn thấy chúng tôi đem thứ gì về. Đúng lúc bà đang loay hoay trong bếp cắt, xếp bánh Giáng sinh lên khay thì chúng tôi bước vào. Bà vút vội con dao xuống, và đón lấy con chó từ trên tay tôi. Bà lấy chiếc khăn phủ bụi, cẩn thận lau sạch con chó, rồi đặt nó xuống nền gạch trong bếp xem nó có đi được không. Con chó bất lực ngã ngối xuống cái mông gầy guộc, bị vùi trong tuyết, toàn thân nó còn cứng ngắc, nó hốt hoảng sồn ngay ra nền gạch. Emerenc lấy một tờ báo phủ lên vết bẩn, rồi bảo tôi lấy chiếc khăn tắm nhỏ hơn trong tủ tường. Cho tới lúc đó tôi không hề nghĩ bà biết chúng tôi cất thứ gì ở đâu, bà luôn bảo tôi phải tự cất đồ của tôi, vì bà ghét động vào những thứ không phải của bà. Như vậy nghĩa là bà biết rõ cái gì ở chỗ nào trong tủ nhà tôi, không động đến, nhưng bà để ý, kiểm tra và ghi nhớ. Emerenc không chịu đựng được bí mật của người khác.

Tôi mang chiếc khăn bông tới, bà quần quanh con chó cẩn thận như quần một đứa bé, rồi bà ôm nó đi đi lại lại trong phòng khách, và thủ thủ vào tai nó. Tôi vào trong gọi điện thoại, không thể kéo dài thời gian thêm nữa nếu chúng tôi muốn cứu con chó. Có tiếng vô tuyến ở phía trong, tiếng nhạc Giáng sinh, có thể cảm thấy không khí Giáng sinh xung quanh qua hương

thơm, ánh sáng và tiếng nhạc. Tôi đã mất bao nhiêu thứ trong cuộc đời, nhưng không khí vương bụi sao sa thì vẫn còn, và tiêu biểu cho không khí ấy là đứa trẻ sáng rực rỡ trên cánh tay Đức Mẹ Đồng Trinh. Emerenc không nhìn cũng không nghe, bà đi lại với con chó ở phòng ngoài, hát một bài hát cũ với giọng rè rè, ca ngợi sự ra đời của đức Ki tô. Với chú chó đen quấn chặt trong tấm khăn trên cánh tay, bà lắc lư tiến tiến lui lui giống một hình ảnh biếm họa về người mẹ, tựa như một Madonna ngó ngẩn.

Có trời biết bà còn dỗi dành con chó đến bao giờ nếu như người hàng xóm không bấm chuông gọi bà phải về ngay. Đường ống nước vỡ, phải xử lý, ngài Brodarics đã gọi điện cho cánh thợ, bà phải chạy về ngay để đóng van nước trung tâm. Bà ấn con chó vào tay tôi với vẻ mặt đặng đặng sát khí, lao về để lau nước tràn ra nhà, loay hoay với cái van nước, nhưng cứ mười lăm phút bà lại chạy sang xem con vật thể nào. Con chó lúc đó đã được ông bác sĩ thú y - bạn chúng tôi, phải bỏ cả cảnh đèn hoa pháo bông Giáng sinh ở nhà - đến chạy chữa cho. Emerenc ngờ vực nghe ông bác sĩ chẩn đoán, theo bà, mọi bác sĩ đều ngu ngốc và dốt nát, bà không thể chịu đựng nổi họ, cũng chẳng tin cả thuốc men lẫn tác dụng của tiêm phòng, bà khẳng định họ chỉ tiêm để lấy tiền, và họ cũng chỉ phao tin về những con cáo đại, mèo đại để kiếm được nhiều tiền hơn.

Cuộc đấu tranh để cứu sống con chó kéo dài mấy tuần liền, bà già dọn dẹp những dấu vết của bệnh ỉa chảy không một lời phàn nàn. Nếu tôi không có nhà, trái với quan niệm của mình, bà vẫn nhồi thuốc cho nó, bà giữ nó cho người ta tiêm kháng sinh. Trong khi đó, chúng tôi hỏi xem có ai nhận con chó không, nhưng không ai nhận. Chúng tôi gọi nó bằng một cái tên tiếng Pháp. Emerenc không thốt ra cái tên ấy lần nào, và con chó cũng phớt lờ, mỗi ngày nó một lớn, trong thời gian

phục hồi nó bộc lộ hết vẻ đẹp và những đặc tính tốt của thứ chó lai, cuối cùng nó khỏi hẳn. Hóa ra nó thông minh hơn hẳn các chú chó nòi của bạn bè chúng tôi. Nó không đẹp, có lẽ vì được cấu thành từ quá nhiều dòng máu, nhưng ai thấy nó cũng cảm nhận được ngay nếu nhìn vào đôi mắt đen với thứ ánh sáng lạ lùng của nó, trí khôn của nó gần như có thể đo được bằng thước đo của con người. Cho đến khi biết chắc là không ai cần đến nó, thì chúng tôi đã quý nó rồi. Chúng tôi mua đồ cho nó, vài tuần sau nó gặm nát hết chiếc rổ nằm, tha mảnh vụn khắp nhà, và khi buồn ngủ, nó nằm ngay trước bậu cửa với bộ lông lượn sóng mỗi ngày một dày thêm, chẳng cần đệm gối gì. Nó hiểu vốn từ cần thiết cho cuộc sống của nó rất nhanh, nó đã trở thành thành viên trong gia đình, một cá thể không thể bỏ qua trong bất cứ chuyện gì. Chồng tôi chấp nhận nó, thỉnh thoảng ông còn vuốt ve lúc nó tỏ ra rất khôn ngoan hay nực cười, tôi thích nó, còn Emerenc thì rất mê.

Ấn tượng về chiếc âu đựng xúp và chiếc cốc đựng vang nóng cùng những liên tưởng về chúng vẫn còn mới. Tôi kính trọng những người yêu súc vật nhìn những toa xe gia súc niêm phong - mà những kẻ vu khống độc ác nói dối đó là các toa xe nhốt người - bị chở đi mất hút mà không hề thở dài hay phản đối, nên tôi cũng để ý đến niềm say mê vật nuôi của Emerenc với sự mỉa mai châm biếm nào đó. Chính bà kể rằng gà vịt ngỗng dễ gần gũi bà như thế nào; thật không dễ đập vào đầu hay cắt tiết chúng khi phải giết thịt, những con vật mà chỉ trong vài ngày bà đã thuần dưỡng đến mức chúng có thể nhặt hạt từ lòng bàn tay bà, hoặc tin cậy đậu xuống bên cạnh bà trên chiếc ghế dài.

Cảm thấy Emerenc quyến luyến con chó với nỗi đam mê gần như quy lụy, tôi buồn cười, nhưng cho tới khi nhận thấy bà

mới là chủ nhân thực sự của nó thì tôi rất bức mình. Con chó đối với chúng tôi mỗi người một kiểu, thái độ ứng xử của nó cũng theo ba cách. Nó coi tôi như bạn bè, trước mặt chồng tôi nó thường im lặng, gần như lễ phép, nhưng khi nhận thấy bà đến nó lao ra khe cửa đón, khóc vì vui mừng. Emerenc giải thích cho nó nhiều điều, giọng cao, rành rọt, như dạy một đứa bé tập nói. Bà cũng chẳng giấu giếm việc dạy nó, cứ nhắc đi nhắc lại như đọc một bài thơ, bà không để ý xem chúng tôi phản ứng thế nào: “Với bà chủ mi có thể làm gì tùy thích, có thể nhảy lên người bà, có thể liếm mặt, liếm tay bà, có thể nằm ngủ bên cạnh bà trên đi văng, bà cho phép vì bà yêu mi. Ông chủ thì tĩnh lặng như nước, không biết dưới mặt nước là gì, đừng khi nào khuấy động nước, đừng làm ông chủ bức mình, vì ở đây mi chỉ là đẩy tớ. Nhà này với mi là chỗ tốt đấy, nếu có chỗ tốt cho một con chó ở trong nhà.” Bà không dạy con chó phải đối xử với bà thế nào, chẳng cần bà nói nó cũng hiểu ý bà, bà đã đặt tên cho nó là Viola. Nó là chó đực, điều đó chẳng ảnh hưởng gì đến bà. Đôi khi bà không giảng giải, mà dạy con chó: “Ngồi xuống, Viola. Chưa ngồi thì chưa được kẹo. Ngồi xuống! NGỒI XUỐNG!”

Lần đầu tiên nhận ra bà thưởng cho con chó thứ gì, tôi bảo bà bác sĩ cấm cho chó ăn kẹo. “Bác sĩ dốt nát,” bà đáp, vỗ mạnh vào sườn con chó. “Viola, ngồi! Nếu ngồi, có kẹo ngon. Kẹo ngon, kẹo ngon. Ngồi, Viola, ngồi!” Và con Viola ngồi xuống, lúc đầu vì kẹo, sau cũng chẳng cần đến kẹo, nó ngồi theo phản xạ, cứ nghe thấy tiếng nói là nó ngồi. Thỉnh thoảng bà mượn con chó, bà bảo bà đi vắng cả ngày, để nó coi nhà thay trong lúc bà đi dọn tuyết. Chồng tôi cho bà mang nó đi, ít nhất nó không nhảy lung tung, không sủa. Tôi hỏi bà không sợ nó cắn mèo sao, vì nghe nói bên ấy có mèo. Bà bảo bà không sợ, rồi bà sẽ dạy cho nó biết phải yêu chứ không làm hại loài vật khác. Có thể dạy Viola

bất cứ điều gì. Nếu con chó làm chuyện gì không phải, dù bị tôi cấm và dù rất mê nó, bà vẫn đánh nó rất ác. Trong cuộc đời mười bốn năm của nó, Viola không bao giờ bị tôi đánh cái nào, vậy mà Emerenc vẫn là chủ của nó.

Tôi muốn xem con chó làm gì trong cái để chế không khi nào mở cửa cho người khác của bà già, nhưng lệnh cấm vào vẫn có hiệu lực. Tôi biết đúng là nó đã tiếp xúc với mèo trong nhà bà vì thấy nó đem bọ chết về nhà, từ đó chúng tôi giải trí cả bằng việc bắt bọ chết. Cuộc gặp gỡ đầu tiên không thể diễn ra thiếu sự kiện, trên mũi Viola có một vết thương, trên tai là một vết cào sâu. Thái độ của con chó cho thấy nó đã bị đánh sau cuộc va chạm với mèo, Emerenc đã dùng phép vũ lực để khắc sâu vào tâm trí nó rằng không được động đến mèo. Nó không coi đó là bị kịch, về nhà nó cứ theo bà từng bước, dí khuôn mặt non choẹt buồn rầu vào đầu gối bà. Sau này nó không gây sự với mèo nữa, vì nếu đưa nó đi dạo trên phố, tôi nhận thấy nó bình thản đứng nhìn theo những con mèo chạy trốn nó chui vào chỗ lủ mèo hoang đang nấp dưới các ban công, và có vẻ như nó không hiểu sao chúng phải chạy trốn khi nó không có ý gì xấu. Nó giữ nhà cho Emerenc suốt mùa đông, tôi chỉ cấm đưa nó sang đây sau một buổi tối Chủ Nhật nó về nhà trong trạng thái say.

Tôi tưởng mình nhìn nhầm, khi được đưa về, con chó đi xiên xẹo, bụng căng phồng như một cái bình, nó thở khò khè nặng nhọc, mắt trắng dã. Tôi không nâng nó lên được, vì cứ nâng dậy nó lại ngã, tôi quỳ xuống bên nó xem xét. Viola nấc, và sặc mùi bia. “Con chó say rồi, bà Emerenc,” tôi nói như người hụt hơi.

“Chúng tôi uống chút xú,” bà đáp bình thản. “Nó không chết đâu, nó khát và thấy dễ chịu.”

“Bà điên rồi,” tôi đứng dậy. “Không bao giờ được mang nó về nhà bà nữa. Thật hết chỗ nói. Nếu đã cứu sống nó, thì đừng giết nó bằng rượu.”

“Bởi nó sẽ chết vì một tí bia chứ gì?” bà nói với giọng cay đắng bất ngờ. “Đúng, món vịt rán tôi đã chia đôi với nó, chỗ bia chúng tôi đã uống, nó đã van nài, vì nó xin, tôi biết làm gì với nó, một khi nó nói được hết, và gần như nó khấn nài thức ăn, thức uống, nó đâu phải một con chó bình thường. Nó sẽ chết vì cùng ăn với tôi, ăn tử tế, chứ không phải nuốt đồ chết đói như ở nhà này, nơi chỉ được ăn đúng giờ và ăn đồ kiêng khem ở trong phòng. Chẳng bao giờ nó được ăn từ bàn tay con người, như thế mới thực sự là ăn, chứ không phải ăn từ đĩa. Tôi giết nó, vì đã dạy dỗ, trò chuyện với nó, bảo nó điều hay lẽ phải!” bà nói nghiêm chỉnh, như một nhà sư phạm bị tổn thương những tình cảm thiêng liêng nhất. “Dễ bà đã dạy nó ngồi, đứng, chạy, nhặt bóng đưa trở lại, biết cảm ơn; ông bà chỉ ngồi ì trong nhà như hai pho tượng, chẳng cả nói với nhau, mỗi người gõ máy chữ trong một phòng. Đây bà cứ giữ lấy con Viola, rồi xem nó sẽ ra sao.” Bà quay gót bỏ đi sau khi tuyên bố thế; có điều gì quan trọng Emerenc không nói, mà tuyên bố. Viola nằm dúm dụi và bắt đầu ngáy. Nó say đến mức không biết bà đã bỏ đi.

Vấn đề không bắt đầu ngay, chỉ đến sáng hôm sau, vì Emerenc - người vẫn cho nó ăn sáng, rồi dắt nó đi dạo và sau đó thường vẫn cho nó đi theo luôn - không đến đón con chó. Viola cố giữ mình, không bày ra nhà, nhưng từ sáu giờ mười lăm nó bắt đầu rít lên, đến nỗi tôi phải dậy. Mất một lúc tôi mới ý thức được có đội cũng hoài công, Emerenc giống như Jehovah⁽¹⁾: trừng phạt bây đời.

1. Jehovah: Tên Thượng đế trong kinh Cựu ước.

Rắc rối diễn ra ngay trước nhà Emerenc, vì cũng như mọi sáng khác, con chó muốn vào nhà bà. Tôi không khi nào hiểu bị nhốt trong nhà Emerenc thì hơn gì ở nhà với tôi, ở nhà nó còn được lang thang từ phòng này sang phòng khác. Khi hiểu ra là không thể vào nhà bà, nó giật dây buộc cổ liên tục, trở nên bướng bỉnh, nó kéo mạnh khiến tôi phải lao theo nó. Nó khỏe, còn tôi là người đi bộ nhút nhát khi có tuyết phủ: dọc vỉa hè là những đống tuyết nhỏ nguy hiểm, tôi sợ ngã, sợ gãy tay gãy chân, nhưng lại không thể buông con chó, vì sợ nó lao vào gầm ô tô. Sáng hôm ấy tôi mới biết bà thường đưa con chó đi dạo những nơi nào. Viola chạy khắp cả khu Emerenc làm việc, nó kéo tôi đến cả mười một ngôi nhà mà bà vẫn quét dọn. Trong làn tuyết rơi dày, tôi thở gấp chạy điên dại như Peer Gynt⁽¹⁾, với nhịp độ do Viola dẫn, từ nhà này sang nhà khác. Cuối cùng con chó giật mạnh đến nỗi tôi ngã nhoài, nhưng chúng tôi đã tới đích, nó đã thấy người nó tìm. Emerenc đứng quay lưng lại phía chúng tôi, con chó nhảy chồm lên bà từ phía sau, kéo bà suýt ngã, nhưng Emerenc rất khỏe, bà khỏe hơn tôi lúc trẻ cả chục lần.

Quay đầu lại, bà nhìn thấy tôi đang quỳ trên tuyết, thoáng cái bà hiểu chuyện gì đã xảy ra. Bà cầm sợi dây đang lủng lẳng kéo mạnh, khi con chó kêu rít lên, bà vẫn tiếp tục đánh nó. Tôi lồm cồm đứng dậy, lúc ấy đã thấy thương con chó. “Ngồi xuống, quân khốn nạn!” Emerenc hét lên rồi làm động tác như với một con người. “Đó không phải là cách ứng xử, đồ vô lại!” Viola chỉ nhìn bà, Emerenc sai khiến nó bằng mắt, như một người dạy thú. “Nếu mi muốn bà chủ cho phép đi, phải hứa

1. Peer Gynt: tên nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Henrik Ibsen viết năm 1867. Trong vở kịch này có cảnh Peer hốt hoảng chạy trong rừng.

với bà chủ là mi không bao giờ say rượu nữa, vì bà chủ mi nói đúng. Chỉ có điều bà ấy không nghĩ chẳng bao giờ có người đến mừng sinh nhật ta, chỉ mình mi biết ngày ấy, ta chỉ nói với mi thôi, ta không nói với con trai cậu em Józsi, cũng không nói với Sutú, Adél, Polett, còn ông đại tá thì đã quên. Nhưng khi tỉnh chúng ta đừng cư xử như bọn du đãng, mà hãy xin phép. Đứng dậy, Viola!”

Cho đến lúc đó, con chó cứ nằm úp bụng xuống đất và khóc, nó im lặng chịu đòn không né tránh, nghe bà nói, nó đứng dậy. “Hãy xin lỗi bà chủ đi!” Tồi không ngờ nó biết làm thật, nó đặt chân trái lên chỗ tim, chân phải giơ lên trời như tượng một người yêu nước. “Nói đi, Viola!” Emerenc ra lệnh, và Viola sủa lên một tiếng. “Một lần nữa!” Con chó lại sủa, mắt không rời khỏi người thuần dưỡng nó, dò xem nó làm thế có đúng không. Bản năng mách bảo nó tương lai của nó phụ thuộc vào điều này. “Bây giờ mi hãy hứa sẽ là một đứa con trai ngoan,” tôi nghe bà nói, khi đó Viola chìa chân về phía bà. “Không phải với ta, ta biết rồi, hãy hứa với bà chủ.” Viola quay về phía tôi, và giống như trên các tranh vẽ con chó sói đứng trước Thánh Francis⁽¹⁾, nó khúm núm, rụt rè đưa chân trước bên phải ra. Tồi không nắm lấy chân nó, đầu gối tôi đau quá, và tôi giận cả Emerenc lẫn con chó.

Thấy thế, nó đổi cách, không cần đợi lệnh, nó cúi đầu xuống, lại đặt chân trước bên trái lên chỗ con tim. Tồi chịu

1. Thánh Francis (1182-1226): tức Thánh Phanxicô thành Assisi (tiếng Ý: Francesco d'Assisi; 1181-1226), còn gọi là Thánh Phanxicô Khó khăn, là một tu sĩ Công giáo Rôma sáng lập ra Dòng Anh Em Hèn Mọn, được biết đến nhiều hơn với tên Dòng Phan Sinh. Giáo hội Công giáo xem ông là thánh bốn mạng loài vật, chim trời, môi trường, và nước Ý. Ngày 4 tháng 10 hằng năm là ngày lễ kính Thánh Phanxicô.

thua. Họ lại thắng tôi một lần nữa, cả ba chúng tôi đều biết điều đó. “Bà đừng bận tâm về nó,” Emerenc nói. “Hôm nay để nó ăn trưa bên nhà tôi, tối tôi sẽ đem nó về. Bà lau chân đi, chảy máu đấy. Chúc bà mọi việc tốt lành.”

Bà chỉ ra hiệu bằng mắt và khẽ gật đầu, nhưng Viola hiểu, nó sủa lên hai tiếng rõ ràng: nó cảm ơn tôi. Emerenc buộc sợi dây dắt con chó vào hàng rào, rồi tiếp tục quét tuyết: cả hai đã cho phép tôi đi. Tôi tập tễnh về nhà, tuyết rơi mù mịt.

CÁC MỐI QUAN HỆ

Từ ngày nuôi Viola, quan hệ của chúng tôi mở rộng hơn. Trước đó chúng tôi chỉ tiếp xúc với bạn bè, giờ đây tuy hơi hợt nhưng với cả khu. Emerenc dẫn con chó đi buổi sáng, trưa và tối, nhưng cũng có khi trong cuộc đi dạo buổi trưa, do bất chợt có việc, bà không đưa nó đi được, những lúc như thế đến lượt chúng tôi. Có khi là chồng tôi, có khi là tôi, bao giờ chúng tôi cũng đi theo lối Viola dẫn dắt. Trước hết cái dây thường kéo đến nhà Emerenc: bao giờ cũng phải cho Viola vào trong cổng để nó đích mục sở thị thấy đúng là Emerenc không ẩn náu trong nhà. Mũi nó phát hiện ra ngay là bà già không lừa nó, đúng là bà không có nhà, khi đó chúng tôi mới có thể đưa nó đi tiếp. Cũng có khi bà ở trong nhà, nhưng đang loay hoay với việc gì đó mà không muốn sự có mặt của Viola. Những lúc như thế, thật xấu hổ, chúng tôi phải đứng chờ với con chó ở ngoài, nghe tiếng khóc tiếng cào mãi hồi lâu bà già mới vừa nguyên rửa vừa xuất hiện, và khiến con chó hiểu là nó quấy rầy bà. Đôi khi bà không những đánh nó, còn mắng mỏ nó như mắng một người khách bất nhã, bà quát hỏi nó muốn gì nữa mà bắt bà ra, sáng bà đã gặp nó, tối lại nhìn thấy nhau; có khi bà vỗ vỗ lên cổ nó, nhét cho nó chiếc kẹo gì đó, làm đủ trò rồi mới xua nó ra đường.

Nếu không thấy bà ở nhà, chúng tôi phải tìm ở các nhà bà đến làm. Khi gặp bà, lại diễn ra nghi thức giống hệt như trong sân nhà bà, lúc này ở ngoài trời, với sự khác biệt là bà bắt Viola nhắc đi nhắc lại hết các vở nó đã học, còn chúng tôi ngại ngần

đứng đó, giữa tâm điểm chú ý của mọi người. Thế là chúng tôi làm quen với nhiều người quanh khu mà lẽ ra chẳng bao giờ chúng tôi có quan hệ với họ. Nếu có hội ngồi ở chỗ Emerenc - dĩ nhiên là chỉ khi trời đẹp, vào mùa có thể ngồi trên những chiếc ghế băng kê trước cửa nhà bà - Viola theo lệnh lòi ra chiếc đĩa ăn, chiếc nồi uống nước của nó mà bà già để mỗi hôm một nơi, khách thán phục nhìn những trò biểu diễn của nó. Tôi nghĩ mọi người đã an nhiên chấp nhận việc họ chỉ được ngồi ở chỗ nào bà già quy định, ở phía trước Cấm Thành của bà, dù họ là chỗ quen biết gần, thậm chí là chỗ bạn bè thân cận với bà, con trai cậu em Józsi hơn nữa còn là họ hàng, và luật cửa đóng then cài áp dụng cả đối với họ.

Nơi cho phép được lại gần Emerenc là một diện tích hình chữ nhật rộng, từ đó mở ra phòng để đồ ăn, buồng tắm và phòng chứa đồ cũ, và rõ ràng Cấm Thành cũng không phải nơi tầm thường, có thể đã được bà bài trí tử tế bằng đồ đạc của gia đình Grossman. Chỗ này lúc nào cũng sạch sẽ, nền gạch được bà lau ngày hai lần, khi thời tiết cho phép bà vẫn làm việc nhà trên chiếc bàn kê ở đó, nếu có một vài giờ rảnh. Chiếc bàn kê giữa hai chiếc ghế dài; qua cửa sổ nhà tôi hay lúc đi ngoài đường, qua hàng rào cây, tôi hay thấy bà mời trà, cà phê cho khách thuộc các lứa tuổi và giai tầng xã hội khác nhau, tự tay bà rót vào những chiếc tách có kiểu dáng rất đẹp bằng đồng tác khoáng đạt và chắc chắn, như người đã làm việc đó nhiều lần, và như thể bà đã học phép tắc tiếp khách từ một người sành sỏi nào đó. Một hôm có buổi diễn đầu tiên vở *Tanner John*⁽¹⁾ của Shaw, do một nữ nghệ sĩ danh tiếng đóng vai Blanche, suốt

1. Tên gốc của vở này là *Man and Superman*, do Bernard Shaw viết năm 1902-1903.

buổi diễn tôi cứ vắt óc nghĩ xem diễn viên trẻ xinh đẹp trong cảnh dùng trà khiến tôi nhớ tới ai, rồi tôi vỡ lẽ ra cô giống Emerenc, khi bà tiếp khách trước khu cấm.

Có thời không chỉ một nhân vật có tiếng tăm sống trong khu chúng tôi, khi đó công an thường lượn trên các phố trong khu, sau này các chính khách chuyển đi nơi khác, cũng có người chết, họ vắng dần hết, cả đám công an cũng mất hút luôn. Từ khi Emerenc đến làm cho nhà tôi, chỉ còn một người mặc quân phục duy nhất xuất hiện trên phố: ông trung tá. Rất lâu tôi không hiểu họ quan hệ với nhau như thế nào, và vì sao ông sĩ quan dễ coi kia không khó chịu vì cái lệnh cấm vào ngôi nhà cất giấu bất cứ thứ gì của Emerenc, sau này tôi biết ông ta có vào nhà, có biết ngôi nhà. Ngoài tội đánh bả bỏ cầu, xúc phạm mỗ mả còn có những tố cáo vu khống mang nội dung chính trị, vì vậy ít ra công an phải đến kiểm tra một lần để biết bên trong cất giấu cái gì bí mật và giá trị mà không ai biết. Ông trung tá khi đó mới là chuẩn úy đến với một trợ lý mang theo chó, họ cẩn thận xem hết mọi nơi, dù bà có lầu bầu, nhưng chỉ thấy một con mèo. Từ khi Emerenc ở đây, nó là con mèo thứ ba, vừa nhìn thấy chó, nó liền trốn lên nóc tủ bếp. Chẳng có đài phát bí mật, cũng chẳng có tù nhân trốn tù, hay đồ ăn cướp, chỉ thấy phòng ăn cọ rửa sáng bóng và một căn phòng đặt bộ đồ gỗ tuyệt đẹp có phủ vải bảo vệ, có vẻ như không ai ở, đồ dùng cá nhân cũng chẳng thấy.

Tình bạn giữa hai người thực ra bắt đầu từ một cuộc cãi lộn, vì sau khi đóng cửa lại, Emerenc gào lên rằng, có điều khoản nào bắt bà phải mở cửa cho bất kỳ ai bấm chuông không, vì sao bà phải mở cửa cho bất cứ kẻ phát văng nào, sao họ không đến tìm tên kẻ cướp đã tố cáo bà, dù sao cũng thật nhục nhã là cảnh sát liên tục quấy rầy bà. Lúc thì hành hạ vì bỏ cầu chết, lúc thì

vì xác mèo, lúc thì tìm vũ khí hay tụ điểm dịch bệnh, bà đã chán công an đến tận cổ, thế là đủ rồi!

Khi các công an viên đã rơi vào thế bị động, và ông chuẩn úy đã dùng hết lời hay ý đẹp để trấn an bà, giọng Emerenc càng to hơn, bà bảo đảm quan chức sống quanh đây có súng, họ bắn qua để giải sầu thì công an bảo vệ họ, còn nhà bà thì họ dắt chó đến để lùng sục, lũ trời đánh. Trời đánh họ chứ không đánh con chó, nó không có lỗi, khi người ta dùng nó vào việc xấu, bà không giận nó, bà giận ông chuẩn úy. Và cốc thuốc đắng để làm nhục nhà chức trách còn tiếp tục đẩy thêm: con chó được đưa đến để tìm xác chết chôn ngoài vườn hay tìm tang vật, bắt chấp lệnh của người huấn luyện, chịu để cho bà Emerenc xoa tay lên đầu; nó vẫy đuôi run rẩy, và khốn khổ hơn nữa là thay vì làm việc, nó nhìn Emerenc với ánh mắt đầy vẻ lúng túng, trù mến. Tiếng rít của nó là thứ tín hiệu có thể giải mã, nó xin lỗi thượng cấp và bày tỏ rằng nó bất lực, một ý chí mạnh hơn ý chí của tất cả mọi người khác buộc nó phải nằm mọp dưới chân người đàn bà xa lạ này. Ông chuẩn úy cười, nét mặt đen sạm của Emerenc cũng sáng dần lên, bà thôi không quát lác nữa. Họ đã để ý đến nhau lần đầu tiên như thế, ông chuẩn úy chưa đến một nhà nào khác mà họ lại tỏ ra không sợ ông ta như thế. Bà Emerenc lần đầu gặp người thừa hành công vụ có óc hài hước và vui vẻ như thế. Họ trở thành chỗ thân tình. Đám cảnh sát xin lỗi bà rồi đi, sau này viên sĩ quan đem cả vợ quay lại. Tình bạn đẹp và hiếm có của họ giữ mãi đến khi người thiếu phụ trẻ mất đột ngột. Sau này ông trung tá nói với tôi là chính Emerenc đã giúp ông vượt qua lúc khó khăn nhất.

Từ khi giờ giấc chạy theo hệ tọa độ của Viola và bà già, dần dần tôi bắt đầu hoài nghi tính chính đáng trong nỗi ngờ vực của tôi do cái âu đưng thức ăn và cái cốc gây nên. Xét cho

cùng, nếu ông trung tá thường xuyên đến nhà Emerenc, và đạo đó ông đã đích thân xem xét xem trong nhà có gì, thì rõ ràng ông phải kiểm tra xem bà lấy ở đâu ra những thứ ấy, và nếu ông không khiến trách bà, thì có thể là tôi nhầm, có khi đúng là gia đình kia đã để lại đồ đạc cho bà, vì bà đã giúp họ việc gì đó, vì thời đó sự giúp đỡ cũng có nhiều cách đặc biệt.

Số người quen biết chúng tôi mỗi ngày một nhiều. Cả Viola, cả Emerenc càng ngày càng có quan hệ với nhiều người, họ cũng bắt đầu chào chúng tôi. Ba người bạn thường xuyên của Emerenc thường hay đứng lại trò chuyện với tôi hơn, Sutur bán quầy rau quả, Polett là quần áo, và Adélka, vợ góa của nhân viên phòng thí nghiệm. Một chiều hè, khi họ ngồi bốn người uống cà phê và ăn món bánh nướng có mùi thơm quyến rũ, Emerenc vẫy tôi vào ngồi cùng với họ. Tôi đang cho Viola đi dạo, không thể làm mất lòng bà và bạn bè của bà; đằng nào thì con chó cũng đã quyết định vấn đề, vì nó kéo tôi vào và bắt đầu xin ăn bên bàn. Quá đáng hơn nữa, nó không muốn về nhà khi tôi đứng dậy định ra về, khiến tôi rất bức mình. Buổi tối, bà già sang đón nó để đưa đi dạo một vòng trước khi ngủ, tôi hỏi bà có muốn nuôi hẳn nó không, đằng nào chúng tôi cũng chỉ định cho nó ở tạm, chứ không nuôi lâu dài. Nuôi nó, có khi bà chẳng cần phải khóa cửa nữa, chỉ được lệnh bà, con chó mới cho người đã bước qua bậc cửa ra khỏi nhà bà.

Trong khi tôi nói chuyện, bà già vuốt ve cổ con chó, nhẹ nhàng và âu yếm như nựng một bông hoa hay một đứa trẻ sơ sinh, rồi bà lắc đầu: không được. Nếu được bà đã tìm một con chó từ lâu, nhưng theo cam kết đã ký, bà chỉ có thể nuôi nhốt các con vật ở trong nhà, kể cả gà, ngỗng, tạm thời, khi bà chưa làm thịt chúng, hơn nữa gần như chẳng mấy khi bà ở nhà, mà một con chó cần được tự do, cần vận động, cần ra vườn. Bà

đâu phải kẻ sát nhân để mà hành hạ nó, mèo cũng không thích bị nhốt, chứ chưa nói đến một con vật hiếu kỳ, thích chỗ đông người, chỗ nào cũng muốn ngó vào như Viola. Con chó này sinh ra không phải để làm nô lệ, dù nó có thích giữ nhà đi chăng nữa. Hơn nữa người già đừng nuôi chó, vì trước sau gì cũng để nó mồ côi, và lúc đó thì nó bị đánh đuổi, phải lang thang vô chủ. Nhưng nếu tôi méch lòng vì Viola yêu bà, thì bà sẽ có cách thay đổi, vì không chỉ có thể làm con người xa lánh, cả chó cũng vậy.

Tôi cảm thấy bà trốn tránh trách nhiệm, khi đó tôi giận bà thực sự, vì nếu bà không cần đến nó, thì quyến rũ nó làm gì. Sau này, mãi sau này, khi đến lúc phải xem xét các dấu hiệu báo trước sự ra đi của Emerenc khỏi cuộc đời, tôi mới hiểu thực ra không một ai đã tính đến chuyện có ngày Emerenc sẽ chết, chính tôi cũng cảm thấy bằng cách nào đó bà sẽ ở với chúng tôi chừng nào chúng tôi còn sống, mỗi mùa xuân bà trở lại cùng với thiên nhiên, sức đề kháng của bà không chỉ thể hiện ở lệnh cấm vào căn nhà cửa đóng, mà có hiệu lực với tất cả, cả với cái chết. Lúc đó tôi nghĩ bà nói dối, và tôi trút giận lên Viola vì thất bại của mình, tôi cấm không cho nó vào phòng có vô tuyến. Con chó mê mẩn màn hình, nó lắc đầu qua trái qua phải lúc thấy trái bóng bay, nó nghe tiếng chim hót, nghe mọi tiếng động trong các phim về thiên nhiên, nó phát hiện ra ẩn tượng chưa khi nào trải qua, vì ngay đến núi János⁽¹⁾ cũng chưa khi nào nó được đưa đến. Một tuần sau tôi lấy làm hổ thẹn, không thể trừng phạt nó vì nó chẳng có liên quan gì, và nếu có liên quan, tôi cũng không có quyền. Tôi chấp nhận. Tôi hiểu rằng

1. Một khu rừng núi nằm phía Buda, nửa bên hữu ngạn sông Danube của thủ đô Budapest.

bà già và con chó thuộc về nhau, buổi sáng tôi quá buồn ngủ, ban ngày tôi làm việc quá sức, buổi tối tôi mệt rũ rời, không còn thời gian để chơi với nó, hay thường xuyên dắt nó đi chơi. Chẳng tôi đau ốm luôn, chúng tôi lại hay đi nước ngoài dài ngày. Viola cần đến Emerenc, và nếu đúng như vậy, chúng tôi phải chấp nhận: trên thực tế nó là của bà.

Tôi còn nghĩ mãi, vì cái đề tài ấy chưa khi nào được đã động đến, nhưng lúc này, lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi quen nhau, tại sao bà lại ám chỉ cái chết. Emerenc nâng những vật nặng không thể tin nổi, xách những túi, những thùng nặng nhất leo lên tầng gác, bà khỏe như một nhân vật trong thần thoại. Và không bao giờ bà nói mình bao nhiêu tuổi, chúng tôi chỉ có thể suy diễn từ câu chuyện cuộc đời bà. Bà lên ba khi bố mất, lên chín khi bố được gọi đi lính, ít lâu sau ông chết vào năm mười bốn. Nếu năm mười bốn bà lên chín, thì bà sinh năm 1905, và thật bất ngờ, bà đã già lắm rồi thật, có lý nếu bà nghĩ đến một lúc nào đó sẽ vĩnh viễn nằm xuống. Những người khác không được bà thông báo những số liệu tin cậy này chỉ có thể suy đoán tuổi tác của bà. Vào cái ngày khủng khiếp không thể quên ấy, lại chỉ có ông trung tá có thể giúp chôn cất bà: vì trước khi khử trùng, trong các ngăn kéo được lôi ra người ta không thấy một thứ giấy tờ cá nhân nào của bà, có lẽ bà già là công dân duy nhất đã loại trừ hẳn nhà chức trách ra khỏi cuộc đời mình, khi bà có thể làm được. Đạo đầu ông trung tá còn thấy bà có giấy tờ, thậm chí ông đã xem cả cuốn sổ đi ở trước đây của bà, trên cơ sở đó mà hồi ấy họ đã làm chứng minh thư cho bà. Sau này, vì một lý do vĩnh viễn không giải đáp nổi, bà đã hủy hết, chẳng để lại thứ giấy tờ gì. Bà căm ghét hộ chiếu, chứng minh thư, vé tháng tàu điện. Bà tự ghi vào trong sổ nhà ở bằng những chữ cái loằng ngoằng, cuốn sổ mà khi chọn quần áo cho bà chúng tôi

cũng phải hủy, bà viết điều phi lý là bà sinh ở Segesvár⁽¹⁾ ngày 14 tháng Ba năm 1848⁽²⁾, thông báo vợ vẫn này là sự trả đũa đặc trưng rất Emerenc đối với những câu hỏi tò mò, những sự trả thù của Emerenc rất mỉa mai và rất khác nhau.

Khi Emerenc đến ở phố này, Sutú còn là cô gái mới lớn, sau này cô ta nói trong thời gian trước và sau khi nổ ra chiến tranh, không có giấy tờ thì bà không thể nhận được việc làm, cũng không thể chuyển đến ở. Mà bà thì đã nhận căn hộ, phục vụ trong ngôi nhà, đã đem đồ đạc đẹp như mơ đến, chính chủ nhà đã kê đồ đạc vào đây trước khi họ bỏ sang phương Tây. Chắc chắn khi đó cả bà lẫn người bạn đời của bà vẫn có giấy tờ. Vì ông bạn này mà ngay từ hồi ấy bà đã bắt đầu hay đóng kín cửa. Bà có ông bạn khó gần. Bà chẳng cho một ai lại gần ông ta, bà giữ ông khư khư, dù chẳng ai cần đến ông, vì ông bệnh tật. Ông có giấy tờ được miễn trừ mọi việc, cũng chẳng mấy khi ra đường. Ông không thể đi lính, cũng chẳng đủ sức đi làm. Người ông toàn gân với xương, Emerenc bảo thế. Bà luôn tìm cho mình những loại như thế, cả người, cả vật nuôi. Bà quan tâm tới những thứ tàn phế, đổ nát. Rõ ràng cũng vì thế mà bà chăm nuôi ông Szloka cho đến lúc ông chết, vì ông chẳng ra con người lành lặn, hơn nữa lại không gia đình.

Lời kể của Sutú đầy những chi tiết mù mờ, phải bắt cô nói hai lần tôi mới hiểu: theo đó Emerenc đã sống với một ai đó trong thời kỳ phong tỏa và trước đó. Như vậy ban đầu bà không chỉ có mèo, có người bạn đời hay ai đó nữa, mà trong vòng ảnh hưởng của bà còn có một ông Szloka, ông này không

1. Segesvár: một thành phố nằm ở vùng Transylvania, trước 1920 thuộc Đế chế Áo-Hung, nay thuộc Rumani.

2. Ngày nổ ra cuộc đấu tranh vì tự do của nhân dân Hungary chống lại triều đình Habsburg (Áo).

trốn được, cũng không tự nuôi nổi mình trong tình trạng bị bỏ rơi, vì ông đau tim đến mức không thể nhận chân báo động phòng không, và bỗng nhiên ông đã chết vào lúc không thích hợp nhất. Đó là thời buổi loạn lạc, cuộc phong tỏa bắt đầu, Emerenc hoài công chạy từ Pontius đến Pilatus⁽¹⁾, tìm người đem cái xác đi, không thể để trong nhà. Ngày lễ cũng bắt đầu, chẳng ai để ý đến những việc khác, cuối cùng chính họ phải tự xoay xở với con người đáng thương ấy. Emerenc chôn ông cất ông trong vườn, đổi lại bà lấy chiếc xe đạp của ông. Sau này chiếc xe biến mất, có lẽ người bạn đời của bà đã mang đi, vì ông ta cũng bỏ đi, đi đâu thì bà không biết. Emerenc chôn ông Szloka ngay dưới khóm thực được, xác ông tan rữa ở đó, cuối cùng phải tới đầu hè năm 1946 Hội đồng mới cho khai quật. Đạo đó, người sống trong nhà thay đổi luôn, có đủ thứ sắc dân đã từng ở đó. Emerenc giặt giũ cho người Đức, cả cho người Nga. Sau đó thế giới trở nên bình thường, người ta lại sống trong yên bình. Những lá đơn tố cáo Emerenc thực ra không bắt đầu từ chuyện đầu độc chim câu và các vụ khống mang tính chất chính trị, mà từ những lời cáo buộc bà lãng nhục mỗ mả, sau khi Emerenc chôn xác con mèo bị treo cổ vào mộ ông Szloka. Nhưng khi bà giải thích với viên chuẩn úy rằng con mèo là thành viên duy nhất trong gia đình bà, ông này tuyên bố sẽ dạy cho đám dân cư chỉ mua thêm việc cho cảnh sát bằng những chuyện như thế phải biết tôn trọng. Ông bắt họ ra lao động công ích, giúp dọn dẹp khu công viên Vérmező. Ngoài đó số ngựa chết đang tan rữa ít nhất cũng ngang số xác người, hầy

1. Thành ngữ ý nói chạy hết chỗ này chỗ nọ một cách vô ích, xuất phát từ điển tích trong Tân ước: Pontius Pilatus (từ năm 26-36 là Tổng đốc La Mã, là người đã kết án Chúa Jesus) bắt Jesus đến chỗ Herodes, Herodes lại bảo Ngài quay lại chỗ Pontius.

để họ lựa riêng ra từng loại, xác người thì mang đến nơi linh thiêng, xác súc vật thì tùy. Đúng lúc đất nước đang gượng dậy sau khi bị tàn phá, họ không có việc gì đáng lo khác hay sao? Ông đến phát ghen vì họ mất. Nếu họ cứ bới mãi cái vụ chim câu này lên, rồi ông sẽ cho điều tra cái đồ rác rưởi ấy, nếu gã không chịu đựng nổi con mèo của bà Emerenc, lại treo nó lên tay nắm cửa theo lối phát xít thay vì nói chuyện với chủ nhân của nó. Có luật về tội hành hạ súc vật đấy.

*

Đến một hôm Emerenc không sang đưa con chó đi dạo, dù chẳng có lý do gì biện hộ cho sự vắng mặt của bà, cả ngày tôi không nhìn thấy bà. Đang thu, còn lâu mới đến lúc tuyết rơi, nhưng không thấy bà sang. Trời mưa nhẹ và ẩm, tôi dắt con chó đi chơi. Buổi sáng con chó thử tìm bà ở nhà, nhưng cái mũi thính nhạy mách cho nó biết không có bà sau cánh cửa đóng kín. Sau đó chúng tôi đi hết lượt các ngôi nhà quen thuộc, con chó còn dắt tôi ra chợ, nhưng đáng đi ủ rũ của nó liên tục báo hiệu rằng bà không ở gần chúng tôi. Có lẽ ở khu khác cũng không, bà không có mặt ở một nơi nào mà Viola biết. Con vật nằm ỉu xiu, tôi dọn nhà. Chuông reo liên tục, từ rất nhiều nơi Emerenc làm việc, bao giờ mọi người cũng đều tìm bà ở chỗ chúng tôi. Nếu không thấy bà xuất hiện, những người quen bán loạn hết cả lên: chuyện gì đã xảy ra; bà không quét lá trên vỉa hè; không thấy thùng rác trước cổng, bà không đem quần áo sạch đến; tối hôm qua bà không trông nom bọn trẻ, cũng không mua bán gì. Tôi cứ mở cửa ra lại đóng cửa vào liên tục mỗi lần có người đến hỏi; Viola rít lên, nó nhe răng, bữa trưa nó không ăn: nó chờ bà.

CHIẾC GƯƠNG MURANO⁽¹⁾

Buổi tối hôm ấy Emerenc về muộn, bà đưa con chó đi chơi, nhìn thấy bà nó sung sướng phát ra những âm thanh không thể tưởng tượng nổi. Sau đó bà gõ cửa phòng tôi, hỏi liệu tôi có thể sang nhà bà được không, bà có chuyện muốn nói với tôi mà không cần để ông chủ chứng kiến. Lẽ ra chúng tôi có thể vào một phòng nào đó trong nhà tôi, nhưng bà dứt khoát muốn tôi đi với bà. Cả ba chúng tôi cùng đi, tôi, bà và Viola, nó nhảy cẫng lên chạy trước, lúc đã muộn thế này chúng tôi không buộc dây dắt nó nữa, không sợ nó chạm trán và đánh nhau với chó nhà khác. Bà chỉ chỗ cho tôi ngoài hiên, bên chiếc bàn trải nylon sạch bóng, tôi ngồi xuống. Ở chỗ này bao giờ cũng thấy nặng mùi clo, mùi nước lau nhà và mùi nước xịt thơm lẫn lộn, ngôi nhà đã yên tĩnh, các cửa sổ không còn sáng đèn. Ban ngày không nhận ra, nhưng giờ đây, khi chỉ có ba chúng tôi ngoài hiên, dù chưa phải là đêm khuya khoắt, bỗng nhiên tôi bắt đầu cảm thấy một cái gì đó từ sự hiện hữu của người hay của những người đã từng sống trong nhà Emerenc. Có tiếng động nhỏ trong yên tĩnh, tiếng động mềm mại, Viola quỳ sát khe hở, bắt đầu khịt khịt; nếu muốn vào đâu, nó có tín hiệu đặc biệt, giống tiếng người rên rỉ hay tiếng thở sâu khó nhọc. Xét về mọi mặt, đó là một buổi

1. Murano: một hòn đảo nằm gần Venice, ở phía Bắc Ý, nơi có nghề làm gương nổi tiếng.

tối khác thường, có cảm giác không dễ chịu và hài hòa, mà như báo trước điềm gở. Lúc bình thường tôi ít khi suy ngẫm, nhưng đôi khi tôi cũng chợt nghĩ gần như tôi chẳng biết gì về Emerenc, ngoài sự gàn dở và những câu trả lời né tránh đã được gọt giũa nhẵn nhụi của bà.

“Mấy bữa nữa tôi sẽ có khách,” bà bắt đầu. Người sau khi gây mê có giọng nói như thế, nhát gừng và xa xôi, như thể tâm trí muốn hỗ trợ cho ý thức đang chấp chững có thêm sức mạnh. “Bà biết đấy, tôi không cho ai vào trong nhà, nhưng không thể để người khách sẽ đến ngồi ở ngoài này, chỗ bà đang ngồi đấy. Không thể.”

Kinh nghiệm mách bảo tôi đừng bao giờ vặn hỏi bà, khi đó bà sẽ hốt hoảng và hé lộ còn ít hơn nữa. Nếu bà đợi một người khách không thể tiếp ở đây, cũng không thể cho vào nhà, thì rõ ràng đó không phải là người bình thường. Hay có lẽ đó là hai cậu em trai tóc vàng đã cháy thành than đến thăm bà, có khi chúng chưa từng sống, chúng chỉ là những nhân vật của một khúc ba lát, hay đó chính là Chúa Trời mà Emerenc không tin, bởi thay vì quần áo vải, Chúa đã cho bà áo váy vũ hội. Người đó phải quan trọng hơn cả “con trai cậu em Józsi” và ông trung tá, vì hai người ấy bà đều tiếp ở ngoài này.

“Cho phép tôi được trò chuyện với người ấy ở bên nhà bà, được không? Kể khác hay đưa chuyện, bà thì không. Chúng ta sẽ làm như đó là khách của ông bà. Ông chủ hôm ấy đi làm buổi chiều, và nếu bà nói thì ông sẽ đồng ý. Bà có giúp tôi không? Bà biết đấy, tôi sẽ trả ơn bà.”

“Bà muốn tiếp khách ở nhà tôi?” tôi nhìn bà. Một câu hỏi thừa, Emerenc đã diễn đạt chính xác, chuẩn tuyệt đối. Dĩ nhiên là bà muốn điều đó.

“Chỉ cần bà nhận làm sao để người đó nghĩ tôi cũng sống ở bên đó, cùng với ông bà. Tôi sẽ mang sang hết, tách chén, cà phê, đồ uống, bà không cần bỏ ra thứ gì hết, chỉ cần có chỗ. Bà hãy nói đồng ý. Tôi sẽ phục vụ bà. Đến tối, khi ông chủ về, chúng tôi đã ra khỏi nhà. Bốn giờ chiều thứ Tư. Có được không?”

Viola thở dài trên bậc cửa, ngoài trời mưa giăng nhẹ nhẹ. Hồi đó tình hình đã bình thường trở lại từ lâu, khách của Emerenc có là Tổng thống Cộng hòa Pháp đi chẳng nữa cũng không thể gây rắc rối chính trị. Rằng vì sao bà không thể tiếp khách ở đây, điều đó chỉ làm sâu sắc thêm chút ít sự bí hiểm bao phủ lên bà như một chiếc khăn lớn. Tôi nhún vai, đồng ý để người khách đến, hy vọng tôi không phải đứng gác, nếu bà muốn tôi có mặt ở nhà và không muốn gấp gáp tay đôi với khách.

Trên đường về tôi nghĩ cách nói sao để chồng tôi chấp nhận. Ông ghét nhất những việc không rõ ràng, tất cả những gì không tròn trịa, không chắc chắn, không chứng tỏ được. Nhưng thay vì phản đối, ông chỉ cười, trong việc này có điều gì đó lạ lùng, nó đánh thức trí tưởng tượng nhà văn của ông. Emerenc và người khách mà bà sẽ tiếp ở đây! Hay bà muốn lấy chồng, hay con người xa lạ đó đến để đáp lại một tin quảng cáo tìm bạn kết hôn, và Emerenc, người không bao giờ mở cửa cho ai, sẽ xem mặt ở nhà tôi? Cứ để người ấy đến! Ông gần như tiếc rẻ vì sẽ không có mặt ở nhà. Ông yên tâm để chúng tôi ở nhà với một người lạ vì biết Viola sẽ róc xương kẻ nào động đến chúng tôi. Nghe nói đến tên mình, con chó chạy tới âu yếm liếm tay ông rồi lăn ngửa ra: nó đòi gãi. Việc nó hiểu hết mọi chuyện là một ấn tượng khó quên.

Vào ngày đã hẹn, Emerenc như người phát cuồng cố tìm hãm mình bằng ý chí sắt đá. Viola cũng không bình thường,

nó lây trạng thái tâm lý của mọi người. Bà già phủ khăn lên tất cả các đĩa, các khay mà bà đem sang nhà tôi. Thấy thế tôi tức giận hỏi nếu như bà đã muốn giữ kín cuộc gặp gỡ này đến thế, thì sao bà lại bê đồ đạc trên phố, bà không bị hù và chắc khách của bà cũng không, tại sao họ không thể dùng đĩa bát, dao dĩa nhà tôi, tủ đựng dụng cụ ăn đấy, bà muốn lấy gì ra thì lấy, bà có thể dọn ăn bằng bộ đồ ăn ngày lễ bằng bạc của mẹ tôi, bà nghĩ sao, tôi tiếc bà ư?

Bà không cảm ơn tôi, nhưng bà bảo bà sẽ không quên một cử chỉ nào, tốt đẹp hay xấu xa. Bà đáp không phải bà muốn giữ kín, bà chỉ không muốn cho người kia thấy bà sống một mình, không có gia đình ở bên, bà cũng chẳng muốn phân bua tại sao bà không mở cửa, hay vì sao bà sống như thế.

Trong lúc bà dọn bàn trong phòng mẹ tôi, tôi cảm thấy đã đến lúc phải nhắc nhở bà một điều tôi đã định từ lâu. Bà bày món rán để nguội, món xà lát - bà biết cách bày biện rất tuyệt - tôi hỏi có bao giờ bà nghĩ đến việc trao đổi với một chuyên gia y tế về triệu chứng không thể coi là bình thường của bà là đóng kín cửa với thế giới, sự ức chế hay gì đó có tên gọi y học của nó, chắc sẽ chữa được. “Bác sĩ ư?” bà nhìn tôi, trong lúc đang lau những cốc uống sâm banh chân cao chỉ dùng trong những dịp long trọng nhất. “Tôi đâu phải bệnh nhân, và cũng chẳng làm hại ai với cách sống của tôi, hơn nữa bà cũng biết tôi không thể chịu nổi đám bác sĩ. Hãy để tôi yên, tôi không thích bà dạy tôi. Nếu tôi yêu cầu gì đó, và bà giúp tôi, thì hãy im lặng giúp, nếu không, bà có làm cũng vô ích.”

Tôi bỏ mặc bà, vào phòng ngủ bật một đĩa hát để khỏi phải bận tâm những gì tôi không thấy. Đến lúc đó tôi đã chán ngấy người khách mà Emerenc sắp tiếp ở nhà tôi. Thế nào rồi

có ngày bà cũng gây vạ cho chúng tôi, đúng là điên. Bà sẽ đưa ai về nhà tôi, giả như không có con chó, chắc tôi sẽ sợ, và bà cần gì đến những chiếc cốc sâm banh cho cuộc gặp gỡ lén lút này? Tôi không thích những bí mật của chính mình, chứ chưa nói đến của người khác.

Tiếng nhạc vang ra từ đĩa hát át hết những sự kiện khác, tôi ở cách phòng mẹ tôi - nơi Emerenc đang bày biện - hai phòng. Tôi thử đọc sách, đã lật giở chừng năm chục trang, thì bắt đầu thấy ngờ ngợ. Emerenc muốn giới thiệu tôi với người khách lạ, nhưng vị khách ấy đâu, và họ làm gì mà im ắng thế. Viola cũng im thín thít. Liệu người ấy đã đến chưa? Đã gần một giờ trôi qua kể từ thời khắc Emerenc chờ đợi, khi tôi nghe tiếng chó sủa. Tôi nghĩ bà đợi khách với món lạnh, chứ không phải một món ăn nóng hấp dẫn nào đó, là đặc dụng, ít ra thức ăn vẫn sốt dẻo đối với khách. Tôi tiếp tục nghe nhạc, khi cửa phòng bỗng nhiên bật mở, Viola lao vào, nó nhảy nhót quanh giường, vẻ bất an, có thể thấy nó muốn thông báo điều gì đó. Điều này thật lạ, vì nếu vị khách sợ chó, thì Emerenc đã đuổi nó ra ngoài không cho vào. Họ làm gì ở ngoài đó mà bà già không chịu đựng nổi Viola? Lát sau mới vỡ lẽ ra, vì sau con chó không lâu thì bà cũng xuất hiện, gương mặt không thể hiện điều gì, bà biết giữ vẻ lạnh lùng như người cầm điếu. Lúc ấy Viola đã nằm xuống bên tôi trên chiếc giường kiểu Pháp, Emerenc không nhìn thấy nó. Bà thông báo người bà chờ không đến, và sẽ không đến nữa. Ông thợ bách nghệ đã chạy qua đây, khách sạn mà người khách đặt chỗ ở đã tìm ra số điện thoại của ông thợ bách nghệ, và qua ông nhắn với Emerenc là vì lý do công việc làm ăn, cuộc viếng thăm của vị khách bị hủy bỏ vào phút chót, người ấy không sang Budapest, nếu sắp tới người ấy đi được, thì sẽ thông báo kịp thời.

Tôi có vô khối những cuộc gặp gỡ bị lỡ, vì cuối cùng khách không đến được. Tôi không thấy trong vụ này có điều gì bị kịch, ngoài việc Emerenc đã mất một món tiền vô ích, nhưng bà già bỏ đi như một cơn lốc. Bà đóng sập cửa, tôi nghe tiếng bà quát Viola trong phòng đệm khi nó định lên theo bà, đến nỗi tôi phải dậy xem bà làm gì con chó, xét cho cùng nó có làm gì nên tội. Từ phòng mẹ tôi, nơi Emerenc dọn bàn ăn, nghe tiếng bát đĩa va nhau, lần đầu tiên trong đời, tôi hốt hoảng vì vốn từ của Emerenc, bà tuôn ra những lời nguyên rủa tục tằn. Tôi mở cửa vào, nhưng cũng dừng lại trên bậc cửa. Bà đâu có hành hạ con chó, có lẽ bà chửi rủa người khác; Viola ngồi trên chiếc ghế của mẹ tôi và đang ăn, Emerenc kéo đĩa về phía nó, con chó đớp lấy những lát thịt rán, hai chân trước đặt trên tấm lót, ăn ngấu nghiến, móng vuốt nó trượt trên mặt chiếc khay đựng thức ăn gần gương Murano đặt ở giữa bàn mà chưa khi nào trong đời, ngay cả những ngày lễ trọng nhất tôi cũng không đặt đồ lên, và ở giữa tấm gương, chiếc chân đỡ nền bằng bạc năm nhánh chao đi chao lại. Thỉnh thoảng Viola để tuột miếng ăn khỏi mõm, nó đớp theo miếng ăn trên mặt gươngбет mỡ. Tôi nghĩ trong đời chưa khi nào tôi điên tiết đến thế.

“Cút đi, Viola! Xuống đất ngay! Cái khay, đồ sứ của mẹ tôi! Các người làm gì thế này? Emerenc, bà điên rồi hay sao?”

Cả trước đó, cả sau này, tới khi bà sắp chết tôi cũng chưa bao giờ thấy bà nức nở; lúc đó bà khóc, và tôi không biết phải làm gì, vì trong những thời khắc hoảng loạn, con chó không bao giờ nghe lời tôi, chừng nào Emerenc chưa nhắc lại lệnh cấm nó. Lúc ấy nó vẫn bình thản ăn tiếp, Emerenc nức nở bên kia bàn, thỉnh thoảng con chó liếc nhìn bà về cảm

thông, nhưng nó vẫn ăn, không cưỡng lại được những miếng ăn ngon. Tôi không thể nói rằng nó không học được cách ứng xử bên bàn của Emerenc, nó có thể biểu diễn tiết mục này: nó ăn gần như không thể chê trách được, nó ngồi như người, tựa chân trái hay phải lên bàn, chỉ có điều nó không cầm lấy thức ăn bằng móng vuốt mà tự phục vụ mình bằng mõm. Bức tranh phi lý và lở bịch khiến tôi điên tiết không thể tả nổi. Con chó của tôi không thèm để ý xem tôi sai bảo nó điều gì, nó ngồi và đánh chén bên chiếc bàn của mẹ tôi, bày biện đầy thức ăn sang trọng, trong phòng mẹ tôi. Thỉnh thoảng nó liếc nhìn chiếc bánh kem lớn đặt trên tủ đựng bát đĩa, và có vẻ như đang cân nhắc xem làm thế nào để lấy được chiếc bánh xuống, trong khi Emerenc khóc nức nở, không ngừng. Bà tiêu tốn vào đây không ít, khay thức ăn tuy đã vơi, nhưng qua những tàn tích còn lại có thể thấy ở đây người ta rất tôn trọng người khách không tới. Tôi cảm thấy cơn giận trong người mỗi lúc một tăng, đã sắp nổ tung ra, đúng lúc Emerenc bỗng nhiên lau mặt, dùng hai mu bàn tay chùi khóe mắt, sau đó như người bất chợt bừng tỉnh từ cơn say, không có sự chuyển tiếp, bà nhảy xổ tới chỗ con chó đang ăn ngon lành, dùng cán đĩa lớn để lấy thức ăn đánh nó túi bụi. Bà rửa nó là đồ vô ơn, phản trắc, hèn hạ, đồ tư sản vô tâm. Viola rít lên, nó nhảy xuống đất nằm mọp trên thảm chịu trận đòn không thể hiểu vì sao. Không bao giờ nó chạy trốn khi bị Emerenc đánh, cũng không tìm cách chống đỡ. Chỉ có thể thấy trong mơ những điều khủng khiếp, những tình tiết phi lý như những gì đang diễn ra lúc đó. Viola co rúm, run rẩy dưới đòn roi, hoảng hốt quá nó không nuốt nổi miếng cuối cùng, miếng ăn lòi ra rơi xuống chiếc thảm yêu thích của mẹ tôi. Thấy bà lao xuống phía con chó, tôi tưởng Emerenc sẽ dùng chiếc đĩa đâm vào

nó, trong giây phút ấy mọi việc đều có thể, tôi hoảng hốt hét lên. Nhưng bà già đã quỳ xuống cạnh con chó, bà nâng đầu nó lên, hôn vào chỗ giữa hai tai nó. Viola rên lên vì sung sướng, và nó liếm bàn tay vừa đánh nó túi bụi.

Thôi, quá lắm rồi, hãy tìm cho những cơn điên của bà cử tọa khác. Tôi quay gót, yêu cầu bà hãy dọn dẹp hết bẩn thỉu khỏi phòng mẹ tôi, và nếu yêu cầu của tôi không quá đáng, từ nay bà đừng chọn chúng tôi làm những nhân vật phụ cho các hoạt cảnh không thể hiểu nổi của đời bà, cũng đừng lấy nhà tôi làm sân khấu cho những hoạt cảnh ấy. Không đến nỗi bóng bẩy như thế, nhưng tôi đã nói đại ý như thế để bà hiểu. Bà đã hiểu.

Tôi nghe thấy tiếng động từ bên trong, tiếng bà đi lại, dọn dẹp. Dĩ nhiên tôi không thể biết, sau đó mới rõ, bà đã cho bánh ngọt, sâm banh - những thứ bà định đãi khách - cả những khay đựng thịt rán khác, chưa động đến, vào tủ lạnh, chắc định để cho chúng tôi; còn các đồ Viola ăn dở bà đổ vào hộp đựng thức ăn cho chó. Lúc này con vật không động đây gì nữa, cuối cùng xung quanh tôi đã yên lặng. Tôi tưởng Emerenc đã về, nhưng hóa ra bà chỉ chuẩn bị. Bà đóng dây cho con Viola, lần nào có điều gì khiến con chó khó chịu bà cũng đưa nó đi dạo một chuyến đặc biệt, dài hơn, ngay cả khi vì thế mà bà phải ngừng là hay vò quần áo. Khi bà gọi vào bảo sẽ đưa con chó về phía rừng, bà đã trở lại bình thường, bà đứng với con chó trên bậc cửa và xin lỗi tôi. Chưa bao giờ nghe thấy một người nào xin lỗi đường hoàng như thế, không một chút hạ mình hay ăn năn, sau đó bao giờ tôi cũng cảm thấy thực ra bà nhạo báng tôi, cứ như không phải bà mà chính tôi đã mắc lỗi. Dĩ nhiên bà không giải thích, cứ thế dắt con chó đi.

Tối hôm ấy, khi tôi kể lại về buổi chiều của Emerenc, chồng tôi chỉ phui tay. Ông bảo tại tôi coi chuyện gì và coi ai cũng nghiêm trọng, và hay can dự vào việc của những người khác. Lẽ ra bà ta có thể tiếp người khách bí ẩn ấy ở câu lạc bộ ngoài hiên của bà, con người quan trọng hơn cả ông trung tá, đến nỗi chỉ có phòng mẹ tôi mới là chỗ ăn thích hợp. Bà ta đã nấu nướng đến mệt rã người mà khách không đến. Hãy đem trả các thứ nhét trong tủ lạnh cho bà, ông không muốn ăn thức ăn thừa do khách không đến, ông không phải là con Viola.

Tôi cảm thấy ông nói vừa đúng, vừa không đúng. Dĩ nhiên tôi đã làm như ông muốn, tôi chất hết các thứ lên khay để đem trả bà. Tôi cũng giận bà già, nhưng tôi hiểu điều đã xảy ra ở đây chiều nay, dù sao đi nữa, trong mắt Emerenc, đó chính là nỗi đau đớn tồi tệ nhất. Tôi đã nghe bà nức nở, và trong mấy tiếng từ lúc bà đi tôi đã bình tĩnh lại, để một nỗi ngờ vực lớn dần trong tôi: vấn đề ở đây trầm trọng hơn so với việc xoa dịu nỗi bất bình của chúng tôi. Điều tôi nhìn thấy, cảnh Viola đang ngồi ăn, có lẽ chỉ có vẻ bề ngoài thơ mộng, và bữa tiệc của Emerenc thể hiện một trạng thái tâm lý thần thoại kiểu khác, vì nếu tôi suy nghĩ kỹ, ở bên cạnh bàn không chỉ là một con chó ngoan được thưởng và chủ của nó, mà là hai nhân vật của thần thoại Hy Lạp tham dự vào một nghi lễ hiến tế rừng rợn. Miếng thịt mà con vật đớp vào miệng, có lẽ chỉ nhìn bề ngoài là giống như miếng ngon thật, không chỉ là miếng ăn, mà là tổng hợp của các thứ thịt, của gân cốt, một thứ vật hiến sinh con người, như thể Emerenc đem con người kia làm thức ăn cho con chó, cùng tất cả những hồi ức và thiện ý của bà. Con người chiều hôm ấy không đến, chỉ gửi lời nhắn, đã làm tổn thương điều quan trọng nhất ở Emerenc, điều mà bà không bao giờ kể với

một ai. Viola là Jason⁽¹⁾ ngây thơ. Dưới chiếc khăn của Medea - Emerenc đổ rức than lửa của địa ngục.

Tôi không sung sướng gì khi phải đem trả thức ăn cho bà, dù cũng chẳng thích bà nhét thức ăn thừa cho chúng tôi. Tôi cũng là người nhà quê, với thói tự ái nhà quê, tôi biết đem trả đồ ăn sẽ làm bà tổn thương, nhưng không có cách nào tốt hơn để làm cho bà hiểu rằng lần này đúng là bà đã bước qua mọi giới hạn.

Cái khay nặng, khó khăn lắm tôi mới mở được cổng. Người đi lại ngó nhìn tôi bê nó qua đường. Không thấy Emerenc đâu, nhưng từ sau cánh cửa đóng kín, khác với mọi khi, nghe có tiếng động không che giấu, thậm chí bà đang nói chuyện, rõ ràng bà nói với mèo, cũng như bà hay giải thích cho Viola. Tôi gọi bà, bảo đáng tiếc tôi không thể giữ lại thức ăn của bữa tiệc, tôi mang sang đây, để trên bàn ngoài hiên, rồi bà ra mà lấy. Thế rồi bà vãn hé cửa, đủ để mèo không chui ra và ngăn không cho khách nhìn vào trong. Bà đã thay bộ đồ ngày thường chứ không còn mặc đồ ngày lễ. Bà không nói một lời, lôi ra từ một hòm nhỏ dùng để chứa đồ một chiếc nôi to, bà gạt tất cả vào đó, ẩn cả bánh ngọt lẫn với thịt, với xa lát, sau đó bà đem vào buồng vệ sinh; tôi nghe tiếng bà vét các thứ xuống bồn cầu và giặt nước. Viola cuống cuống, nhưng bà không cho nó ăn, cũng không để nó lại gần, cứ như không quen biết, bà còn đá dứ về phía nó. Khi đó tôi lại sợ Emerenc, sợ thực sự. Tôi nắm chặt dây buộc Viola, dù biết rằng nếu bà lên cơn đột ngột và lao vào đánh tôi, thì con chó sẽ không bảo vệ tôi, mà

1. Jason: anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, con trai của Aeson, vị vua hợp pháp của Iolcus. Jason đã kết hôn với nàng phù thủy Medea nhưng rồi phản bội nàng khi được hứa gả con gái vua Greon. Medea trả thù bằng cách sát hại cả Greon, cô công chúa, và hai đứa con trai đã sinh cho Jason.

đứng về phía bà. Emerenc xử lý cả đồ uống, bà cầm cổ chai đập vào thành cửa, chai sâm banh nổ tung, con chó rít lên sợ hãi. Emerenc dọn chai vào thùng rác, rồi bà lau rửa hàng hiên lênh láng rượu vang, sâm banh. Mùi bốc lên giống trong quán rượu. Số phận run rủi cho Sutú, Adélka và Polett đến đứng trong khoảng mười lăm phút ấy, thấy chúng tôi họ liền quay ra ngay. Họ không thể hiểu nổi, nhìn chúng tôi khi đó chẳng hứa hẹn điều gì đáng tin cậy, Emerenc im lặng lau rượu trên nền đá, con chó rên ư ử, tôi đứng như trời trồng, tốt nhất là không nên đến gần, họ bỏ đi ngay.

Lúc đó tôi chắc chắn là buổi chiều bên cạnh chiếc bàn của mẹ tôi đã xảy ra vụ giết người; cùng các món ăn, Emerenc đã thanh toán cả người khách. Vài năm sau tôi có dịp làm quen với nạn nhân, một phụ nữ trẻ xinh đẹp, cao, cân đối, bước đi bên tôi giữa đám đông trong ngày tảo mộ. Cô không thể chọn ngày nào bất tiện hơn để giải quyết công việc làm ăn buôn bán ở Budapest và thăm viếng nghĩa địa, nhưng cũng có thể làm những việc hấp dẫn hơn là tìm đến nơi yên nghỉ của Emerenc. Cô đặt hoa xuống bậc thềm của ngôi hầm mộ cổ tích, cô không thể ngờ (chỉ có tôi biết) rằng ngày tới hôm ấy những bông hồng cắt dài dựng trong hộp giấy bóng kính sẽ bị đánh cắp. Cô lấy làm tiếc đã không về được vào ngày hẹn trước đây, giá về thì cô còn được nhìn thấy Emerenc. Nhưng cô là một nữ thương gia, kể từ khi bố cô và ông bác cô - từ trước đó đã sống ở nước ngoài - nghỉ hưu, cô phải quản lý nhà máy, và đúng đạo ấy các công việc ở châu Âu đang diễn biến theo hướng sẽ đưa đến một việc gì đó - một mối làm việc ở Budapest - bị hoãn lại. Chuyển đi của cô vì thế không còn ý nghĩa, đành phải chờ một dịp khác, khi có thể kết hợp đàm phán với về thăm Emerenc. New York đâu chỉ cách mấy bước chân.

Cô ăn tối với chúng tôi, tất nhiên chỉ những thứ có sẵn trong tủ lạnh, còn đầu bàn ăn thịnh soạn của Emerenc, với những ngọn nến ngấm mình trong gương Murano. Tôi nói với cô chuyển viếng thăm bị lỡ đã tác động nghiêm trọng đến bà già như thế nào, cô ngạc nhiên không hiểu, làm sao bà có thể đau đớn đến thế vì một sự thay đổi thời gian, chuyện ấy có thể xảy ra bất cứ lúc nào trên thương trường. Tôi nhận thấy lúc ở trong nghĩa địa, một làn gió lạnh ẩm ướt ào lên chúng tôi, cứ như bà già không muốn nhận cây nến cô vừa thắp cho bà. Khi người phụ nữ trẻ vừa động đến nấm mồ, một cơn gió thổi làm nước từ những cành cây nhỏ xuống cổ cô, những ngọn nến vừa cháy lại tắt ngấm, cứ như Emerenc lấy hết hơi thổi chúng vào mặt cô. Vô khối lần sau khi chết, bà đã quay một vòng quanh gót chân ma quỷ của bà và giơ ngón tay làm dấu giễu cợt cảm giác tội lỗi và cố gắng xích lại gần của chúng tôi: những lúc như thế, một tinh thể nào đó - cho tới khi ấy còn chưa biết - trong số hàng triệu điều bí mật thuộc về bà sáng lóe lên trước mắt chúng tôi.

Điều đáng buồn nhất là giá như họ gặp được nhau, thì từ những lời lẽ của khách, có lẽ Emerenc đã hiểu ra, cô không muốn làm tổn thương, cũng chẳng muốn xúc phạm bà, không phải một cô gái lớn lên từ một đứa bé sơ sinh đã coi thường sự chuẩn bị háo hức của bà, mà từ đứa bé sơ sinh đã thành một nữ thương gia sắp xếp việc cần làm của cô trong các khả năng của mình. Với tư cách một người đã trưởng thành, cô hình dung rõ vào thời gian đó sự nương tựa hoàn toàn của cô vào Emerenc đã thức tỉnh ở bà những tình cảm như thế nào, cũng như việc gia đình cô và cá nhân cô phải đối ơn người ở một thời của họ những gì. Cô dùng bữa tối đạm bạc ở nhà tôi, không có những hồi tưởng đầy nước mắt, cô tiếc vì cuối cùng đã không được

biết bà già, gần như đó là lần đầu tiên cô nhìn thấy bà, vì lúc trước cô còn bé quá, dù cố gắng đến đâu cô cũng không nhớ nổi khuôn mặt bà. Tôi nghĩ, cô gái dễ thương này sẽ nói gì nếu biết bà đã giết chết cô trong trí tưởng tượng như thế nào, cơn thịnh nộ mù quáng của bà đã đẩy tình yêu cảm thấy như bị từ chối trật khỏi thanh ray của lý trí tỉnh táo trong mười lăm phút, và bà đã ném miếng thịt rán - tượng trưng cho đứa bé được cứu vớt, nhưng tỏ ra không xứng đáng - cho chó ăn.

Dĩ nhiên, tất cả những chuyện này còn cách tối hôm đó xa, xa kinh khủng. Trước mắt, khi về tới nhà, tôi chỉ cảm thấy mình đã làm một việc có thể là sai lầm, có thể là xúc phạm. Lẽ ra tôi không nên cho phép Emerenc mời người khách lạ đến nhà tôi, lẽ ra tôi không được nhận sắm vai phụ cho bà, để tạo ra vẻ bề ngoài trước bất cứ ai, rằng bà sống trong một gia đình, chứ không sống độc thân, và tiếp tục làm những bí ẩn của bà mờ ám hơn. Nhưng nếu tôi đã làm, lẽ ra tôi không được trả lại bà thứ bà không muốn nhìn thấy, những thứ bà đã để lại cho chúng tôi. Đôi khi con người ta bị chi phối bởi sự kiêu hãnh mới ngu xuẩn làm sao, có lẽ bà đã vượt qua cơn khủng hoảng tôi không thể hiểu là gì này dễ dàng hơn, nếu bà cảm thấy đau sao công sức của bà cũng không đến nỗi vô ích, vì bà đã chuẩn bị những món ăn hiếm khi xuất hiện ngay cả trên bàn ăn ở các khách sạn lớn. Lẽ ra tôi không nên mang trả lại bà bất cứ thứ gì. Hôm nay bà già đã bị một điều gì đó gây tổn thương, có nguyên nhân hay không tôi không rõ. Cũng có thể mọi việc đều có lời giải thích hợp lý và đơn giản, chỉ có điều Emerenc không hiểu như tôi. Bà nhìn mọi sự việc không theo cách của một ai khác. Sao cả tôi cũng làm khổ bà? Bà đã đánh con Viola túi bụi, thế mà nó đã chịu đựng, dù nó biết hết, nó cảm nhận được qua bao nhiêu sợi dây, bao nhiêu kênh bí ẩn.

Chúng tôi đi nằm, tôi thấy khó chịu. Chống tôi đã ngủ từ lâu, tôi vẫn không tài nào ngủ được, trong lòng không yên. Tôi dậy mặc quần áo, Viola nằm cạnh giường mẹ tôi trong phòng thứ ba, nó nhận ra ngay tiếng động, nhưng nó không kêu, chỉ khê cào cào cửa, như không muốn để chống tôi nghe tiếng. Được rồi, hai chúng ta đi, đúng là chỉ có mấy bước chân, nhưng ban đêm tôi không muốn ra phố một mình.

Chúng tôi đi, như các nhân vật thời thơ ấu của tôi trong *Aeneid*⁽¹⁾, như đức cha trẻ nhân từ trong khúc thứ sáu của trường ca, có thể đây là khoảnh khắc khi một điều gì đó sẽ được định đoạt vĩnh viễn trong cuộc đời và trong quan hệ giữa hai chúng tôi. *Ibant obscuri sola sub nocte per umbram perque domos Ditis vacuas*⁽²⁾. Tôi và Viola bước đi chậm rãi trong bóng tối lờ mờ. Cổng đóng. Tôi bấm chuông nhà Emerenc, chờ bà ra. Đã quá nửa đêm, nhưng tôi thấy đèn ngoài hiên còn sáng, Emerenc chưa đi ngủ chừng nào bà chưa tắt đèn. Bà ra ngay thật, chúng tôi đứng hai bên lưới sắt, Viola khụt khịt đặt chân lên bậc thềm đá.

“Ông chủ ốm hay sao?” Emerenc hỏi. Giọng khô, bàng quan, nhỏ nhẹ một cách lịch lãm.

“Ông nhà tôi không ốm. Tôi muốn vào trong nhà.”

Bà cho chúng tôi vào, rồi khóa cổng lại. Bà vừa ra khỏi nhà, nhưng tất nhiên đã cẩn thận đóng cửa lại. Viola nằm xuống nền đá, đánh hơi tìm con mèo qua khe cửa hẹp. Tôi muốn nói một điều gì đó dễ nghe, an ủi, đại loại là tôi không

1. *Aeneid*: sử thi Latin của Vergilius, viết vào khoảng từ năm 29 đến 19 trước Công nguyên.

2. Câu thơ trích từ *Aeneid*, đoạn tả Aeneis và người dẫn đường đi dưới âm phủ. Tạm dịch: “Họ đi trong bóng tối, qua những cái bóng, về phía vương quốc hoang vu của Ditis” (Ditis hay Dís hay Pluto là vua của thế giới âm phủ). (ND)

hiếu điều gì đã xảy ra hay đang diễn ra ngày hôm nay, nhưng tôi lấy làm tiếc rằng vào buổi chiều khi bà đang bức bối vì một điều gì đó, tôi đã không xử lý khôn khéo hơn, và tuy không biết lý do gì khiến bà nóng giận, nhưng tôi đồng cảm với bà. Tôi chẳng biết nói gì, tôi chỉ biết phải làm gì trên trang giấy, ngoài đời tôi khó nói thành lời.

“Tôi đói,” cuối cùng tôi nói. “Ở nhà bà còn thức ăn gì không?”

Mặt trời cũng không chiếu rọi bất chợt như thế, từ những đám mây xám xịt, bất chấp mọi logic, khi thời tiết đột ngột thay đổi. Bà mỉm cười. Lúc ấy tôi mới nhận ra bà rất ít khi cười. Đầu tiên bà vào buồng vệ sinh, có tiếng nước chảy, tôi nghe thấy bà đang rửa tay, Emerenc không khi nào động đến đồ ăn mà không rửa tay, sau đó bà mở cửa buồng để thức ăn. Hóa ra trong ấy bà không chỉ để đồ ăn, mà để cả khăn trải bàn trên các giá đỡ. Viola định đi theo bà, tôi giật dây buộc cổ nó, bà ra lệnh cho nó ở nguyên đó, nó nằm xuống. Emerenc quay ra với chiếc khăn trải bàn lụa Damascus màu vàng, bà đem ra cả đĩa, dao và không phải phần thịt nấu chín để khách để lại mà là món thịt rán khác được ngâm tẩm gia vị mạnh. Món thịt ngon không tưởng tượng nổi, tôi ăn rất ngon miệng, Viola được phần xương. Bà mời cả rượu vang, không phải loại đóng trong chai, mà đựng trong bình. Tôi uống, dù không thích rượu, nhưng đêm nay hoặc tôi đón nhận tất cả, hoặc tôi sang đây vô ích. Tôi không rõ mình diễn vai gì bên bàn ăn của bà, nhưng tôi biết rằng lúc này tôi vào vai người bà đã hoài công đợi, người mà vì người đó bà không quản ngại mọi vất vả. Tôi gắng sắm vai người xa lạ ấy thật tốt, con người mà khi đó tôi chưa biết là ai. Hai chúng tôi cùng vâng vâng tai con chó, cùng chơi với bàn chân của nó, rồi đến khi tôi định về, Emerenc đã đưa tiễn tôi, như thể tôi về tận

Kőbánya⁽¹⁾ không bằng, chân đi dép, mặc áo ngủ. Chúng tôi chỉ nói về con chó, cứ như đó là điều quan trọng nhất vào đêm hôm ấy; tính nết của Viola, sự khôn ngoan của nó, vóc dáng đẹp của nó là đề tài, không ai dă động tới vị khách không đến. Khi đến cổng nhà tôi, Emerenc đưa cho tôi đầu sợi dây dắt chó, bà đợi đến khi tôi vào vườn, rồi thẽ thọt, nhẹ nhàng như thể nói lên lời thề nguyện, trong cái đêm Vergilius đầy những chi tiết huyền hoặc và có thực này, bà bảo sẽ không bao giờ quên điều tôi đã làm đêm nay.

Chồng tôi vẫn ngủ khi tôi nằm xuống bên cạnh ông. Khó khăn lắm tôi mới bắt Viola trở về chỗ, ngày hôm nay nó đã trải qua nhiều việc bất thường. Rồi nó cũng ngủ, không phải trong phòng mẹ tôi, mà trên bậc cửa phòng tắm, cuối cùng nó đã trấn tĩnh hẳn, vì tôi nghe tiếng nó ngáy như một người đàn ông.

1. Kőbánya: một khu thuộc quận X, nằm bên phía Pest, cách khu nhà Emerenc ở khá xa.

NGÀY THẢI ĐỒ⁽¹⁾

Tôi nghĩ, kể từ thời điểm đó, Emerenc bắt đầu quý tôi thực sự, không ngần ngại, gần như thắm lặng, như người ý thức được rằng tình yêu là nghĩa vụ, và thực chất là nỗi đam mê nguy hiểm, bất trắc. Trong năm ấy, vào sáng sớm Ngày của Mẹ⁽²⁾, bà bỗng nhiên xuất hiện trong phòng ngủ của chúng tôi, chống tôi thức dậy khó khăn vì giấc mơ thuốc ngủ, nhưng tôi thì dậy ngay, trong ánh sáng tinh khôi tràn qua cửa sổ, tôi ngạc nhiên nhìn Emerenc trong bộ trang phục ngày lễ, cầm dây dắt Viola đến bên giường. Trên đầu Viola đội chiếc mũ dạ đen có vành, một bông hồng tươi cài trên dải mũ, quanh sợi dây buộc cổ quần hoa. Từ đó trở đi, vào sáng sớm tất cả các Ngày của Mẹ, bà đều dẫn con chó đến, và hát bài ca chúc mừng thay Viola:

Con cảm ơn lòng tốt, cảm ơn người đã yêu con

Cho con miếng ăn, cho con tổ ấm

Cảm ơn thầy, cảm ơn mẹ cha dạy dỗ

Cầu Chúa phù hộ cho mùa màng bội thu.

1. Ở các thành phố châu Âu, một năm thường có đợt một hay vài ngày mọi người được thải loại các đồ dùng cũ, không sử dụng ra đường. Đồ cũ chất thành từng đống ở những nơi quy định, chờ xe rác chở đi.

2. Ngày lễ tôn vinh và ghi nhớ công ơn của các bà mẹ, ở Hungary thường là ngày Chủ Nhật đầu tiên của tháng Năm.

Bài thơ có lẽ bà đã đọc ở trường phổ thông cho thầy cô giáo trong một buổi lễ nào đó sau Cách mạng Nga 1905, trước Thế chiến I vài năm, hằng năm lại vang lên bên giường chúng tôi qua giọng đọc không bao giờ thay đổi của Emerenc; lần nào Viola cũng muốn rũ bỏ chiếc mũ nhỏ, có trời biết ở đâu ra, nhưng tất nhiên nó không được phép. Năm nào bà già cũng nói thêm một câu nghi lễ để kết thúc: *“Con, đứa con trai, xin cảm ơn tất cả, xin dâng bà chủ đóa hoa cài trên mũ con.”* Ngày của Mẹ, bao giờ trên mũ nó cũng có hoa hồng, từ đó tôi không thể nhìn thấy chiếc mũ dạ màu đen mà không liên tưởng tới hình ảnh của bà và con chó, Emerenc trong bộ lễ phục, và con chó đeo vòng hoa trên cổ, hai tai cụp xuống dưới vành mũ.

Chồng tôi khó chịu với nghi lễ này đến nỗi đêm trước Ngày của Mẹ ông không vào phòng ngủ, cứ mặc áo choàng tắm ngủ gà gật trên ghế, hay vào phòng mẹ tôi rồi đóng cửa lại, ông cảm thấy không thể chịu nổi những chuyến viếng thăm sớm mai bên giường ngủ, lúc chưa thay quần áo. Tôi nghĩ ông cũng không thích Emerenc yêu quý tôi đến thế và cả cách thức thể hiện riêng biệt của bà.

Vì Emerenc yêu quý không theo cách thông thường, mà giống như thể bà đã đọc trong *Kinh Thánh*, cuốn sách bà không khi nào cầm trên tay, hay như thể bà đã được đưa tới gần các tông đồ trong thời gian ba năm học phổ thông. Emerenc không biết, nhưng bà sống theo những lời dạy của Thánh Paul⁽¹⁾. Tôi không nghĩ rằng ngoài bốn con người nâng đỡ mái vòm của cuộc đời tôi là cha mẹ tôi, chồng tôi và người em nuôi

1. Thánh Paul (3-14 TCN - 62-69 CN): là thánh tông đồ thứ 13, được xem là một trong những trụ cột của hội thánh tiên khởi và là một trong những nhân tố có đóng góp quan trọng cho sự phát triển Cơ Đốc giáo thời kỳ sơ khai.

Agancsos ra còn một người yêu thương tôi vô điều kiện và vô tư như bà. Tình cảm của bà khiến ta nhớ đến tình cảm của con Viola nhất, bà lang thang đau đớn trong mê lộ thế giới tình cảm của riêng bà, chỉ có điều Viola không phải của tôi, mà là của bà. Dù đang làm việc ở đâu, bà cũng đột nhiên bỏ dở, vì nhớ ra là tôi cần thứ gì đó. Bà chỉ yên tâm khi thấy tôi không cần gì, thế là bà lại chạy đi. Tối tối bà thường làm món gì đó mà bà biết là tôi thích, bà còn mang đến cả các thứ khác nữa, có khi bất chợt, những món quà tôi không đáng được nhận, hay không có lý do để nhận.

Một lần có ngày thái độ trong khu, bà đi lần lượt các phố, nhặt các đồ hay hay và lạ mắt đem về rửa sạch, sửa chữa lại và tha sang nhà chúng tôi.

Khi trong nước còn chưa có làn sóng hoài cổ, bà đã khéo léo gom góp nhiều đồ đặc mà sau này được coi là có giá trị. Một buổi sáng tôi thấy trong phòng đọc sách một bức họa hồng khung, nhưng sau mới biết là có giá, một chiếc ủng da sơn, một con chim ưng nhồi đậu trên cành cây khô, một bình đun nước trang trí hình vương miện thái tử và một hộp đựng son phấn của một nữ diễn viên nào đó, sáng hôm đó chúng tôi thức dậy trong mùi son phấn nặng nề. Một buổi sáng bắt đầu tệ hại. Viola tru lên liên hồi, chắc nó đã đi nhặt đồ một vòng với Emerenc, đã đánh hơi tất cả, rồi lúc về bị nhốt trong phòng mẹ tôi để chờ quấy rầy khi bà chuẩn bị, cọ rửa và sắp đặt bộ sưu tập với mục đích gây bất ngờ, trong đó có tượng để ngoài vườn là một chú lùn đứng cạnh tượng con chó màu nâu nhàm nhở. Sáng hôm ấy chúng tôi ra khỏi giường do sự hốt hoảng của con chó, và vì không phải tôi mà là chồng tôi ra khỏi phòng ngủ đầu tiên, nên hoạt cảnh mới bùng nổ. Ở ngoài, con chó sủa nhát gừng muốn vào, Emerenc - với sự tế

nhị có giáo dục khi tặng quà - đã đặt các báu vật đầy rồi biến mất. Chống tôi gào lên khi bước ra khỏi phòng ngủ, trong phòng riêng của ông sách chất đầy trên các giá chạy từ sàn nhà lên trần, chú lùn canh vườn đứng cười nhả nhổ trên thảm, bên cạnh chiếc ủng, ngay trước bộ sưu tập các tác phẩm cổ điển Anh. Emerenc đã đẩy cuốn *Ulysses*⁽¹⁾ vào phía trong, đặt lên phía trước nó chiếc bình đun nước trang trí hình vương miện và cắm vào đó bó hoa giả, con chim ưng cũng đã ngồi trên nóc lò sưởi. Nghe thấy giọng thất thanh của ông, tôi lao vội sang, trong đời mình tôi chưa khi nào nghe chống tôi nói to đến thế, tôi cũng không biết rằng sự bình tĩnh vốn có của ông đã làm dịu đi phần nào cơn cuồng nộ. Ông không thỏa mãn với việc phân tích xem người ta phải thức dậy trong nhà mình như thế nào, và tranh cãi trong phạm vi triết học rộng hơn, liệu con người sống để làm gì nếu có thể xảy ra chuyện một chú lùn vô thần đứng trên thảm của mình, bên cạnh là một chiếc ủng kỵ binh, với chiếc đỉnh thúc ngựa chế tạo hình đôi cánh đại bàng, mà trong cơn tức giận ông còn nhảy từ chỗ vật này sang vật khác. Một buổi sáng khủng khiếp, tôi không biết làm thế nào, hoài công giải thích cho chống tôi, rằng bà già thể hiện mình đúng như sự quan tâm của riêng bà mách bảo, hãy tin rằng những gì ông nhìn thấy là cách biểu hiện sự quý mến, chỉ có điều bà thể hiện những cảm xúc khác biệt nhất một cách bất thường, và bà điều chỉnh sự lựa chọn theo cách nhìn nhận của bà. Ông đừng nhảy loai choi giữa các đồ vật, đừng có gào lên như thế, khó nghe lắm, rồi tôi sẽ xử lý mọi chuyện!

1. *Ulysses*: tiểu thuyết của James Joyce xuất bản lần đầu năm 1922, tác phẩm được tạp chí *Time* đánh giá là một trong những kiệt tác văn chương lớn nhất thế giới thế kỷ 20.

Chồng tôi bỏ ra khỏi nhà, thực ra tôi thấy thương ông, chưa bao giờ tôi thấy ông giận dữ và mất bình tĩnh đến thế, chưa khi nào. Sau này ông kể, với nụ cười vẻ lúng túng, rằng khi đó Emerenc đang quét đường, và khi bà chào ông, nhưng thấy ông cứ thế lao về phía trước, bà đã cười ông như cười một cậu bé được dạy dỗ tồi, người đến tuổi này lẽ ra phải biết chào hỏi tử tế, nhưng cậu ta không chào, không chào thì thôi, phải chấp nhận cậu ta như vậy, rồi cậu ta sẽ khá lên. Nhìn chung, Emerenc coi quan hệ giữa hai chúng tôi như một bí ẩn. Bà không hiểu tại sao tôi lại dính líu vào, nhưng sự việc đã thế thì bà chấp nhận, cũng như tôi chấp nhận việc bà không mở cửa. Nếu ông chủ như thế, thì biết làm sao, chẳng người đàn ông nào đầu óc bình thường.

Trong số những món quà, bà chỉ định dành cho ông một thứ, đầu tiên tôi không nhận thấy nó, một cuốn *Torquato Tasso*⁽¹⁾ bìa da rất đẹp, nhật từ đồng đồ cũ. Lúc đầu tôi không biết làm gì với những thứ khác, chẳng hạn chú lùn coi vườn mặc chiếc tạp dề xanh đã sờn, chiếc đèn của chú, cả quả tua trên đỉnh mũ. Tôi bài trí bếp khá đặc biệt, bằng những đồ đặc kể thừa từ cụ bà tôi, trong bếp có đủ thứ: thùng đựng bột, dụng cụ làm mì xoắn, làm đôi, cân treo, các loại quả cân cũ, một chiếc cối xay cà phê được coi là di vật công nghiệp do một công ty thời đó chuyên sản xuất đồ nhà bếp của hãng Pegeout chế tạo. Chú lùn sẽ nhét vừa vào chỗ trống dưới bồn rửa bát, tôi mang cả cái bình đun nước sang (cái xô nhỏ của nó để đựng bột cọ rửa cũng tốt), còn cái hộp đựng sơn phấn nghệ sĩ thì tôi dùng để đựng những đồ trang điểm của riêng tôi.

1. *Torquato Tasso*: tên một vở kịch của Johann Wolfgang Goethe về Torquato Tasso, nhà thơ Ý thế kỷ 16.

Bức tranh, chiếc ủng kỵ sĩ và con chim ưng là vấn đề còn lại cần giải quyết. Con chim ưng thì tôi giao cho Viola, khi thả nó ra khỏi phòng mẹ tôi mới thấy không phải là vô ích, vài phút sau con chim chỉ còn lại những mảnh vụn, con chó đã xé nát nó, tôi hy vọng chất bảo quản sẽ không gây hại cho Viola, con chim nom đã cũ lắm, chắc cũng chẳng còn độc tố, lông nó đã rụng một nửa, một loài gặm nhấm nào đó đã ném thử nó, cái đế gỗ rời ra ngay. Tôi tháo bức họa khỏi khung gỗ, trên mặt toan là một phụ nữ trẻ nét mặt cau có đứng ven biển màu đen nhìn bọt sóng về chân chường, phía sau nàng là một biệt thự, và một hàng cây bách chạy xuống dọc con dốc đứng. Tôi treo bức tranh lên mặt trong một ô kính sẵn sù của cánh cửa bếp, đặt chiếc ủng sát tường phòng đệm. Chúng tôi chưa có cái để ô, tôi nghĩ dùng nó vào việc ấy là thích hợp, Emerenc đã đánh chiếc ủng bóng lộn. Người đàn bà điên trên cửa bếp, chiếc máy xay cà phê cổ, cả triệu thứ đồ đạc khác, chú lùn canh vườn dưới bốn rửa bát bên trên có dòng chữ lớn: *Người yêu chồng nấu ăn bằng mỡ lợn*, một thời lấp trong bếp nhà bà cô tôi, tất cả tạo nên ấn tượng nếu có ai vào nhà tôi có thể phản ứng theo hai cách, hoặc sẽ tê liệt vì kinh ngạc, hoặc sẽ lên cơn cười. Các bức tường trong bếp nhà tôi cũng chẳng bình thường, không phải giấy dán tường mà là vải dầu thay cho lớp sơn, trên có hình những con sóc, ngỗng và gà trống. Khách đến nhà chúng tôi đa phần là các nghệ sĩ, trong mắt họ sự bài trí lập dị hiển lành trong bếp là thể giới quen thuộc. Đám họ hàng không có trí tưởng tượng tôi đã bỏ qua từ lâu, bất quá tôi chỉ ngại phản ứng của Emerenc. Sẽ là có lý, nếu như bà không chịu để tôi biến bếp và phòng đệm thành nhà thương điên, nhưng ngay từ đầu bà đã tìm thấy niềm vui vì được đi lại giữa những đạo cụ của một nhà hát tư nhân đặc biệt thế này. Bà có sự nhạy cảm của

E.T.A. Hoffmann⁽¹⁾, của Hauff⁽²⁾ đối với những vật lạ. Emerenc thích tất cả những thứ bất thường, một trong những sự kiện lớn của đời bà là khi hỏi xin và được cho cái hình nộm để thử quần áo trước đây của mẹ tôi, bà hôn hờ đem nó về như một bảo bối. Tôi cứ nghĩ mà không có hy vọng hiểu nổi nếu như cái cánh cửa bí ẩn của bà không bao giờ mở, thì bà sưu tập về nhà những thứ kỳ dị ấy làm gì, hơn nữa tôi ngây ngất bởi cảm giác được kính trọng vì bà lại xin tôi một thứ gì đó, như tôi đã nói, Emerenc không nhận một thứ gì hết. Sau này, rất lâu sau này, trong khoảnh khắc siêu thực nhất của đời tôi, khi tôi vật vờ giữa những thứ đồ đạc Emerenc bỏ lại sau khi chết, cái hình nộm không đầu được làm đúng bằng kích thước của mẹ tôi đã nằm trên bãi cỏ ngoài vườn, trước khi người ta đổ xăng để đốt cháy, tôi còn thấy trên đó *iconostasis*⁽³⁾ của Emerenc, tất cả chúng tôi được gắn trên ngực hình nộm: gia đình Grossman, chồng tôi, Viola, ông trung tá, đứa cháu trai, anh thợ làm bánh mì, con ông luật sư, cả Emerenc thời trẻ, với mái tóc vàng rực, thất nơ, bộ quần áo người ở, trên tay là một đứa bé mấy tháng.

*

Sự quyến rũ của các đồ vật lạ đối với Emerenc không mới, điều khiến tôi bất ngờ hơn vào sáng hôm ấy là giờ đây

1. Ernst Theodor Amadeus Hoffmann (1776-1822): tên viết tắt là E. T. A. Hoffmann: nhà văn xuất sắc của trường phái lãng mạn Đức, ông còn là nhà soạn nhạc, nhà phê bình âm nhạc, nhạc trưởng, luật sư, họa sĩ vẽ tranh cổ động và biếm họa. Ông nổi tiếng về trí tưởng tượng phong phú, nhìn thế giới dưới góc độ riêng, có thể nhìn thấy ma quỷ ở mọi nơi và diễn những điều bình thường thành khủng khiếp, gây tác động mạnh đến người đọc.

2. Wilhelm Hauff (1802-1827): nhà thơ, nhà văn Đức. Ông nổi tiếng với tiểu thuyết lãng mạn lịch sử *Lichtenstein*: lấy cảm hứng từ một truyện ngắn của Walter Scott.

3. *Iconostasis* (tiếng Anh): nghĩa đen là tấm bình phong bên trên có gắn hình các thánh.

bà không còn sưu tập cho bà, mà cho tôi. Tôi không dám xúc phạm bà, cũng không muốn, nhưng không biết làm gì với tượng con chó cụt tai, nom nó thật kinh khủng, đúng là sai lầm của một nghệ nhân nửa mùa chán ghét thế giới. Tôi nhét nó sau chiếc cối, tôi biết nếu chồng tôi phát hiện ra, ông sẽ ném nó vào sọt rác, dầu sao tượng con chó cũng thật quá đáng. Khi Emerenc đến tôi đã ngồi làm việc bên máy chữ, một mình.

“Bà có thấy những kẻ lãng phí ném ra bao nhiêu thứ không?” bà hỏi. “Tôi nhặt hết, chẳng để đến lượt người khác. Bà có thích không?”

Sao tôi lại không thích chứ, mấy khi tôi có một buổi sáng dễ chịu như thế này. Tôi không trả lời bà, tiếp tục đánh máy, hình hài của những câu văn vô nghĩa hiện lên dưới những ngón tay run lên vì tức giận của tôi. Emerenc lần lượt vào các phòng, bà tìm xem tôi để thứ gì ở đâu, bà không đồng ý tôi để tượng chú lùn và bức tranh trong bếp, sao lại đi nhét của hiếm thế vào đó? Bà đánh vào đầu Viola vì đã xé nát con chim ưng, nó không biết đổ lỗi cho tôi đã đưa cái xác quuyền rũ ấy ra trước mũi nó. Xét cho cùng tôi không bị rầy la nhiều, vì chủ yếu bà để ý xem tôi để con chó vào đâu. Tôi bảo đã cất đi cho khuất mắt, vì không thể coi được. Bà điên tiết, đứng bên kia bàn nói như quát vào mặt tôi:

“Vậy ra bà không dám làm theo ý mình, bà đã biến thành nô lệ rồi ư? Vì ông chủ không thích súc vật, mà không thể đặt tượng chúng ư? Cái vỏ ốc xấu xí mà bà để trên bàn viết kia thì đẹp hơn gì, mà bà không thấy tởm lợm khi dùng nó để đựng giấy mời và danh thiếp hay sao? Chó thì không, còn vỏ ốc thì được, thế là sao? Hãy bỏ đi cho khuất mắt tôi, vì sẽ có lúc tôi đập nát đấy, tôi không muốn động đến nó.”

Bà cấm con ốc anh vũ đặt trên đế san hô lên - con ốc mẹ tôi mang từ nhà bà Rickl Mária về sau khi chia căn nhà trên phố Kismester - ghé tằm đem nó cùng cả đám giấy mời và danh thiếp vào bếp đặt xuống bên cạnh lọ bột thô và đường bột, rồi đem tượng con chó cụt tai đặt vào chỗ nó. Thế này thì không được. Tôi chấp nhận để Emerenc có mặt ở những nơi và những sự kiện của đời tôi, nhưng bà không thể thay tôi sắp đặt lại môi trường quanh tôi.

“Emerenc,” tôi nói với vẻ nghiêm chỉnh ít thấy, “hãy vui lòng đem con chó ra đường, hoặc nếu tiếc, hãy để nó trở lại chỗ tôi đã để, cho khuất mắt tôi đi. Đó là đồ chợ, lại cụt tai, thiếu thẩm mỹ, không thể để nó trong nhà, không chỉ ông chủ không chịu nổi, cả tôi cũng không cần. Đây không phải là tác phẩm nghệ thuật, nó là đồ rởm.”

“Rởm là gì?” bà hỏi. “Nghĩa là thế nào? Bà thử nói cho tôi nghe.”

Tôi vắt óc nghĩ cách giải thích cho bà hiểu, con chó rẻ tiền, vô tội, hình dáng bất cân xứng kia có thiếu sót gì. Của rởm là thứ không thật, người ta làm ra chỉ để phục vụ cho niềm vui hời hợt, không đòi hỏi thẩm mỹ cao, là của giả, thay thế cho đồ thật.

“Con chó này mà giả ư?” bà phản nộ hỏi. “Lừa lọc ư? Nó không có đủ mọi thứ: tai, chân, đuôi đó sao? Chính bà đã lắp một cái đầu sư tử lên tủ đựng giấy tờ, và bà mê nó, khách khứa của bà cũng đều thích nó, họ dùng nó gõ gõ như những kẻ mất trí, trong khi con sư tử ấy chẳng có cổ, chẳng có gì hết, chỉ có cái đầu. Bao nhiêu người khách đã dùng nó gõ gõ lên cánh tủ mà ông bà để giấy má. Con sư tử không có thân thì không giả, còn con chó có đủ mọi thứ như chó thật lại là giả ư? Bà huyền thuyên những gì với tôi thế, cứ nói thật là bà chẳng cần thứ gì

ở tôi, thế là xong. Việc con chó cụt mõm tai thì trở ngại gì, thế bà không để dưới tấm kính một mảnh ngói vỡ mà người bạn ở Athens của bà đào được trên một hòn đảo nào đó, cái đó cũng nguyên lành ư, cái thứ bẩn thỉu màu đen ấy, bà dám nói thế ư? Ít nhất bà đừng tự dối mình, cứ nói là bà sợ ông chủ tôi còn hiểu được, chứ đừng thử che giấu sự hèn nhát của mình mà nói thứ gì đó là đồ rơm.”

Điều đáng ngại là gần như bà đã điểm trúng sự thật. Tôi cũng thấy tượng con chó là phản cảm, nhưng đó không phải lý do thật để tôi nhét nó vào sau chiếc cối, tôi lo cho chồng tôi, và cả bộ sưu tập của bảo tàng Heraklion⁽¹⁾ cũng không đáng để tôi lại gây cho ông những phút ưu phiền, thế là tôi cứ lúng búng như một nhà phê bình nghệ thuật nửa mùa. Emerenc đứng nghe với vẻ giễu cợt, rồi bà bỏ tượng con chó xuống đáy chiếc túi lúc nào bà cũng mang theo và đi ra. Trên đường ra, bà nhìn thấy chiếc ủng dựng bên tường phòng đệm, trong bóng tối. Bà giật chiếc ủng lên, đổ tất cả ô ra trước mặt tôi. Bà tức giận đến nổi mặt mũi đỏ gay, gào lên:

“Bà điên à? Bà nghĩ sao, người đầu óc bình thường lại dựng ô trong ủng hay sao, tôi có đem đến để làm hộp đựng ô đâu? Bà tưởng tôi ngốc đến không biết thế nào là phải lẽ hay không sao?”

Bà rút mạnh chiếc ngăn kéo đựng dụng cụ trong phòng đệm, lấy ra một chiếc tuốc nơ vít, bắt đầu kỳ cạch tháo chiếc ủng. Bà đứng quay lưng lại phía tôi, đối diện với ánh sáng, và liên tục nguyền rủa. Một ấn tượng bất thường, hồi tôi còn nhỏ cũng không bị chữi mắng, cách trừng phạt của bố mẹ tôi

1. Bảo tàng Khảo cổ Heraklion tại Hy Lạp, thành lập từ năm 1883, là một trong những bảo tàng lớn nhất thế giới trong lĩnh vực khảo cổ.

không phải bằng lời nói, mà bằng im lặng. Sẽ đáng sợ hơn, nếu không một ai nói với mình, căn vặn mình, giảng giải cho mình. Emerenc cấp chiếc ủng vào nách, có thể thấy bà sẽ mang nó đi, còn chiếc đinh thúc ngựa vừa tháo thì bà ném xuống trước mặt tôi.

“Vì bà vừa mù, vừa dốt, vừa nhát gan,” bà nói tiếp. “Tôi yêu quý cái gì ở bà, có Trời biết, nhưng dù đó là gì, thì bà cũng không xứng đáng. Có lẽ đến lúc già, rồi bà sẽ có chút thị hiếu, và cả lòng can đảm.”

Bà ra khỏi nhà, để chiếc đinh thúc ngựa trên bàn. Tôi cầm nó lên, chống tôi có thể về bất cứ lúc nào, tôi không muốn căng thẳng, tranh cãi. Cái cửa sắt bỗng lóc lên ở giữa màu đỏ thẫm, tôi đứng chết lặng với món hiện vật đã ôxy hóa thành màu đen trên tay, ai đó đã khảm một viên ngọc hồng lựu vào giữa. Emerenc lau chùi trước khi đem chiếc ủng vào nhà, dĩ nhiên bà đã nhận biết mình tìm được thứ gì ngoài đường, và bà đem về cho chúng tôi rõ ràng không phải là chiếc ủng, mà là viên đá quý bà phát hiện ra ở giữa tấm cửa bạc của chiếc đinh thúc ngựa trong khi đánh bóng. Nếu đưa cho thợ kim hoàn gỡ viên đá ra, tôi có thể đặt làm đồ trang sức, một viên đá không tỉ vết, tuyệt đẹp. Đứng trước viên đá đỏ lấp lánh, tôi lại cảm thấy xấu hổ, suýt nữa tôi đã chạy theo bà, nhưng một ý nghĩ kìm tôi lại: tôi phải làm bà bỏ thói quen thể hiện sự quý mến của bà bằng những cách thức vớ vẩn, vô nguyên tắc này. Ngày nay tôi đã biết điều mà ngày ấy chưa biết: không thể bày tỏ sự quyến luyến một cách dịu dàng, có điều chỉnh và rành mạch, và tôi không thể quyết định hình thái của nó thay cho bất kỳ ai.

Chống tôi quay về với một lô báo, ông đã đi dạo để xả bớt nỗi bức dọc, đón ông ở nhà là sự yên ắng. Ông cẩn thận xem xét hết các phòng, xem những thứ ông phản đối có còn dấu vết

gì không. Đúng là ông thấy phòng bếp thật kinh khủng, nhưng đến lúc đó thì ông đã hả giận đi nhiều, hơn nữa ông biết từ khi chúng tôi chuyển đến đây, căn phòng này cũng chẳng tồi tệ hay tốt đẹp hơn, dù có treo một con cá voi nhồi lên trên trần, như ở nơi buôn bán của cha mẹ tôi đi chăng nữa. Do tính cách, tôi cũng đã chất mọi thứ linh tinh trong bếp, bây giờ bất quá chỉ thêm vào cái bếp (giống như một bảo tàng của phép chữa bệnh bằng công việc) hình một phụ nữ có cái nhìn điên dại và một cái bình đun nước có hình thái tử. Cũng may ông không nhìn thấy chú lùn giấu dưới ống chữ U của bồn rửa. Cuối cùng trong nhà trở nên yên tĩnh, tôi lại không nhận ra đó là sự tĩnh lặng trước cơn bão, thứ yên lặng hèn hạ. Tôi thấy thích thú, dù cái đầu ủ rũ của Viola, thái độ ỉu xìu của nó đã có thể cảnh báo cho tôi biết, một điều gì đó đang tới.

Đến trưa mới biết, tôi phải đưa con chó đi dạo, Emerenc có vẻ như muốn trả đũa, bà bỏ không đưa nó đi chơi. Được, thì tôi đưa nó đi. Viola chạy như một con quỷ, cổ tay tôi muốn đứt, hôm nay là một ngoại lệ, vì lý do gì đó cảnh sát đi thành hàng dọc theo rặng cây, vì họ mà chúng tôi không dám bước lên bãi cỏ, trên vỉa hè thì còn lại kết quả của ngày thải đổ. Viola muốn đánh hơi và để lại dấu ấn của nó lên tất cả mọi thứ. Đến khi tôi nhìn thấy Emerenc ở phía xa, đúng lúc bà cúi xuống nhặt một chiếc hộp gỗ sơn nhỏ, tôi quay lưng kéo Viola đang như phát cuồng về nhà.

Buổi tối hôm ấy bà không đến, mà là con trai của người em bà, người dù không thường xuyên, nhưng vẫn đến thăm bà đều, cùng với cô vợ thấp lùn xinh đẹp có đôi tay nhỏ nhắn của anh ta. Chúng tôi đã quen nhau từ lâu, Emerenc đã đưa họ sang giới thiệu. “Con trai cậu em Józsi” là một người đàn ông dễ gần, vui tính, anh ta chỉ cười vì cũng không được bước

vào để chế của Emerenc, chứ không tự ái. Bà già cũng quý đôi vợ chồng trẻ, dù bà hay trách họ sao không sinh thêm con. Họ còn góp tiền để mua nhà, để đi du lịch tập thể dài ngày ra nước ngoài, họ không muốn đẻ thêm nữa. Emerenc hay cầu nhàu về chuyện đó, nhưng bà vẫn hay cho họ lúc ít, lúc nhiều để đi du lịch, để thay xe. Emerenc có nhiều tiền, hằng tháng bà nhận được tiền chuyển từ nước ngoài. Một lần tôi hỏi ai tài trợ bà, bà bảo tôi chẳng liên quan gì đến việc đó. Đúng là không liên quan thật.

Ngày thái độ hôm ấy, “con trai cậu em Józsi” vừa trang trọng, vừa vui vẻ thông báo với tôi rằng bà bác anh ta nhắn tôi hãy tìm người giúp việc khác, bà xin nghỉ, bà sẽ làm nốt mười ngày còn lại từ nay đến mồng một, từng ấy thời gian đủ để tôi tìm người thay thế. Chồng tôi nhún vai, loạt sự kiện sáng nay không củng cố thêm sự thân thiện giữa hai người. Tôi thì không thể tưởng tượng nổi lời nhắn của bà lại có thể nghiêm chỉnh, không thể có chuyện tôi không nhìn thấy Emerenc vào một thời điểm bất kỳ nào đó trong nhà tôi. Rồi bà sẽ sang, tôi tự an ủi, bà chỉ đang bức mình thế thôi, chắc bà không thích bài giảng của tôi về đồ rơm. Nếu không vì tôi, thì bà cũng sẽ sang vì Viola. “Con trai cậu em Józsi” có vẻ không lạc quan.

“Xin bà đừng coi nhẹ chuyện này, bà bác tôi chẳng khi nào đùa đâu, nếu bà ấy đã tuyên bố điều gì thì khó xoay chuyển được. Bây giờ bác ấy đã quyết định không bao giờ đến đây nữa, vì sao thì bác ấy không nói, từ lâu tôi đã thôi không thử tìm hiểu hay tác động đến bác ấy, vì không thể nào được. Bác ấy chẳng hiểu gì về thế giới hiện tại, lại hiểu lắm rất nhiều thứ. Khi tôi muốn giải thích cho bác ấy ý nghĩa việc chia ruộng đất, bác ấy đã tát tôi, rồi gào lên rằng bác ấy không quan tâm điều gì đã xảy ra năm bốn năm, người ta không lấy đi thứ gì

của bác ấy, sự thay đổi chẳng đem lại gì cho bác ấy cả. Bà dừng thử thuyết phục bác ấy. Những cán bộ tuyên truyền suýt phát điên lên vì bác ấy, và bác ấy là người duy nhất không chịu nộp một đồng xu nào cho khoản tiền hòa bình. Chỉ nghĩ đến cũng phiền lòng, đạo đó ông trung tá đã cứu bác ấy qua bao nhiêu tình huống. Hôm nay bác ấy còn đuổi cả tôi, bảo chuyển lời nhắn xong thì tôi cũng biến đi luôn, bác ấy không muốn thấy bản mặt tôi một thời gian dài nữa.”

“Chúng tôi sẽ không van nài bà ấy,” chống tôi nói. “Bà ấy là công dân tự do. Hơn nữa, tôi đã xúc phạm bà ấy đấy, vì tôi không cho phép bà biến nhà tôi thành cái chợ trời với những đồ đạc không có thẩm mỹ.”

“Con trai cậu em Józsi” nghĩ ngợi, rồi sau đó quyết định vẫn nói ra:

“Thẩm mỹ của bác ấy hoàn hảo đấy, thưa ông tiến sĩ,” anh ta nhìn chống tôi, “tôi nghĩ ông đã nhận ra vấn đề: bác ấy không bao giờ đem thứ gì đó cho người lớn, khi mang tặng phẩm cho ông bà, mà luôn luôn lựa chọn cho hai đứa bé.”

Tôi nhớ đến cái bàn ăn bữa trước, đến các món ăn và cách thức bà bày đặt: thẩm mỹ của bà đúng là hoàn hảo, và cả điều này cũng có thể đúng, khi chọn đồ cho tôi và chống tôi, bà đã chọn theo thị hiếu của một đứa bé. Có lẽ bà không để ý đến chiếc đỉnh thúc ngựa vì viên đá quý, mà bà nghĩ một cậu bé trai mấy tuổi chắc sẽ thích chiếc ủng đẹp, và nếu tôi đã nhặt con Viola về nhà thì chắc tôi cũng sẽ thích cái tượng con chó bằng thạch cao. Người cháu còn nói thêm vài câu nữa: bà bác anh ta có ý muốn viết di chúc, việc này bây giờ rõ ràng ông trung tá phải làm, sau ngày hôm nay thì chắc bà sẽ không nhờ chúng tôi bất cứ việc gì nữa, anh ta thì không giúp được bà vì có liên đới: Emerenc nói sẽ để lại tiền cho họ. Tiền để lại cho họ chắc

là một khoản không nhỏ, vì nhà bà ở miễn phí, ai đó đã cho bà quần áo, đồ lót đủ mặc cả đời từ khi nào, cả đồ gỗ. Emerenc chỉ phải chi tiền ăn uống, củi sưởi thì bà nhặt nhanh ở hàng cây ven rừng. Đồ gỗ thì chắc con mèo nuôi trong nhà đã làm hỏng, nhưng họ có đồ gỗ đẹp rồi, không quan trọng, tiền thì họ cần, họ muốn làm nhà, dù thật tâm anh ta hy vọng bà bác sẽ sống lâu, vì trên trái đất này ít có người nào tốt bụng và sạch sẽ như bà, dù cũng như lần đến thăm này của vợ chồng anh ta cho thấy, bà đông bóng và nóng nảy đi nữa. Anh ta xin phép về, yêu cầu chúng tôi bất chấp sự việc đã xảy ra, nếu thấy Emerenc cần giúp đỡ, hãy nhắc điện thoại. Mặc dầu chuyện này kể từ khi anh ta ra đời chưa hề xảy ra, trong đời, bà già chưa bao giờ tỏ ra mệt mỏi, tuy bà làm việc nhiều hơn năm người trẻ tuổi khác cộng lại. Dầu thế nào đi chăng nữa, chúng tôi cũng đừng trách bà, Emerenc là người tốt.

Chẳng có chuyện trách móc gì. Chồng tôi, dù không hãnh diện vì chuyện ấy, cảm thấy chút hài lòng cay nghiệt nào đó. Tôi thì cảm thấy lo lắng. Chúng tôi đã quen nhà cửa ngăn nắp gọn gàng, và hai vợ chồng, chủ yếu là tôi, ai ngồi làm việc người nấy; đã thấm vào xương tủy chúng tôi là có một người lúc nào cũng làm thay mọi việc. Trước hết tôi lo ngại không phải vì nếp sống bị đảo lộn, và có khi hàng tuần tôi không thể ngồi viết, hay không giải quyết được việc nhà, mà vì tôi biết rằng đúng là Emerenc quý mến chúng tôi, cả chồng tôi, dù có chút e ngại, chúng tôi đã xúc phạm bà điều gì, đã vi phạm điều luật nào trong bản hiến pháp cá nhân của bà, bởi nếu chỉ vì không chấp nhận con chó cụt tai, bà không thể trừng phạt chúng tôi tới mức này.

Viola như mất trí, sau này nó hiểu dù có làm gì cũng vô ích, nó phải bằng lòng ở với chúng tôi. Từ đó trở đi nó cứ nằm

yên một chỗ, như bị ngộ độc. Sao nó biết mấy câu nói của “con trai cậu em Józsi” chứa đựng những gì, đó lại là một trong những bí mật của riêng nó. Chống tôi bắt đầu phân tích tình hình, Emerenc không thể khó chịu vì chúng tôi muốn sắp đặt đồ đạc trong nhà theo thị hiếu của chúng tôi, nhưng nếu bà không hài lòng vì thế, thì chúng tôi phải sống không có bà. Tôi cảm thấy mỗi mệt, mỗi mệt như thế đó không còn là cảm giác thực, dù tôi chẳng có lý do gì, chẳng có quyền gì mệt mỏi, bởi chẳng xảy ra điều gì khiến tôi mệt mỏi, bữa trưa vẫn thấy trong tủ lạnh như mọi khi, viết thì tất nhiên không được một dòng nào, nhưng viết được hay không ngay cả vào những ngày may mắn cũng là một trạng thái ân huệ. Rõ ràng các sự kiện đã làm tôi rã rời, niềm vui khiến người ta tỉnh táo, điều ngược lại khiến ta mệt mỏi. Lúc này tôi cảm thấy bất hạnh, nhưng dĩ nhiên không phải vì tôi phải tìm một người giúp việc khác, đơn giản hơn thế: cuối cùng thì tôi phải tự bạch với bản thân mình, không chỉ Emerenc gắn bó với tôi bằng mối liên kết vượt quá thiện cảm thông thường, mà tôi cũng yêu quý Emerenc. Điều mà tất cả mọi người có con mất tình tưởng từ lâu phải nhận thấy, sự thân thiện, dễ gần thường xuyên của tôi che lấp đi một nỗi hốt hoảng: tôi chỉ có thể làm vẻ thân mật, tuy nhiên có thể tính đủ trên một bàn tay xem tôi có quan hệ thực sự với những ai trên thế gian này. Từ sau cái chết của mẹ tôi, Emerenc là sinh linh duy nhất tôi gần gũi, lúc này tôi nhận ra chỉ vì tưởng một con chó cụt tai, tôi có thể đánh mất bà.

Một buổi tối nặng nề, dù chống tôi đã làm tất cả để nó nhẹ nhàng hơn. Ông đưa Viola ra đường đi dạo, tôi biết ông sẽ khổ sở vì nó. Viola kéo ông, không chịu nghe lời, bao giờ nó cũng rất bướng khi đi với ông. Ông còn ngồi xem vô tuyến với tôi, dù chỉ thích nghe đài, đúng là ông đã làm mọi thứ để giúp tôi. Không ai trong chúng tôi nói về Emerenc, nhưng cả

hai đều im lặng nghĩ về bà. Chống tôi cần trải qua một thắng lợi bất kỳ nào đó, nhờ nó mà ông trẻ, khỏe ra, còn cải thiện được sức khỏe. Ngày Emerenc nhấn gửi lời tuyên chiến cũng là ngày thắng lợi của ông, ông ngồi đó, tôi cảm thấy trên đầu ông vầng hào quang chiến thắng. Viola đi nằm, phớt lờ không chào ai, đuôi nó cụp xuống báo hiệu nỗi buồn, một nỗi buồn lớn. Chúng tôi ra ngồi ban công, con chó lững thững vào phòng mẹ tôi, nằm vật xuống như một kẻ bị thương.

Đó là tối thứ hai của đợt thái độ. Những lúc như thế này, sau khi trời tối bao giờ trên phố cũng đông người. Chúng tôi hay ngồi trên ban công nhìn người đi nhặt đồ. Với Emerenc chắc hẳn có chuyện gì đó không ổn, vì trong toán người đang lúi húi - khi khác bao giờ cũng làm việc dưới sự chỉ dẫn của bà - không thấy có bà. Bà già có những người thường xuyên đến thăm, trọng nể, giúp đỡ bà, nhưng trong số họ còn có những người được hưởng những đặc ân, như Sutú - cung cấp rau quả cho dân phố, như Adélka - vợ góa ông nhân viên phòng thí nghiệm, như Polett - một bà già hơi gù lưng, theo Emerenc bà ta đã có thời làm gia sư, sau dạy ngoại ngữ, và đã có thời khá giả trước khi ra lẽ đường. Theo như Emerenc biết, Polett bị đám lính tráng ăn cướp hết, sau chiến tranh chẳng ai cần đến gia sư hay thầy dạy tiếng. Gia đình chỗ Polett làm việc đã bỏ bà ta ở lại, chạy sang phương Tây, còn không trả cả tháng lương cuối cùng cho bà. Người đàn bà có tuổi này có thể từng có số phận long đong, lúc nào nom cũng có vẻ đói, mặc dù người trong phố thỉnh thoảng vẫn gọi bà đến thuê là ủi, nghĩa là bà có chút ít thu nhập, và đúng là bà biết tiếng Pháp thật. Điều này được chứng minh bởi vốn từ thay đổi luôn của Emerenc, bà ta hay tới nhà Emerenc uống cà phê: một trong số nhiều khả năng của Emerenc là không bao giờ quên điều một lần đã nghe thấy, bà sử dụng những từ ngoại lai rất chuẩn. Tối

hôm đó Sutú, Adélka và Polett lúi húi nhặt đồ giữa những cái bóng khác, ai cũng mang một chiếc túi lớn. Không thấy bóng Emerenc xuất hiện ở chỗ nào, dù đây là thời điểm tốt nhất để săn chiến lợi phẩm của bà. Trong bóng tối lơ mờ khi nào tôi cũng vẫn nhận ra dáng bà. Bà đi lại, cúi xuống ngẩng lên giữa đồng đồ đạc như một Kanizsai Dorottya⁽¹⁾ thời nay đi tìm trên bãi chiến trường sau trận chiến bại, xem ai còn sống trong số những người bị thương.

Lần này không phải Viola là kẻ đã giải quyết vấn đề bằng những công cụ sơ đẳng nhưng hữu hiệu như trong lần va chạm đầu tiên trước đây của chúng tôi. Có lẽ lần đầu tiên tôi cảm thấy tất cả sức mạnh trong quyền lực ảnh hưởng của Emerenc: một bước bà già cũng không nhích về phía chúng tôi, và bằng một thứ tín hiệu ra đa nào đó, bà đã khiến con chó tê liệt. Ý chí được truyền theo vô số cách khác nhau, nhưng đây là cách phức tạp nhất. Emerenc rất mê Viola, và bà muốn giành lại nó bằng cách xua đuổi nó. Cuộc sống vẫn trôi đi, có khi trực trặc. Tôi ngược xuôi tìm người giúp việc. Một cô gái hoàn toàn không thích hợp, tên là Annus, đến nhà tôi trong vài ngày. Công việc chủ yếu của cô là sau nửa giờ làm việc cô nhảy vào bồn tắm, nghịch xà phòng và hú hí với nước, rồi cứ thế khỏa thân đi lại khắp nhà với lý do cho mát mẻ. Annus do Emerenc thôi miên đến nhà tôi, từ đầu đó cô ta phải biết tôi ở nhà một mình. Tôi không nói cho một ai trong phố, trong vùng này biết chuyện. Annus bỗng nhiên xuất hiện, với lý lịch rất ấn tượng, tôi thì việc chưa làm xong ngập đến tận cổ, tôi nhận cô làm thử, nhưng

1. Kanizsai Dorottya (1490-?): một phụ nữ quý tộc Hungary. Sau trận Mohács (một trận đánh lớn của quân đội Hung chống lại quân Thổ Nhĩ Kỳ bị thất bại), bà đi tìm xác chồng trên bãi chiến trường, cùng với các cha cố và hơn 400 nô lệ, họ đã thu gom tử sĩ và chôn cất từ tế cho họ.

vai diễn của cô không kéo dài quá một tuần, trước hết không phải vì những hoạt cảnh tầm, mà vì Viola. Cứ nhìn thấy cô ta là nó găm gừ, nó găm gừ như thế với bất kỳ ai dám lại gần máy hút bụi. Emerenc không có mặt, nhưng bà đã làm tê liệt thế giới xung quanh chúng tôi, như những nhân vật sử thi tan biến trong không trung, chúng tôi cũng chẳng gặp bà nữa, bà biết thời gian biểu sống của chúng tôi, bà bố trí để khi chúng tôi có mặt hay có khả năng ở ngoài phố, thì không thể nhìn thấy bà. Đến khi vì thiếu thời gian, tôi đã phải từ chối ba hợp đồng viết lách, sau một bữa ăn tối thất bại thảm hại, chồng tôi nói, không hề có trọng âm kịch tính chút nào, rằng chúng tôi đã trả giá đắt vì tượng con chó cụt tai, nhiều hơn là một vài lời ăn năn đáng có. Phủ nhận việc không có Emerenc chúng tôi không xoay sở nổi chẳng có ý nghĩa gì, phải bày cái tượng ở chỗ trung tâm, khi có khách thì tạm cất đi vậy, những cuốn tiểu thuyết chưa viết xong không thể vì nó mà hỏng. Chúng tôi không thể làm việc, tôi còn khó khăn hơn vì tôi còn gánh nặng việc nhà, chúng tôi phải cho Emerenc được thỏa mãn theo ý của bà.

Tôi không đưa Viola đi tạ lỗi, nó cũng chẳng muốn đi, bùa phép làm nó vẫn còn tê liệt, nó chẳng buồn đứng dậy, chỉ nhìn tôi với con mắt như người dò hỏi xem liệu tôi có đủ can đảm để đi, và điều gì ẩn giấu sau quyết định của tôi, chỉ là chúng tôi muốn đảm bảo cho mình sự yên tĩnh để sáng tạo, hay là tôi cảm thấy mắc nợ phẩm giá con người của Emerenc chừng ấy. Bà già không có mặt ở ngoài hiên, dạo này không khi nào thấy bà ở đó. Lúc đầu tôi gõ cửa mãi không thấy gì, sau tôi vòng sang bên cạnh thử đập lên cái bảng gỗ.

“Emerenc, hãy ra đây, chúng ta phải nói chuyện với nhau.”

Tôi tưởng bà lần lửa không ra, nhưng đã thấy bà mở cửa. Bà đứng trước cửa, đáng vẻ nghiêm trang, gần như buồn bã:

“Bà sang để xin lỗi à?” bà hỏi, không có vẻ gì giận dữ.

Một lần nữa lại quá đáng, tôi phải diễn đạt rất cẩn thận, để cả hai có thể giữ mình trong những giới hạn tỉnh táo.

“Không. Thị hiếu của chúng ta khác nhau, nhưng không sao, và chúng tôi cũng không muốn xúc phạm bà. Nếu bà muốn, tượng con chó có thể ở trong nhà. Chúng tôi không làm gì được nếu thiếu bà. Bà quay lại chứ?”

“Ông bà sẽ giữ con chó thạch cao?”

Giọng bà thiếu tin tưởng, các chính khách thường ra điều kiện như thế.

“Vâng,” tôi đáp.

“Sẽ để nó ở đâu?”

“Ở chỗ nào bà muốn.”

“Thậm chí trong phòng ông chủ?”

“Tôi đã nói: ở chỗ nào bà muốn.”

Chúng tôi cùng đi. Viola vẫn chưa có tín hiệu gì, chỉ khi vào đến cầu thang Emerenc khẽ gọi tên nó. Tôi tưởng nó sẽ phá vỡ cửa phòng đệm. Emerenc lịch sự chào buổi tối, bà còn đưa tay cho chồng tôi, như thể bà đến nhà tôi lần thứ hai. Bà vuốt ve Viola đang mừng quýnh lên, rồi bà nhìn quanh. Bức tượng con chó đứng trên bàn bếp, cửa phòng bếp mở, bà nhìn thấy ngay từ cái liếc mắt đầu tiên. Bà nhìn chúng tôi, rồi nhìn cái tượng, lại nhìn chúng tôi, trên mặt nở một nụ cười chỉ để dành cho các dịp đặc biệt, không thể quên. Bà cảm xúc tượng lên, lau chùi, nhìn ngấm một lần nữa, rồi quật nó xuống đất. Không ai nói một lời, không có từ nào, tiếng nói nào phù hợp với giây phút đó. Bà đứng giữa đồng mảnh vụn như một lãnh chúa.

Nhiều năm sau chúng tôi sống không chỉ yên bình, mà còn hạnh phúc ở Odessa.

POLETT

C hống tôi và Emerenc đã chịu đựng nhau, nhưng sau này thậm chí họ còn hơi ngạc nhiên, vì đã trở nên quý nhau, ban đầu do cả hai đều gắn bó với Viola và với tôi, họ không có chút hy vọng giải thoát nổi khỏi cảm giác ấy, sau này do cả hai cùng hiểu những tín hiệu của nhau hơn. Chồng tôi đã hiểu được ngữ nghĩa học các hình thái diễn đạt của Emerenc, còn bà thì bắt đầu coi sự tồn tại (đối với bà thực là không thể hiểu nổi, thậm chí biếng nhác) của chúng tôi - có khi cả nửa ngày chúng tôi chẳng nhúc nhích, vì một ai đó trong chúng tôi đắm đắm nhìn hàng cây bạch dương ở cuối vườn, có vẻ như chúng tôi không làm gì, nhưng lại khẳng định mình đang làm việc - là tự nhiên. Tôi tin rằng ba chúng tôi sống trong hòa thuận. Người ngoài lần đầu tiên đến thăm chúng tôi nghĩ bà già đang loay hoay trong bếp là cô hay mẹ đỡ đầu của tôi. Tôi mặc kệ, không giải thích, vì không thể nói rõ tính chất, hay sự gắn bó trong quan hệ của chúng tôi; hoặc tuy Emerenc không giống mẹ của ai trong hai chúng tôi, nhưng bà vẫn như người mẹ mới tìm thấy của mỗi chúng tôi. Bà không bao giờ căn vặn chúng tôi, chúng tôi cũng không hỏi bà, bà nói về mình ở mức độ theo bà là đủ, nhưng xét cho cùng bà nói ít, như những bà mẹ thực sự không còn quan trọng quá khứ, chỉ còn quan tâm đến tương lai của các con. Năm tháng trôi đi, Viola cũng đắm tính hơn, biết nhiều trò hơn. Nó biết kéo tay nắm mở cửa, được sai bảo nó biết ra lấy báo, lấy dép; ngày sinh, ngày đặt tên

nó còn biết chúc mừng chồng tôi. Emerenc dọn đường đi cho mỗi chúng tôi, bà dành cho ông chủ tự do cá nhân lớn nhất, sau đến Viola, cuối cùng là tôi. Bà hay gọi tôi sang uống cà phê, nếu trong số bạn bè của bà ai có nhu cầu, chủ yếu là Adélka muốn tâm sự với tôi những vấn đề của bà ta. Adélka là dạng phụ nữ thường tranh luận với ba bốn bạn của bà về sự đúng đắn của lời khuyên vừa nhận được, khi ấy bà suýt bị Emerenc đánh. Sutú và Polett nói ít, nhất là bà Polett càng ngày càng ít nói, gầy đi rất nhanh và sau đó bỗng nhiên bước ra khỏi cuộc sống của chúng tôi.

Sutú chạy đến báo cho chúng tôi tin bà Polett tự tử. Bao giờ cô cũng mua hàng trong khu chợ vào sáng sớm tinh mơ; ngoài Emerenc ra, cô là người dậy sớm nhất phố. Cô đến vào thời điểm không thể tồi tệ hơn, tôi miễn cưỡng mở cửa, nhưng tin ấy khiến tôi xúc động, tôi thấy buồn. Đến lúc đó tôi đã biết rõ Polett, những tách cà phê của Emerenc khiến chúng tôi gần nhau hơn. Tôi cảm thấy mỗi chúng tôi đều có vai trò trong cái chết của bà, xét cho cùng phải có những dấu hiệu báo trước ý định của bà, và chúng tôi đã không nhận thấy. Sutú hỏi phải nói với Emerenc thế nào, vì hôm qua họ còn ăn trưa với nhau, Emerenc gần gũi Polett nhất, bà biết về Polett nhiều nhất, cả những điều Polett không bao giờ nói với Sutú. Sutú bảo cô không thể nói, tôi hãy báo với Emerenc, cô phải chờ cảnh sát đến, vì chính cô đã phát hiện ra người bất hạnh. Vậy ra, ngay cả trong việc này Polett cũng rất có ý tứ, trong cách thức quỳ sinh, bà không làm chuyện thêm rắc rối bằng cách bỏ đi, để khỏi bắt người khác đi tìm, mà treo cổ lên cây óc chó trong vườn, chứ không ở trong nhà để người ta khỏi phải phá cửa. Lạ lùng nhất là bà kéo mũ trùm kín đầu trước, rõ ràng không muốn làm ai sợ, dĩ nhiên nhìn thế này

cũng đã rụng rợn: bà lũng lảng trên dây với chiếc mũ lễ phục điểm xuyết các hạt màu đồng mà chúng tôi đã thấy cả ngàn lần, chiếc mũ được bà kéo xuống tận cổ. Adélka thì biết rồi, nghe tin Polett tự tử bà ta thấy khó ở. Còn cô thì phải chạy đi, không thể đóng cửa quầy hàng mấy tiếng liền. Tôi hãy sang nhà Emerenc ngay, vì nếu bà già không biết sớm điều gì đã xảy ra, bà sẽ tự ái, tôi biết bà ấy rồi đấy, Emerenc mà điên tiết lên thì khủng khiếp lắm.

Mách chuyện, đưa tin cho Emerenc ư? Bà đã biết hết.

Khi tôi sang, bà đang bóc đậu lấy hạt ở ngoài hiên, bà lại quay gương mặt nước hồ xuống chiếc khay, gương mặt không thể hiện tình cảm gì, hơi xanh xao một chút so với khi khác, nhưng ngay cả thời còn trẻ chắc bà cũng không hồng hào hơn. Có phải tôi đến vì Polett, bà hỏi với giọng như muốn biết Viola đã đi dạo lần nữa chưa. Bà đã biết lúc tảng sáng khi con chó ra hiệu, nghe tiếng động bà đã đi ra, vậy chúng tôi không thức dậy sao? Không. Chống tôi ngủ, tôi có nghe tiếng động, vì đúng là Viola có đánh tiếng, sau lúc nửa đêm nó có tru lên một lát, tôi còn ngẫm nghĩ, con chó có bao nhiêu thứ âm thanh khác nhau. Viola báo có người chết, bà già tiếp tục nói, vẫn với giọng thản nhiên như trước, bà nghĩ bà phải đi tìm xem sao. Bà đi hết khu, xem ở đâu cửa sổ sáng đèn là có chuyện dữ, bà nghĩ đến bà vợ ông Böör, vì từ mấy tuần nay bà ấy đã gần đất xa trời, nhưng không đâu có cửa sổ sáng đèn. Thế là bà ngó vào các khu vườn, ngẫu nhiên mà bà tìm thấy Polett, nếu bà ấy không để cửa mở thì chắc Emerenc không vào, nhưng Polett hay sợ, khi nào ngủ bà ấy cũng đóng cửa, thế là bà nghĩ ngay Polett có chuyện. Căn nhà trống không, bà bật điện lên, thấy trên chiếc giường một chẳng có ai, cũng không thấy bỏ chăn ra, bà quay vào tìm xem Polett ẩn nấp ở

đâu, lúc ấy bà thấy Polett treo trên cây, trong ánh trăng, chiếc mũ màu nâu trên đầu bà ta đen thẫm.

Tôi đứng lặng không nói nên lời, chỉ nhìn Emerenc, chẳng những bà không có vẻ buồn, mà đón nhận cái tin còn với vẻ hoàn toàn hờ hững. “Chúng tôi không bàn nhau về chiếc mũ,” bà nói tiếp trong khi vẫn tách vỏ đỗ. “Polett không nói sẽ trùm chiếc mũ, chúng tôi chỉ thống nhất với nhau về quần áo, và về việc sẽ chôn cất thế nào. Tôi đã đưa cho bà ấy chiếc nịt vú, bà ấy không có chiếc nào màu đen. Cái mũ trùm đến tận cổ nom rất kỳ quặc. Đôi giày đã rơi đâu mất, tôi không thấy. Người ta có tìm thấy không?”

Dù thế nào tôi vẫn phải hỏi bà, như vậy nghĩa là bà biết việc Polett sẽ làm? Sao lại không, Emerenc trả lời, và bà lấy tay đảo chỗ hạt đậu, đóng thử xem có đủ cho chúng tôi không. Hai người còn cùng quyết định là Polett đừng uống thuốc độc. Khi bà phục vụ ở chỗ ông chánh thanh tra, ông chủ của bà - người thường xuyên tới chỗ những vụ tự tử - bảo ông thấy phần lớn những người uống thuốc độc chết trên bậc cửa hé mở, như thế giữa chừng họ nghĩ lại sự việc, và trước khi chết họ muốn ra ngoài. Cái chết do độc tố rất đau đớn, ngoại trừ nạn nhân giàu có, vì họ có loại thuốc khác, những thứ bác sĩ của khu không kê đơn. Treo cổ là hay nhất, dễ nhất, bà đã thấy nhiều ở đất Pest này. Khi phái bạch vệ nắm chính quyền thì quân trắng treo cổ, khi quân đỏ nắm chính quyền thì quân đỏ treo cổ, đến cả các bài nói để mạt sát tù nhân trước khi hành hình cũng giống nhau. Người bị treo cổ giãy đạp giống nhau, dù bị treo nhân danh bên nào. Treo cổ không đến nỗi tệ hại, dễ chịu hơn ăn đạn, vì bắn không phải bao giờ cũng chết ngay, có khi phải bắn đến mấy loạt, cuối cùng lại phải đến tận nơi, đánh hay bắn vào gáy, nếu nạn nhân chưa chết hẳn. Bà biết cả cách hành hình này, bà đã thấy nhiều lần.

Trong ngày tháng Sáu này, tôi như sống với cảm giác tương tự lần cuối cùng ở Mycenae⁽¹⁾, trước mộ Agamemnon⁽²⁾, trong khi những hạt đậu lọt xuống giữa những ngón tay sần sùi của Emerenc, khi ý nghĩ của tôi quay lại không chỉ trong thời gian mà cả trong không gian và cả trong lịch sử. Tôi không chỉ thấy cô bé Emerenc mất bố sớm, thấy bà mẹ đẹp như tiên nữ của cô, thấy người cha dượng chết ở Galicia⁽³⁾ cùng hai đứa em sinh đôi cháy thành than trên khoảnh đất hoang bên giếng nước cho gia súc, mà còn thấy cô gái trẻ từng phục vụ cho một chánh thanh tra, nhưng cũng có thể không chỉ cho một người, vì ông chủ treo cổ quần đỏ không thể cũng là người đã tổng giám quân trắng.

Tôi hỏi Emerenc, bà có thử can ngăn Polett không, khi biết ý định của bà ấy?

“Tôi không nghĩ tới điều đó,” bà trả lời. “Bà ngồi xuống chứ? Ngồi xuống đây, hãy giúp tôi tách đậu, chưa đủ cho bốn chúng ta. Ai muốn đi thì cứ đi, ở lại mà làm gì. Trong khu nhà người ta cũng không xua đuổi bà ấy, người ta để bà ấy sống trong một cái cũi, tôi còn kiếm bạn bè cho bà ấy, nhưng chúng tôi đối với bà ấy thế chưa đủ, cả Sutut, cả Adélka, cả tôi, dù chúng tôi đã chịu khó ngồi nghe hết những chuyện diên dờ của bà ấy, cả những gì chúng tôi không hiểu, vì bà ấy nói tiếng Pháp. Dẫu sao thì hầu như chúng tôi biết rằng dù có nói bằng thứ tiếng lạ, bà ấy cũng chỉ nhai đi nhai lại một điều: bà ấy

1. Mycenae (Mükéné): thành phố Hy Lạp cổ đại, nơi phát hiện ra nhiều khu mộ cổ cùng các hiện vật có giá trị.

2. Agamemnon: con trai của vua Atreus và nữ hoàng Aerope trong thần thoại Hy Lạp, ông là thủ lĩnh của người Achaeans trong chiến tranh thành Troia.

3. Galicia: một vùng đất ở Đông Trung Âu, Đông Nam Ba Lan và Tây Nam Liên Xô cũ.

cô đơn. Ai không cô đơn, tôi muốn biết, ngay cả kẻ có một người nào đó, chỉ có điều kẻ ấy chưa nhận ra đấy thôi. Tôi đem cho bà ấy một con mèo con, dân cư trong nhà ấy người ta chịu đựng được, bà ấy thì nổi nóng, bảo nó không phải là bạn, thật tôi cũng không biết ai thì hợp với bà ấy, nếu cả chúng tôi, cả con vật đều không. Một mắt con mèo màu xanh thẫm, mắt kia xanh lá cây, nó có thể nhìn với hai con mắt khác nhau ấy mà không cần kêu, con người vẫn hiểu nó muốn gì. Nhưng với Polett chưa đủ, cứ như chúng ta không phải là loài vật cả, chỉ có điều thiếu hoàn hảo hơn chúng, chúng không biết tổ giác, cũng chẳng biết vu khống, nếu chúng có ăn cắp, phải có nguyên nhân, vì chúng không thể vào cửa hiệu, vào nhà hàng. Tôi đã khẩn khoản bảo bà ấy nhận nó, dù nó không thích hợp để chống lại nỗi cô đơn, vì nó mồm côi, vì một kẻ độc ác nào đó đã ném nó ra đường, một mình, không có nhà nó sẽ chết, nó còn bé lắm; không, không, không, bà ấy không cần. Được, thế thì hãy mua ở chợ, vì trong vùng này không có gì khác, chỉ có chúng tôi và mèo.

“Bây giờ thì bà ấy nhận được cái cán cuộc làm bạn, bà ấy không còn đơn độc nữa. Sutu bảo bà đến đây, hay Adélka óc bá đậu⁽¹⁾? Cả hai đều mới ngốc làm sao chứ, không nhận ra Polett chuẩn bị làm gì. Đúng là Polett không nói với họ, nhưng tôi chẳng cần đến bà ấy nói, cả Viola cũng vậy, chúng tôi cảm thấy điều gì sẽ xảy ra. Tôi không bỏ chiếc mũ xuống, không thấy bà ấy sau khi chết thế nào, bà có thể nhìn thay tôi, xem bà ấy chết dễ hay khó. Tôi không đi, vì tôi chưa tha thứ cho bà ấy, thích thì cứ việc treo cổ, cả ba chúng tôi chiều chuộng, con Viola cũng quý bà ấy, chúng tôi nhẫn nại nghe những lời rên rầm của bà ấy,

1. Nguyên văn: óc gá mái.

tôi đem vật nuôi cho, bà ấy từ chối. Thôi, muốn đi thì đi, ở lại mà làm gì? Bà ấy còn việc gì ở đời này nữa, bụng thì suốt ngày đau, việc cũng không dám nhận làm nữa, dù bà ấy là quần áo khéo hơn bất kỳ ai trong chúng tôi, giá mà bà nhìn thấy Polett là quần áo thế nào. Xong chỗ đậu rồi. Bà đi hay ở lại? Nếu nhìn thấy Sutú, bảo nó về đây, tôi nhả thế, sau khi đóng cửa hàng, hãy về đây giúp tôi, hôm nay tôi nấu anh đào để giữ đến mùa đông.”

Những con sư tử ở cổng Mycenae động đây, cả hai con đều có đôi mắt sinh động của vật sống, một mắt xanh thẫm, một mắt xanh lá cây, và chúng còn găm gờ nữa. Tôi loạng choạng bước về phía cổng, cầu trời tôi đừng gặp Sutú, tôi bắt đầu suy nghĩ xem sẽ nói gì với Sutú, vì Emerenc chắc cũng sẽ nói những điều bà đã nói với tôi. Phải thử thuyết phục bà ấy, ít nhất trước mặt nhà chúc trách đừng nói gì. Họ sẽ nghĩ về bà thế nào, nếu biết bà đã để Polett đi đến cái chết, lại còn cho bà ta những lời khuyên thực dụng chỉ vì cảm thông với con người bất hạnh ấy.

Khi ấy Emerenc đã chú tâm đến món anh đào, bà đem ra một cái vạc lớn, giống cái vạc bà dùng đun chân lắn đầu tiên khi tôi nói chuyện với bà. Tôi dừng lại.

“Emerenc,” tôi rụt rè hỏi. “Có cần bàn bạc xem nên khai thế nào với cảnh sát không? Nhớ Sutú lại phun ra điều gì thiếu khôn ngoan.”

“Không cần đâu,” bà phẩy tay. “Bà nghĩ người ta sẽ mất thời gian cho Polett sao? Ai đi quan tâm tới một bà già tự treo cổ, lại còn giải thích trong thư để lại là tại sao nữa. Bà nghĩ tôi đã không bắt bà ấy viết thư tuyệt mệnh ư? Cái gì cũng có cung cách của nó, cả cái chết. Tôi đã nói với bà ấy hết, về quần áo, về lá thư. Đáng tiếc là tôi không thể bảo vệ bà ấy không để lũ đàn ông sờ mó khắp người bà ấy lúc mổ tử thi. Đàn ông chưa

nhìn thấy bà ấy, người đầu tiên sẽ là bác sĩ giải phẫu, với người ấy thì một thân thể còn trinh tiết chẳng phải điều gì mới, ông ta đã quen với nhiều xác chết. Tôi cũng đã phục vụ cho bác sĩ giải phẫu.”

Nấm mộ của Agamemnon sâu thêm. Chưa bao giờ bà nói với tôi về bác sĩ giải phẫu.

“Thật không thể tin bà ngần ngại đến mức nào,” Emerenc nói tiếp, “dù tôi đã nói bao nhiêu lần. Bà tưởng cuộc đời cứ tồn tại mãi, và có lý do đáng để nó tồn tại. Bà nghĩ bao giờ cũng sẽ có một người nào đó nấu nướng, dọn dẹp cho bà, sẽ có đĩa đầy thức ăn, có giấy để vẽ vời, có ông chủ yêu bà, và các vị sẽ sống mãi như trong cổ tích, và bà chẳng bao giờ có điều rủi ro nào khác hơn là người ta nói xấu bà trên báo chí, dĩ nhiên đó là sự sỉ nhục lớn, nhưng sao bà lại chọn cái nghề thấp hèn ấy làm gì, để bất cứ kẻ đứng đường đứng chợ nào cũng có thể hắt bần thiêu lên mình? Tôi không biết sao bà lại có danh, nhưng trí khôn thì ít, bà chẳng biết gì về con người hết. Cả về Polett cũng vậy, bà đã ngồi uống cà phê với Polett bao nhiêu lần. Tôi là người hiểu con người.”

Dòng anh đào chảy vào vạc. Giờ đây tất cả là huyền thoại, những quả anh đào tách khỏi hạt, nước bắt đầu chảy ra, dềnh lên như máu, Emerenc mặc chiếc tạp dề màu đen, dưới bóng chiếc khăn trùm đầu, đứng bên cạnh vạc, bà chính là hiện thân của sự bình thản.

“Tôi yêu Polett. Sao bà ta lại không hiểu? Sutu cũng quý bà ấy, thế cũng chưa đủ, Adélka còn kính trọng bà ấy; cái đồ ngốc ấy, cả ba chúng tôi đều quý mến bà ấy, so với bà ấy chúng tôi khăm khá hơn, vì có việc làm, Adélka có lương hưu, và chúng tôi cùng góp lại cho bà ấy đủ thứ, để bà ấy khỏi thiếu thốn, nào thức ăn, củi đốt, bữa tối nữa, đủ cả. Nhưng bà ta

cần đến thứ khác, nhiều hơn, tôi làm sao biết là cái gì, súc vật thì bà ấy không cần, lẽ ra tôi lo cả thức ăn cho con vật bà ấy nuôi nữa, thật hết chỗ nói. Sao lúc nào bà ấy cũng rên rầm? Người đã không thể giúp được thì cũng chẳng nên giúp nữa, nếu bà ta chán sống rồi, thì chẳng ai có quyền níu giữ. Tôi đã đọc cẩn thận để bà ấy viết cho cảnh sát, bà ấy đã viết: ‘Tôi, Dobri Polett, cô quả, tự ý tôi kết liễu cuộc đời, vì bệnh tật, vì tuổi già, cái chính là vì cô độc. Những thứ tôi để lại thuộc về các bạn tôi, Vámos Erelka “Sutu”, vợ góa ông Kürt András, Adélka và Szeredás Emerenc.’ Thế là rõ chứ, cái bàn là thì tôi đem về hồi đêm, để khỏi tranh cãi. Sau những việc ấy, họ còn có gì phải hỏi nữa?’

Vụ Polett, cũng như các chuyện rắc rối khác xảy ra quanh Emerenc, do ông trung tá giải quyết. Ông cho tôi biết sau đó hồ sơ lưu máy tính đã cho thấy, D'Aubry Paulette Hortense⁽¹⁾ sinh năm 1908 ở Budapest, thân phụ bà là D'Aubri Emil, thân mẫu là Kemenes Katalin, không bằng cấp, nghề nghiệp cuối cùng của bà là là quần áo thuê. Người ta không tìm thấy giấy tờ về tín ngưỡng của bà, nhưng Emerenc cả quyết bà theo đạo Tin Lành. Ông mục sư đáng kính không hài lòng khi được mời đến cử hành tang lễ, ông nói Polett, cũng giống như Emerenc, không đến chỗ ông, và Chúa cũng không hài lòng, nếu một ai đó quyết định giờ chết của mình. Cũng may ông ta không nghe thấy lời bình phẩm của Emerenc, bà già nhắc lại câu chuyện riêng trước đây của bà với những phụ nữ làm từ thiện, trong buổi phân phát quà ấy Polett cũng có mặt, nhưng còn không được như Emerenc với chiếc áo dạ hội. Những phụ nữ làm từ

1. Tên đầy đủ của Polett, cho thấy bà gốc Pháp, tên gọi này đã được Hung hóa thành Dobri Polett.

thiện bảo bà ta đầu óc trên mây, hơn nữa cũng như Emerenc, chẳng khi nào thấy Polett đến cầu nguyện. Đúng như thế, vì trong khi họ cầu nguyện, thì Polett là quần áo cho họ, ngày lễ cũng như ngày thường, bằng bàn là than, vì khi đó trong khu này nhiều chỗ chưa có đường dây, mỗi ngày người ta chỉ cho điện vài tiếng, và đầu Polett gần như chìm chìm trong hơi than; hẳn nhiên cũng có thể coi bà là đầu óc trên mây.

*

Dạo đó tôi còn khăng khăng giữ lối sống thời con gái, có khi vào những dịp lễ lớn tôi đến nhà thờ ngày hai lần, như tôi thường làm khi ở nhà và ở trường nội trú. Những lúc như thế Emerenc bao giờ cũng nhìn theo tôi về giễu cợt, nếu bà nhìn thấy, tôi né tránh không đối mặt với bà, trước khi phải nghe những câu nói bao giờ cũng giống nhau, rằng chỉ có người rời việc mới đi nhà thờ. Bên cạnh nhiều chuyện khác, điều này không đúng, vì tôi không rảnh để làm bất cứ điều gì, tôi làm bù những giờ không ngồi bên máy chữ vào ban đêm. Viết không phải công việc dễ dàng; câu văn, nếu bỏ giữa chừng, không bao giờ có thể tiếp tục với chất lượng ban đầu, khi viết lại mạch văn sẽ thay đổi, không như cũ nữa.

Dầu sao tôi cũng đã thuyết phục được ông mục sư rằng Polett là một người cao tuổi đáng trọng, ít nhất ông hãy ca tụng bà xứng đáng, nếu bà được chôn cất theo nghi thức tang lễ của người nghèo. Người đến tiễn đưa Polett ở nghĩa địa Farkasrét đều ngạc nhiên về lời nhắn nhủ cuối cùng của Emerenc, vì trên vị trí chính, dưới bình đựng di cốt, thay vì vòng hoa là một chậu hoa phong lữ nhỏ buộc dải băng tang màu kem trắng: *Ở đây không còn nỗi cô đơn nữa, cầu chúc bạn yên nghỉ thanh thản.*

Emerenc. Bình đựng di cốt là loại rẻ tiền nhất, mộ ở chỗ xấu, người đưa tang thừa thớt, nghi lễ ngắn gọn. Emerenc còn đứng trước tấm biển, khi người ta đã lấy xi măng gắn bình đựng di cốt, chúng tôi đến viếng mộ những người quen ở xung quanh, và cuối cùng, khi ra cổng chúng tôi lại gặp bà, chắc khi đó bà vừa xong nghi lễ tưởng niệm riêng của bà. Mắt bà còn ngấn lệ, đôi môi sưng mọng, chưa khi nào tôi thấy bà suy sụp như thế.

Buổi tối bà sang đón Viola, con chó cũng chẳng vui vẻ gì, nó không nhảy cồm lên vì được đi chơi. Khi quay về, Emerenc ra lệnh cho nó nằm lên đệm, nó đi ngủ ngay không phản đối. Tôi đang sắp xếp lại cái tủ, khi tôi quay người lại, Emerenc chợt hỏi:

“Bà đã giết súc vật bao giờ chưa?”

Tôi bảo chưa.

“Rồi bà sẽ làm. Rồi bà cũng sẽ giết Viola, bà sẽ bảo người ta tiêm cho nó, khi đến lúc. Bà hãy nhớ rằng khi điều gì đó bỏ ta đi, thì đừng cố giữ lại, bởi ta không thể cho họ thứ gì khác để thay thế cuộc sống. Bà nghĩ tôi không yêu Polett, nghĩ tôi thờ ơ khi bà ấy chán đời và muốn quyền sinh? Chỉ có điều để yêu cũng cần phải biết giết nữa, bà hãy nhớ lấy, không thừa đâu. Hãy hỏi Chúa, người bà rất gần gũi, xem Polett đã nói gì khi họ gặp nhau.”

Tôi lắc đầu. Sao lúc nào bà cũng châm chọc tôi? Đây đâu phải là lúc giễu cợt.

“Tôi yêu Polett,” Emerenc nhắc lại. “Tôi nói điều đã nói ra làm gì, nếu như bà lại không hiểu, vì bà ngốc lắm? Nếu không yêu bà ấy thì tôi đã cản lại, vì tôi quát ai là người ấy phải nghe, vì Polett sợ tôi, bà ấy biết nếu không nghe sẽ không xong với tôi. Bà tưởng một ai khác đã kể với tôi về Paris, và về cái nghĩa địa mà ở đó bao giờ người ta cũng mang hoa đến cho một

người đàn bà, nơi Hoàng đế đã được chôn sao cho để muốn nhìn Ngài người ta phải cúi đầu. Ai có thể kể cho tôi nghe, khi bà ấy còn thấy ý nghĩa nào đó của cuộc đời, như Polett đã kể? Tôi có thể trả ơn bà ấy bằng gì, vì bà ấy đã dạy tôi bao nhiêu điều, hơn là bằng việc khi thấy không thể giúp gì bà được nữa, tôi đã khích lệ bà ấy hãy tự nói lời cuối cùng, chứ đừng để những người khác nói, cũng đừng để nỗi cùng khổ còn lớn hơn và cái xương sống đau hơn, đừng để sự hổ thẹn làm việc đó. Sutur không thật sự quý bà ấy, còn khinh rẻ vì lai lịch bà ấy, cho đến giờ tôi chưa nói, nhưng giờ thì chẳng quan trọng nữa. Một trong những tổ tiên của bà ấy là kẻ cướp hay tội phạm gì đó, đã bị đao phủ hành hình, người ta truy nã cả gia đình, vì thế mà họ lưu lạc đến nước Hung. Polett không hổ thẹn, bà đã nói về chuyện này. Chỉ có Adélka vương khúc mắc, rằng họ là loại người gì. Tôi không hiểu Adélka tự hào vì cái nổi gì, bố bà ta cũng ngồi tù vì đâm chém và trộm cắp, đúng là không bị treo cổ, nhưng cũng chẳng hơn họ hàng nhà Polett bao nhiêu. Adélka cười về chuyện tổ tiên Polett bị chặt đầu, nhưng Adélka ngốc lắm, đầu như quả bí, không thích những câu chuyện của Polett, cũng không hiểu, mặc dù bà ấy đã chặt đầu gà khá nhiều, cái đầu ấy lìa khỏi cổ nhanh, nếu người ta chém trúng, chẳng cần phải lay nhay. Polett thể tổ tiên bà ta không có tội, đó chỉ là chuyện chính trị, người ta bắt và đưa ông cụ đi. Tôi tin, cả Sutur nữa, vì có việc như vậy, ở nước ta đây người ta đã chẳng giết oan bao nhiêu người vô tội đó sao, khi tôi còn trẻ, và là vợ chưa cưới của anh thợ làm bánh mì, người ta không chặt đầu anh ấy mà đã xé nát ra từng mảnh. Bà không tin à? Không tin thì thôi. Đám đông đã xé nát anh ấy, tuy anh ấy chẳng làm gì, chỉ mở cửa hàng ra. Ông chỉ huy đã ra lệnh cấm không được cho ai khác bánh mì, chỉ cung cấp cho binh lính, nhưng anh ta thương dân

chúng, thế là chia cho họ, đến khi hết bánh, họ không tin anh ấy, họ lôi anh ấy ra và giết chết, rồi xé nát anh ấy như xé bánh mì. Nếu đám đông giết chết một ai đó, việc đó kéo dài không phải trong một phút, đó là cái chết từ từ. Nào, tôi đi đây, tôi chỉ còn muốn nói thêm điều này nữa. Nếu tôi có giường, thì riêng hôm nay tôi sẽ đi nằm, nhưng từ khi người ta đưa hai vợ chồng trẻ đi, và lo lắng cho cả Eva nữa, sau đó ông bà nhà Grossman uống xianua, và tôi thấy họ nằm chết trên giường, tôi chỉ ngủ được trên ghế hay trên đi văng. Nào, chúc bà ngủ ngon. Đừng cho Viola ăn gì nữa, nó nốc đủ rồi.”

Tôi ra cái ban công quay về phía vườn, ngồi nhìn hoa, nhìn trời. Thời gian như ngừng trôi, một buổi tối đượm hương thơm, tĩnh lặng. Polett gốc Huguenot⁽¹⁾ và anh thợ làm bánh mì, chồng chưa cưới của Emerenc, họ tìm chỗ đứng trong ý thức của tôi cùng với ông bà nhà Grossman, những người mà hệ thần kinh không chịu nổi Hitler; dưới chân máy chém những chú gà mái nghiêng ngó xem cái chết diễn ra thế nào. Mùi lên men tỏa ra nồng nặng. Emerenc không bao giờ nhắc đến người thợ làm bánh mì nữa, sau này tôi thấy ảnh anh ta ghim trên hình nộm thử quần áo, nhưng tôi không đoán ra ngay đó là ảnh ai.

1. Tên gọi những người Pháp theo nhánh Calvin của đạo Tin Lành, từ giữa thế kỷ 16.

CHÍNH TRỊ

Emerenc không khi nào nào nói về Polett nữa, như thể bà ta chưa từng sống. Trái lại, bà ở nhà chúng tôi nhiều hơn bất kỳ lúc nào khác, thực chất dạo đó lúc nào bà cũng muốn ở với chúng tôi. Sự gắn bó giữa chúng tôi gần như là kết quả của những yếu tố không thể xác định nổi, giống như tình yêu, dù chúng tôi phải nhượng bộ nhiều, để chấp nhận được nhau. Dưới con mắt của Emerenc, mọi công việc không phải lao động chân tay đều là lừa nhác, gần như là lừa bịp. Tôi luôn luôn công nhận lao động chân tay, nhưng không cảm thấy nó quan trọng hơn lao động tinh thần. Những năm tháng của chủ nghĩa sùng bái cá nhân đã đủ làm tôi từ bỏ điều này, nếu có bất cứ khi nào trong đời tôi mà triết lý của Jean Giono⁽¹⁾ ảnh hưởng quá lớn đến tôi. Nền tảng đời tôi được tạo dựng bởi những cuốn sách, đơn vị đo lường của tôi là con chữ, nhưng tôi không cảm thấy đó là sự cứu rỗi, như bà già cảm thấy về thước đo của mình. Emerenc, dù chưa bao giờ suy nghĩ hay công nhận và sử dụng cụm từ “phản trí thức”, nhưng vẫn là người phản trí thức, chỉ có những cảm xúc của bà đặt ra ngoại lệ trong ý thức của bà. Hình ảnh của bà về thế giới của những người mặc vết được gọi là người thượng lưu hình thành một cách riêng biệt, trong con mắt bà - dù trong thế giới trước đây, hay trong thế giới hiện tại, trong đó những xô đẩy của cấu trúc xã hội hứa hẹn sự ra đời của một tầng lớp có

1. Jean Giono (1897-1970): nhà văn Pháp.

quyền lực trong xã hội nhờ của cải - nếu người nào không làm việc chân tay, mà có người khác làm thay họ, được coi ngay là trí thức. Bà coi thân phụ bà, người vào đầu thế kỷ là một nhà tiểu thủ công nghiệp khá giả, là người lao động chân tay, vì trong đầu bà còn lưu giữ hình ảnh ông đi lại giữa đồng phoi bào, mặc dù ông có nhà cửa, đất đai, có nhiều gỗ quý, máy móc giá trị. Bà già, dù bằng bất cứ giá nào cũng không gọi tên cái khái niệm ngàn lần nguyên rủa là “tư sản”, lại là hiện thân ý nghĩa của khái niệm đó. Vô số những nơi bà từng làm việc chỉ rèn luyện kiểu cách tinh tế cho bà, nhưng không điều chỉnh được tính cách của bà. Trong mắt bà, nếu không cầm công cụ lao động trong tay thì đàn ông, dù làm công việc trọng trách gì - dĩ nhiên trừ ông trung tá, người giữ trật tự an ninh - đều là những kẻ ăn bám, đàn bà dù thuyết giảng bất cứ khẩu hiệu nào, đều là lũ ăn hại, tốn bánh mì, lúc đầu trong số đó có cả tôi. Trong mắt Emerenc, mọi mảnh giấy, bản viết, cuốn sách đều đáng ngờ; chẳng những bà không biết gì về Marx, bà còn không đọc một thứ gì, kể cả báo chí. Tôi nghĩ bà còn coi khinh chúng tôi nữa, như những kẻ trốn việc kinh niên, và bà đã dao động, khi phải trải qua cảm giác một điều gì đó làm suy giảm sự khinh ghét của bà, lúc bước qua bậc cửa nhà chúng tôi, rõ ràng bà phải thuyết phục mình rằng dù sao cái máy chữ chúng tôi gõ cũng là một thứ máy móc, vẫn có chút danh dự nào đó trong việc kiếm miếng ăn của chúng tôi. Thái độ phản trí thức của bà không ngăn trở bà đón nhận các cơ hội làm việc, do đời sống chính trị biến động, nghề nghiệp của bà ngày càng trở nên hiếm, điều đó đảm bảo cho bà sự an toàn tuyệt đối. Từ mỗi chủ nhà bà đều học được một điều gì đó, nhưng bà có nhận xét về tất cả mọi người. Bà chỉ liếc mắt qua những cuốn sách của chúng tôi khi phải bụi cho chúng. Những gì bà đã học được trong ba năm tiểu học đã biến khỏi

đầu óc bà theo dòng chảy của thời gian, thơ cũng chỉ còn một bài chào mừng Ngày của Mẹ. Kể từ sau vụ xảy ra bên giếng nước dành cho gia súc, kiến thức văn chương của Emerenc chỉ được bồi đắp bởi các chủ nhà khác nhau và bởi cuộc sống. Nhưng những thập kỷ của Hungary chỉ khiến bà biết tới những điều bà căm ghét, và gột sạch sự quan tâm của bà tới thi ca. Đến khi có thể nghe được những điều khác, thì bà đã không còn muốn làm giàu thêm tinh thần của mình nữa. Người thợ làm bánh mì đã bị xé nát trong cách mạng hoa cúc⁽¹⁾, như sau này bà kể, nhân vật trong mỗi tình lớn của bà cũng biến mất, kẻ kế tục không xứng đáng thì đã ăn cướp của bà. Emerenc không bao giờ biết rằng, bằng cách nào đó bà đã đi đến một quyết định giống như Butler, viên đại úy trong *Cuốn theo chiều gió*, cũng như nhân vật chính liễu lĩnh trong tiểu thuyết, bà chẳng muốn mạo hiểm trái tim mình vì bất cứ ai, vì bất cứ điều gì. Sau Thế chiến II, một chân trời vô biên đã mở ra trước mắt bà, bà có thể vơ vào cho mình bao nhiêu tùy thích. Bà có đầu óc phân tích lạnh lùng, có logic hoàn hảo, nhưng bà không muốn trau dồi, tu dưỡng, cũng chẳng muốn thăng tiến, cũng không muốn hành động theo chỉ thị hay theo phong trào vì lợi ích cộng đồng. Chính bà tự quyết định đến với ai và vì sao, trong khuôn khổ những khay thức ăn và những chú mèo hoang. Bà không đọc báo, không nghe tin tức, không cho chính trị lọt vào nhà, và khi ngẫu nhiên nói đến tên đất nước Hungary, bà không rơi lệ hay tỏ ra xúc động.

Emerenc là cư dân duy nhất của một đế chế độc nhất, bà tự chủ hơn cả Đức Giáo hoàng La Mã. Cách ứng xử, sự bàng

1. Cách mạng hoa cúc: do Thế chiến I kéo dài, binh lính và dân chúng bất bình nổi dậy biểu tình, đỉnh công phản đối ở Budapest và các thành phố lớn từ ngày 28 đến 31-10-1918. Binh lính đã cài hoa cúc lên mũ, vì thế hoa cúc trở thành biểu tượng của cuộc khởi nghĩa.

quan hoàn toàn với cuộc sống xã hội của Emerenc đôi khi gây nên những tình huống căng thẳng giữa chúng tôi; trước người lạ, chúng tôi giống như trong một hoạt cảnh khôi hài. Tôi gần như phát khóc cố thuyết phục cho Emerenc hiểu: sau chiến tranh, trên đất nước chúng ta sự phát triển đã bắt đầu, việc chia ruộng đất, những khả năng vô tận mở ra trước các tầng lớp lao động - tầng lớp của tôi và của bà - có ý nghĩa gì. Emerenc bảo bà biết cách suy nghĩ của nông dân, gia đình bà cũng là nông dân, đối với họ, ai mua trứng hay sữa cũng vậy cả, quan trọng là họ khấm khá lên. Công nhân thì chỉ đòi hỏi quyền lợi đến khi nào chính họ trở thành chủ nhân ông, bà không quan tâm tới quần chúng vô sản (bà không dùng từ này, nhưng mô tả nó), còn các ngài vô công rồi nghề, giả dối thì bà ghét cay ghét đắng. Cha cố điều toa, bác sĩ đốt nát, tham tiền, luật sư bắt kẻ mìn đại diện cho kẻ giết người hay cho nạn nhân, kỹ sư thì tính toán ăn bớt vật liệu gạch ngói để xây nhà riêng, các công xưởng, nhà máy, cơ quan khoa học toàn là những liên minh tội ác.

Chúng tôi cãi nhau, tôi, như thể Robespierre⁽¹⁾, đại diện quyền lực của nhân dân, dù chính tôi trong những năm ấy đang bị o ép đến giới hạn mất khả năng làm việc và buộc trở lại khu *ghetto*⁽²⁾ đã chỉ định sẵn, cùng với ông chồng đã bị hạ nhục đến mất khả năng làm việc, mong biết đâu tôi chẳng đi đến quyết định đi khỏi đây, chỉ cần quyết định hình thức: rời bỏ cả cuộc sống cũ hay chỉ rời bỏ đất nước. Chỉ có điều lòng căm thù đã giúp tôi đứng vững, nó luôn biết kẻ sẵn đuổi chỉ liên quan đến đường công danh hèn hạ của riêng hần, đất nước đang quản quai trong cơn sinh nở, và đất nước không có lỗi vì bị người

1. Maximilien Marie Isidore de Robespierre (1758-1794): một trong những nhà lãnh đạo của Cách mạng Pháp năm 1789.

2. Ghetto: biệt khu dành cho người Do Thái; hay khu da đen ở Mỹ.

ta đặt bên giường những mũ đỡ ê tiện, cả trong việc chúng đã tạo ra thế giới của những gã Sparafucile⁽¹⁾, và trao quyền lực vào những bàn tay bẩn thỉu. Vào thời vua Szent László⁽²⁾ người ta đã dùng rìu chặt những bàn tay ấy, vì chúng tệ hại hơn cả tay của bọn kẻ cướp, chúng đã đánh cắp niềm tin của một dân tộc trong nhiều thập kỷ.

Dù đã đứng tuổi, mọi khả năng vẫn mở ra trước Emerenc, ít ra là khi cuộc thay đổi lớn diễn ra, nhưng bà theo dõi những khúc ngoặt của lịch sử với lời chế giễu cay độc, bà nói thẳng vào mặt những cán bộ tuyên giáo, rằng bà không cần họ lên lớp dạy đời về bất cứ điều gì. Nơi để thuyết giảng là nhà thờ. Người ta bắt bà nấu ăn từ lúc còn là đứa trẻ, không hỏi xem nó có chịu đựng nổi không, mười ba tuổi bà đã phục vụ ở Pest, mời cán bộ ở đâu đến thì hãy về nơi ấy, nhất là hãy rời khỏi hiên nhà bà, vì bà kiếm sống bằng lao động chân tay, chứ không phải bằng nước bọt như cán bộ. Đúng là một phép mầu đã cứu Emerenc, trong thời buổi nhiễu nhương, bà không bị bắt đi cải tạo, trong sự khinh thị chống lại mọi việc của bà có một cái gì đó gàn dở, méo mó. Các cán bộ tuyên giáo trải qua những giây phút khổ sở nhất trong đời họ, khi họ rao giảng với bà về chính sách của nhà nước. Trong mắt bà, Horthy⁽³⁾, Hitler, Rákosi⁽⁴⁾, Károly IV⁽⁵⁾ cùng một giuộc, ai nắm quyền lực thì

1. Sparafucile: tên nhân vật sát thủ trong vở opera *Rigoletto* của Giuseppe Verdi.

2. Szent László (1046-1095): vua Hungary từ 1077-1095, nổi tiếng là nghiêm khắc và công bằng, dưới triều đại của ông quyền sở hữu tài sản tư nhân đã được luật pháp bảo đảm.

3. Horthy Miklós (1868-1957): chính khách, thủ tướng Vương quốc Hung từ 1920-1944.

4. Rákosi Mátyás (1892-1971): là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Hungary từ 1945-1956, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Hungary 1952-1953.

5. IV. (Boldog) Károly (1887-1922): Hoàng đế cuối cùng của Áo và của triều đại Habsburg, cũng là vua cuối cùng của Hungary từ 1916-1918.

người đó ra lệnh, và người có quyền sai bảo bất cứ ai, bất cứ lúc nào làm bất cứ việc gì đó thì bao giờ cũng nhân danh một thứ gì đó không thể nắm bắt nổi. Người ở trên cao, với bất kỳ lý do gì, dù có vì quyền lợi của bà hay không, đều là kẻ áp bức. Thế giới của Emerenc chỉ biết tới hai loại người: người quét rác và người không quét rác. Người không quét rác dù có làm gì, dù họ có kỷ niệm ngày quốc lễ dưới những khẩu hiệu và cờ xí nào cũng vậy thôi. Không sức mạnh nào có thể bẻ gãy nổi bà, viên cán bộ tuyên huấn hốt hoảng lùi mất. Không thể động chạm đến bà, không thể ngăn cản nổi bà, cũng không thể gần gũi, kết bạn hay trò chuyện; bà liều lĩnh, khôn ngoan đến mê hoặc, tinh quái và trơ tráo đến phát ngượng. Không ai thuyết phục nổi bà, rằng nếu ai đó chấp nhận phương pháp phân loại phi lý của bà, và danh dự của một con người phụ thuộc vào việc người đó có quét rác hay không quét rác, thì việc bà có muốn đứng vào phía những người không quét rác, mà bắt người khác quét, chỉ do bà quyết định, vì năm 1945 nhà nước đã cho bà khả năng ấy. Khi đã hết vớ, con bài cuối cùng là đóng vai bà già đau khổ, người đã trải qua mọi sự trên đời, bà ngồi thừ trần trần nhìn vào khoảng không, như thể đối với bà mọi việc đều đã muộn. “Chưa muộn đâu, thưa bác,” anh chàng tuyên huấn trẻ hy vọng, “mọi con đường đang mở ra trước mắt bác, bác xuất thân là nông dân, sao lại muộn được. Người ta sẽ cho bác đi học, hay sẽ cử người đến hướng dẫn bác đăng ký, sẽ xem khả năng khác thường của bác, bác sẽ mau chóng bổ sung mọi thứ, sẽ tốt nghiệp phổ thông, trở thành người có văn hóa.” Có văn hóa? Sự căm ghét trí thức như lửa được đổ thêm dầu, thấy rõ ngay trí lực đặc biệt của bà, chính bà nói với mọi người về sự ghê tởm chữ nghĩa của mình, bà là một nhà diễn thuyết tầm cỡ, từ trong máu.

Bà đọc khó khăn, viết rất vất vả, khổ sở, các phép tính số học chỉ còn nhớ được hai: cộng và trừ, nhưng bộ nhớ của bà làm việc như máy tính. Bất cứ điều gì vô tuyến và đài thông báo lọt ra từ các cửa sổ để mở, nếu là tin tích cực thì bà phủ nhận ngay, nếu là tin tiêu cực thì bà khen. Bà không có khái niệm chỗ này chỗ kia của thế giới nằm ở đâu, nhưng bà nhắc lại với cách phát âm rất chuẩn cho tôi nghe những điều bà đã nghe về chính phủ của nước ấy trong các bản tin, bà kể tên các chính khách, dù đó là người Hung hay người ngoại quốc, và bao giờ cũng kèm theo lời bình phẩm. “Họ muốn hòa bình, bà có tin không? Tôi thì không, vì nếu thế thì ai mua súng đạn, và nếu thế thì có lý do gì để treo cổ, để cướp bóc, hơn nữa, trước đây chưa bao giờ có hòa bình thế giới, có gì bây giờ sẽ có?” Nhiều cán bộ phong trào phụ nữ chán nản nếu muốn mời bà đến dự hội họp, hay muốn kéo bà ra khỏi sự dửng dưng chống đối của bà. Cán bộ dân phố, ủy ban coi bà như một tai họa, và về mặt này ông cố đạo cũng hoàn toàn đồng ý với họ: Emerenc sinh ra để trở thành Mephisto⁽¹⁾, bà báng bổ tất cả. Một lần tôi bảo bà, nếu bà không thường xuyên nghiền ngẫm chiến chống lại những cơ hội và vận may của mình, thì bà đã có thể trở thành nữ đại sứ, nữ thủ tướng đầu tiên, ai mà biết được; trí thông minh, hiểu biết của bà hơn cả Viện Hàn lâm Khoa học. “Được,” bà nói. “Đáng tiếc tôi không biết một đại sứ làm gì. Tôi không muốn gì khác ngoài một hầm mộ, hãy để tôi yên, đừng có lên lớp tôi, tôi biết quá đủ, giá như đừng biết nhiều thế có khi lại hay. Hãy để kẻ nào còn tham vọng giữ lấy cái đất nước theo họ là nhiều cơ hội này. Tôi không cần một ai, một thứ gì cả, bà có hiểu không?”

1. Mephisto: ác quỷ, tên nhân vật trong kịch *Faust* của Goethe.

Đúng là bà chẳng cần đến đất nước, bà không muốn đứng về phía những người lãnh đạo của phái quét rác, bà chẳng đòi hỏi gì hết, và không nhận ra rằng với sự phủ định liên tục của mình, bà cũng thường xuyên làm chính trị. Nếu bà hành động như vậy dưới thời Horthy, những chủ nhân của bà có thể coi đó là nực cười. “Con trai cậu em Józsi” nói lộ ra là bà từng bị giam mấy ngày vì tội tuyên truyền kích động. Bất kể giai đoạn nào của cuộc đời Emerenc cũng có thể đi theo một kiểu mẫu khủng khiếp; khi bà bắt đầu diễn thuyết, tốt hơn hết là nên tránh xa. Người nào nghe bà bình luận về chuyến bay của Gagarin, hay về con chó Laika cũng phải lảng đi. Khi chúng tôi nghe tiếng tim đập của Laika, bà bắt đầu nguyên rủa, rằng đó là tội hành hạ súc vật, về sau bà tự an ủi mình đó chỉ là tiếng tích tắc đồng hồ. Có con chó khôn ngoan nào lại ngồi vào trong một ca bin, hay là cái gì đó, để bay trong vũ trụ, ai mà tin được. Về Gagarin thì bà đoán rằng bà linh cảm thấy sự chẳng lành, lẽ ra không nên nhận một nhiệm vụ như thế, vì thường Chúa không để mất tới chúng ta, nếu ta xin điều gì đó; nhưng nếu ta sợ điều gì đó, thì bao giờ Chúa cũng mang tới. Nếu ta trừng phạt kẻ hàng xóm phá nát vườn hoa nhà ta, thì Chúa cũng trừng phạt kẻ xâm phạm lãnh địa của Người, con người không thể bay lảng xằng giữa các thiên thể. Hôm Gagarin chết, khi bà phải chứng kiến phản ứng hốt hoảng và cơn sốc của cả thế giới, đến cả Adélka ngốc nghếch cũng tránh xa bà. Bà đi lại ngoài hiên, vừa to tiếng giải thích: bà đã bảo trước mà, Chúa không để con người bước qua giới hạn cho phép. Bà diễn đạt bằng từ khác, nhưng nghĩa là thế. Trên trái đất này, bà là người duy nhất không thấy thương xót chàng trai trẻ đã chết cháy, như bà cũng chẳng thương Kennedy hay Martin Luther King. Emerenc chú ý đến cả hai nửa trái đất, không định kiến

và cảm tình với bên nào, và bà bảo ở Mỹ cũng có bên quét rác và bên không quét rác, Kennedy sai bảo người khác quét rác, còn ông người da đen kia thì không diễn trong rạp xiếc, mà thường xuyên diễn trò và đi đây đi đó, một người đứng đầu đám sai bảo người khác quét rác. Dấu sao, ai chẳng phải chết, nếu có thời gian, bà sẽ nhỏ lệ ngay.

Sau này, khi gặp “con trai cậu em Józsi” ở mộ Emerenc, chúng tôi cũng trao đổi đôi lời về thế giới quan không thể tác động nổi của Emerenc. Người đàn ông trẻ dang tay một cách bất lực, theo anh ta hòa bình đến với bà bác anh quá muộn. Bố anh ta cân nhắc đúng đắn, ông còn nhớ rõ những năm khó khăn, nhưng ông hài lòng, tích cực. Những cơn thịnh nộ tiêu cực của Emerenc theo đuổi suốt cuộc đời bà bác anh. Lẽ ra tôi đã có thể nhận ra sự thù nghịch đặc biệt, gần như không có đối tượng này, nó có thể nhằm vào Ferenc József¹⁾ cũng như bất cứ ai khác có thể ảnh hưởng đến số phận của đất nước, dù theo một cách may mắn đi nữa. Tôi không nói cho anh ta biết về con trai ông luật sư, tôi cảm thấy người đó chính là lời giải thích của mọi việc. Cuối cùng ông trung tá là người đã nói thay chúng tôi, có lẽ Emerenc căm ghét quyền lực, dù nó ở trong tay ai, giả sử khi nào đó có một người giải quyết được mọi vấn đề của cả năm châu lục, thì Emerenc vẫn cứ dõi theo hoạt động của người đó với sự ác cảm, chỉ vì người đó chiến thắng. Trong ý thức của bà, mọi người đều có một mẫu số chung, Đức Chúa, công chứng viên, đảng viên, vua, người thi hành án, chủ tịch Liên Hiệp Quốc, và nếu ngẫu nhiên bà tỏ tình đoàn kết với một ai đó, sự chia sẻ của bà là của chung, không chỉ dành cho

1. Ferenc József (tên tiếng Đức là Franz Joseph, 1830-1916): Hoàng đế Áo từ 1848-1916, vua Hung từ 1867-1916.

người xứng đáng được hưởng, mà cho tất cả mọi người. Cho bất kỳ ai. Kể cả kẻ có tội.

Tôi là người có thể kể nhiều hơn cả về chuyện này, vì thỉnh thoảng bà thường giải bày tâm sự với tôi. Nhưng tôi đâu phải kẻ dở hơi, chỉ còn thiếu nước tôi lại đi tuyên truyền cho những bài diễn thuyết của bà. Một lần bà dùng giẻ ướt lau lông chó trên thảm, Viola đang thay lông. Bà quỳ bên cạnh tôi, tôi ngồi bên máy chữ nghe tiếng bà kể. “Lạy Chúa,” Emerenc nói với chiếc giẻ ướt, “tôi đã giấu một người Đức, vì chân hần - phần ít ỏi còn lại sau loạt súng máy - lũng lảng, họ mà tìm thấy hần thì họ đánh chết. Sau đó tôi còn nhét một người Nga vào cạnh hần, cả hai cứ nhìn nhau trong cái hầm đóng kín cửa. Bà chưa thấy chỗ ấy và sẽ không bao giờ thấy đâu, nhưng nếu bà bép xép thì đừng có trách tôi. Khi tôi chuyển đến, chưa có ai ở trong tòa nhà ấy cả, chỉ có ông già bại liệt Szloka, người mà sau này tôi đã chôn cất. Gia đình chủ nhà khi đó đã chạy sang Thụy Sĩ, những cư dân khác khi đó chưa có ai trôi dạt đến đó. Tôi xem xét khắp tòa nhà, từ tầng hầm đến tầng áp mái, tôi thấy có thể khóa riêng một chỗ kín đáo dưới hầm, nếu sắp xếp lại đồng củi thanh. Phía sau cùng có một chiếc cửa nhỏ mở vào một phòng không có cửa sổ. Tôi kéo gỗ bịt hờ phía trước cánh cửa, sau đó giấu tất cả những ai cần trốn tránh vào đó. Bà có thể tưởng tượng cả hai ngạc nhiên thế nào khi tôi nhét tay người Nga vào đấy chứ, có lẽ gã bị bắn vào phổi, vì máu có bọt. Hai người rên rĩ với nhau, dù không hiểu nhau. Tôi giấu kín vũ khí của cả hai, đến nay vẫn còn, nhưng cũng chẳng để làm gì, vì đó là những loại súng nổ rất to, sử dụng thì tôi biết, vì ông chủ sĩ quan của tôi là người mê săn bắn. Trước khi hai gã kia kịp trở nên thân thiện với nhau hơn, thì cả hai đều chết. Tôi kéo họ ra đặt

trước nhà, đến nay người trong phố vẫn không hiểu sao họ lại có thể nằm bên nhau thân thiện như thế.

“Tôi giấu cả ngài Brodarics nữa, người của Rákosi truy tìm ông ấy. Cứ để họ tìm, làm như tôi dễ dàng nộp ông ấy cho họ. Ông ấy hay đội mũ bảo hộ đến chỗ khoan dầu, khi ông ấy về, rửa tay mãi không hết dầu. Gián điệp, gián điệp cái con khỉ, đứa vu oan cho ông thế mới chính là gián điệp. Đời nào tôi lại để họ bắt ông ấy, để vợ ông ấy - người suốt ngày chỉ thấy lau chùi quét dọn - góa chồng sao. Ông Brodarics quý người, đã bao nhiêu lần ông ấy quỳ xuống bên cạnh tôi khi tôi phải nhóm lửa đun cái vạc. Ông ấy đã dạy tôi biết tiết kiệm than, nhờ ông ấy mà tôi biết bí mật của lửa, vì mọi thứ đều có bí mật của nó, cả than lửa cũng vậy. Người của Rákosi đến, tôi mở cổng. Họ tìm, tôi bảo người ấy không có đây, sáng sớm bọn khác đã đến đem đi rồi, các vị cứ tìm đi, anh ta còn nợ tôi tiền một lọ mứt quả. Thế là ông ấy thoát, trong cái xó hẻm ấy. Sau đó có một đạo căn phòng bỏ trống, nhưng rồi tôi lại nhét một nhân viên AVH⁽¹⁾ vào đó, anh ta ngã gục ngoài vườn, một nhân viên AVH tử tế tôi quen biết. Không cứu anh ta thì uống, khi tôi bị gãy tay anh ta đã sang lấp giúp cái giàn phơi quần áo, sao tôi lại không giúp. Sau đó tôi còn chứa chấp một người khác nữa, vì gã này thì chắc tôi không cho tay vào lửa, nhưng tôi vẫn nuôi mấy ngày, bởi thấy gã thiếu não quá, mồ hôi lạnh toát ra như chó chờ gậy.”

Tôi ngồi im, không nhận xét gì. Nữ thánh Emerenc xứ Csabadul, người đàn bà điên có lòng nhân từ không phê phán, người cứu tất cả những kẻ bị săn đuổi, vì người bị săn đuổi phải

1. AVH (viết tắt của Államvédelmi Hatóság): Cục An ninh Nhà nước, tồn tại từ 1948-1956, có nhiệm vụ trấn áp những người bất đồng chính kiến và bảo vệ các lãnh tụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa thời đó.

được cứu rồi, cả gia đình Grossman, cũng như những kẻ đã săn đuổi gia đình Grossman; trên một mặt lá cờ của bà là chiếc giàn phơi quần áo, trên mặt bên kia là chiếc mũ bảo hộ của ngài Brodarics. Người đàn bà đúng tuổi này chẳng những không có ý thức về đất nước, mà chẳng có ý thức gì hết. Trí óc sáng láng của bà rực rỡ, nhưng bị bao phủ bởi lớp sương mờ. Bao nhiêu nỗi buồn, bao nhiêu khả năng, chẳng để làm gì hết. Một lần tôi hỏi bà: “Này, bà chỉ thích cứu giúp người khác, hay còn tổ giắc ai đó nữa?” Bà nhìn tôi khinh bỉ: tôi nghĩ bà là người thế nào? Đến lão thợ cắt tóc đã lừa dối, đã lấy hết của bà, cái lão mà đến giắc mơ cũng giả dối, mà bà cũng chẳng tổ giắc. Bà không nói gì khi lão bỏ bà lại và lặn mất cùng số của cải, nếu lão ta cần cứ để lão lấy. Từ đó trở đi, hể có đàn ông mon men lại gần là bà nhớ tới lão thợ cạo, và đứng hòng động đến những thứ gì của bà, tiền lại càng không.

Bà đã dự tính tương lai cho mình, nhưng trong đó không có những lão thợ cạo, những Kennedy và những con chó bay, chỉ có bà và những người quá cố mà bà cho phép vào. Bà ném thứ đang cầm trong tay và chạy vụt đi, bà nhớ ra cần phải mua thuốc cho một người ốm, bà hỏi tôi có cần bà mua gì giúp không. Tôi nhìn theo bà, ngẫm nghĩ không hiểu sao bà lại gần bó với mình, trong khi tôi khác hẳn bà, tôi không hiểu bà thích tôi ở điểm gì. Như tôi đã viết, khi đó tôi còn trẻ, tôi không phân tích đến cùng để thấy sự quyến luyến giữa con người với con người là thứ tình cảm phi lý, có sức xô đẩy nguy hiểm, không lường đến thế nào, dù tôi hiểu biết văn học Hy Lạp, nền văn học không mô tả thứ gì khác, ngoài chiếc rìu chung lóe sáng trong bàn tay của những trạng thái tình cảm, của cái chết, tình yêu và tình thương.

NÁDORI-CSABADUL

Còn một điều nữa bà cũng không bao giờ nhắc tới, đó là vùng đất nơi bà sinh ra, không xa quê tôi là mấy. Tôi hay chê bai nước, không khí ở đó. Nhưng đầu xuân, khi tuyết còn chất đọng, khi đất ẩm đã tan mềm dần và bắt đầu bốc lên hơi đất, tôi nhớ và muốn về quê. Emerenc không khi nào hòa theo những cơn bột phát của tôi, dù bà cũng cảm nhận hương vị mà mùa xuân muốn nhắn gửi, và giữa đám cành trơ trụi mới thấp thoáng sắc xanh, không phải một tấm voan mỏng, chưa phải chồi non, chứ chưa nói lá, nhưng nó vẫn báo hiệu đất đã cựa mình. Và ở quê hương chúng tôi, trong chiếc lăng kính tạo bởi sự đứt gãy của ánh sáng đầu xuân vẫn hiện lên đứa bé gái một thời, đang nhảy múa vô tư giữa mùa xuân, đứa bé gái đó là tôi, là Emerenc.

Vào một ngày cuối tháng Hai như thế, người thủ thư làng Csabadul gọi điện mời tôi. Tôi chạy ngay sang nhà Emerenc, hỏi bà nếu tôi nhận lời mời, bà có đi cùng với tôi không? Bà không phải ngồi nghe tôi diễn thuyết, chỉ đi cùng tôi, và trong khi tôi nói chuyện, bà có thể ra thăm nghĩa địa, hay tìm đến những người quen. Bà bỏ mặc tôi đứng đó, không đáp, tôi chắc bà sẽ từ chối, nhưng dù sao tôi cũng đã nhận lời đến nói chuyện. Còn tám tuần nữa mới đến ngày đó. Một tháng sau, Emerenc nhắc tới chuyến đi. Bà hỏi có cần qua đêm ở đó không, vì nếu có thì bà không đi được, nhưng nếu sáng đi tối về, thì có thể bà sẽ đi cùng tôi.

Sutu nhận quét vĩa hè, Adélka nhận sẽ đổ thùng rác giúp, nếu tôi đồng ý, bà sẽ đi cùng. Khuôn mặt lúc nào cũng trắng bệch của bà thoáng ửng hồng sau quyết định bất thường, bà yêu cầu khi ở Csabadul tôi đừng nói với ai bà là thế nào đối với tôi. Tôi hơi bức mình vì câu nói này, có ai đối xử với bà như một người làm công đâu. Tôi hỏi nếu giới thiệu bà là họ hàng bên chồng tôi, có được không, bên tôi thì không được vì gia đình bà sẽ phủ nhận, nhưng với một người Pest xa lạ thì bà có thể là họ hàng. Chưa bao giờ bà nhìn tôi với vẻ giễu cợt pha lẫn tha thứ như khi đó. “Ông chủ sẽ hài lòng lắm đấy,” bà nói không khan. “Thôi, bà khỏi lo, tôi chỉ tò mò xem bà có dám nhận tôi không, nhưng bà dám. Bà dám nhận vì bà ngốc lắm, bà chẳng hiểu gì cả. Bà tưởng thế nào, họ nghĩ tôi đã trở thành ai? Nữ hoàng à? Ngay hồi bé tôi đã phải đi ở. Gia đình tôi đâu có mơ mộng. Rồi tôi sẽ bảo tôi làm quản gia, đó cũng là một nghề.”

Lúc đó tôi đã giận bà, đối với tôi, bà muốn nói mình là kẻ đi bắt chó hoang hay kẻ lột da súc vật chết thì cũng mặc. Chẳng có ai sẽ kính trọng bà vì bà giữ trật tự trong một ngôi nhà cao tầng và nhiều nhà khác, và còn giúp đỡ việc nhà cho chúng tôi; người ta sẽ tôn trọng bà chủ yếu vì công việc cuối cùng kia, vì dù bà không tin, nhưng chính vì thế mà làng Csabadul đã mời tôi. Bà chẳng coi chuyện viết lách ra gì, nhưng vẫn có những người, ở ngay nơi bà sinh ra, không coi nhà văn là dài lưng tốn vải, và họ không phủi tay như bà khi nghe đến tên Arany János⁽¹⁾ hay Petőfi⁽²⁾. Bà không đáp, cũng không nhắc lại thêm

1. Arany János (1817-1882): nhà báo, nhà văn, dịch giả, nhà thơ lớn của Hungary, bạn thân của thi sĩ Petőfi.

2. Petőfi Sándor (1822-1849): nhà thơ lớn của Hungary, một trong những lãnh tụ tinh thần của cuộc đấu tranh vì tự do năm 1848 chống lại triều đình Habsburg (Áo), đòi độc lập cho Hungary.

một lần về chuyến đi, đến ngày cuối cùng tôi không biết bà có đi hay không; tôi không đã động đến, tôi sợ nếu cố nài ép, bà sẽ không đi.

Những ngày trước đó, chúng tôi sống bình thường. Emerenc lau các giá sách, nhận thư từ, nghe tôi nói chuyện trên đài, nhưng bà không bình luận gì, nghĩa là bà không quan tâm. Bà ghi nhận việc thỉnh thoảng chúng tôi tới các buổi gặp gỡ, họp hành, hay buổi nói chuyện của các nhóm văn chương, các giờ tiếng Hung chẳng theo quy luật nào. Bà nhìn thấy tên chúng tôi trên các cuốn sách, nhưng lau chùi xong bà lại để chúng vào chỗ cũ như đặt một chiếc gat tàn hay hộp diêm. Với bà đó là những khiếm khuyết có thể chấp nhận được, cũng như tật tham ăn hay uống quá mức. Với tham vọng của một đứa trẻ, tôi vẫn muốn giành lấy bà cho sự kỳ diệu theo tôi là không thể cưỡng lại nổi, đó là văn học cổ điển Hung, một lần tôi đọc cho bà nghe bài thơ “Con gà mái của mẹ”⁽¹⁾, tôi nghĩ bài này có thể hợp với bà, vì bà thích gia cầm. Bàn tay đang cầm giẻ lau của bà dừng lại, bà nhìn tôi cười nhát gừng. Bà bảo, tôi biết những bài thật không thể tin nổi. *Đá là gì?* Nghĩa là thế nào? Và chữ *kend*⁽²⁾ nữa, có ai nói thế bao giờ. Tôi ra khỏi phòng, nghệt thở vì tức giận.

Cuối cùng bà không đi với tôi chuyến ấy. Không ai có lỗi trong chuyện này, hôm ấy người ta gọi Sutur lên Hội đồng quận về việc cái giấy phép của cửa hàng, tối hôm trước ngày đi cô mới chạy sang nhà Emerenc báo là cô không biết làm sao, rất tiếc cô không thay bà được, không thể biết khi nào cô đến lượt, và họ sẽ làm việc với cô trong bao lâu, nếu cô lên

1. “Con gà mái của mẹ” (tiếng Hung: *Anyám tyúkja*): tên một bài thơ của Petőfi.

2. Câu đầu của bài thơ: “Áy, đá là gì, mẹ gà, kend” (*Ej, mi a kő, tyúkanyó, kend*), *kend* là cách gọi trọng thị một người nào đó, hay dùng ở nông thôn thời xưa.

Hội đồng. Hoạt cảnh diễn ra giữa họ, sự bạo liệt của nó, gần như không thể cảm nhận nổi. Càng hiểu rõ hơn sự vô tội của Sutú, cảm giác xúc phạm của Emerenc càng dữ dội hơn. Nếu có ai hiểu được, thì đó phải là bà, người đã thực sự trải qua bao nhiêu lần dự định một việc gì đó vào lúc này hay lúc khác trong ngày, nhưng rồi tất cả đảo lộn hết, vì một ai đó, ở một nơi nào đó đã dần xếp theo cách khác. Bà biết Sutú cũng lệ thuộc như bất cứ ai trong chúng tôi, nếu người ta đã triệu tập, thì cô ta không thể nói là cô có chương trình khác. Không những tranh cãi, mà rầy la Sutú cũng chẳng có nghĩa gì, nhưng bà vẫn làm. Sutú rút lui như Coriolanus¹⁾, lâu lắm sau đó quan hệ giữa hai người mới lại tốt đẹp như cũ.

Sáng sớm hôm tôi đi, Emerenc đưa Viola đi dạo từ khi nó còn ngái ngủ, chứ không vào buổi sáng như mọi khi. Trong lúc tôi chuẩn bị, bà cứ quanh quẩn bên tôi, không hài lòng với đủ thứ, nào đầu tóc, nào quần áo. Tôi tức muốn nổ ruột, sao cái gì bà cũng xen vào, và còn chỉ đạo nữa, cứ như thể tôi sắp đi dự vũ hội cung đình. Bà không về quê từ năm bốn năm, bà nói trong khi sửa tóc cho tôi, hồi đó cũng chỉ có vẻ thoáng qua, với điều kiện bắt được xe lửa, để đổi đồ ăn lấy thứ này thứ nọ. Trái lại, năm bốn mươi tư bà về hẳn một tuần, bà không hứng thú gì, nhưng gia đình bà khi đó trong tình cảnh khó khăn. Ông ngoại bà là người rất độc đoán, những người khác trong gia đình bên mẹ bà đã chán ngấy “trò xiếc”. “Trò xiếc” theo cách hiểu của Emerenc là những thảm họa dân tộc, trong trường hợp này là Thế chiến II, là tất cả mọi tình huống, khi

1. Nhân vật chính trong vở bi kịch của William Shakespeare viết trong khoảng 1605-1608, dựa trên huyền thoại về cuộc đời của nhà lãnh đạo La Mã Caius Marcius Coriolanus.

phụ nữ trở nên ngốc nghếch, câu bẩn và tham lam, đàn ông thì quây phá và đâm chém, dĩ nhiên là sau hậu trường của lịch sử. Nếu phải tay bà, bà đã nhốt “các chàng trai thánh Ba”⁽¹⁾ vào hầm và cho họ một bài học: không có văn chương, không hò hét gì hết, hãy chọn lấy một việc hữu ích, đừng để bà phải nghe những bài diễn thuyết cách mạng, vì bà sẽ xử lý từng người một. Hãy ra khỏi quán cà phê, hãy lao động trên ruộng đồng và các nhà máy.

Bà chỉ nhờ tôi vài việc khi nhìn thấy chiếc xe của thư viện, bên trên có dòng chữ Nádori-Csabadul, ngoặt vào đỗ trước nhà. Khi đó bà yêu cầu tôi, nếu được, hãy xem mổ mả của gia đình bà ở trạng thái như thế nào, và nếu có thể, hãy đến xem ngôi nhà cũ nơi bà sinh ra ở ven làng Nádori; nếu còn thời gian, bà muốn tôi ra nhà ga Csabadul, đi dọc trên sân ga. Điều này quan trọng: sân ga. Nếu gặp người nhà bà, chắc họ phải có ở đó, vì họ thư từ với “con trai cậu em Józsi”, không phải những người mang họ Szeredás, vì không có những người ấy, chỉ có con cháu bên mẹ bà, mang họ Divék, bà không nhắn gửi gì, tôi cũng chớ huyền thuyên, nếu họ hỏi tôi cứ nói sự thật rằng bà vẫn khỏe, vẫn sống bình thường. Tôi không hứa gì hết, chẳng biết có đủ thời gian làm mọi việc hay không, không chỉ đường xá, mà các sự kiện cũng làm thay đổi các cuộc gặp gỡ. Tất cả hầu như chẳng bao giờ bắt đầu được đúng vào giờ mời, vì phải chờ cử tọa. Nếu thủ thư mời cơm trưa, thì hỏi thăm về nghĩa địa là không tế nhị, nhưng làm được gì tôi sẽ làm hết khả năng. Ô tô đến đón tôi sớm hơn dự định, có lẽ nếu cố gắng, sẽ đủ thời gian làm mọi việc bà ủy thác.

1. Ở đây ý nói đến các thanh niên đã tham gia cuộc cách mạng vì tự do tháng Ba năm 1848.

Sutu xuất hiện trên đường phố vào phút chót, để chọc tức Emerenc. Cô chế giễu sao bà lại ở nhà, dù bà đã cho thay khóa trên cửa. Cô bảo cô biết là tại sao, tại vì bà không tin ngay cả Sutú, bà tưởng hôm nay, khi ai cũng biết bà đi với tôi, nhà bà sẽ bị phá cửa, và còn ai khác có thể làm việc đó hơn là cô, là Sutú, người đã nhận trông cả Viola nữa. “Quý tha ma bắt mày đi!” Emerenc lạnh lùng nói. Sutú im lặng, đứng như trời trồng, lời nguyện rửa bắt ngờ, và cũng bắt công như sự nghi ngờ của cô. Từ trong xe tôi còn nhìn thấy hai người trong tư thế đó, Sutú vênh mặt lên nhìn Emerenc, như thể họ đánh nhau và Emerenc đã đánh cô vào chỗ hiểm, nên cô không thể cử động nổi. Tôi ngoái lại nói với Emerenc, tôi sẽ cố về sớm, tôi muốn có mặt ở nhà trước nửa đêm, nhưng có thể sẽ không còn sức sang nhà bà, vì đến lúc đó tôi sẽ mệt chẳng trò chuyện được nữa. “Bà mệt, vì sao chứ? Bao nhiêu con người bất hạnh đến nghe bà nói mới mệt chứ, vì trước khi bị lừa vào nhà văn hóa, họ đã cho gia súc ăn, đã vắt sữa, rải ổ rơm và làm xong tí ti việc khác, những công việc mà bà chẳng biết gì hết, còn bà thì chỉ ngồi và ba hoa.”

Tôi không giải thích với bà là tôi phải tập trung tư tưởng hàng giờ liền giữa thời tiết nóng nực, trong căn phòng không thông gió, cửa sổ đóng kín vì bên ngoài ồn ào thì tốn bao nhiêu năng lượng. Tôi bảo người tài xế cho xe đi. Tôi hơi thất vọng, tưởng lúc này là ngoại lệ, Emerenc sẽ không châm chọc tôi nữa, mà sẽ nhờ tôi điều gì đó, chẳng hạn lấy cho bà một cành cây nhỏ từ hàng rào, hay một thứ gì đó; lần nào về quê tôi cũng đem về một chiếc bánh mì hai cân; nhưng bà không yêu cầu gì hết. Khi xe bắt đầu chạy, Viola lơ đãng sửa một tiếng, như muốn an ủi tôi rằng sự xa cách không kéo dài vĩnh viễn đâu, cả hai chúng tôi chắc sẽ chịu nổi đến tối.

Đường đi thuận lợi, chúng tôi không dừng lẩn nào, trước khi đến đầu đó tôi thường không ăn, gần như bao giờ người ta cũng mời ăn trong thư viện, và nếu tôi không nếm thử họ sẽ không hài lòng. Nádori là một làng đẹp, tôi không phải hỏi đường ra nghĩa địa, vì nó nằm ngay đầu làng, ngay cạnh biển ghi địa danh. Từ đỉnh những ngôi mộ cũ sục lở thoang thoang mùi hoa dại và mùi hoa xô thơm. Tôi bảo dừng xe, bước vào nghĩa địa. Một người đàn bà lạ đang tưới hoa bên hàng rào. Bà khá đứng tuổi, chắc bà đã nghe đến tên họ nhà Szeredás và Divék, nhưng bà không phải người làng này, bà về làm dâu ở đây, bà không biết về gia đình ông thợ mộc. Nghĩa địa này không còn hoạt động nữa, những ai nằm ở đây, hầu như phần mộ không còn dấu hiệu gì, phần lớn bia mộ, thánh giá đã bị di chuyển hay lấy cắp, hoặc nếu người quá cố là người quan trọng, thì gia đình họ đã cải táng đi nơi khác. Nhiều lắm cũng chỉ chừng hai chục năm mộ được chăm sóc cẩn thận như cái mà người đàn bà có tuổi đang cúi húi bên cạnh. Tôi lựa bước, đi giữa những lỗ chuột, những mô đất do chuột trui đùn lên, thấy lòng thanh thản, cái nghĩa địa hoang mùa hè có một sức hút thế nào đó không hẳn là u buồn, tôi cứ đi giữa những nấm mồ cỏ mọc đầy, tuy chẳng có gì để xem. Có chỗ tôi còn thấy nét khắc mờ mờ, nhưng không phải là cái tên tôi tìm.

Nhưng đến Csabadul thì tôi gặp may ngay, khi vừa bước ra khỏi xe trên quảng trường chính, trên một tấm biển lấp lóe hàng chữ đỏ ghi tên họ mẹ Emerenc: *Divék Csaba - đồng hồ truyền thống và đồng hồ thạch anh, Bà Divék Kapros - đồ trang sức*. Một đôi vợ chồng trẻ làm việc trong cửa hiệu. Nếu tôi tưởng tượng khi bước vào, tin tôi mang đến - về người họ hàng sống ở Pest của họ, về Szeredás Emerenc, nếu tôi đến đúng chỗ, và bà Divék Rozália quá cố, vợ ông Szeredás József là họ hàng

của họ - sẽ gây xúc động mạnh, thì tôi đã nhầm. Tuy không liên hệ với bà, nhưng họ biết về Emerenc, anh thợ đồng hồ bảo tôi nhất thiết phải tìm gặp mẹ đỡ đầu của anh ta, cũng mang họ Divék, là chị em họ với người họ hàng ở Pest, họ ở với nhau thuở bé, chắc bà sẽ rất vui khi gặp tôi, nhưng chủ yếu vì sau một bề thời gian như thế, bà sẽ biết tin về đứa con gái của dì Emerenc, đứa bé gái mà từ ngày họ đưa trở lại thủ đô bà không nhìn thấy.

Lúc này, đến lượt tôi phải thận trọng không để lộ ra là tôi biết còn quá ít, và đây là lần đầu tôi nghe nói Emerenc có con. Sau khi tôi dò hỏi, họ tìm lại trong ký ức, điều mà họ cũng chỉ biết qua những người già nói lại, rằng vào năm cuối cùng của chiến tranh, Emerenc đã bế về một đứa bé. Sau này con bé sống với ông cụ chừng một năm. Đôi vợ chồng trẻ không biết gì về mồ mả, nhưng mẹ đỡ đầu của anh ta chắc còn nhớ cả.

Từ hiệu đồng hồ tôi đi tới thư viện, còn nhiều thời gian nữa mới đến bữa trưa, chứ chưa nói đến giờ nói chuyện. Người thủ thư rất mừng được đáp ứng đề nghị của tôi và vui vẻ đi cùng. Người chị em họ sống trong nhà riêng, nom bà giống Emerenc, nghĩa là dạng người cao, gầy guộc, dáng đi kiêu hãnh, dễ nhận ra ở tuổi già bà vẫn cảm thấy khỏe mạnh và thanh thản. Qua các cửa sổ rộng, ánh sáng tràn vào căn nhà được bố trí rất có thẩm mỹ và có thể cảm nhận được sự độc lập về vật chất của chủ nhân. Bà mời chúng tôi bánh nướng, chiếc khay được lấy ra từ một tủ bày đồ ăn kiểu cổ tuyệt đẹp. Bà bảo chiếc tủ do bố Emerenc đóng, ông không chỉ là thợ mộc như chắc tôi đã biết, còn là thợ đóng đồ mỹ nghệ, ông bà đã đưa chiếc tủ về đây, khi hợp tác xã thành lập thì người ta đã lấy cái xưởng mộc để quản lý. Bà cũng bắt đầu hỏi dò xem Emerenc đã đưa đứa bé đi đâu, và họ ra làm sao sau khi họ bỏ đi mất hút. Có thể kết

cục đã rất may mắn, cũng có thể rất tồi tệ, vì “con trai cậu Józsi của họ” chẳng hạn không khi nào nhìn thấy con bé. Ông họ là người khó tính, bà già kể tiếp, trong khi chúng tôi dùng món bánh màu vàng cắt miếng dày, uống thứ vang vùng Alföld có vị đặc trưng muôn thuở, ông không bao giờ hiểu được những hiểm họa rình rập một cô gái làm thuê ở Pest, và khi Emerenc đem đứa nhỏ về, mọi người nghĩ ông sẽ đập chết bà, và nếu khi đó không phải ông vừa qua cơn đột quỵ thì có lẽ ông đã làm thế thật, chỉ có điều khi đó ông không còn được như xưa nữa. Ngày nay thì chuyện ấy không đáng nói nữa, dù gia đình có không vui đi chăng nữa, nhưng nhà chức trách, xã hội đều bảo vệ tuổi trẻ, như tôi thấy đấy. Khi đó thì họ có quyền muốn biết cha đứa bé là ai, nhưng Emerenc không nói gì hết, giấy tờ của con bé cũng không có. Nếu người ông không có uy tín cao, nếu ông không biểu xén luôn cho lão thư ký thứ này thứ nọ thì còn khổ hơn. Lão thư ký ẻm nhem đi cho. Con bé được làm thứ giấy tờ gì đó thế vào giấy tờ bỏ quên ở Pest, bố nó thì đảng nào cũng không biết là ai, thôi thì lấy họ Divék. Cuối cùng ông già còn quý con bé hơn các chất hợp pháp, nó trèo lên ôm cổ ông, ông già Divék rớt nước mắt khi Emerenc đem con bé đi. Đến lúc chết ông cụ còn ân hận sao lại cho phép đem nó đi, con bé dễ thương thế. Bất kể lúc nào họ cũng vui lòng đón tiếp Emerenc, dù bà về một mình hay về với con bé. Bây giờ chắc nó đã thành phụ nữ. Ông cụ, cũng như ông chồng yêu quý của bà, đáng tiếc là đã chết cả. Họ hàng nhà Divék chỉ còn có họ sống ở đây, gia đình thất tán hết.

Người em họ nhiệt tình, trong tiết trời nóng bức, sẵn sàng đưa chúng tôi ra mộ. Ông cụ và bố mẹ bà nằm đây, gia đình Emerenc ở nghĩa địa Nádori đã đóng cửa. Ở nghĩa địa bà nói nhỏ hơn, bà tỏ ra lúng túng. Không ai tự hào về việc

ông bố, ngay từ đầu đã ngăn cản con gái lấy Szeredás, không ai biết vì lý do gì - bởi tận đến lúc chết ông thợ mộc làm ăn khá, về cái tai họa khủng khiếp kia thì ông không có lỗi - lại không cho đưa cả ông thợ mộc, cả hai đứa bé sinh đôi, cả con gái ông về gần mình. Đám tang được cử hành ở Nádori, mọi người đều yên nghỉ cạnh ông Szeredás, như thể tất cả đều là nạn nhân của ông ta, dĩ nhiên cũng có thể bà cảm nhận sai, khi đó bà còn bé; cũng có khi một người nào đó tránh xa mồ mả của người đã khuất vì quá yêu thương người đó, và đau lòng khi nhìn thấy mộ. Người chồng thứ hai còn không có mộ, chắc Emerenc đã nói, ông được chôn tập thể ở Galicia. Dẫu thế nào, nếu người họ hàng trên Pest muốn sang sửa hay quy tập mồ mả thì đừng trì hoãn nữa. Từ năm ngoái, về mặt pháp lý, Nádori và Csabladul đã nhập làm một, chẳng bao lâu nữa người ta sẽ san lấp nghĩa địa cũ. Bà cũng không biết những người trong gia đình Szeredás nằm ở chỗ nào, vì từ hồi nhỏ bà không đến đây. Nhưng chúng tôi có thể đến thăm mộ những người trong gia đình Divék và Kopró ở đây, bà ta là con gái nhà Divék, nhưng đã thành bà Kopró.

Vì vẫn còn thời gian, tôi đã tới xem đài tưởng niệm rất mỹ thuật bằng đá granit, bên trên các tên người, đúng thể thức, là các dòng sông Babylon, cây liễu rủ và những chiếc đàn violon treo trên cành. Người họ hàng còn tặng tôi hai bức ảnh, bà tìm mãi mới thấy trong ngăn kéo: mẹ Emerenc đúng là một cô dâu đẹp, nhưng điều bất ngờ nhất không phải là bức ảnh này gây nên, mà là bức ảnh cũ, cạnh cắt hình lượn sóng. Trong ảnh là Emerenc bế đứa bé gái trên tay, ánh sáng yếu, chỉ nhìn rõ đứa bé. Đầu Emerenc lúc đó cũng đã trùm khăn, nhưng quần áo thì có vẻ màu mè hơn chút ít, cũng chẳng hợp với Emerenc lắm, chắc bà kế thừa ở một nơi bà làm thuê nào đó. Về cơ bản nét

mặt bà không thay đổi, chỉ trong mắt bà, thay vì sự khinh mạn, giễu cợt là niềm vui rất dễ thương.

Mọi người trong họ nhà Divék và Kopró đều tới dự buổi nói chuyện của tôi, ban đầu, dĩ nhiên không ai nghĩ sẽ đến, nhưng sau khi tôi đã tới thăm họ, thì thế là hợp lẽ. Người đến nghe thừa thớt, cử tọa không biểu lộ mấy may về quan tâm. Trời nóng, trong khi diễn giảng bài đã nói cả trăm lần, tôi cứ mãi nghĩ về chuyện đứa trẻ trên tay Emerenc đã có thể biến đi đâu.

Lúc chuẩn bị về tôi đã không quên nhờ ông thủ thư cho đi vòng về phía ga xe lửa. Ông không biểu hiện ra ngoài, dù chắc rất ngạc nhiên. Tôi đi dọc sân ga, đứng như Emerenc dặn. Cũng như ở những nơi khác, nền sân ga cao, gần những thanh bê tông, vắng vẻ. Khi quay về Nádori, người tài xế dừng xe trước ngôi nhà thuở xưa của Emerenc, mới biết trước nay người ta vẫn nhắc đến ngôi nhà với cái tên: nhà Szeredás. Ngôi nhà hiện lên rõ, vì hoàng hôn mới bắt đầu buông, một trong những chiều mùa hè kỳ lạ, mặt trời không thu dần những tia nắng lại, mà chúng bỗng nhiên biến mất, sau khoảng trời màu xám là những dải màu rực rỡ, màu vàng cam, xanh thẫm và màu tím. Chúng tôi nhìn ngôi nhà của quá khứ, đứng như Emerenc kể, mặt tiền, hai bên đầu hồi, vòng quanh, chiều cao đúng như thế. Emerenc không thêm bớt gì hết, bất ngờ hơn nữa là bà đã nhớ đúng cả các tỷ lệ, bà không mơ về một lâu đài cổ tích thay vì ngôi nhà xinh đẹp một thời, ngôi nhà do ông Szeredás xây dựng tự nó đã đẹp. Ngôi nhà được thiết kế không phải với tình cảm triu mến mà bằng tình yêu, có cảm giác nó giống như một lời bộc bạch vĩnh hằng. Ở chỗ ngày xưa là xưởng hiện nay cũng vẫn là xưởng, nhưng đặt một chiếc cửa chạy điện. Mấy con chó to đã được xích, sửa về phía chúng tôi. Khu vườn nhỏ

vẫn còn, những cây hồng đã già, ai đó đã trồng thêm vài cây thích dưới hàng tiêu huyền, cây óc chó cũng đã lớn, trên cành lung liêng một chiếc đu, dưới gốc cây mấy đứa trẻ đang chơi đùa. Tôi không nhìn thấy khu đất trống gomp lúa, chỗ ấy giờ là bãi ngô, có vẻ sẽ được mùa. Tôi đứng nhìn những dãy ngô thẳng tắp như những hàng quân, và nghĩ ký ức của đất có thể như thế nào, khi nó che lấp bao nhiêu máu và xác chết, bao nhiêu giấc mơ bị chôn vùi, bao nhiêu thất bại. Làm sao đất vẫn sinh sôi với những ký ức như vậy? Hay chính là vì thế? Quản đốc xưởng là một người còn trẻ, thấy tôi dừng xe bước ra, anh ta tưởng tôi muốn mua chó giống Komondor⁽¹⁾, vì anh ta bán chó con. Tôi bảo đã có chó rồi, tôi chỉ ngắm ngôi nhà, vì có một người từng sống ở đây, nay ở cùng phố với tôi. Biết tôi không cần chó Komondor, anh chẳng quan tâm đến tôi nữa. Tôi ngần ngừ xem có nên xin anh ta một nhánh hồng từ cây cũ về cho Emerenc, nhưng rồi tôi thôi. Làm sao tôi có thể biết ký ức sẽ đưa bà tới đâu, khi cho đến nay bà chưa nói với tôi bà có đứa con gái, hay ít ra đã từng có. Ở đây, nơi có thể chứng thực và không thể phủ định là bà đã từng sống một thời, tôi cố khắc vào tâm thức mình những tọa độ thích hợp về cuộc đời của Emerenc, nhưng ngay cả ở đây, việc đó cũng không thành. Bà không còn ở đây nữa, nhưng nơi hiện nay bà đang ở cũng chưa phải là nhà thực sự, hoặc có chăng đó là ngôi nhà, trong hoàn cảnh bà đóng cửa ngăn cách với thế giới. Trong buổi chiều muộn màu xanh có những dải màu nhuộm hoàng hôn này, chỉ một điều duy nhất trở nên rõ ràng: đối với bà, làng này không còn nữa. Emerenc đã lên thành phố, nó cũng đã chấp nhận bà,

1. Một giống chó nòi Hungary, cao lớn, lông trắng, thường dùng để giúp người chăn cừu, ngựa.

nhưng bà thì không chấp nhận thành phố, vì môi trường thực duy nhất của bà có thể cảm nhận được nằm sau một cánh cửa đóng kín, nếu có lúc nào đó bà cho xem, nhưng bà không có ý định đó. Tôi quay lại, ngồi vào xe, không bút làm kỷ niệm dù chỉ một chiếc lá, chúng tôi về.

Tôi biết bà sẽ không chờ tôi ở nhà, vì lòng kiêu hãnh, bà thà không bao giờ nghe những chi tiết trước đây của cuộc đời bà còn lại những gì, hơn là tỏ ra có quan tâm đến chúng. Tôi vào chào chồng, ông bảo trưa nay ông và Viola được một bữa ăn thịnh soạn. Sau đó tôi sang nhà Emerenc, con chó từ hiên lao ra phía cổng đón tôi, Emerenc chẳng buồn đứng dậy, bà ngồi trên chiếc ghế băng để rổ quần áo bẩn. Tôi nghĩ bà cứ đợi đấy, quả bom nguyên tử sẽ nổ ngay bây giờ, chắc bà cũng biết giữa câu chuyện thế nào chả lòi ra vài chi tiết các sự kiện của cuộc đời bà mà bà quên chưa nói với tôi. Trước hết tôi kể về cái cửa hiệu đồng hồ, rồi tôi tiến thêm chút nữa, tôi bình phẩm về việc người em họ của bà sống trong hoàn cảnh dễ chịu như thế nào; sau đó tôi bảo ông ngoại bà chắc hẳn phải là người cứng rắn, ông trừng phạt cả người đã chết, chưa cần thế họ cũng đã là những người bất hạnh, với lại không thể hiểu nổi lối suy nghĩ của ông, sao ông lại để các ngôi mộ hoang tàn thế.

Emerenc nhìn ra xa, như người nhìn thấy một thứ gì đó trong bóng tối, mà điều đó chẳng liên quan gì đến tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy hổ thẹn, sao tôi lại đi nháy xỏ vào đời tư của bà, tôi muốn gì ở bà, những lời tự thú? Sau ngân ấy năm bà không cho tôi lại gần dù chỉ một phân, sao tôi lại có thể muốn bà kể về đứa con ngoài giá thú, ngày ấy nó đã mang lại cho bà bao bất hạnh và tủi nhục, bao lo lắng không chống đỡ nổi. Tôi có tai quái, tàn nhẫn quá không? Hay tôi hy vọng bà sẽ khoe khoang điều gì đó mà theo cách suy nghĩ trước đây của bà cần phải phủ

nhận? Emerenc quay lưng về phía vườn, và từ đó trở đi bà chỉ nhìn tôi, trong khi vẫn để đầu Viola gác lên đầu gối bà. Viết ra điều này tôi cảm thấy nực cười, nhưng tôi cảm thấy con chó đã biết về đứa con gái của Emerenc, vì bà già đã nói với nó tất cả những điều tôi tò mò muốn biết.

“Tôi đã nói với bà rồi đấy,” bà bắt đầu nói bằng giọng trò chuyện, “tiền xây hầm mộ tôi đã có từ lâu, nhưng tôi còn đợi đến khi tôi chết, khi đó con trai cậu em Józsi của tôi sẽ lo mọi chuyện. Tôi không hận ông ngoại tôi, ông là thế, ghen và lạnh lùng, ông không bao giờ tha thứ cho cha tôi, vì đã lấy và đưa mẹ tôi ra khỏi nhà. Ông cũng không yêu tôi, tôi không trách ông vì điều đó, nhưng người đã khuất lẽ ra phải được tôn trọng. Tôi sẽ mang tất cả họ về, rồi bà sẽ thấy, chúng tôi sẽ có một hầm mộ Budapest chưa từng có. Một người bạn họa sĩ hay điêu khắc của bà, sẽ vẽ mẫu thiết kế, theo chỉ dẫn của tôi. Sự việc lẽ ra không đến nỗi thế, vì ông tôi sợ ở Csabadul người ta đàm tiếu sau lưng, nhưng tôi đã đem đứa bé về. Ông già khôn ngoan như quỷ, ông biết đứa bé là một nỗi hổ thẹn lớn, và ông biết rằng ông đánh tôi đau nhất là bằng việc làm ngơ các ngôi mộ, bỏ mặc cho các cây thánh giá trên mộ mục nát. Tôi thì sống trên Pest, không thể ra nghĩa địa.”

Ôn Chúa, bà đã nói ra, vậy thì tôi có thể đưa cho bà các bức ảnh. Bà nhìn cả hai rất lâu, nét mặt không biểu lộ tình cảm gì, tôi tưởng bà sẽ xúc động hay đỏ mặt, dù thực ra tôi không biết sao mình lại nghĩ thế. Về phía mình, tôi nghĩ bà có thể có cả một album ảnh đứa bé ở trong nhà cũng mặc, tôi đã biết gì về những thứ Emerenc có trong Cẩm Thành của bà. Bà không nhìn tấm ảnh như một bà mẹ, lại càng không như một bà mẹ xúc động bởi quá khứ đang hiện về, mà như một người lính đã quen với việc bao giờ anh ta cũng thắng trong trận đánh.

“Đây là Êvike,” bà giải thích. “Người tôi đợi bữa trước, cô ta sống ở Mỹ, cô hay gửi tiền cho tôi. Cô ta gửi cả những gói quà mà tôi hay cho mọi người, bà hay được những thứ vớ vẩn vô tích sự như son phấn và kem. Khi tôi đưa cô bé từ Csabadul về Pest, nom nó thế này đây, nhưng giờ thì tôi không muốn nhìn thấy bất kỳ gương mặt nào của cô ta nữa, vì cô ta đã không về vào lúc tôi chờ. Nếu tôi mời, hôm trước đúng là tôi đã mời, thì cô ta phải đến, dù trời có sập đi nữa, vì nếu không có tôi, thì họ đã quật cô ta vào tường cho nát đầu hay đưa vào lò thiêu rồi.”

Bà đẩy tấm ảnh về phía tôi, như ra hiệu không muốn giữ nó.

“Bà nghĩ chuyện đó đơn giản lắm sao?” Tôi cảm thấy đến giờ bà vẫn khó nói về chuyện này. “Cho tới lúc đó mọi người đều tôn trọng tôi, tôi là một khái niệm, Szeredás Emerenc, người có cuộc sống trong sạch, tử tế, khôn ngoan, người đã phải trả giá để biết đàn ông là thế nào. Khi người đàn ông đó bỏ đi, sau này đến tay thợ cạo bỏ trốn với số tiền và tất cả những của nả giá trị nho nhỏ tôi đã kiếm được trong bao năm, tôi đã tuyên bố không đính hôn với bất cứ ai, cũng chẳng cho đàn ông lại gần, cứ để bọn họ làm điên đầu và lừa kẻ khác. Chưa bao giờ có ai động đến tôi, bà nghĩ sẽ dễ chịu lắm sao, khi bế trên tay một đứa trẻ về đứng trước ông ngoại, bảo nó là con tôi, các người hãy nuôi nấng nó đến hết chiến tranh, vì ở Pest tôi không nuôi nổi, tôi biết làm sao khi một kẻ khốn nạn nào đó đã lừa dối tôi, và bây giờ con bé ấy đây. Tôi không thể để nó ở Pest, rất nguy hiểm, không thể nhốt nó trong nhà, trẻ con cần được chạy nhảy, cần không khí.”

Những bụi cây xào xạc, Viola đã ngủ, đầu tựa lên giày của Emerenc.

“Bà có nhớ các đạo luật⁽¹⁾ không? Hai ông bà thì uống xianua, đôi trẻ thì trả tiền để đi trốn, nhưng không thể đi bộ qua đường núi với một đứa bé, thế là họ đưa nó cho tôi. Grossman biết Êvike với tôi là thế nào, nó cũng quý tôi, ai đến gần nó cũng khóc. Ngay cả khi mẹ nó bế trên tay, nó cũng muốn theo tôi. Không phải người Đức nào cũng là kẻ cướp, cái biệt thự này là của một chủ nhà máy người Đức, chính ông đã giúp gia đình Grossman đi trốn, ông đã đưa tôi về làm quản gia và giao cho tôi mọi thứ, trước khi ông ấy về nước. Chúng tôi đã thỏa thuận, đôi vợ chồng trẻ Grossman vượt biên, tôi đưa đứa bé về làng. Tốt hơn là để người ta tin rằng đứa bé đã biến mất cùng cha mẹ nó. Bà đừng hỏi tôi đã phải chịu đựng những gì khi về đến nhà, vì điều đó không bình thường. Tôi tưởng không bao giờ đi lại được nữa. Ông cứ dăm, cứ đá đi, tôi bảo ông ngoại, nhưng hãy để yên cho đứa bé. Số tiền và đồ trang sức gia đình Grossman đưa tôi đã gửi để nuôi đứa bé. Ông tưởng trong lúc chiến tranh loạn lạc tôi đã đi ăn cướp, ông tưởng tôi đã cướp của gia đình Grossman, vì số tiền tôi đem về không ít. Nhưng ông đã cầm hết, bà đừng lo. Họ cũng đã nuôi đứa bé gái từ tẻ một năm. Khi đó gia đình Grossman quay lại, và tôi về đón con bé. Những con người đáng thương đó lẽ ra đã bắt đầu cuộc sống mới, nhưng rồi họ lại đi xa. Để trả ơn tôi, họ đã để lại cho tôi các thứ, cả đồ gỗ mà tôi đã đem về nhà để cất giữ. Rồi họ lại đi, họ sợ ở lại đây, vì Rákosi lại bắt đầu trò xiếc từ đầu. Bà có đi trên sân ga?”

“Có,” tôi đáp.

“Tôi muốn bà nhìn thấy, vì tôi hay thấy trong mơ, và bao giờ cũng như lần cuối cùng, khi con vật lao từ toa xe về phía

1. Ở đây ý nói các đạo luật về người Do Thái.

tôi. Chúng tôi có một con bò cái tơ, lông vàng. Tôi nuôi nó từ lúc nó còn là chú bê non, và bên cạnh hai đứa bé, trong mắt tôi nó là đứa trẻ thứ ba. Lông nó mượt như tóc hai đứa bé, cái mũi nó màu hồng, mềm và thơm mùi sữa, giống như những đứa em tôi. Người ta cười tôi, vì nó cứ lảng nhăng đi theo tôi. Nhưng rồi đến lúc phải bán nó, tôi bị nhốt trên gác áp mái, rồi người ta rút thang, để tôi không đuổi theo nó. Ở nông thôn khi đó trẻ con không có thói quen hờn dỗi, chúng được cho ăn no, rồi bảo phải làm gì, nếu vẫn chưa hiểu thì ăn đòn. Có thể bây giờ đã khác, ở nông thôn người ta cũng cho phép mọi thứ, tôi không biết. Tôi bị đánh vào đầu, rồi đóng cửa lại, nhưng tôi vẫn lần xuống được. Tôi biết nếu con bò bị bán, họ sẽ chở nó đi bằng tàu hỏa, thế là tôi chạy ra sân ga. Nhưng khi tôi đến nơi, con bò đã bị đẩy lên toa xe cùng các con vật khác bị chủ bán. Nó kêu be be trên toa, tôi gào tên nó, và vì cửa toa xe chưa đóng, nghe tiếng tôi gọi từ trên cao nó lao vụt xuống. Trẻ con thật ngốc nghếch, tôi không biết mình đã làm gì khi gọi nó. Nó gây cả hai chân trước.

“Họ cho gọi một người Di gan đến, đánh vào đầu cho nó chết. Ông tôi nguyên rửa, sao tôi không chết thay con bò, con bò còn có giá, tôi chỉ là đồ vô tích sự. Họ mổ thịt và bán cân con bò, bắt tôi đứng xem từ đầu đến cuối, xem họ giết và xả thịt nó. Bà đừng có hỏi lúc ấy tôi cảm thấy điều gì, bà hãy nhớ đừng có yêu ai đến chết, vì bà sẽ đau khổ. Nếu không phải ngay lúc ấy, thì sau này. Tốt nhất là đừng bao giờ yêu ai, vì sẽ không có ai mà bà yêu quý bị làm thịt, và bà cũng sẽ không nhảy ra khỏi chiếc toa xe nào. Nào, bà về nhà đi, cả hai chúng ta đã nói chuyện quá nhiều rồi, con Viola cũng mệt mỏi, hãy đưa nó về đi. Viola. Ở nhà chúng tôi gọi con bò cái tơ ấy là Viola, mẹ tôi đặt tên cho nó. Về đi, con chó buồn ngủ đấy”

Con chó, chứ không phải tôi, người đã làm việc suốt cả ngày, cũng không phải Emerenc, người đã chạy đôn chạy đáo, đã quét dọn. Viola, hình tượng không thể quên, trên sân ga hay trên con phố của chúng tôi, trong hình hài một con chó.

Tôi về nhà, như bà muốn, cảm thấy bà muốn ở lại một mình với kỷ niệm tôi đã khơi dậy. Lúc này rõ ràng tất cả ào đến quanh bà, gia đình Grossman và ông chủ nhà máy, căn biệt thự bỏ không lúc đầu bà ở một mình, sau đó người ở luôn thay đổi, đầu tiên là quân Đức ập tới, sau đến lính Hung, rồi họ cũng biến mất, đến đám chữ thập nhọn⁽¹⁾, đám này đi, lính Nga dọn tới. Emerenc nấu nướng, giặt giũ cho họ, ngôi nhà sau này thuộc sở hữu nhà nước, chia thành những căn hộ riêng như tôi biết, và đằng sau những chuyện đó là tổn thương lớn nhất, anh chàng làm bánh mì bị xé xác, lão thợ cạo lửa đảo, nỗi tủi nhục do Grossman Êvike gây ra ở Csabadul, con bò cái tở, con mèo bị treo lên tay nắm cửa, và tình yêu lớn của đời bà.

Liệu con mèo bà cũng đặt tên là Viola?

1. Hình chữ thập nhọn là biểu tượng của đảng Chữ thập nhọn, dưới thời thủ tướng Szállasi Ferenc (1897-1946), đứng đầu chính phủ thân phát xít, cầm quyền trong thời gian từ 1944-1945.

QUAY PHIM

Thời còn là sinh viên đại học, tôi rất ghét Schopenhauer⁽¹⁾, sau này tôi nhận ra cần phải chấp nhận trong số những luận đề của ông một điều rằng mọi quan hệ tình cảm đều là khả năng bị tấn công, và nếu ta càng để nhiều người gần gũi ta, thì mối hiểm họa có thể dẫn đến từ càng nhiều kênh hơn. Không dễ ý thức được rằng từ nay tôi phải tính đến cả Emerenc nữa, sự tồn tại của bà đã trở thành một trong những yếu tố của đời tôi. Ý nghĩ đến lúc tôi có thể mất bà khiến tôi hoảng sợ, và nếu tôi còn sống tiếp thì trong đội hình của những cái bóng sẽ có thêm một người, sự có mặt ở khắp mọi nơi, nhưng không xác định nổi của cái bóng ấy ở bất cứ đâu khiến tôi hốt hoảng và lo ngại.

Cách ứng xử thất thường không thể đoán biết nổi của Emerenc cũng không thay đổi sự nhận biết này. Thỉnh thoảng bà đối với tôi đáng ghét và thô bạo đến mức nếu người ngoài nhận thấy, người ta cũng ngạc nhiên sao tôi lại chịu đựng được bà. Nhưng không sao, đã từ lâu tôi không chú ý đến những động thái bề ngoài của Emerenc, cũng như chính bà đã đi đến phát hiện này, và dù bà có không muốn thử thách trái tim mình một lần nữa cũng vô ích, cũng giống như đại úy Butler,

1. Arthur Schopenhauer (1788-1860): triết gia người Đức, nổi tiếng nhất với tác phẩm *Thế giới như là ý chí và biểu tượng*. Schopenhauer là người đã đồng thời phản bác cũng như mở rộng tư duy triết học của Immanuel Kant về cách mà chúng ta trải nghiệm thế giới.

bà không thể cưỡng lại được sự quyến luyến, gắn bó với tôi. Khi tôi ốm đau, bà săn sóc tôi trong lúc chống tôi chưa đi làm về. Tôi không khi nào có thể đáp lại những tình cảm tương tự, vì Emerenc không bao giờ ốm, bà cũng chẳng coi trọng những tai nạn xảy ra trong bếp hay trong khi làm việc, nếu bị mỡ nóng đổ vào chân hay bị đứt tay do dao thái thịt, bà không kêu ca một lời, bà chữa bằng thứ thuốc gì đó trong nhà. Emerenc không tôn trọng người hay phàn nàn.

Sau này, bà sang nhà tôi không cần có lý do hay lời giải thích; không nói ra, nhưng cả hai chúng tôi đều biết: chúng tôi thích ở gần nhau. Khi chỉ có hai chúng tôi, những lúc rỗi việc, chúng tôi hay trò chuyện với nhau. Vẫn không thể nào thuyết phục nổi bà đọc một tác phẩm nào đó của tôi, nhưng nếu tôi bị chê bai, bà cũng cảm thấy khó chịu. Bà coi những thay đổi thất thường của chính sách đối với văn học là sự tấn công nhằm vào cá nhân tôi. Những lời phê phán tôi khiến bà nổi cáu, giận dữ, có lần bà hỏi tôi có cần bà tố giác một nhà phê bình với ông trung tá hay không. Tôi trấn an bà nhưng chẳng ăn thua, những lúc như thế bà sôi máu, căm giận thực sự. Bây giờ bà không đấu tranh để chống lại ý nghĩ coi việc tôi làm có một thành quả nào đó; không khi nào bà nhìn nhận đầy đủ giá trị của nó, nhưng bà đã đưa ra lý lẽ để khỏi phải phủ nhận nó: viết văn là thứ nghề giống như trò chơi, đứa trẻ coi đó là việc nghiêm túc, và mặc dù không có điều gì quan trọng phụ thuộc vào việc đứa trẻ chơi rất chăm chú, cẩn thận, mặc dù chỉ là trò chơi, nhưng đúng là một mồi. Bà thường đặt cho tôi những câu hỏi mà cả nhà văn, nhà báo hay độc giả không thể trả lời thấu đáo nổi: từ chỗ không có thứ gì, chỉ có từ ngữ, tiểu thuyết ra đời như thế nào? Tôi không thể giải thích với bà sự kỳ diệu thường ngày của sáng tạo. Không thể dùng từ ngữ để giúp bà có thể cảm nhận

được những con chữ được viết lên trang giấy trắng như thế nào. Tôi nghĩ quá trình làm phim có thể dễ hiểu hơn đối với bà, khi bà bắt đầu quan tâm điều gì xảy ra trong studio hay ngoài hiện trường, quay phim nghĩa là gì, tôi hy vọng ít ra có thể lôi kéo bà lại gần thế giới của tôi.

Và dịp đó đã đến, chúng tôi đang làm phim. Sáng sáng xe của đoàn làm phim đến đón tôi, chúng tôi khăn trương tới xưởng. Khi tôi về đến nhà, bà căn vặn đủ thứ xem chuyện gì đã xảy ra, có những ai ở đó, họ nói những gì, ngày đã trôi đi như thế nào, chúng tôi đã làm những việc gì. Một hôm tôi bảo ngày mai tôi sẽ đưa bà vào xưởng phim. Thực ra tôi không hy vọng bà sẽ đi, vì ngoài đến nghĩa địa ra bà chưa bao giờ đi xa khỏi nhà. Nhưng hôm sau, từ sáng sớm bà đã chờ xe ngoài cổng, trong bộ lễ phục, tay cầm chiếc khăn tay sạch sẽ và một nhánh kính giới ô. Trước mặt bà, tôi thấy xấu hổ vì những lời nhận xét châm biếm, giễu cợt mà chúng tôi nói với nhau, vì việc thỉnh thoảng chúng tôi cãi vã, hay còn tồi tệ hơn là chúng tôi nén cơn tức giận, ấp ủ hận thù để đến khi thích hợp có thể thọc lưỡi dao vào một người nào đó, vì thời gian đi như đuổi và mỗi giây trong lúc làm phim đều là tiền. Bà ngồi đó, trong bộ lễ phục, chờ xem điều gì sẽ diễn ra, và bà coi tất cả đều là chuyện nghiêm trọng chết người.

Không ai hỏi Emerenc xem bà là ai và làm gì ở xưởng phim, ở thường trực người ta tưởng bà là một diễn viên quần chúng, bà đi lại trong sân xưởng phim tự nhiên như một nhà văn khác, như một diễn viên. Bà ngồi xuống nơi người ta chỉ định, lắng lẽ và chú ý quan sát, không hỏi, không xê dịch, chẳng làm phiền đến ai. Đến một cảnh khó, phải để diễn biến tự nhiên không gò bó, nếu không hiệu quả sẽ kém. Mọi người chạy đi chạy lại như thường thấy, những động tác chuẩn bị quen thuộc nối tiếp nhau,

trang điểm, nhắc lời thoại, cường độ ánh sáng, đo khoảng cách, vào vị trí, xong. Sau đó chúng tôi lại đi, tiếp tục công việc trên đảo Margit. Emerenc nhìn qua cửa sổ xe, tôi nghĩ hàng chục năm nay bà không đi qua Grand Hotel, có khi bà cũng chưa nhìn thấy nó bao giờ. Chúng tôi quay ngoại cảnh, phụ quay phim làm việc trên trục thẳng. Emerenc hết nhìn anh ta lại nhìn người quay phim chính trên chiếc cần cầu. Vai trò của kỹ thuật ở đây ít nhất cũng ngang với vai trò của các diễn viên trong cảnh yêu đương. Đôi tình nhân như choáng váng trong những cơn sóng tình cảm, rừng như muốn cúi xuống ôm lấy họ, cả cánh rừng, mặt đất, bầu trời nghiêng ngả. Chúng tôi xem lại trên màn hình, mọi khuôn hình đều tuyệt đẹp, ít khi mỹ mãn như thế.

Chúng tôi nghĩ để ăn chút gì đó. Emerenc không muốn vào Grand Hotel, lúc ấy bà có vẻ khó chịu, thiếu thân thiện, cũng chẳng nhìn xung quanh. Qua vẻ mặt, tôi biết bà đã xem đủ, không muốn ở lại thêm, bà như muốn giục: chúng tôi hãy về nhà. Tôi cảm thấy có chuyện không ổn, và cũng như bao lần khác, tôi lại không biết nguyên nhân. Tôi nghĩ khi chúng tôi về đến nhà, chắc bà sẽ nói. Cũng may phần việc của tôi đã xong, tôi chào mọi người, cùng về với bà. Vừa vào trong xe bà đã nói hai chiếc khay trên lễ phục, như thế bà khó thở. Cuối cùng, khi bà nói điều gì làm bà khó chịu, không mấy khi tôi thấy giọng bà có vẻ cay đắng thế, bà bảo chúng tôi là những kẻ giả dối, lừa bịp. Chẳng có gì thật hết, chúng tôi đã làm cây cối nghiêng ngả bằng một thủ thuật nào đó, chỉ nhìn thấy những lùm cây, một ai đó quay từ trục thẳng lượn vòng, cây bạch dương đứng yên không động đậy; trong khi bà, người xem cứ tưởng cả khu rừng nhảy múa, nghiêng ngả, quay cuồng. Tất cả là dối trá, thật ghê tởm. “Bà sai rồi,” tôi chống chế. “Cái cây được rung dù sao cũng nghiêng ngả, nhảy múa, vì người xem cảm nhận thấy như

thế. Điều quan trọng là hiệu quả tạo ra, chứ không phải cây cối có chuyển động thật hay do kỹ thuật viên tạo ra cảm giác nó chuyển động. Bà nghĩ cây cối có thể đi lại khi gốc nó gắn chặt xuống đất hay sao? Bà tưởng tạo ra ảo giác thực không phải là nghệ thuật hay sao?” “Nghệ thuật,” bà cay đắng nhắc đi nhắc lại từ này. “Nếu các người đúng là những nghệ sĩ, thì tất cả phải là thật, cả vũ điệu của rừng, vì bằng lời nói các người phải sai khiến được các lùm cây, chứ không phải nhờ quạt gió hay cái của khí gì đó, nhưng các người chẳng biết gì hết, cả bà, cả đám người kia, tất cả là một lũ hề, còn tồi tệ hơn thế, các người còn tồi tệ hơn cả kẻ bịp bợm.”

Tôi kinh ngạc nhìn bà, như thể trước mắt tôi bà đang chìm dần xuống đáy một thế giới tăm tối mà tôi không thể tưởng tượng nổi, như thể bà rơi xuống đáy giếng và chỉ còn nghe tiếng thở nặng nhọc, cùng những lời chửi rủa của bà. Cuối cùng bà chỉ còn thâm thì, bà bảo: “Có những giây phút mà khi đó người quay phim cũng chẳng cần đưa tay lên, cũng không cần đến trực thăng, vì cỏ cây tự nó cũng nhảy múa.” Lạy Chúa, khoảnh khắc Faust của cuộc đời bà có thể là gì, khi bà hét lên bất thình lình hãy dừng lại, vì cây cối ngã nghiêng, xoay đảo quanh bà? Tôi sẽ chẳng bao giờ biết, dù nó ở đâu đó trong quá khứ.

Sau này, khi bà làm quen với chiếc máy ghi âm ở nhà tôi và biết rằng lời nói hay bài hát có thể được ghi và phát lại, một hôm bà bảo nếu người ta ghi lại được cuộc đời con người vào một cuộn băng, và có thể tua lại, có thể cho dừng lại ở đâu theo ý muốn, thì sẽ ra sao. Bà bảo bà chấp nhận cuộc đời bà như nó vốn thế, hay như nó sẽ hình thành đến khi bà chết, nhưng với một điều kiện bà có thể tua lại đến chỗ nào bà muốn. Tôi không dám hỏi bà sẽ cho nó dừng lại ở chỗ nào, càng không dám hỏi vì sao. Tôi nghĩ đằng nào bà cũng không nói.

KHOẢNH KHẮC

Nhưng bà đã nói. Không phải trong những hoàn cảnh có lý do hay hợp logic, mà khi bà cảm thấy thời điểm ấy đã đến. Nếu có thể nói Emerenc tin vào một yếu tố nào đó, thì đó là thời gian. Trong huyền thoại cá nhân của bà, Thời gian như một gã thợ xay với chiếc cối xay vô cùng của nó, chiếc phễu của cái cối xay ấy sẽ rót các sự kiện vào chiếc bao tải của bạn khi đến lượt. Theo Emerenc thì không một ai bị bỏ sót, bất quá là không bỏ mà thôi, nhưng bà tin chắc rằng, người thợ xay nghiền cả lúa mì của người đã chết và rót nó vào bao, chỉ có điều những kẻ khác sẽ vác bao bột đó trên vai và đem nướng thành bánh mì. Chiếc bao của tôi hơn ba năm sau mới đến lượt, khi những tình cảm của bà không chỉ có nghĩa là tình thương yêu, mà còn là sự tin cậy.

Ai cũng tin cậy Emerenc, nhưng bà không tin ai, chính xác hơn là bà chỉ ban phát cho người được lựa chọn những mảnh vụn của sự tin cậy. Bà đã cho ông trung tá, cho tôi, cho bà Polett đã quá cố, cho “con trai cậu em Józsi”, cho nhiều người, người được thứ này, người được thứ kia. Bà chia sẻ với Adélka điều mà bà cho rằng Adélka hiểu và có liên quan, bà nói với ông trung tá, với Sutú và ông thợ bách nghệ về chuyện khác; với tôi, ban đầu bà nói về nguyên do cái chết của hai đứa bé sinh đôi, chỉ mãi sau này tôi mới biết bà không nói điều này cho người cháu bà, cứ để cậu ta tin rằng bà chỉ có một người em trai, đó là cha cậu. Cứ như thế bà muốn chọc tức

chúng tôi, thậm chí cả sau khi đã xuống mồ. Bà không dành cho ai cái toàn thể, từ cõi chết bà còn cười cợt nhìn chúng tôi cố gắng chấp nối câu chuyện cuộc đời bà từ những mảnh vụn mà mỗi người nhận được. Ít ra bà đã vĩnh viễn mang theo ba yếu tố quan trọng, có thể bà sẽ hài lòng nếu nhìn lại chúng tôi, thấy vẫn chưa có lời giải thích cho mọi hành động của bà, và chắc sẽ chẳng bao giờ có.

Khi cái bao của tôi đến lượt trước chiếc cối xay huyền thoại của bà, tôi nhớ rõ ngày đó, vì hôm ấy là Chủ Nhật Lễ Lá⁽¹⁾, và tôi không thích bị bà chặn đường khi tôi đến nhà thờ, tôi sợ sẽ đến muộn. Tôi đi xa để trò chuyện với Chúa, đến nhà thờ tôi yêu thích hồi còn là con gái ở Fasor, nơi còn cảm nhận được những kỷ niệm về sự nghi ngại và hào hứng của tôi hồi mới lên Pest. Emerenc đang quét trước cổng nhà tôi, tôi biết, đây cũng là một thông điệp, bà đã bố trí lịch quét dọn để gặp tôi đúng vào giờ đi nhà thờ, để tôi hiểu ra điều lúc nào bà cũng muốn nói: đối với người được người khác dọn sẵn đồ ăn, sau buổi cầu nguyện về nhà mọi thứ đã xong xuôi cả, thì tin ở Chúa quá dễ. Bà bảo sau khi giải thoát khỏi mọi tội lỗi, tôi hãy qua nhà bà sau bữa trưa, bà có việc gì đó muốn nói với tôi. Tôi không hào hứng lắm, không chỉ vì Chủ Nhật Lễ Lá là ngày lễ đặc biệt dễ thương của tôi, mà còn vì từ ngày mẹ tôi yên nghỉ ở nghĩa địa Farkasrét, các buổi chiều Chủ Nhật tôi đã có chương trình cố định. Tôi hãy sang lúc bốn giờ, bà bảo. Ba giờ, tôi đáp. Bà lắc đầu: ba giờ không được, bà đã mời một người bạn và “con trai cậu em Józsi” đến lúc ba giờ. Thế thì hai giờ. Hai giờ không được. Hai giờ bà mời Sutú và Adélka ăn trưa, tôi đừng

1. Chủ Nhật Lễ Lá: là ngày Chủ Nhật trước Lễ Phục sinh, ngày Chúa Jesus tiến vào thành Jerusalem trước khi bị hành hình.

có quấy rầy họ, tôi hãy sang lúc bốn giờ, thế thôi. Tôi không chịu lễ ban thánh thể hôm ấy, vì thấy thiếu sự tĩnh tâm cần thiết để xưng tội và xá tội: Emerenc đã làm tôi bức mình, thay vì sự thanh thản tôi về nhà trong tâm trạng căng thẳng. Về đến nhà tôi mới biết Viola không có nhà, bà đã mang nó sang nhà bà, bà bảo mời cả nó sang ăn trưa.

Emerenc có thể đánh thức trong tôi những tình cảm cao quý nhất, cũng như bà có thể khiến tôi nhớ đến những điều thô bạo nhất; dù rất quý bà, nhưng có lúc tôi vẫn giận bà đến mức chính tôi cũng kinh ngạc vì tình cảm của mình. Tôi đã quen với việc mình chỉ có quyền năng với Viola ở mức độ nhất định, giá như không nghe nói tới điều phi lý là bà mời con chó sang ăn trưa, có lẽ tôi đã không nổi cơn thịnh nộ, nhưng nghe thấy thế, tôi cáu tiết đến nổi cứ thế, trong trang phục đi lễ nhà thờ, tôi chạy thẳng sang nhà Emerenc.

Một lần cuộc họp hội nhà văn trùng với bữa tối của đại sứ một nước phương Tây, chúng tôi đến chậm gần một tiếng. Sau này họ không bao giờ mời chúng tôi nữa, ngay cả trong các buổi chiêu đãi ngày quốc lễ, họ cũng tránh mặt chúng tôi. Cách cư xử của bà vợ ông đại sứ sau bữa tối còn có thể coi là ôm hôn thăm thiết so với sự cao ngạo lạnh lùng trong cách đón tiếp tôi của Emerenc, khi tôi không mời mà đến. Bà đang ngồi trò chuyện say sưa với Sutú và Adélka bên bàn dọn đầy thức ăn ngoài hiên. Khi tôi đẩy cánh cổng sắt bước vào, Viola chạy về phía tôi, nó nhảy hai chân trước lên váy áo tôi. Emerenc không đứng dậy, chỉ ngược mắt nhìn lên, và bắt đầu lấy món xúp gà mái vào đĩa. Sutú ngồi né sang một bên định nhường chỗ cho tôi, nhưng bà già liếc mắt ra hiệu không cần, vì tôi sẽ không ở lại. Bà hỏi tôi sang có việc gì. Tôi tức giận đến mức không nói ra nổi bao nhiêu lý do có sẵn trong đầu, chỉ bảo:

“Tôi đem con chó về.”

“Tùy bà thôi. Nhưng nhớ cho nó ăn đấy, vì nó chưa ăn trưa đâu.”

Viola vẫy vẫy đuôi, chạy nhảy quanh bàn. Mùi xúp thơm lan tỏa át mùi clo và mùi nước thơm.

“Về!” tôi quát con chó.

Emerenc lấy thức ăn cho khách. Tôi tưởng mọi việc sẽ ổn, vì Viola ngoan ngoãn bước đi, chẳng hề ngoái lại sau. Nhưng nó chỉ đi với tôi đến cổng thì dừng lại, nó ve vẫy đuôi, gần như nói tôi đừng làm nó khó chịu vô nghĩa, nó muốn ăn. Tôi không hạ mình ra lệnh thêm cho nó nữa, Emerenc đã lập chương trình cho con chó bằng ý nghĩ của bà như đặt chương trình cho một đầu video. Con chó không ngần ngại, quay lưng lại phía tôi, chạy thục mạng tới bên chiếc bàn ăn.

Cách hành xử của con chó khiến tôi ức đến nỗi khi về nhà ngay cả món xúp tôi cũng không nuốt nổi, tôi đem một cuốn sách ra ban công nằm đọc, nhưng chẳng hiểu được câu nào. Từ ban công nhà tôi nhìn được sang hiên nhà Emerenc, tôi không muốn nhìn sang đó, nhưng trong khi lật giở cuốn sách, dù không muốn tôi vẫn thấy những gì đang diễn ra bên đó. Họ đang ăn, chụm đầu nói chuyện với nhau. Sau đó Sutú và Adélka ra về, nhưng cũng chỉ sau khi “con trai cậu em Józsi” đã đến, và tiếp theo là ông trung tá. Emerenc không dọn ăn cho hai người đến sau, nhưng bà đặt rượu vang lên bàn và một đĩa gì đó, chắc là bánh. “Con trai cậu em Józsi” cúi xuống một tờ giấy, cùng xem với ông trung tá. Sau đó tôi không biết họ làm gì nữa vì tôi rời ban công vào trong nhà. Tôi quyết định mặc kệ bà, dù bà yêu cầu tôi sang lúc bốn giờ, tôi không sang, bà đừng đùa giỡn với tôi. Bốn giờ, bốn giờ mười lăm, rồi bốn rưỡi qua đi, tôi không ngó ra ngoài xem bà làm gì. Năm giờ

kém mười lăm có tiếng chuông, chống tôi ra mở cửa, khi vào ông bảo người hàng xóm cùng hành lang với chúng tôi thông báo Viola đang nằm trước cửa. Nó không cử động, dù ông gọi vào, nó không có vòng đeo cổ, cũng không có rọ bịt mõm. Chủ Nhật có lẽ nhà chức trách không kiểm tra, nhưng an toàn hơn là đưa con chó lên.

Metternich⁽¹⁾ Emerenc từ Csabadul, người điều khiển các con rối!

Bây giờ bà đang ngồi cười ở nhà, bà biết thế nào tôi cũng xuống vì con Viola, bà biết nó sẽ không đứng dậy nếu chưa nhìn thấy tôi, hay chưa nhận được lệnh khác của bà. Rõ ràng bà đã sai nó về gọi tôi sang nhà bà. Trong khi lững thững bước đi, tôi chợt nghĩ bằng cái khả năng kết hợp riêng biệt, bằng logic rắn như kim cương này, bà có thể đạt được gì nếu không tự nguyện làm kẻ thù của những cơ hội của mình. Tôi tưởng tượng thấy Emerenc bên cạnh Golda Meir⁽²⁾ và bà thủ tướng Anh, và bức tranh không có vẽ lạ lùng, đúng hơn là tôi không hiểu bà cải trang để làm gì. Nếu bà xoay người ba vòng, tháo chiếc khăn đội đầu xuống, và tuyên bố đấy chỉ là giả trang và mặt nạ, những thứ mà đáng siêu phàm đã gán cho bà lúc sinh ra, nhưng từ nay bà không phải mang chúng nữa, thì tôi sẽ tin, sao tôi lại không tin. Viola nhảy vòng quanh, nó biết rõ nhất là mọi bất trắc đã qua; cũng như bao nhiêu lần khác, Emerenc lại chiến thắng, còn tôi thì thực ra đã hết giận.

1. Klemens von Metternich (1773-1859): chính khách Áo, người bảo vệ kiên quyết và có hiệu quả nhất trật tự của Đế chế Habsburg.

2. Golda Meir (1898-1978): nữ chính khách, một trong những người sáng lập nhà nước Israel, thủ tướng Israel từ 1969-1974, còn được gọi là "người đàn bà thép của Israel".

Đội tôi trên bàn là khay bánh *rétes*⁽¹⁾ chưa cắt, phủ vải tuyền. Emerenc biết tôi thích thứ gì. Bà cao hơn tôi chừng hơn một cái đầu, bà đứng nhìn tôi từ trên xuống, không nói gì, chỉ lắc đầu, và cả tôi và Viola đều hiểu tôi đã xử sự không phải, không chín chắn, không suy nghĩ kỹ, mặc dù tôi đã lớn tuổi, đủ để biết mọi việc xảy ra đều có nguyên do của nó. Emerenc đuổi Viola vào trong nhà. Mùi thuốc khử trùng mạnh hơn từ trong nhà lọt qua khe cửa lẫn với mùi thơm của bánh *rétes*, bà chỉ chỗ cho tôi ngồi trên chiếc ghế băng. Trước mặt bà là một tờ giấy gấp chẹn bằng viên đá tròn, to mà Viola thường chơi, bà đẩy tờ giấy về phía tôi. Từ trong nhà không nghe động tĩnh gì, tôi nghĩ Viola đã nằm yên, tôi muốn nhìn thấy nó nằm ngủ ở trên thứ gì, nhưng chỉ có nó được vào khu cấm, tôi thì không. Tôi cảm thấy hổ thẹn.

“Tính nết bà khiếp quá,” Emerenc nói. “Cứ như một con ếch phồng bụng lên thế, có lúc nó sẽ nổ bung ra đấy. Bà chẳng hiểu gì cả, chỉ biết cùng đồng nghiệp làm cây cối nhảy múa từ trên trục thẳng, lừa đảo thôi. Bà chẳng bao giờ hiểu điều đơn giản, lúc nào bà cũng muốn vào từ phía sau, trong khi cố gắng lại ở đằng trước.”

Tôi không biết đáp lại thế nào. Cũng không biết bà nói có đúng không.

“Tôi đã làm hỏng ngày lễ, đúng không? Nhưng những việc thế này chỉ có thể làm vào ngày lễ. Những lúc thế này người ta mới nên thông báo điều gì sẽ xảy ra sau cái chết.”

Tôi đã biết trong tờ giấy gấp có điều gì.

“Lẽ ra tôi có thể mời cả ông chủ, nhưng tôi và ông ấy không hợp tính nhau, bà biết đấy. Không phải vì ông ấy là người

1. Rétes: một loại bánh làm từ nhiều lớp bột nhào dát mỏng, ở giữa các lớp có nhân mứt hoa quả.

không tốt, mà vì ông ấy không thích chia sẻ và tôi cũng không. Chúng tôi không thật sự quý mến nhau, vì mỗi người chúng tôi đều có thể mời người kia bước ra khỏi cuộc đời mình. Bà đừng cắt ngang, bây giờ là lúc tôi nói.”

Nét mặt bà lại thay đổi, bà như người đứng trên một đỉnh cao nào đó trong ánh sáng mặt trời, và chính bà cũng rung mình vì con đường dài đã bỏ lại ở phía sau, bà nhìn lại phía thung lũng, nơi vừa từ đó đi lên và nổi một mối, hiểm nguy của con đường, những dòng sông đã vượt qua, băng tuyết còn đó trong xương tủy. Trên gương mặt ấy còn có sự chia sẻ, như người lấy làm thương hại: đáng tiếc cho các người, các người còn chưa biết con đường đó như thế nào, chỉ biết rằng lúc hoàng hôn những đỉnh núi rực hồng.

“Tôi không thể mời bà cùng ăn trưa, vì bà có liên quan trong việc này. Tôi cũng không thể mời thằng cháu trai, chỉ sau khi đã nói chuyện xong với Adélka và Sutú và họ đã ký vào giấy. Tôi đã phục vụ luật sư, tôi biết phải làm di chúc thế nào. Cũng chẳng có gì ghê gớm lắm, nó sẽ hợp pháp, bà có thể tin điều đó.”

Luật sư. Bà chưa nói tới bao giờ.

“Bà nhìn cái gì thế? Tôi đã nói tôi đi ở từ năm mươi ba, chính ông luật sư đưa tôi đi. Sau này tôi mới làm cho nhà Grossman, khi vợ chồng ông luật sư không chịu nổi tôi nữa, họ cũng chẳng muốn giữ tôi, vì tôi và con trai họ đều đã lớn. Không phải tôi tiếc đồ ăn mà không mời ông bà sang, tôi cũng biết những lúc thế này tất cả chúng ta cùng ngồi với nhau là hợp lẽ. Tôi cũng đã học được từ những lời chỉ dẫn của tôn giáo, rằng Christ đã dùng chung bữa tiệc ly với bằng hữu của Người. Bà đừng có nhấp nhẩm thế, tôi biết đó là bữa tối, và không phải vào Chủ Nhật Lễ Lá, mà vào ngày Thứ

Năm Tuần Thánh⁽¹⁾, nhưng Christ bao giờ cũng rảnh, tôi thì không. Tôi không thể mời cả bà, cả cháu trai tôi, vì hai người là những người thừa kế.”

Christ đã dùng bữa tối cuối cùng ở đâu đó tại Bethany, có lẽ trong nhà Lazarus, khi đó Bethany còn được coi là phần thuộc Jerusalem. Tôi không muốn nhìn thấy trong bàn tay thần thánh của bà là tờ di chúc, bên phải bà là Sutú và Adélka, bên trái là cậu cháu và ông trung tá, đối diện với bà là tôi và Viola. Tôi không muốn, nhưng tôi nhìn thấy.

“Nào, bà hãy chú ý đây. Chúng tôi đã thỏa thuận với cháu, số tiền tôi để lại là của nó. Tôi sẽ không để lại cho ai trong họ hàng, vì như chính bà đã nói với tôi, họ chẳng để ý gì đến mồ mả của gia đình tôi, hơn nữa họ cũng có đủ cả mọi thứ. ‘Con trai cậu em Józsi’ của tôi cho đến nay tỏ ra đáng tin cậy trong mọi việc, rồi nó sẽ quy tập mồ mả cho tôi, và nếu cái hầm mộ xây xong, nó sẽ cho đưa cả tôi về đó nữa. Tiền xây dựng và tang lễ lấy trong sổ Tiết kiệm Bưu điện, tiền còn lại của tôi gửi trong Tiết kiệm Ngân hàng. Sổ sách tôi đang giữ đây. Bà sẽ thừa kế tất cả đồ đạc trong nhà tôi, cháu tôi đã ký trước ông trung tá. Nó chấp nhận ý muốn của tôi và sẽ không phản đối câu nào của tôi hết. Đẳng nào nó cũng không cần đến những thứ tôi cho bà, nó cũng chẳng biết làm gì với các thứ đó, thị hiếu của nó khác, mà dù nó có biết, thì những thứ tôi cho nó là đủ. Nó thừa kế khoản tiền rất lớn. Đừng có nói lời cảm ơn, vì tôi sẽ giận đấy.”

Tôi nhìn xuống, thử đoán xem tiền xây một hầm mộ hết bao nhiêu, và khai quật hết bao nhiêu, nhưng tôi chỉ biết giá

1. Thứ Năm Tuần Thánh: là một ngày lễ nằm trong Tuần Thánh, còn gọi là Thứ Năm Rửa Chân, là ngày lễ mở đầu của Tam Nhật Thánh Phục sinh, là thời kỳ ba ngày lễ kể từ sự chết đến sống lại của Chúa Jesus.

các tấm bia mộ, gia đình tôi không chôn trong hầm mộ. Tôi cũng không cố thử nghĩ xem mình được thừa kế những gì, đó là những phút mơ hồ, như thể tôi đang mơ. Emerenc đứng dậy châm lửa đun cà phê, bao giờ bà nấu cà phê cũng ngon hơn tôi. Bà học được cách nấu cà phê ở đâu, ở người chủ nào đến giờ bà chưa nhắc đến?

“Sao bà lại nghĩ tới cái chết đúng vào lúc này?” cuối cùng tôi hỏi. “Bà có ốm đau gì không?”

“Không. Chỉ có điều đài báo tin con trai ông luật sư chết, và cái tin này khiến tôi nhớ đến mọi chuyện.”

Thuở nhỏ, tôi đã nhìn bướm lượn vòng như muốn sai khiến nó, hãy bay xuống thấp, bay thấp nữa. Không phải tôi muốn bắt, mà chỉ muốn nhìn thấy nó gần hơn.

“Mấy ngày nay đài thương khóc ông ta suốt, bà hãy xem đám tang trong chương trình thời sự, tôi không muốn xem, và cũng không ra nghĩa địa. Đáng tiếc là người ta không hỏi tôi trong số nhiều người được phỏng vấn, tôi cũng có thể kể khỏi chuyện. Khi người ta kể ra ông ta là người thân quá cố của những ai, của những gì gì, tôi nghĩ có nhiều người nhận ông ta thế cũng hay, vì tôi thì không. Ông ta cũng không nhận tôi là người mà tôi muốn trở thành, và tôi là người đã chết trong mắt ông ta khá lâu, suýt nữa tôi không hồi sinh nổi - một trò tiêu khiển tốn kém. Chính vì thế mà tôi viết bản di chúc, để lại cho hai người những gì tôi có, đúng như ý tôi muốn, để đừng có một ai tẩu tán đi một thứ gì từ số tài sản tôi đã gom góp được. Một lần họ đã làm tôi trắng tay, tôi không cho phép họ làm một lần nữa. Chỉ có thể giết mèo của tôi hai lần, chứ không ai có thể cướp đoạt của cải, hay sự bình yên của tâm hồn tôi một lần nữa.”

Đôi mắt bà lạnh và sáng như kim cương. Chúa ơi, tôi nghĩ, Emerenc đã giấu cả con người này, không chỉ ngài Brodarics,

không chỉ nhân viên AVH, cả ông ta nữa, nhưng bằng cách nào và khi nào? Báo chí không viết về gì khác ngoài ông ta, một đám tang lớn. Việc đó có thể xảy ra khi nào? Chỉ có thể vào những năm ba mươi.

“Rồi bà xem trên phim, xem vợ ông ta thế nào. Khi bị truy đuổi và gõ cửa tìm tôi, ông ta chưa đính hôn với ai, chắc ông ta biết bà này sau khi không còn bị đe dọa. ‘Anh sẽ ở lại chỗ em, rút vào bí mật, em sẽ che chở cho anh,’ ông ấy nói. ‘Em đáng tin cậy và trong sáng như nước.’ Bà dừng nghĩ chúng tôi làm trò mèo với nhau, tôi thì hy vọng là bà hiểu tôi, vậy thì có thể hiểu cả ông ta. Tôi không hỏi ai săn lùng ông ấy, tôi giấu ông ấy trong phòng tôi. Đến lúc đó ông bà già Grossman đã giao tôi cho con cái họ, và bọn trẻ chẳng biết về chuyện gì hết. Bà nghĩ mẹ Êvike lại đi quan tâm tới chuyện gì xảy ra trong phòng người ở ư? Lúc đó Êvike còn chưa sinh. Họ đi chơi xa, đi giải trí luôn. Trong tòa nhà có căn hộ dành riêng cho người ở, hai chúng tôi sống ở đó. Bà uống cà phê đi, đừng có nhìn tôi chằm chằm thế, kẻ khác cũng đã từng yêu chứ có gì lạ. Khi ông ấy trốn ra nước ngoài, tôi tưởng mình phát điên; nếu vậy thì thật đáng tiếc, vì tôi lại gặp ông ấy vào lúc không thích hợp nhất. Ông ấy về vào ban đêm, trăng sáng. Dù ông ăn mặc rất lạ, tôi vẫn nhận ra ngay, những lúc như thế có lẽ con người ta nhìn bằng trái tim mình. Bà thấy đấy, hôm ấy cây cối, các bụi cây trong khu nhà đã chuyển động, tôi thấy ánh trăng chiếu lên khuôn mặt ông, cây thông phía sau nhẩy nhót, nghiêng ngả. Tôi tưởng ông về vì chuyện khác, sau chừng ấy thời gian ở nước ngoài chắc ông đã nhận ra điều gì, và bây giờ quay lại với tôi mãi mãi, hay sẽ đưa tôi đi khỏi đây, nếu như ông đã tìm ra tôi sau khi tôi ra khỏi nhà Grossman, vì chỉ đó mới có thể là lý do ông đi tìm tôi, dù ông không hứa hẹn gì. Không khi nào

ông hứa với tôi điều gì, cũng không nói dối tôi. Ông nói ngay lý do quay lại: hãy cho ông ấy nơi ẩn náu. Ông có giấy tờ giả, chứng minh thư, tem phiếu lương thực, chỉ cần nơi ở tạm thời, vì không ai có thể bắt giấu ông ấy tốt hơn tôi, để ông ấy không bị phát hiện. Và ngay sau khi có thể, ông ấy đã ra đi, bỏ tôi ở lại. Và giờ đây ông ấy đã chết.”

Tôi không nuốt nổi ngụm nước, trần trần nhìn bà.

“Sau đó, để trả thù ông, tôi đã cặp với lão thợ cạo. Bà không nghe người ta đồn đại chuyện này à? Tôi có thể đi với quý, nếu nó thuyết phục được tôi rằng tôi cần cho đàn ông, nhưng với tôi có thể có điều gì đó không ổn, vì lão thợ cạo không chỉ bỏ tôi, mà còn lấy cắp hết, dù tôi không đến nỗi xấu xí. Thôi không sao. Tôi không chết vì vụ đó.”

Bà im lặng một lát, tay vân vê rồi xé nát một chiếc lá bạc hà.

“Con người ta chết không dễ, bà hãy nhớ lấy, chỉ gần chết thôi. Rồi sau đó sẽ khôn ra vì điều đã trải qua, ta lại muốn mình trở nên ngu dại, đần độn. Tôi đã trở nên khôn ngoan, bà đừng có ngạc nhiên vì thế, vì tôi được người ta đào luyện suốt ngày đêm. Ông ta đã sống với tôi hai năm trong căn hộ dành cho người ở của gia đình Grossman, một thời gian nữa ở đây, những khi tôi rỗi rãi, ông ta cứ nói, nói, nói mãi về những điều ông ta biết. Bà nghĩ, cả đời tôi sẽ còn muốn nghe mãi một cán bộ tuyên truyền hay sao?”

Bây giờ tôi mới hiểu nguồn gốc sự căm ghét trí thức, sự coi thường văn hóa của bà.

“Không lâu sau khi ông ta đi, chiến tranh cũng kết thúc, ông ta lại xuất hiện, không phải để ở, để sống với tôi, chỉ lại để giải thích, và tôi không muốn điều đó. Tôi muốn một điều khác. Một điều gì đó phù hợp với thế giới mới, với tự do của

chúng tôi. Tôi bảo, ông ta dạy tôi thế đã đủ, bây giờ thì thôi đi. Ông định ghi tên cho tôi đi học, nhưng cứ đợi đấy, đời nào tôi đi. Ông ta còn đề nghị khen thưởng tôi, tôi bảo, nếu tôi có mặt ở nhà Quốc hội để nhận thưởng, thì sẽ chưa có vụ bê bối nào to bằng đâu. Ông tưởng tôi quan tâm đến những việc mà ông ta dự liệu, mưu tính với bạn bè của ông hay sao, trong khi tôi yêu ông ta, còn ông ta thì không yêu tôi? Tôi yêu ông ta. Bà nghe thấy không? Không phải tôi yêu cái đầu ông ấy, sự hiểu biết của ông ấy, vì chính nó đã khiến ông ấy bỏ tôi, cái đầu thông tuệ đẩy những học thuyết, mà tôi yêu cái thân thể ngày kia người ta sẽ chôn. Bây giờ thì mọi chuyện đã rồi. Có thể bà không tin, nhưng ông ta bảo, ông ta đã nói nhiều với thượng cấp của ông ta về tôi, còn muốn giới thiệu tôi với họ. Nhưng tôi bảo không cần, hãy cứ ở yên đấy với thượng cấp của ông, các ông hãy xây dựng lại Budapest, tôi cũng xây lại cuộc đời tôi. Biết tôi cặp với lão thợ cạo, ông ta tức lắm. Tôi lại thấy mừng.”

Nhìn bà không có vẻ vui mừng. Gương mặt bà là mặt nạ, môi mím chặt thành một vệt thẳng.

“Bà biết tôi đã hạnh phúc thế nào khi người ta bắt ông ta đi năm 1950⁽¹⁾, và đánh gần chết với tội làm gián điệp cho Anh? Tôi nghĩ, cứ đánh nữa đi, cứ để ông ta đau đớn như một con chó, như tôi đã đau đớn. Ông ta có biết tiếng Anh đâu, ở chỗ những người Piarist⁽²⁾, nơi ông ta lớn lên, người ta chỉ dạy tiếng Pháp, tiếng Đức và Latin, tôi đã phục vụ họ, tôi biết ở trung học ông ta đã học gì. Một lời buộc tội vớ vẩn! Nhưng tôi mừng, vì tôi độc ác, ngu ngốc, ghen tức nữa. Giờ thì đã hết. Sẽ

1. Ở đây tác giả nói đến thời kỳ đàn áp nội bộ của chính quyền độc tài Rákosi vào đầu những năm 1950, nhiều người bị quy kết vô cớ và bị xử trong các vụ án ngụy tạo.

2. Piarist: dòng tu Công giáo tận hiến cho việc giáo dục giới trẻ.

có tang lễ trọng thể. Sẽ có chiếc gối nhung, gấn tất cả các huân huy chương của Hung và nước ngoài. Tôi tin là ông ta không nhắc tới tôi trong tiểu sử của ông ta, dù tôi đã có mặt trong cuộc đời ông ta.”

“Ông ta có nhắc đến đấy,” tôi nói, và cảm thấy mệt mỏi rã rời, như người vừa chịu trận. Trong giây phút đó tôi hiểu hơn những chuyện đã xảy ra trong quá khứ gần, hơn lúc nào hết. “Không nhắc đến tên bà, chỉ nói ông ta đã được che giấu thời gian dài, bởi nhiều người, lâu nhất bởi một người đáng trọng. Hôm qua tôi nghe được trong bản tin thứ ba.”

“Bao giờ ông ấy cũng tử tế,” bà đáp khô khan. “Nào, tôi đã ba hoa đủ rồi. Ít ra thì cái chết của ông ta đã khiến tôi viết tờ di chúc. Ông ta can đảm, mạnh mẽ, vui vẻ như người sẽ không bao giờ có thể chết. Và bao nhiêu cuốn sách, bao nhiêu tri thức! Ai muốn học tất cả những điều đó, bà nói xem? Tôi thì chắc chắn không. Nhưng bà đừng nghĩ ông ta là kẻ lừa đảo, tôi nói một lần nữa: không bao giờ ông ta hứa với tôi điều gì, bà hãy nhớ lấy. Việc ông ta ẩn náu ở chỗ tôi, ông ấy đã làm đúng. Tôi ngốc nghếch đến nỗi, nếu ông ta động vào tôi, tôi đã đuổi ra đường. Nào, bà đi khỏi đây đi, tôi chán bà lắm rồi.”

Bà lấy ra một chiếc đĩa, xếp đầy bánh *rétes*.

“Ông chủ thích ăn của ngọt.”

Tôi đứng dậy, nhưng bà giữ tôi ngồi lại, vì bà lại hé cửa cho con chó vào. Cái mùi riêng đặc biệt của căn phòng lại xộc lên mũi tôi. Tôi cảm thấy Emerenc đang nhìn mình, tôi cũng nhìn bà.

“Còn điều này,” bà nói. “Bà sẽ có của thừa kế nữa, tốt hơn là bà biết về nó. Trong nhà đầy mèo, tôi trao chúng cho bà. Bà sẽ không nuôi nổi chúng đâu, vì ngoài tôi ra chúng chỉ biết Viola, và nếu ngẫu nhiên chúng ra đường chúng sẽ không

thoát được, vì chúng coi chó là bạn. Bà thân với ông bác sĩ vẫn tiêm phòng dịch cho Viola, hãy nhờ ông ấy giết lũ mèo sau khi tôi chết. Bà không thể ban tặng đặc ân nào lớn hơn là làm cho chúng khỏi đau đớn. Tôi không mở cửa, vì nếu người ta biết trong kia đang có chín con mèo, thì khu nhà này sẽ ra sao. Một con tôi cũng không cho đi đâu, và cũng sẽ không có thêm vụ treo cổ nào ở đây nữa. Chúng bị giam hãm, nhưng chúng sống. Đây là gia đình của tôi, tôi không có gì khác. Thôi, bà về đi. Buổi chiều nay đã quá dài.”

TUẦN CHAY

Mấy ngày liền tôi không làm được việc gì khác ra hồn, chỉ nghĩ đến việc đã xảy ra. Buổi chiều Chủ Nhật Lễ Lá Emerenc đã triệu tập cuộc họp quốc hội của riêng bà, và không cần hỏi ý kiến hay lời khuyên của chúng tôi, không thông báo gì trước, bà công bố sắc lệnh của mình, như một đức Giáo hoàng. Việc “con trai cậu em Józsi” gọi điện cho tôi chứng tỏ anh ta cũng trải qua những đợt sóng tình cảm giống như tôi. Anh ta yêu cầu gặp tôi, anh sẽ đến chỗ tôi, chúng tôi thỏa thuận vào thứ Ba tuần sau. Tôi nghĩ đối với tôi, việc chúng tôi gặp nhau cũng quan trọng.

Điều anh ta lo ngại là liệu có khôn ngoan hay không, khi Emerenc, chắc là chủ nhân của món tiền không nhỏ, giữ hai sổ tiết kiệm khác nhau trong nhà. Có nên giữ tiền theo cách khác hay không, vì nếu bất cứ cuốn sổ nào bị lấy cắp, thì họ có thể dùng sổ lấy tiền ở cả Ngân hàng, hay Quỹ tiết kiệm Bưu điện. Tôi cũng nghĩ tới những cuốn sổ tiết kiệm, nhưng vì lý do khác. Nếu không may Emerenc để mất sổ tiết kiệm, tôi sẽ rơi vào tình trạng rất khó xử, vì tôi là người duy nhất mà Viola cho phép vào nhà bà. Và điều tôi thật sự không cần đến vào lúc này trong cuộc đời là sự nghi ngờ không thể tránh khỏi của “con trai cậu em Józsi”, dù điều đó có phi lý đi chăng nữa. Chúng tôi bản khoăn xem nên làm thế nào, người đàn ông trẻ lo lắng vì tiền, tôi thì hoảng sợ vì trách nhiệm đổ lên đầu. Và trong chuyện này có điều gì đó mang tính bi kịch: Viola bỗng nhiên có vai trò

quan trọng, trong nền cộng hòa của Emerenc nó là đội trưởng vệ binh, là nhân viên an ninh, là thủ quỹ giữ kho báu. Tôi cố xua đuổi ý nghĩ về lũ mèo, không chỉ số lượng chúng khiến tôi phát hoảng, mà cả cách xử lý mà Emerenc đòi hỏi sau cái chết của bà. Ai có thể nhận được việc này? Tôi đâu phải là Herodes⁽¹⁾. “Con trai cậu em Józsi” đề nghị bà nên gửi tiền có kỳ hạn. Anh ta muốn chúng tôi nói chuyện với bà, hay tốt hơn cho anh ta là chỉ có tôi và ông trung tá, vì anh không muốn người ngoài tưởng anh là người sống chết chỉ vì tiền, nhưng dù sao anh ta cũng muốn được bảo đảm, mọi chuyện có thể xảy ra. Lỡ có lúc Emerenc quên không tắt ga, hay con Viola chết, hoặc cái lò sưởi cũ bị hỏng sẽ bốc cháy vào mùa đông lúc Emerenc vắng nhà. Tôi hứa sẽ suy nghĩ về việc này, rồi chúng tôi thống nhất sẽ hỏi cả ông trung tá. Rồi chuyện dừng lại ở đó, trong con người ta ai cũng có một chút hổ thẹn ngốc nghếch nào đó.

Trước hết tôi muốn nhắc Emerenc bằng cách khéo léo, nhẹ nhàng, nhưng có vẻ như sau Chủ Nhật Lễ Lá bà tránh mặt tôi. Bà biết trốn tránh chúng tôi trong khu phố nhỏ bé này như người tàng hình, lặn mất tăm cũng là một trong vô số khả năng của bà, bà có thể là đồng sự lý tưởng của bất cứ âm mưu nào. Vào Thứ Sáu Tuần Thánh⁽²⁾, tôi đi sớm hơn thường ngày vì muốn ra nghĩa địa trước khi đến lễ Chúa, cuối cùng tôi đã nhìn thấy bà, bà đang quét dọn trước cổng nhà tôi với chiếc chổi lớn bó bằng cành bạch dương. Bà khuyên tôi hãy đóng góp nhiều,

1. Herodes (73-4 TCN): vua La Mã, được mô tả như một người điên đã giết nhiều người trong gia đình riêng của mình. Khi nghe tiên tri về sự ra đời của Jesus, một người sẽ làm “vua của người Do Thái”, Herodes đã ra lệnh giết tất cả các bé trai sơ sinh trong làng Bethlehem.

2. Thứ Sáu Tuần Thánh: ngày thứ Sáu trước Lễ Phục sinh, kỷ niệm cuộc đóng đinh vào thập giá và cái chết của Chúa Jesus.

vì những lúc thế này sự đóng góp đáng giá gấp đôi, hãy để cho những phụ nữ làm từ thiện hài lòng. Tôi tránh xa bà, không muốn cho bà cơ hội làm tôi bức mình như lần trước và đến muộn buổi lễ. Tôi nói sẽ rất biết ơn bà nếu ít ra vào ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, bà để yên đừng nhạo báng tôi. Khổ hình mà Jesus chịu đựng là bi kịch mà nếu bà thấy trên sân khấu, chắc bà không cảm nổi nước mắt. Và hơn nữa, nếu bà đề nghị tôi giúp đỡ, tôi sẽ làm không đòi trả ơn, nhưng ít ra bà đừng chọc tức tôi, và khi xong việc, làm ơn nấu cho tôi nồi xúp mặn, hoa quả để ở trong tủ bếp.

Emerenc chỉ nhìn tôi, rồi bà đưa cho tôi chiếc chổi cán gỗ cứng, bảo tôi có muốn quét giúp bà một lát không? Đàng nào tôi cũng đến nhà thờ để tưởng nhớ, để khóc, vậy thì lao động một lúc chẳng chết ai. Chiếc chổi nặng, chiếc cán gỗ cũng không dễ chịu cho các ngón tay. Theo bà chỉ người biết lao động chân tay mới có quyền thương tiếc Chúa Jesus. Tôi không nhìn bà, đi thẳng về phía xe, sự vui vẻ thanh thản của buổi sớm đã tan biến. Sao lúc nào bà già cũng chọc tức tôi? Sao bà có thể từ chối một giáo phái với toàn bộ quá khứ và với cố gắng tốt đẹp của nó chỉ vì một gói quà từ thiện được chia không đúng chỗ?

Với những lời nhận xét cay độc này bà muốn trả đũa, tôi nghĩ, nhưng ý nghĩ của tôi chứng lại, vì tôi hiểu ngay là không phải vậy. Emerenc không muốn trả đũa gì hết, sự việc phức tạp hơn, lý thú hơn. Emerenc rộng rãi, hào phóng, tốt bụng; dù có phủ nhận Chúa, thì bằng hành động của mình, bà vẫn kính Chúa. Bà sẵn sàng hy sinh vì người khác, đối với bà mọi việc đều tự nhiên, còn tôi thì phải nhắc nhở bản thân mình. Dù bà không biết điều này: lòng tốt của Emerenc tự nhiên, tôi thì phải rèn luyện, sau này tôi tự buộc mình lưu ý tới một số

chuẩn mực đạo đức nhất định. Có lúc Emerenc sẽ chứng minh cho tôi hiểu, mà không cần nói một lời về việc này, rằng điều tôi tưởng là đức tin chỉ là một dạng đạo Phật và sự tôn trọng truyền thống, đạo đức của tôi cũng chỉ là kỷ luật, kết quả của sự rèn luyện ở nhà, trong nhà trường và của gia đình tôi. Những ý nghĩ vào ngày Chủ Nhật Lễ Lá của tôi quay cuồng trong đầu.

Bữa trưa không thấy món xúp mặn. Đợi tôi là món gà nấu ớt, xúp đột măng tây, và kem caramel. Chỗ mặn chưa rửa vẫn ánh xanh lên trong tủ bếp, ở nguyên chỗ tôi đã để. Chủ Nhật Lễ Lá là ngày duy nhất cha tôi muốn ăn chay, như đã học được từ ông nội tôi. Đó là ngày mà món ăn duy nhất vào bữa trưa của chúng tôi là xúp mặn, bữa tối thậm chí còn không được dọn ra, không một ai ăn tối. Bữa sáng Thứ Bảy Tuần Thánh là xúp hạt thìa là, không có bánh mì. Chỉ đến trưa Thứ Bảy Tuần Thánh tuần chay mới kết thúc, nhưng chỉ đến bữa tối thức ăn bình thường, không thịt, không phải các món ngày lễ, nhưng thực sự có chất dinh dưỡng mới được dọn ra trong thế giới nhỏ bé của gia đình chúng tôi, tuy nhiên phép tắc cũng không cho phép bất cứ ai ăn nhiều. Nắp đàn dương cầm được khóa từ Thứ Năm Tuần Thánh, để đừng có ai trong cái gia đình si mê âm nhạc này, vì không kiếm chế được bản thân, lại bắt đầu chơi đàn. Từ nhiều năm nay Emerenc biết tôi giữ thói quen đã học được trong gia đình, và bà không khi nào có ý kiến gì. Bà đem cho “ông chủ” món đặc biệt gì đó của bà, vào những lúc như thế này hai người luôn kết hợp chống lại tôi, và giữa họ hình thành một sự đồng lõa nào đó để chế giễu tôi, dưới dạng một vài cử chỉ. Tôi bỏ bữa trưa, đến tối tôi vùng vằng đi nấu trước món xúp hạt thìa là của sáng Chủ Nhật, nó có mùi vị không thể tưởng tượng nổi. Nhưng khi đó tôi đã đói hoa cả mắt, tôi ăn hết bát xúp, rồi sang nhà Emerenc. Năm ấy mùa xuân đến sớm,

bà đang ngồi trên chiếc ghế băng để quần áo bẩn, nhìn ra phía ngoài, như thể bà đang đợi tôi.

Bà nghe tôi nói, không cắt ngang nhận xét của tôi về bà, kẻ xô đẩy người khác vào những việc không thể, rồi xúc phạm người ấy ở bất cứ đâu có thể. Bà dùng tự đắc như thế, vì tôi không động đến món gà nấu ớt dẫu, và tôi cũng sẽ không trả tiền, bà đã làm thì đó là công dã tràng thôi, vì tôi không đặt bà làm. Qua làn ánh sáng lơ mơ tôi thấy Emerenc tím tím cười. Tôi tưởng mình sẽ hất chiếc bàn vào bà.

“Bà hãy nghe đây,” bà vui vẻ nói, không chút giận dữ, như đang kiên nhẫn dạy bảo một đứa trẻ chậm hiểu. “Bây giờ tôi sẽ đánh bà mạnh đến nỗi bà sẽ cảm thấy đấy, dù dạo trước tôi đã yêu mến bà vì bà biết chịu đòn. Tôi đã theo dõi số phận bà hình thành như thế nào. Tôi không quan tâm đến sự cuồng tín của bà, và bà có thể tin rằng đặt món xúp mặn lên bàn đối với tôi dễ hơn là mổ gà. Nhưng cho đến nay bao giờ tôi cũng nấu, bà cứ ăn cái món mà bà tưởng rằng Chúa Trời sẽ thấu hiểu. Bà có Đức Chúa thật tuyệt vời đấy, Đức Chúa của bà đo con người bằng mặn. Của tôi, nếu có, có ở mọi nơi, dưới đáy giếng và trong tâm hồn con Viola, và bên giường bà Böörs Samu nữa, vì bà ấy đã chết rất đẹp. Đẹp đến nỗi bà chẳng đáng được chết, chỉ những người rất tốt mới đáng được như thế, nhưng bà ấy đã chết như thế, không đau đớn và kiêu hãnh. Bà nhìn gì? Sáng nay, khi tôi đang quét đường, bà có thấy đứa cháu bà Böörs Samu chạy ở bên kia đường không, hay bà lại chú ý đến bản thân mình? Đứa bé đến tìm tôi, tôi đã đi với nó. Bà hãy tin rằng người được tôi nắm tay trong giờ hấp hối, người đó ra đi sẽ dễ dàng. Tôi đã lau rửa cho bà ấy, chuẩn bị cho bà ấy ra đi. Và tôi phải nói với bà rằng không dễ bỏ ra từng ấy thời gian, trong khi nấu bữa trưa cho các người, bữa trưa mà bà đã cảm

ơu khéo như thế đấy. Chú ý đấy, bây giờ tôi sẽ đánh. Bà đáng ăn đòn. Ông chủ không sống lâu nữa, điều này bà cũng biết. Bà nghĩ ăn mặn ông ấy sẽ khỏe ra ư? Ông sẽ đem theo mình cái gì sang bên kia, vì con người ta ai chẳng mang theo thứ gì đó? Bà Böör Samu đã mang theo vinh dự, rằng tôi, Szeredás Emerenc, đã chăm sóc cho bà ấy, và tôi sẽ trông nom đứa bé, cả bà nữa sẽ để ý đến nó, tôi đảm bảo, vì tôi sẽ không để bà yên nếu bà không làm việc đó. Tôi không muốn nó sống nhờ các bà làm từ thiện mãi, những người ấy cũng chẳng biết bà Böör Samu có đứa cháu, nhưng giờ thì bà không thể chối được, vì ngày nào tôi cũng sẽ nhắc. Bà đừng có để ông chủ ra đi với món xúp mặn, cả cái món xúp chay lỏng bống bà nấu cho ông ấy; cả với việc hoặc là bà chạy đi đâu đó, hoặc nếu ở nhà thì bà cũng chỉ ngồi gõ máy, sáng nay bà cũng có ở bên ông ấy đâu, bà đi nhà thờ cầu nguyện. Bà tin những gì về Christ, về Chúa, những người bà coi như thể họ là chỗ thân quen của bà, họ dành cho bà sự cứu rỗi mới dễ dàng làm sao chứ. Tôi không đổi một xu để lấy sự mộ đạo trong một tuần của bà, bà chỉ bữa bãi trong nhà bà thôi, trong cuộc đời mình bà thích sự ngăn nắp, tôi đã chán ngấy rồi. Chiều thứ Hai, dù trời có sập, ba giờ đến bác sĩ, ra về bằng taxi vì không có thời gian đi phương tiện công cộng; thứ Năm hằng tuần đi làm đầu; thứ Tư tiệm giặt, không khi nào vào ngày khác; là quần áo thứ Năm, dù khô dù ướt. Ngày lễ, Chủ Nhật đi nhà thờ; thứ Ba chỉ nói tiếng Anh, thứ Sáu tiếng Đức để luyện cho khỏi quên. Còn không thì gõ máy liên miên. Ở thế giới bên kia ông chủ cũng sẽ vẫn nghe tiếng gõ máy chữ.”

Tôi bật khóc. Giờ đây tôi đã không thể nói mình đã khóc vì những điều bà nói đúng, hay vì những điều không đúng. Emerenc rất kỹ tính với việc giặt giũ, với những chiếc tạp dề có ống tay hồ cứng. Lúc này bà rút từ trong túi chiếc tạp dề là

phẳng một chiếc khăn tay sạch bong, đặt trước mặt tôi. Nếu có nhân chứng, người đó sẽ thấy tôi như một đứa bé mẫu giáo bị phạt, và từ đây chắc nó sẽ cố gắng trở nên ngoan ngoãn, vì nó rất hổ thẹn.

“Có thật bà qua đây vì món thịt gà?” Emerenc hỏi. “Chừng nào ông chủ còn sống, trong nhà bà sẽ không có ăn chay, ít nhất là tôi sẽ không nấu món chay. Bà làm gì ở đây tối ngày lễ, hôm nay là thứ Sáu, bà về mà luyện tiếng đi, hôm nay là ngày nói tiếng Đức. Đến con chó cũng phải cười. Bà luyện để làm gì, Chúa biết mọi thứ tiếng, giá như có lần bà học quên được, vì đầu óc bà như nhựa thông vậy, cái gì một lần đã dính vào thì dứt không ra. Bà trả miếng tất cả những ai có chuyện với bà, kể cả tôi nữa. Và ít nhất giá như bà gào thét lên đã đành, đằng này bà lại mỉm cười. Bà là người thù dai nhất mà tôi đã gặp, bà đi ngủ với dao dưới gối, rồi chờ đến lúc thích hợp để có thể đâm người. Bà không cào cấu, nếu việc nghiêm trọng, bà sẽ giết người.”

Trả miếng bà ư? Bằng cách nào? Bằng gì? Thứ duy nhất tôi có thể hại bà thì ngay từ đầu đã là của bà - Viola là sở hữu của bà, không phải của chúng tôi. Người bà từng yêu đã được chôn cất, đúng là bà không tới đường Mező Imre. Tôi chỉnh trang mặt mũi, chiếc khăn tay của Emerenc thơm và lạnh. Tôi nói với bà yêu cầu của “con trai cậu em Józsi”, thấy bà mỉm môi tức giận. Ngày hôm ấy tôi đã thấy mọi sắc mặt của bà, nhưng buồn bã, u ám thì chỉ tới lúc này, khi bà nghe thấy tiếng: tiến.

“Này, bà nghe đây. Hãy bảo cái thằng khốn ấy đừng có bắn tin dạy khôn tôi, và cũng đừng làm phiền bà. Các quyển sổ tiết kiệm cứ để nguyên đó, không có thay đổi gì hết, lại còn gửi có kỳ hạn nữa chứ, để làm cái của khỉ gì. Ai mà tìm được cuốn sổ tiết kiệm ở chỗ tôi, thì cũng đáng để kẻ đó lấy được tiền. Đã bao giờ các người thấy tôi dẫn độn chưa, làm sao mà

cháy được nhà tôi, tôi cũng lo cho nhà mình chứ. Thằng khốn ấy muốn tôi chết đấy, rõ ràng thế. Bà bảo nó, còn dạy khôn tôi một lần nữa là tôi sẽ cho nó ra khỏi bản di chúc, bà sẽ thừa kế hết, xem nó có dám phản đối không. Bà xứng đáng được hưởng, bà là một phụ nữ thánh thiện, bà sẽ tìm mồ mã của gia đình tôi, sẽ cho xây hầm mộ, chỉ ở đó mới có thể cầu nguyện thực sự. Tôi chỉ không làm việc này, vì cái thằng vô ơn ấy sẽ kiện cáo; vì tiền, nó sẽ dàn hòa cả với những người ở làng Csabadul, dù tôi coi bà là người như thế nào, tôi cũng không muốn bà phải gánh chịu chuyện này. Dù bà xứng đáng được hưởng. Nữ hoàng Mận của tôi ạ. Nào, bà về đi, hôm nay thứ Sáu, hãy đọc *Kinh Thánh* bằng tiếng Đức.”

Bà nói như đuổi tôi. Viola nhìn bà, chờ lệnh. Emerenc đặt tay lên trán con chó, nó liến nhảm mắt lại, như không thể đáp lại bằng cách khác, nó nhận sự ban phước từ những ngón tay đã biến dạng vì công việc truyền sang cho nó. Tôi quay người, bước đi chậm rãi và nặng nề như người đã quá già. Các sự kiện trong ngày, và những chuyện trước đó đè lên vai tôi nặng như chì. Không chỉ con chó, mà cả Emerenc cũng đi theo tôi, chỉ khi qua khỏi hàng rào hoa nhài tôi mới nhận ra, vì không nghe tiếng bước chân của bà, ở nhà bà thường đi đôi giày vải để dạ mềm để đôi chân nổi đầy mạch máu đỡ đau. Bà theo tôi làm gì, tôi cay đắng nghĩ, bà đã vẽ chân dung tôi, bà coi tôi là kẻ đạo đức giả, hình thức, làm điệu làm bộ. Bà cũng không hiểu cả việc tôi cố tránh không để cho chồng tôi nghĩ đến cái chết qua vẻ bề ngoài: ông mà ốm nặng thì tôi đâu có thể yên tâm làm việc ngày này qua ngày khác như thế. Bà trách móc tôi ở đúng điểm tôi trong sáng nhất, người đang vật lộn với Số Phận.

“Thôi, hãy quay lại đây. Cứ để ông chủ nghe đài, nghe nhạc, để ông ấy mừng vì Viola chưa về. Quay lại đi, tôi không

hành hạ bà nữa đâu, thật ra chẳng bao giờ tôi muốn làm khổ bà. Bà thật chẳng khôn ngoan chút nào, lại chậm hiểu. Để ý đến lời tôi cần nhận làm gì? Bà không cảm thấy bây giờ tôi chỉ còn có bà? Tôi chỉ còn bà và mấy con vật nữa hay sao?”

Chúng tôi cứ đứng đó. Từ những ô cửa sổ đóng kín của tòa nhà có âm thanh yếu ớt vọng ra. Phía trên căn hộ của Emerenc là những cư dân hiền lành, họ đã vãn nhỏ tiếng chương trình buổi tối, nhưng tôi vẫn nhận ra ảo ảnh vàng và đen trong bản *Requiem*⁽¹⁾ của Mozart. Tôi không biết đáp lại thế nào, vì bà không nói điều gì mới. Bà không hiểu dù chúng tôi quý mến nhau, bà vẫn có thể đâm cho tôi ngã quỵ. Chính vì bà yêu quý tôi và tôi cũng yêu bà. Chỉ người mà tôi có liên quan mới có thể làm tôi đau đớn, lẽ ra bà có thể hiểu điều này từ lâu, nhưng bà chỉ hiểu những gì bà muốn.

“Nào, quay lại đi, đừng bướng nữa. Tính nết bà cũng ương bướng như tôi, vì chúng ta cùng là người vùng Alföld. Lại đây, đừng nhìn nữa. Tôi mời lại là có lý do đấy.”

Vì sao, bà còn muốn gì nữa? Bức tranh bà đã hoàn thành, tấm gương bà đã đưa ra trước mặt tôi, trong khi dù bà có thông thái mấy đi nữa, bà cũng không thể nhìn thấy sau lớp trắng bạc, bà chỉ dùng nó để nện vào đầu tôi một cú mạnh.

“Vào đây, tôi có quà cho bà đây. Con thỏ đẻ, thỏ Phục sinh.”

Bà nói với giọng dỗ trẻ con, nếu bà nói với ai đó trên đường phố với cái giọng này, bao giờ tôi cũng ngoảnh lại, hay dừng lại. Cũng như Viola, bọn trẻ con tíu tít vây quanh bà. Thỏ Phục sinh, đúng ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, món xúp mặn thì bà không nấu, bà chế giễu sự thương tiếc Chúa Jesus của tôi,

1. *Requiem*: tác phẩm được Wolfgang Amadeus Mozart sáng tác năm 1791, bản nhạc cuối cùng và được xem là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của ông.

nhưng quà tặng thì dĩ nhiên bà đã mua, bà cho thì được, nhưng tôi thì bị cấm.

“Tôi không vào nữa, chúng ta đã nói tất cả với nhau rồi. Việc bà nhờ, tôi sẽ gọi điện cho cháu bà. Nếu bà muốn, có thể giữ Viola ở lại đây đêm nay.”

Tôi không nhìn rõ mặt bà nữa, trời bỗng tối sầm lại. Cả ngày tôi chờ mưa, không mưa đến tận lúc này, Thứ Sáu Tuần Thánh bao giờ cũng có gió, và mưa, bây giờ nước mắt khóc Christ mới rơi, muộn màng. Tôi không thể quay lại. Mưa rơi từng giọt lớn, gió cũng bắt đầu nổi lên như trong huyền thoại, như trước một cơn bão sắp đến, như thể nghe thấy vạn vật đều bắt đầu thở. Tôi biết điều dữ nhất Emerenc sợ là bão, và biết tôi có cưỡng lại cũng vô ích, nếu tôi không đi theo, bà sẽ kéo tôi vào. Viola cụp đuôi, rít lên, nó đã vào tới hiên và đang cào lên cánh cửa lúc nào cũng đóng kín, nó muốn ẩn nấp. Chớp bắt đầu xé rách bầu trời, tiếng sấm át tiếng sủa rống lên của con chó. Tất cả bất chợt sáng lóa ánh lửa điện xanh lét, nước như trút, rồi tất cả lại tối thui.

“Im, Viola, ta vào đây, vào ngay đây.”

Trời lại sáng xanh, rồi chuyển sang sáng bạc, tiếng sấm động. Trong ánh chớp tôi nhìn thấy Emerenc đưa tay vào trong túi chiếc tạp dề là cứng lấy ra chiếc chìa khóa. Con chó vẫn rít lên.

“Im, Viola, im đi nào!”

Tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Chúng tôi nhìn nhau trong ánh chớp. Emerenc không rời mắt khỏi tôi. Tôi tưởng mình nhầm, tôi *phải* nhầm. Cánh cửa này không bao giờ mở. Lúc này nó cũng không thể mở. Không thể.

“Bà chú ý đây, nếu bà nói cho ai biết, tôi sẽ nguyên rửa bà, và kẻ bị tôi nguyên rửa sẽ có một kết cục rất tồi tệ. Bây giờ bà sẽ

nhìn thấy một thứ gì đó mà chưa ai nhìn thấy, sẽ không ai nhìn thấy, đến khi tôi xuống huyết. Nhưng tôi không có thứ gì khác có giá trị trong mắt bà, và hôm nay tôi đã đánh bà đau hơn bà đáng phải chịu đựng, vậy nên tôi cho bà thứ duy nhất tôi có. Đằng nào thì rồi bà cũng nhìn thấy, vì cuối cùng nó là của bà. Bà sẽ nhìn thấy hôm nay, khi tôi còn sống. Bà vào đi. Đừng sợ. Bước vào đi.”

Bà đi trước, tôi theo sau, Viola lướt ngay qua khe hẹp. Trong những khoảnh khắc đầu tiên, khi chân tôi đang thử bước dò dẫm trong bóng tối đen như hắc ín, bà không bật đèn. Viola thở dốc, bên tiếng rên quen thuộc của nó tôi nghe thấy những tiếng sột soạt nhỏ, như tiếng chuột chạy trong đêm khuya. Tôi đứng lại, vì không dám bước tiếp, chưa bao giờ tôi đi trong bóng tối đen như mực thế. Sau này tôi nhớ tới các cửa chớp mà từ khi chúng tôi sống ở đây chưa ai nhìn thấy chúng được mở.

Ánh sáng tràn xuống quanh chúng tôi chói lóa, không vàng mà sáng trắng. Emerenc không tiết kiệm, ít nhất bà phải dùng bóng một trăm oát. Nơi chúng tôi đang đứng là một phòng lớn, rộng rãi, sạch bóng, mới quét vôi, có bếp ga, bồn rửa bát, một chiếc bàn, hai chiếc ghế, hai chiếc tủ lớn, một chiếc đi văng nhỏ phủ một tấm vải nhung tím lớn, có thời chắc rất đẹp, đã rách từng mảng, là loại ghế tựa đôi có thời từng rất tốt. Căn hộ sạch sẽ như dây cốc sau tấm rèm thưa nhìn qua được của chiếc tủ đựng cốc kiểu cũ của Emerenc. Có cả một chiếc tủ đựng đá, dù là kiểu rất cũ, tôi chăm chú nhìn và nghĩ bà lấy đâu ra đá để bỏ vào đó, đã mấy năm nay người bán đá không đi qua đây. Viola chui xuống gầm chiếc ghế tựa đôi, dấu hiệu chứng tỏ cơn bão chỉ mới bắt đầu. Trong phòng có mùi clo quen thuộc và mùi nước xịt thơm, khiến tôi muốn ho. Ngoài ra, nó có vẻ như một căn hộ có bếp được bài trí chu đáo

và cẩn thận, được che giấu khỏi những con mắt tò mò, dù nó chẳng có gì bí mật cần che giấu, hoặc có thứ gì kỳ lạ, ngoại trừ một đồ vật khác thường ngăn cách phòng bên trong, thực chất là phòng ở, với nhà bếp: một chiếc kết sắt lớn bất ngờ được kéo đến chặn cửa, nếu bọn kẻ cắp không kéo nhau đến cả toán, thì chắc chẳng ai xê dịch nổi nó. Chiếc kết sắt trước đây của gia đình Grossman - tôi nghĩ - phía trong là những đồ gỗ họ để lại, nhưng ai có thể vào trong đó, mà làm sao vào nổi, không có người giúp đỡ thì ngay cả bà cũng không vào được. Ngoài trời sấm chớp âm âm, mưa như trút, mặt Emerenc tái nhợt, nhưng bà cố trấn tĩnh. Sau này mới biết, chiếc kết sắt chứa đầy âu, liễn sành sứ cũ.

Tôi lúng túng nhìn quanh. Trong nhà có cả hoa trồng trong bình. Trên nền đá lau sạch là những mảnh thảm, như một ai đã cẩn thận cắt từng miếng từ một tấm thảm Ba Tư đã rách và giữ lại những mảnh còn dùng được. Đúng lúc đó tôi nhận ra thứ mà Emerenc không muốn thế giới nhìn thấy: một hàng đĩa và khay đựng cát, những thứ không thể thiếu để đảm bảo sức khỏe và vệ sinh của lũ mèo. Phía dưới bốn rửa bát, cạnh tủ để cốc và góc tường là chín cái đĩa tráng men trống không, còn vết thức ăn, và chín cái khay. Đứng giữa hai tủ, như một pho tượng, là cái hình nộm để thử quần áo của mẹ tôi. Nom như một nữ nguyên soái, cởi trần, không mang trên mình thứ gì khác ngoài các huân huy chương: ghim đầy những bức ảnh. Cả một bức ảnh cũ cắt ra từ báo, với khuôn mặt trẻ, hăng hái kiểu ngày xưa.

“Đúng, ông ấy đấy,” Emerenc nói, dù tôi không hỏi. “Khi ông ta bỏ đi, tôi bắt được con mèo khoang, chính là con bị treo lên ấy. Bà đừng thương hại tôi, tôi không xứng đáng. Không được yêu con người, cũng như con vật đến mức ấy.”

Viola rên rỉ, cứ sau mỗi tiếng sấm nó lại rít lên như trả lời.

“Tôi tìm thấy một con mèo khác, trong vùng lúc nào chẳng có mèo thừa, người ta ném đi, đuổi đi, lúc đầu người ta nuôi làm trò chơi cho con trẻ, sau khi nó lớn lên, họ đem chúng đi thật xa, ném vào một khu vườn lạ. Đã bảo tôi tìm được một con khác thay con bị treo cổ, nhưng rồi nó bị đánh bả độc, chắc vẫn là kẻ đã treo cổ con kia. Khi đó tôi không nói gì nữa, tôi nhận ra không cần để chúng ra ngoài, rồi chúng sống trong nhà, như nhà giàu nuôi những con chó nhỏ, tôi nuôi chúng giữa bốn bức tường. Lúc đầu chưa có nhiều thế này, tôi có mất trí đầu, tôi cũng chỉ muốn con đầu tiên, con mèo già. Tôi đã gọi bác sĩ kết thúc cho nó được yên. Con thứ hai ốm lẫn ốm lóc, chữa cho nó khỏi thì tôi không còn lòng dạ nào đuổi nó đi. Chúng dễ thương, hiền lành, chúng mừng khi tôi về. Con người ta, khi về nhà không còn ai tỏ ra vui mừng, thì cũng chẳng nên sống nữa. Bà có giết, tôi cũng không thể nói làm sao chúng lại có chín con. Một con tôi thấy trong Rãnh Quỷ, nó rên rỉ dưới đáy, cố trèo lên lại tụt xuống; trong thùng rác tôi tìm được hai con, bà biết đấy, họ bỏ chúng vào túi nylon lẫn với rác, tôi tưởng chúng không sống nổi, nhưng chúng lại trở nên đẹp nhất. Con xám là do lão thợ lắp lò sưởi bỏ lại, ba con đen-trắng là do con nhặt ở Rãnh Quỷ để ra, nom chúng như những gã hề xiếc, rất lạ mắt. Tất cả những chú mèo con mới đẻ thêm tôi đều phải hủy, tôi còn có thể làm gì khác, nhưng ba con hề nhỏ này thì tôi không giết nổi. Trên ngực chúng có những ngôi sao, không thể vùi những con vật như thế xuống đất.”

Tôi cứ đứng trơ ra đó. Bão đã đi xa, tiếng sấm đã lặng, trời gần như không chớp nữa, chỉ cái bóng điện sáng chói của Emerenc còn đó.

“Chúng biết là phải nằm bẹp xuống, vì tất cả chúng còn nhớ đến giây phút nguy hiểm. Chúng cảm thấy cái chết. Bà

đừng tưởng khi bà đem những mũi tiêm đến chúng không biết trước điều gì sẽ xảy ra đâu, nhưng đừng tha một con nào hết, cái chết còn nhân đạo hơn sự lang thang, nguy hiểm, đói khát. Hãy cho tất cả bọn ăn một bữa thịt no trước khi giết chúng, chúng không quen được ăn thịt, nếu bà trộn vào thức ăn một ít thuốc ngủ, thì cũng chẳng cần đuổi bắt chúng nữa. Và bà phải giữ mồm giữ miệng đấy, không ai được biết về lũ mèo hết, giờ đây chỉ có mình bà biết thôi. Chúng đều thoát khỏi móng vuốt của Thần Chết, chúng còn gần gũi tôi hơn cả con trai cậu em Józsi. Nếu trong khu nhà này người ta biết lũ mèo có mấy con, thì họ sẽ bắt buộc tôi bỏ đi bảy con, vì theo luật chỉ được nuôi hai, hoặc Phòng Vệ sinh Dịch tễ sẽ đến. Tôi không thể cho bà điều gì nhiều hơn là lòng tin, và tôi đã cho bà vào. Hãy nhìn kỹ chúng, nhưng hãy đứng yên, vì chúng rất nhát, ngoài tôi ra chúng không quen một ai khác, chỉ có Viola. Viola, đâu rồi? Đừng làm trò nữa, bảo tan rồi. Về chỗ đi!”

Viola bò ra, nó nhảy lên chiếc ghế tựa đôi. Tôi thấy giữa chiếc ghế có một chỗ lõm, chắc con chó đã nằm ở đó nhiều.

“Ăn tối!” Emerenc ra lệnh. Lúc đầu chưa thấy gì, bà nói thêm một lần nữa, bây giờ nhỏ nhẹ hơn, và căn phòng chuyển động, tôi lại nghe thấy những tiếng sột soạt như lúc nãy, và tôi nhìn thấy gia đình Emerenc, cả chín con mèo chui ra từ những nơi ẩn nấp, từ sau ghế, từ dưới gầm tủ. Chúng không nhìn tôi, chỉ có một tiếng động duy nhất, đó là tiếng Viola gõ đuôi như nhịp trống. Lũ mèo dừng lại trước những chiếc đĩa trống, những ánh mắt xanh ngọc quay về phía Emerenc, bà đang lấy thứ gì đó như *lecsó*⁽¹⁾ trên bếp từ một đĩa lớn. Bà chia thức ăn vào từng đĩa, khuôn mặt luôn mỉm cười mỗi lần cúi xuống.

1. Lecsó: món ăn nấu từ ớt tây, cà chua và xúc xích, có nước sốt sền sệt.

Cảnh tượng lạ lùng này không có vẻ phi thực tế, mà như một tiết mục xiếc. Bà đã rèn luyện, thuần dưỡng lũ mèo! Viola háu ăn, nhưng nằm im không nhúc nhích. Chắc nó đã đói lắm, ve vẩy đuôi như báo hiệu sự có mặt của nó. Lũ mèo không sợ nó, đã từ lâu chúng không cảm thấy Viola là một con chó. Nó được chia phần ăn cuối cùng, vào một đĩa to hơn đặt trên bậu cửa sổ. Và điều nó không bao giờ làm ở nhà: nó ăn hết đĩa *lecsó*, liếm quanh đĩa, rồi nhìn tôi như thách thức, như muốn hỏi tôi có thấy không, ở đây nó là một cậu bé ngoan. “Về chỗ!” Emerenc quát. Nó nhảy trở lại chiếc ghế tựa đôi, lũ mèo nhảy lên bên cạnh, vây quanh nó, con nào không kiếm được chỗ bên cạnh hay trên mình nó thì leo lên đỉnh chiếc đi văng nhỏ, bám lấy lưng ghế trong tư thế đặc trưng của loài mèo, có con ngồi lên cả vai hình nộm, phía trên những bức ảnh, cả ảnh của tôi.

Emerenc thông báo giờ đây bà chỉ còn không quá một phút, bà phải đi quét dọn nước, cái hầm chắc bị ướt. Bà giữ Viola lại, bảo cứ để nó trò chuyện với lũ mèo, bà bảo tôi về. Chúng tôi cùng ra ngoài, cùng đi một đoạn. Chỉ còn mùi thoang thoảng sau mưa, và tất cả lại giống như trong khúc thứ sáu *Aeneid*, chúng tôi đi trong bóng tối mờ, dưới những cái bóng, trên đầu chúng tôi trắng nấp trong mây, ánh trăng mờ như huyền hoặc. Khi mở cửa vào nhà, nước mắt tôi bắt đầu chảy. Lần đầu tiên trong đời, tôi không thể và cũng không muốn giải thích với chồng tôi, vì sao tôi khóc. Đây là lần duy nhất trong cuộc sống vợ chồng của hai chúng tôi, tôi không trả lời ông.

MÓN QUÀ GIÁNG SINH BẤT NGỜ

Viola đã chết từ lâu, tôi giữ nhiều hình ảnh nó, nhiều lần trò chơi của bóng tối và ánh sáng trên con đường lúc hoàng hôn đánh lừa tôi, tôi cảm thấy tiếng gõ nhỏ theo nhịp trong khi khung cảnh yên tĩnh hoàn toàn, tôi chỉ tưởng tượng ra, nó đang chạy phía sau tôi, tiếng móng chân nó quẹt lên đường, tôi nghe tiếng thở ngắn, nóng ẩm của nó. Hình ảnh nó còn trở lại những ngày Chủ Nhật, khi mùi xúp thịt hay một thứ bánh nướng nào đó bay ra từ sau những lọ đựng dưa chuột đặt trên bậu cửa sổ để mở. Không ai có thể chú ý một cách say mê xem trong bếp các nguyên liệu sống đang biến thành món gì như nó; không thể đuổi nó ra xa bếp, và thực ra cũng không ai muốn đuổi nó, vì lúc bữa ăn đang nấu, Viola như một kẻ sùng mộ, có kỷ luật, nó luôn chờ đợi một miếng đặc biệt nào đó. Nó có một âm thanh riêng để biểu lộ sự khao khát, như tiếng thở dài. Dù bất cứ ai đang đứng trước bếp, nghe tiếng thở dài của nó, cũng ném cho nó một miếng. Ký ức hay dưa tiếng thở dài của nó trở về.

Từ trong Thời gian, gương mặt nhìn tôi nhiều lần nhất của Emerenc là khi có một lần bà hỏi tôi với giọng không hề có cảm xúc, rằng tôi chưa chán việc lúc nào cũng đề nghị được giúp bà, và cứ mơ mộng nhìn bà như người muốn cầu hôn bà hay sao? Thực tình thì tôi muốn gì: kết bạn với bà, hay thân mật với bà như một người họ hàng? “Bà có những khái niệm khác về mọi chuyện, so với tôi. Bà đã được người ta dạy dỗ đủ

thứ, thế mà bà không nhận ra điều cần phải chú ý. Bà không thấy bà nhìn tôi cũng vô ích, tôi không cần một ai hết, không cần người nào không hẳn là của tôi? Bà cho tất cả mọi người vào một hộp, sau đó đến khi cần ai thì bà lôi người ấy ra: đây là bạn gái tôi, đây là đứa cháu tôi, đây là bà mẹ nuôi của tôi, người yêu tôi, bác sĩ của tôi, bông hoa ép này là từ đảo Rhodes⁽¹⁾; nào, hãy để cho tôi yên. Đến khi tôi không còn nữa, thỉnh thoảng bà hãy ra nghĩa địa, thế là đủ. Tôi đã không chấp nhận người đàn ông ấy là bạn, vì tôi muốn lấy làm chồng, thì bà cũng đừng diễn với tôi cái vai bà là đứa con không sinh ra của tôi. Tôi đã đưa ra đề nghị cho bà thứ gì đó, bà đã chấp nhận. Bà có quyền nhận được mấy thứ đó, vì chúng ta sống được với nhau, dù thỉnh thoảng có lên cơn cãi vã nhau đi nữa. Rồi bà sẽ được thứ gì đó, không phải thứ vợ vẫn đâu, nếu tôi không còn. Thế là đủ, và bà cũng đừng quên rằng tôi đã cho bà vào nơi không một ai khác được phép. Tôi không thể cho nhiều hơn thế, vì tôi chẳng có gì hơn. Bà còn muốn gì nữa? Tôi nấu nướng, giặt giũ, quét dọn, tôi đã dạy con Viola cho bà, tôi cũng đâu phải là người mẹ đã quá cố, cũng chẳng phải như mẫu, hay bầu bạn của bà. Hãy để cho tôi yên.”

Xét cho cùng, dĩ nhiên bà nói đúng, chỉ có điều không dễ chịu. Việc bà nhờ là sau khi bà chết tôi hãy xóa sổ vườn thú của bà, tôi có thể làm giúp bất cứ ai. Một cách từ tâm, tôi hy vọng cho tới lúc ấy bấy thú đã giảm số lượng hay tan tác hết, bà sẽ không điên rồ đến mức nhận thêm chúng về nuôi, chín con cũng đã khủng khiếp lắm rồi. Thực không dễ, chỉ có điều tôi không thể thay đổi: tôi phải chấp nhận, bà là người điều chỉnh quan hệ của hai chúng tôi, và bà chỉnh bộ điều nhiệt một

1. Rhodes: một hòn đảo của Hy Lạp, nằm trên biển Aegea, thuộc Địa Trung Hải.

cách tiết kiệm và hợp lý. Chúng tôi tiếp xúc với những cặp vợ chồng ngoại giao lịch sự theo cách đó, nhận và trao thiện cảm, và trước mọi cuộc gặp gỡ chúng tôi đều ôn lại những nguyên tắc bất thành văn của dịch vụ ngoại giao: phải biết kiềm chế cảm xúc, sau ba năm các nhà ngoại giao được cử đi nơi khác, họ không thể cho phép hình thành những mối quan hệ suốt đời với người sở tại, chúng tôi cũng chỉ có thể gây cảm tình ở mức nhất định, nhưng chừng nào họ còn ở đây, chúng ta hãy tận hưởng sự có mặt của họ, vì giao tiếp với họ cũng dễ chịu.

Chỉ có ba chúng tôi chấp hành luật ngoại giao, thành viên thứ tư của gia đình - Viola - thì không. Có lần, vì tức giận, nó đã cắn bà già, và vì thế nó bị nện một nhát xẻng, gãy xương sườn. Nó tru lên vì đau, nhưng chịu để bác sĩ chăm sóc, bà già ngồi giữ nó, mắng: “Mày đáng được thế, con ạ, con bỏ đực của làng, đừng có thanh minh với bà đây là mùa động dục, đừng có khóc, thật hèn hạ, mày chỉ nhận được cái đáng được nhận mà thôi. Nào, há cái mồm xấu xí của mày ra.” Và miếng bánh thưởng đã chui tọt giữa những chiếc răng dững cảm sáng lóa. Emerenc thực hiện đúng điều kiện, rằng ai yêu quý bà, thì bà là nhân vật chính trong cuộc đời người ấy. Điều này, trong số những người được bà cho là quan trọng chỉ có mình Viola coi là tự nhiên, và nó chấp nhận ngay cả khi nó cắn bà. Bao giờ chúng tôi cũng sống hòa thuận nhất nếu có chuyện chẳng lành, mà chuyện đó thì chúng tôi không thiếu. Một trong hai vợ chồng tôi bao giờ cũng ốm đau trong những năm xét về bất cứ phương diện nào cũng không lành mạnh này, hoặc là cơ thể chúng tôi không chống lại nổi một cuộc tấn công nào đó, hoặc hệ thần kinh của chúng tôi cảnh báo: cuộc chơi chống lại chúng tôi diễn ra với những thứ vũ khí không công bằng. Vào những lúc khủng hoảng, Emerenc ở bên cạnh cả hai chúng tôi theo cách

đúng là có thể cảm nhận thấy, những ngón tay biến dạng của bà đem lại cho chúng tôi sự khuây khỏa và nhẹ nhõm. Không có gì sung sướng hơn sau một trận ốm nặng được bà tắm tã hay xoa bóp cho, rồi bà rắc cho chúng tôi thứ phấn thơm gì đó do Grossman Êvike gửi về. Chống tôi có lần nói, chúng tôi phải liên tục hấp hối, hay sắp chết chìm trong nước sâu để bà có thể lôi chúng tôi lên, khi đó Emerenc sẽ yên tâm và mãn nguyện. Nếu một ngày chúng tôi thực sự thành công và được sống tương đối an toàn, thì bà sẽ mất đi khả năng được quan tâm săn sóc chúng tôi; nếu không giúp đỡ được chúng tôi một việc gì đó, thì bà sẽ không cảm thấy ý nghĩa sự tồn tại của mình.

Không thể quen nổi, dù không bao giờ bà đọc, bà vẫn biết hết các tin tức xấu trong đời sống văn học, những chuyện đòi lúc làm đảo lộn cuộc sống của chúng tôi. Những lúc như thế, bao giờ bà cũng tỏ ra cho chúng tôi hiểu là bà biết về việc đó, và trấn an chúng tôi, về phía mình bà đã thông báo với mọi người đáng mặt trong phố, nếu người đó không tự nhận ra rằng những kẻ âm mưu lại hành động, và bà đòi hỏi những người trong phạm vi thân quen của mình phải có chính kiến để tỏ tình đoàn kết với chúng tôi, lên án những kẻ thù của chúng tôi.

Cứ như thế, năm tháng trôi đi, và quan hệ giữa chúng tôi ngày càng bền chặt hơn. Giới hạn của sự gần gũi với chúng tôi là do bà cho phép. Bà vẫn tiếp tôi ngoài hiên, như tiếp những người lạ khác, và không cho tôi vào nhà thêm lần nào nữa. Bà cũng không thay đổi những thói quen của mình, vẫn làm hết những công việc đã nhận, và dù bề ngoài có vẻ bà hoàn tất những công việc ấy không nhanh nhẹn như trước đây, bà vẫn không bỏ việc quét tuyết. Đôi khi tôi thử đoán xem tài sản thực của bà có thể là bao nhiêu, và tôi ngờ rằng ngoài hầm mộ, “con trai cậu em Józsi” có thể xây được ngôi nhà riêng cho cả

gia đình. Emerenc ban tặng cho chúng tôi có sự phân biệt: bà rất tôn trọng ông trung tá, Viola được bà dành cho trái tim, chồng tôi được bà phục vụ chu đáo - ông còn đánh giá rằng sự ứng xử có mức độ của Emerenc đã giữ gìn tính thích kết thân kiểu nhà quê của tôi trong những giới hạn thích hợp - tôi được bà giao cho nhiệm vụ phải thực hiện trong phút quyết định sẽ tới của đời bà. Trong nghệ thuật, bà để lại cho tôi sự đòi hỏi: đừng để máy móc, kỹ thuật làm rung cây cành, mà phải là đam mê thực sự. Điều này quá nhiều, đó cũng là di sản quan trọng nhất của Emerenc. Tuy nhiên tôi vẫn cảm thấy chưa đủ, tôi còn muốn thứ khác nữa, chẳng hạn đôi khi được ôm bà, như ôm mẹ tôi ngày xưa, nói với bà những chuyện không nói với ai khác, những điều mà mẹ tôi không hiểu bằng trí óc và hiểu biết, mà nhờ sự nhạy cảm của tình yêu thương. Nhưng Emerenc không cần đến tôi theo cách ấy, ít ra là tôi tưởng thế.

Bà đã mất từ lâu, cả ngôi nhà bà cũng không còn, khi có lần bà vợ ông thợ bách nghệ gục đầu vào cổ tôi; thấy tôi cầm bó hoa cắt trong vườn, bà biết tôi ra nghĩa địa. “Bà là người được Emerenc yêu quý nhất, coi như con gái,” bà vợ ông thợ bách nghệ nói. “Bà hãy hỏi bất kỳ ai trong khu này xem, Emerenc gọi bà là ‘con gái tôi’. Bà có biết, khi nào ngôi nghỉ chốc lát là Emerenc kể về ai không? Về bà đấy. Nhưng bà chỉ thấy Emerenc dụ dỗ và cấm đoán con chó, chứ không nhận ra rằng bà đã trở thành Viola của Emerenc.”

Emerenc có mặt trong cuộc đời chúng tôi chừng hai chục năm. Trong thời gian đó, nhiều lần chúng tôi ra nước ngoài hàng tuần, hàng tháng trời. Bà trông nom nhà cửa, nhận thư từ bưu phẩm, điện thoại, nhận tiền gửi đến. Bà không mang Viola sang nhà bà dù chỉ một giờ, kê cho nó rên rít lên, bà không muốn để căn nhà bỏ trống khi chúng tôi đi vắng. Sau

lần đi Hội chợ sách Frankfurt một tuần, chúng tôi mang về cho bà một chiếc vô tuyến nhỏ. Mặc dù từ lâu chúng tôi đã quen không thể tặng bà cái gì, lần này chúng tôi nghĩ sản phẩm khi đó chưa mua được ở trong nước ấy sẽ đem thế giới vào Cẩm Thành của bà, nó còn là của hiếm đến mức thế giới tình cảm kín đáo của bà sẽ phản ứng khác mọi lần: cả phở chỉ mình bà có vô tuyến màn hình nhỏ. Chúng tôi về trước dịp Giáng sinh, giống như dạo nhật được Viola. Dạo đó truyền hình chưa phát nhiều chương trình thuần túy tôn giáo, mà hay truyền các trò chơi dân gian, lúc nào cũng là một nhóm trẻ con mặc áo lông, đội mũ lông đang hát, nhưng sau giờ ăn tối sẽ đến một phim hay, tình cảm về Thế chiến II. Tôi tưởng tượng Emerenc, khi đó đã dọn bữa tối cho chúng tôi, sẽ hài lòng. Nhưng bà không tỏ ra dấu hiệu gì là vui mừng, bà chỉ nhìn tôi khó hiểu, như người muốn nói và có thể nói ra điều gì đó, nhưng không nói. Tôi rơi vào trạng thái phấn khích cao độ: đúng là bà đã nhận món quà. Bà cảm ơn, chúc chúng tôi một Giáng sinh hạnh phúc, rồi về. Giáng sinh năm ấy thật đẹp, giống như trên những chiếc bưu ảnh quang dầu thời tôi còn bé, ngoài trời những bông tuyết lớn, xôm xốp lượn vòng. Trong đời tôi, mùa đông là mùa tôi thích nhất, tôi đứng sau cửa sổ như bị mê hoặc, tim tràn đầy không khí Giáng sinh của căn phòng, tôi nhìn ra ngoài trời và trong những ý nghĩ ngày lễ có cả Emerenc, chủ nhân hãnh diện của chiếc vô tuyến, giờ đang ngồi trong phòng bà đón Giáng sinh.

Tôi nghĩ, tất cả những gì xảy ra sau đó đều do những gì đã diễn ra tối hôm ấy. Như thể ông Trời ném trả vào mặt chúng tôi chiếc vô tuyến, hay như thể Chúa của Emerenc - người mà đúng là bà luôn xúc phạm và chối bỏ, nhưng có mặt ở mỗi bước chân bà và dõi theo bà từ phía sau - đã chuyển động, và cho

tôi một cơ hội cuối cùng nữa để tôi có thể thấy, chứ không chỉ nhìn. Chúng tôi đứng bên cửa sổ, phía trên ngọn đèn đường mà ánh sáng của nó tràn vào ngay cả trong bao tuyết dữ dội nhất. Chúng tôi nhìn mùa đông trong vũ điệu của những bông tuyết, và bỗng nhiên Emerenc bơi vào bức tranh đường phố. Bà đang quét. Khăn, vai, cả tấm lưng bà phủ một lớp tuyết trắng dày. Bà quét đường đúng đêm Giáng sinh, vì không thể để hè phố ngập tuyết.

Máu dồn lên mặt tôi, nhìn từ trên xuống Emerenc như một người đàn ông trong phim *Phù thủy xứ Oz*. Lạy Chúa lòng lành vừa được sinh ra, tôi đã đem cho người đàn bà già món quà gì vậy? Bà có thể ngồi yên ở nhà bao nhiêu lần, khi công việc cứ cuốn bà đi từ sáng đến tối? Vì thế mà bà nhìn chúng tôi với ánh mắt lạ lùng, như đau đớn nếu thế giới tình cảm của Emerenc không được dẹt từ những sợi nhay bén hơn, tinh tế hơn của tôi, thì bà đã không nhận chiếc vô tuyến, hay bà sẽ hỏi thỉnh thoảng chúng tôi có quét tuyết thay bà hay không, hay trông giúp bà cái bếp giặt, vì đến lúc cuối cùng khi bà có thể ngã mình trên chiếc ghế tựa đôi thì Budapest đã ngừng phát chương trình. Hai vợ chồng tôi không cả dám nói với nhau nữa, chồng tôi cũng nhận ra như tôi. Hở thẹn không dám nhìn ra nữa, chúng tôi quay lưng lại. Viola cào cào vào cửa ban công, nhưng tôi không cho nó ra. Hai chúng tôi im lặng, biết nói gì, lúc này không phải nói, mà phải làm gì đó, nhưng chúng tôi quay vào ngồi xuống trước vô tuyến. Và đến nay tôi vẫn chưa tha thứ nổi cho mình, rằng tôi đã đi tới nhận biết lẽ ra phải làm gì, nhưng tôi đã chỉ dừng lại ở ý nghĩ. Bao giờ tôi cũng biết lý sự, tôi cũng không ngại công nhận nếu mình sai lầm, chỉ có điều duy nhất tôi không nghĩ tới: so với bà, tôi còn trẻ hơn nhiều, tôi khỏe mạnh, thế mà tôi không xuống quét tuyết,

tôi không bắt bà vào phòng, để bà xem chương trình. Tôi có thể cầm được chổi, tôi đã nhảy nhót với nó bao nhiêu lần ở quê, tôi đã giữ cho ngôi nhà sạch sẽ thời tôi còn là một cô bé. Nhưng tôi không xuống, tôi vẫn ngồi nguyên một chỗ. Tối nay là Giáng sinh, tôi cũng muốn thay đổi sở thích từ những phim mặn mòi, cay đắng thường ngày sang ngọt ngào, yêu đương, u sầu sau bao nhiêu tác phẩm hiện sinh và quái đản.

HÀNH ĐỘNG

Đúng, tôi nghĩ sự suy sụp bắt đầu từ đó. Khoảng cuối tháng Hai, Emerenc bị nhiễm cúm bởi một loại virus đã hoành hành từ mùa thu. Tất nhiên bà không chú ý đến nó. Năm ấy mùa đông khắc nghiệt khác thường, bà phải dùng hết sức lực để giữ cho đường phố sạch sẽ, tuy đã ho khù khụ, mọi người đều nghe tiếng. Sutú và Adélka chạy đi chạy lại mang cho bà rượu vang đun nóng với gia vị giả làm trà. Emerenc dốc thứ rượu ngọt qua cổ họng, thỉnh thoảng bà dừng lại, tựa vào cây chổi, ho kéo dài. Adélka lo lắng cho Emerenc đến khi chính bà ta lẫn ra ốm, phải đưa đi viện. Emerenc thở phào nhẹ nhõm khi không thấy Adélka xuất hiện, Sutú giúp bà kín đáo hơn. Adélka to mồm, nói chẳng lúc nào ngớt; điều khiến Emerenc khó chịu là cả phố thăm thì với nhau: bà già đã mấy ngày không ngã lưng, vì những trận tuyết khốn khiếp cứ liên tục rơi, bà phải quét hết nhà này đến nhà khác rồi lại bắt đầu từ một nhà nào đó, mà người thì ốm. Một người bạn học trước đây đã nói với tôi về Emerenc, có lần gọi bảo tôi thuyết phục bà già hãy đi bác sĩ, chủ yếu bà phải nằm nghỉ, và thôi đừng quét tuyết nữa, kéo là nguy đấy. Chị ta nghe tiếng ho, theo chị ta không phải là bệnh cúm hành hạ bà nữa, mà là viêm phổi.

Emerenc thở dốc khi tôi nắm cánh tay bảo bà dừng lại và chú ý nghe tôi nói. Bà hét lên, hãy để yên, đừng làm bà khó chịu, nếu tôi muốn giúp bà, thì hãy tự phục vụ, hãy quét dọn, nấu nướng lấy khi tuyết còn rơi, bà không thể rời khỏi đường

phổ, càng không muốn nghỉ, thật là một ý tưởng ngu ngốc, lại bảo bà phải đi nằm, mà tôi biết đấy, giường bà còn chẳng có. Mà đi nằm để làm gì, khi bất cứ lúc nào người ta cũng có thể gọi, người thuê nhà có chìa khóa, nhưng nhà chức trách có thể đến, hay người lạ đến bất chợt. Ban đêm, đối với bà, ngồi vẫn tốt hơn, vì như thế cái lưng đỡ đau. Làm ơn đừng lo cho bà, vì bà đã ngán rồi, việc bà có đi nằm hay không, hay bà làm gì chẳng liên quan đến ai. Bà cũng có bao giờ hỏi một người đã già như tôi thì việc gì phải cho lắm thứ mỹ phẩm vào bốn tấm thế. Bạn học của tôi, cả bác sĩ nữa cứ đi mà nằm, đứa khốn nạn nào muốn dạy bảo bà thì cứ nằm, đừng có bao giờ dậy nữa.

Mặt Emerenc đỏ gay vì tức giận và vì cơn sốt, bà đưa nhát chổi quét tiếp còn mạnh mẽ hơn, như thể bà có việc riêng với tuyết, chỉ bà mới có thể giải quyết được. Sutru và vợ ông thợ bách nghệ sẽ đưa thức ăn cho bà, bà nói với theo tôi, sẽ đủ thức ăn cho mọi người, tôi đừng lo, bà không thích người khác rình rập. Nghĩ lại, đến giờ chưa khi nào bà lên cơn thần kinh, nhưng nếu bây giờ chúng tôi quấy rối bà nhiều, bà sẽ thử xem nó thế nào. Tiếng bà chìm trong một cơn ho, rồi bà quay đi. Bà không giữ Viola lại bên mình, bà bảo không có thời gian để chạy với nó, đứng một chỗ thì chó không thích, tôi hãy đem nó về nhà cho ấm, kéo cả nó cũng cảm lạnh.

Đối với chúng tôi, đó cũng là một năm đặc biệt. Trong thời gian sau cái mùa Giáng sinh tặng bà chiếc vô tuyến ấy, cuộc sống của tôi cũng bắt đầu mở ra. Ngay sau năm mới, như có một bàn tay vô hình nào đó xoay cái khóa van bí ẩn mà từ đó điều tốt lành và tối tệ trong đời con người ta chảy ra, và cái van khóa ấy lúc đóng lúc mở. Khi đó là lúc nó đang chảy. Không ngoạn mục, nhưng cảm nhận được. Trong đời tôi, chưa khi nào có nhiều việc cần giải quyết và cần làm như lúc đó, và gần

như đến tận cùng tôi cũng không hiểu được nguyên nhân của nó. Đã bao nhiêu năm nay, người ta loại chúng tôi ra khỏi một vòng tròn vô hình, nhưng có thể cảm nhận được, đến nỗi tôi khó chấp nhận nổi một quyết định khác đã được đưa ra ở đầu đó; cái thanh chắn luôn luôn chắn ngang nay đang được nâng lên; cái cánh cổng mà gần đây chúng tôi không đến gõ nữa, tự nó mở ra và nếu muốn tôi có thể bước vào. Ban đầu tôi chẳng muốn thử giải nghĩa các tín hiệu nữa, Emerenc vẫn quét, vẫn ho, tôi đi mua bán, nấu ăn, sắp dọn nhà cửa, cho con chó ăn và dắt nó đi dạo, và ngẫm nghĩ xem cơ quan này hay tổ chức kia sao bỗng nhiên lại tỏ ra cần tôi đến thế. Giá như Emerenc yêu cầu dấu sao cũng phải nói chuyện với một bác sĩ nào đó, nhưng tôi vừa nói đến, bà đã quát lên, hãy tránh xa bà, mọi người đều có quyền ho. Chùng nào tuyết còn rơi, thì việc của bà là ở ngoài đường, tôi cứ tự lo việc nhà tôi là đủ, chùng nào bà chưa nhận lại việc. Đừng có làm bà điên tiết lên với chuyện bác sĩ hay thuốc men gì hết, vô ích.

Tôi chạy loanh quanh hết việc này việc nọ như một con bọ cánh cứng bị săn đuổi, bên cạnh tôi không có bàn tay dàn xếp mọi việc của Emerenc. Mọi ban biên tập cùng một lúc đánh tiếng, các nhà nhiếp ảnh gọi điện xin chụp ảnh. Khi đó tôi đã đoán biết có chuyện gì đó hồi hộp sắp xảy ra, nếu họ muốn hành tôi thì sự âm ỉ đã khác. Người ta cũng không hay viết những bài phê bình khen ngợi như thế về tôi, chưa bao giờ thế giới quan tâm tới tôi như bây giờ. Lúc nào tôi cũng phải tới một nơi nào đó, nhà báo gọi điện, đài phát thanh, truyền hình tìm, cứ loạn hết cả lên. Thậm chí khi các đồng nghiệp bắt đầu bóng gió, tôi vẫn chưa hiểu, nhưng một buổi sáng, sau một cú điện thoại đến từ một nơi quan trọng, cuối cùng chống tôi cũng nói. Chẳng khi nào cả trước đó, cả sau này, trừ mấy giờ

sau đám cưới của chúng tôi, tôi thấy thứ ánh sáng ấy trên mặt ông, như lúc đó. Cái giải thưởng⁽¹⁾. Dĩ nhiên là cái giải thưởng. Ngay từ giữa tháng Ba, các tín hiệu, nhất là lần cuối cùng, cú điện thoại thân thiện, thực chất nói về chuyện hoàn toàn khác cũng không thể có ý nghĩa khác, rồi cả cái quyết định cũng đến. Tôi hãy mừng, hãy mừng, vì cuộc đấu tranh và sự phản kháng kéo dài hàng thập kỷ lúc này đã kết thúc. Hãy mừng đi!

Tôi chỉ cảm thấy mệt mỏi. Không hề có sự chuyển tiếp, cuộc sống của tôi đã trở nên công khai, sự xuất hiện gần như thường xuyên trước công chúng khiến tôi mệt mỏi. Hơn nữa trật tự trong gia đình tôi bị phá vỡ: thiếu Emerenc. Sự tồn tại như đánh đu - xét cho cùng làm tôi thấy hạnh phúc, dung đưa tôi trong ánh đèn sân khấu mỗi ngày một rực rỡ hơn - thật khó hài hòa với việc cho Viola ăn, đốt lò sưởi, nấu nướng, mua bán, quét dọn, giặt giũ. Cuối cùng thì Adélka đã ra viện, chúng tôi hy vọng, cùng với Sutú, Adélka sẽ nhận gánh vác việc quét đường thay Emerenc. Đầu tiên họ đã bị từ chối theo cách thô bạo nhất. Emerenc hét lên, to hết mức cái cổ họng đau của bà cho phép, rằng hãy biến cho khuất mắt bà, nhưng về sau bà bỗng im lặng, thậm chí bà biến mất khỏi đường phố. Sutú đóng cửa quầy hàng, nay đã chuyển sang bán khoai tây rán và hạt dẻ nướng, để ra ngoài tấm biển ghi đóng cửa vì ốm, và nhận chiếc chổi bó bằng cành bạch dương, quét đường với Adélka. Sau một buổi sáng thì hóa ra hai người làm không bằng nửa công việc Emerenc hoàn thành lúc bà còn khỏe. Bà già trốn biệt chúng tôi, khi ngài Brodarics đến tìm và hỏi xem bà có cần gì không, bà gào lên từ trong cửa: hãy để bà yên, đừng ai đến

1. Ở đây tác giả nói đến Giải thưởng Kossuth, giải thưởng quan trọng nhất về khoa học, văn học và nghệ thuật của Hungary, mà bà được trao năm 1978.

thăm nom, bà không cho một ai vào hết, cũng đừng đem thuốc men gì đến, vì bà không uống, cả bác sĩ cũng không, bà chỉ cần nghỉ ngơi, ngủ đầy giấc là bà sẽ khỏe. Bà không cần Viola, nó nhảy nhót quấy rầy bà, tôi thì đừng nghĩ đến chuyện sang thăm bà, vì bà không muốn nhìn thấy tôi, cũng không muốn nghe tôi. Không một ai hết, chúng tôi hãy hiểu điều đó. Kể cả tôi.

Vắng Emerenc. Đường phố thiếu bà như không có thực, hoang vu như sa mạc. Điều tôi cảm thấy khi ý thức được tin bà đóng kín cửa trong nhà, không tiếp xúc với ai kể cả tôi, không phải là sự thương hại, cũng không phải nỗi sợ hãi, mà đơn giản là nỗi giận dữ bất lực. Bà không muốn nhìn thấy tôi? Cả tôi cũng đừng quấy rầy bà? Ôi, bà mới tệ nhì làm sao chứ! Đúng lúc đời tôi đang rối tung rối mù lên, đúng lúc người ta gọi tôi từng phút, thay vì tình hình được cải thiện nó chỉ tồi tệ hơn. Mọi thứ dồn lên đầu tôi, chồng tôi bị cấm không được ra ngoài trời lạnh, con chó suốt ngày rên ư ử, tôi phải giữ cho nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng ngăn nắp, vì nhà thường xuyên có khách. Tôi làm vào lúc nào, đó là điều bí ẩn, trong khi điện thoại liên tục réo, tôi bị báo chí bủa vây.

Hễ bước ra ngoài là tôi nhìn thấy con phố náo động. Sutur và Adélka quét đường, trong khi vừa trò chuyện, những người hàng xóm - đã học được từ bà già cách con người tử tế cư xử trong trường hợp người khác bị ốm như thế nào - giẫm trên tuyết mang đến trước hiên nhà Emerenc nào âu, nào liến, nào cặp lông thú ăn. Tôi không mang cho bà thứ gì hết, đến bữa ăn tôi mở hai đồ hộp, cho hai chúng tôi và con chó, không thể mời người ốm thứ đó. Những người khác đã làm hết bốn phần của họ, không ai trượt kỳ sát hạch này, chỉ mình tôi. Hằng ngày tôi sang đứng trước cửa nhà bà nhiều lần, tôi gọi bà, hỏi có thể giúp gì bà, và việc chăm sóc người ốm của tôi cũng dừng lại ở

đó, bà già không cần đến tôi, dù chỉ một giây. Trong khi hỏi bà có muốn gì không, thì tôi run lên, cầu cho bà đừng đòi hỏi gì, những gì đang đè nặng trên vai tôi đã không chịu nổi, nói gì thêm việc khác nữa. Tuyết rơi nhiều cản trở việc vận chuyển, mỗi ngày tôi phải chạy bốn, năm lần xuống cửa hiệu, vì hàng chưa về đúng lúc, tôi kéo Viola đi, không tìm thấy những thứ đơn giản nhất. Trong bếp mọi thứ gần như đã hết, phải mua đồ mới bổ sung nguồn dự trữ, tôi đi như trượt về nhà, tay đẩy túi xách, mà chẳng lúc nào xong việc. Trong khi thợ ảnh làm việc ở nhà chúng tôi, chưa bao giờ nom tôi phờ phạc, xấu xí và mệt rã rời như trong những tấm ảnh trước ngày nhận giải.

Emerenc không mở cửa, không lộ mặt ra. Tiếng gõ cửa làm bà bực bõ, bà yêu cầu đừng ai quấy rầy bà. Giọng bà thay đổi, nghe không được khỏe, không tắc nghẹn, mà là lạ, khàn khàn. Bà vẫn không cho bác sĩ vào, tôi là người biết rõ nhất, vì sao. Thức ăn mọi người đem đến để trên chiếc ghế băng, lúc đầu hình như bà còn lấy vào, vì tôi thấy bà để nổi niêu, âu bát đã rửa sạch ra ngoài. Tôi thật sự hốt hoảng khi thấy bà không ra lấy thức ăn nữa, những thứ đồ ăn nằm nguyên bên nhau trên ghế. Hỏi thì bà bảo bà không muốn ăn, vớt lại trong tủ đá của bà cũng vậy. Bà nói phều phào và đứt đoạn, tôi nghĩ bà dùng quá nhiều rượu để tự điều trị. Tôi biết bà nói dối, tôi đã nhìn thấy cái tủ đá, nó không chạy bằng điện, đá thì từ lâu không thấy ai bán ngoài phố. Giống như trong khoảnh khắc Giáng sinh, lúc bà quét tuyết, tôi lại chỉ ghi nhận được một phần điều tôi hiểu. Tôi biết bà nói dối, nhưng tôi không nghĩ kỹ xem bà và lũ mèo sống bằng gì. Có lẽ bà còn đồ ăn dự trữ từ trước, tôi hy vọng, vì lúc đầu người ta đem đến rất nhiều, có thể các nồi của bà đều đầy; ở khoảng giữa các tấm kính cửa sổ lạnh, thức ăn thừa không hư. Tôi không suy nghĩ về chuyện đó

nữa, lúc nào cũng có việc phải đi, người ta tìm tôi. Hằng ngày tôi vẫn đến trước cửa nhà bà, tôi để nghị, tôi có thể mời cả ông giáo sư hàng xóm đến, nhưng tôi biết trước bà sẽ từ chối, và tôi thấy vui khi bà đã làm thế, vì đơn giản là tôi không thể làm gì hơn nữa. Cũng may là đầu óc tôi còn tỉnh táo, tôi cố liên hệ với ông trung tá, ít nhất để ông biết Emerenc đang ốm. Ông không có mặt ở cơ quan công an, ông đi nghỉ ở đâu đó, người ta không được phép nói tên nhà nghỉ. Tôi báo cho “con trai cậu em Józsi”, anh ta đã đến, nhưng dĩ nhiên anh ta cũng không được vào. Anh ta để lại trước cửa cho bà chanh, cam và một nồi bắp cải nhồi thịt.

Cuối cùng, một buổi tối ngài Brodarics đến nhà chúng tôi. Ông hỏi, chúng tôi đã tính xem bà già không ra ngoài từ khi nào chưa, vì đã là cuối tháng Ba, nếu ông tính toán đúng thì đã hai tuần nay cánh cửa không mở. Dân sống trong khu nhà lo lắng, nếu không gọi bác sĩ đến giúp đỡ, dù bà không muốn thế, nhờ có chuyện chẳng lành xảy ra. Ngài Brodarics nhắc nhở, như tôi biết, từ hiên nhà Emerenc có một cửa mở vào một phòng kiểu như phòng tắm, cái phòng riêng tư lúc nào cũng khóa kín, nhưng dạo này cái phòng ấy bà cũng không sử dụng. Tuyệt thổi vào hiên, từ cửa không thấy những dấu chân đi ra trên tuyết, chỉ thấy những dấu chân của người đem thức ăn vào đến gần cửa. Emerenc làm gì nếu phải giải quyết việc tự nhiên nào đó? Từ phía sau cửa bếp tỏa ra mùi rất nặng. Ông có những dự cảm xấu, không thể chấp nhận để bà đóng cửa ở lì bên trong mãi như thế. Cần phải xử lý, nếu không thì bà già chết mất. Nếu bà vẫn không cho hàng xóm, không cho bác sĩ vào, họ sẽ phá cửa. Bác sĩ khu vực đã thử tìm cách vào, Adélka đã đưa ông ta đến vào buổi sáng sớm hôm nay, nhưng bà đã đuổi ông ta. Theo Adélka thì bà già nói gần như không

ra tiếng, chỉ là pháo phản đối sự phiền nhiễu. Tôi hãy tham gia vào việc cứu bà, hơn nữa phải làm ngay, đây không phải là châu Phi đen, không thể để con người đáng thương ấy tự hủy hoại mình. Ngoài tôi ra, chưa một ai có thể bước vào đó mà không được sự cho phép của Emerenc, nhưng tôi bà cũng không chịu, chỉ một lần duy nhất, và nếu bà biết chúng tôi chuẩn bị phá cửa, những việc không thể lường được sẽ xảy ra. Tôi hoảng đến mức cuối cùng tôi nhận ra cách giải quyết khả dĩ, tôi bảo ngài Brodarics hãy chờ đến hôm sau, một mình tôi phải nói chuyện tay đôi với Emerenc, rồi tôi sẽ thông báo cho các vị, việc tôi dự định có thành hay không, nếu không, chúng ta sẽ bàn tiếp. Buổi chiều tôi lao sang nhà bà, hét vào qua khe hẹp. Tôi hứa với bà sẽ để nguyên mọi thứ mà vì chúng bà không muốn mở cửa, sẽ không một ai vào trong nhà, mình tôi sẽ qua lại và xử lý mọi việc cần thiết, còn bà thì hãy ra ngoài, nếu bà không muốn vào bệnh viện, thì sang bên nhà tôi, ở trong phòng của mẹ tôi với Viola. Bác sĩ đã đợi bà, rồi bà sẽ thấy, bà sẽ khỏe sau khi thuốc thang.

Giọng bà khỏe lên, bà phần nộ vì ý tưởng đó, với tôi bà nói thẳng, bà quát lên bảo nếu không để bà yên, khi nào khỏe bà sẽ tố giác chúng tôi vì tôi quấy rối nhà riêng: chúng tôi đều là lũ trơ tráo, dề tiện, thóc mách, bà có quyền nghỉ ốm cho đến khi khỏi bệnh, và bà nằm hay ngồi hay đứng ở chỗ nào bà muốn, tôi đừng có bén mảng vào nhà bà, và mọi kẻ đều cáng khác cũng không, đứa nào cố vào, hãy nhớ là bà có rìu, bà sẽ giết. Bà đuổi tôi, tôi hốt hoảng ra về. Buổi tối ngài Brodarics và ông thợ bách nghệ đến, cả “con trai cậu em Józsi”. Họ quyết định sẽ phá cửa, bác sĩ sẽ đợi ở ngoài. “Con trai cậu em Józsi” sẽ không đưa bà về nhà vì anh ta sợ bệnh của bà lây sang cho con anh, nhưng anh sẽ giúp đưa bà lên cầu thang nhà tôi. Tôi phải

làm sao để bà hé cửa ra một chút, chỉ cần bà xoay chìa khóa trong ổ, là mọi việc sẽ xong.

Chúng tôi không phản đối câu nào, mặc dù chúng tôi dự định làm mọi việc mà không bàn với ông. Ông chỉ không hiểu sao tôi lại lo lắng đến mức ấy, nếu người ta phá cửa nhà Emerenc và sau đó đóng đinh bịt kín lại, việc bà già không muốn mở cửa thì có gì mới? Emerenc chưa khi nào hoàn toàn bình thường, có gì phải ngạc nhiên khi bà cố chấp, bướng bỉnh và lui về ẩn dật như Achilles⁽¹⁾? Chúng tôi phải cứu bà dù trái với ý muốn của bà. Tôi cứ đưa bà về nhà, nếu bà chịu, tuy ông không thích có người lạ ở trong nhà, nhưng đã đến nước này thì điều đó không quan trọng. Bà già cần được chăm sóc, ở nơi ấm áp, ai bỏ mặc bà cho số phận định đoạt, người ấy sẽ bị lương tâm cắn rứt. Đây là một tình huống không thể khác, còn nỗi lo lắng, hoảng hốt của tôi thì vô lý và có thể vượt qua. Tôi quý mến bà, thì tại sao lại sợ ý nghĩ đưa bà về nhà mình một thời gian, việc gì phải khóc. Tôi không trả lời ông, cũng không thể trả lời. Chỉ một mình tôi biết đến Cấm Thành của Emerenc.

Chúng tôi thỏa thuận với ngài Brodarics và ông bác sĩ rằng cứ để bà ở đêm cuối cùng này ở nhà, ngày mai, sau giờ khám bệnh chúng tôi sẽ hành động. Một đêm nặng nề, thời gian trôi đi chậm chạp, thực ra tôi vẫn còn phân vân, nhưng rồi tôi cả quyết: tôi không thể làm gì khác, nếu không được bác sĩ cứu chữa, bà sẽ chết, tôi chỉ có thể cứu bà, nếu tôi phản bội bà. Emerenc là con người bằng thép, có lẽ chưa muộn, nếu

1. Achilles: nhân vật trung tâm và là chiến binh vĩ đại nhất của sử thi *Iliad*, con trai của nữ thần biển Thetis. Cuộc chiến thành Troia nổ ra, có lời tiên tri quân Hy Lạp sẽ không chiếm được thành Troia nếu không có Achilles. Do đó Agamemnon sai Odysseus tìm Achilles. Nữ thần Thetis biết cuộc chiến nổ ra nên giấu con trai lên một quốc đảo và bắt chàng giả làm thị nữ.

tôi hành động khéo léo, có khi còn giữ được bí mật của bà, chỉ có điều việc đó đòi hỏi thêm nhiều việc quá sức người, một chuỗi dối trá được bố trí khéo, và nhiều năng lượng. Lúc sáng sớm tôi sang nhà bà, gõ cửa, bảo bà chỉ cần buổi chiều bà bước ra ngoài cửa trong chốc lát, để người trong khu này yên tâm; thật chẳng khôn ngoan gì nếu để không một ai nhìn thấy bà, chẳng ai chấp nhận mình bị coi là kẻ thờ ơ, vì bà cũng biết đấy, họ quý bà đến mức nào. Kế hoạch của tôi là, nếu tôi dụ được bà mở cửa, chỉ cần hé ra một chút, ông bác sĩ từ phía sau tôi sẽ túm cánh tay bà lôi ra, và với sự trợ giúp của ông thợ bách nghệ, ngài Brodarics, “con trai cậu em Józsi” cùng với tôi, chúng tôi sẽ đưa bà sang nhà tôi. Bà đáp bà cũng đang định nhắn tôi, thì ra bà không ra ngoài cửa, nhưng tôi có thể lại gần, với một chiếc hộp to và dài. Một con mèo già của bà đã chết, con đã thiến, tôi hãy chôn nó. Không cần bác sĩ, không ai được đến gần nhà bà, nếu họ không tin bà vẫn sống thì họ hãy tự treo cổ mình lên, rồi họ sẽ tin. Nếu bà đưa ra cho tôi thứ gì đó, hãy nói là bà đưa quần áo bẩn để tôi mang đi. Tôi gần như không hiểu tiếng nói thầm thì đứt đoạn của bà, nhưng khi hiểu ra tôi cảm thấy như mình phát điên lên. Trong đời tôi chưa bao giờ giữ cái hộp nào, bây giờ tôi lấy đầu ra một chiếc quan tài mèo, và hơn nữa giữa lúc công việc ngập đến cổ này tôi biết làm gì với xác một con mèo?

Tất nhiên là tôi đã hứa với bà, về nhà tôi đã tìm ra trong ngăn hầm một chiếc hòm đã thải loại, đến cuối tôi còn thấy vui vui, vì con mèo chết mà nhiệm vụ sẽ dễ dàng hơn. Muốn đưa cái xác mèo ra, Emerenc phải mở cửa, ông bác sĩ sẽ tóm được bà và đưa bà đi. Giá như mọi việc dừng xảy ra cùng một lúc: ông bác sĩ chỉ rảnh ít phút trước khi tôi phải đến đài truyền hình vì một cuộc phỏng vấn. Bốn giờ tôi phải có mặt, bốn giờ

kém mười lăm xe sẽ đến đón tôi, ông bác sĩ không thể về trước đó được một phút, nhưng đúng bốn giờ kém mười lăm ông sẽ đứng trước cửa nhà Emerenc. Tôi đánh tiếng, Emerenc mở cửa, tôi đưa cái hộp vào, tôi nhận xác con mèo, đúng lúc ấy ông bác sĩ sẽ nhảy vào, cùng với “con trai cậu em Józsi”, ngài Brodarics và ông thợ bách nghệ, kéo bà ra qua khe cửa, cánh đàn ông sẽ đưa bà sang nhà tôi, còn tôi có thể đến đài truyền hình. Tôi tái đại vì căng thẳng, nhai thuốc an thần như nhai kẹo, dù buổi sáng mọi thứ có vẻ đơn giản, tôi còn cảm thấy hổ thẹn vì không nghĩ ra cách giải quyết thực tế này sớm hơn.

Tôi thay ga giường trong phòng mẹ tôi và nhóm lò sưởi. Thịnh thoảng có cánh nhà báo tới, họ ngạc nhiên vì căn phòng không sưởi suốt mùa đông được dọn sạch sẽ vào hôm ấy. Viola sửa liên tục. Giờ tôi đã biết vì sao tôi không tính đến khả năng thất bại, trong đời tôi lần đầu tiên tôi tắm trong ánh hào quang rực rỡ, trước hết tôi bận tâm với ánh lửa của nó, mọi việc khác chỉ lướt qua trong ý thức tôi. Thật ra không một người bình thường nào nghi ngờ rằng ý tưởng của tôi không thực hiện được. Emerenc quý mến chúng tôi, phòng mẹ tôi chúng tôi không sử dụng, Viola sẽ rất sung sướng. Ngay cả trong những phút nghi ngại nhất của mình, Emerenc cũng hiểu rõ tôi tới mức bà biết rằng nếu tôi đã hứa không cho một ai khác vào căn hộ đóng kín của bà, và nhận chăm sóc lũ mèo, thì tôi sẽ giữ lời. Thực ra, chỉ có một khoảnh khắc làm tôi hoảng sợ, khi bà vỡ lẽ ra rằng ngoài khe cửa không chỉ có một mình tôi, người duy nhất trên thế gian này bà mở cửa cho khi nghe tiếng gọi, mà còn có người khác nữa, kẻ thù truyền kiếp của bà, ông bác sĩ. Điều này khiến tôi lo sợ còn hơn cả cuộc phỏng vấn buổi chiều ở đài truyền hình, mặc dù tôi hồi hộp vì ý nghĩ mình sẽ được ngồi trước ống kính máy quay, đến nỗi vã cả mồ hôi lạnh.

Tôi hẹn với ông bác sĩ chúng tôi sẽ gặp nhau trước hiên nhà Emerenc, tôi còn kịp dọn bữa ăn trưa. Ngày hôm ấy Viola không bình thường, trước hết vì nó không ngừng rít lên, sau đó nó im lặng. Nó được đưa đi dạo, nhưng nó đòi về ngay, khi có người bấm chuông, nó cũng không phản ứng, không cả ngẩng đầu lên, dù nó không ngủ, cứ mở mắt nhìn. Lẽ ra tôi phải hiểu sự ủ rũ của nó, nhưng tôi không phải là Emerenc, tôi cũng không hiểu tại sao nó trở nên dữ tợn và găm gù, khi nó thấy tôi ra khỏi nhà mà không cho nó đi.

Tôi đem chiếc quan tài mèo, lúng túng giải thích với những người tham gia chiến dịch này, chiếc hòm để đựng đồ của Emerenc mang sang nhà tôi. “Con trai cậu em Józsi” đã đến, cùng lúc với chiếc xe của truyền hình. Người lái xe chuyển lời nhắn, họ xin lỗi đã đến sớm hơn, phòng hóa trang đang chờ, rồi phải trao đổi trước các việc với đạo diễn, rất tiếc là họ tính toán nhầm giờ, bây giờ phải đi ngay, mời tôi lên xe. Tôi bảo không thể đi ngay, tôi có việc không thể trì hoãn được, sẽ nhanh thôi. Người lái xe cho năm phút, trên lý thuyết có lẽ cũng đủ, vì tất cả chỉ là: tôi chạy qua nhà Emerenc, lấy chiếc hộp đựng xác con mèo ra, những người khác kéo bà ra, đưa bà sang nhà tôi, trong khi họ thỏa thuận với bà, tôi đóng cửa, quay về nhà tôi đưa chìa khóa cho Emerenc, trấn an bà tất cả sẽ ổn, không một ai vào nhà bà hết, sau buổi phát hình tôi sẽ về ngồi bên bà, thuyết phục bà là mọi việc sẽ ổn, chúng tôi ở với nhau hòa thuận, tôi sẽ chăm sóc lũ mèo cẩn thận, chừng nào bà còn ốm.

Thuyết phục Emerenc! Tôi nghĩ gì thế? Rõ ràng đầu óc tôi đã mụ mị, tôi tưởng tượng ra điều tôi muốn. Giữa bao nhiêu việc thực tế phải làm tôi cố tưởng tượng ra những câu hỏi sẽ chờ đợi tôi trong studio của đài truyền hình. Khi

khoảnh khắc ấy đến, tôi chạy qua nhà Emerenc, đúng ba giờ bốn năm phút. Người tài xế chỉ chiếc đồng hồ trên tay trái, và xòe năm ngón tay phải. Được rồi, vì tôi đã hứa. Năm phút, không hơn.

Cuối tháng Ba, trời lạnh, nhưng trong không khí có mùi thơm, vườn nhà Emerenc có nhiều hoa violet, cỏ dưới cửa sổ màu tím. Ông bác sĩ đứng rình với ngài Brodarics, ông thợ bách nghệ và “con trai cậu em Józsi”. Tôi đã nhắc họ từ trước, đừng động dậy trước khi tôi nhận cái gói từ tay Emerenc. Cả phố đã biết chúng tôi chuẩn bị làm gì, không chỉ những người có phận sự. Giống như trên bức họa của Brueghel⁽¹⁾, người ta tụ họp thành từng nhóm đủ màu sắc, mọi người quen biết nhau cả, và hài lòng với cách giải quyết cuối cùng đã nghĩ ra. Ông thợ bách nghệ cảnh báo, hôm qua mùi đã rất sợ, hôm nay còn nặng và khó ngửi hơn. Nếu như ông không biết điều đó không thể xảy ra thì ông đã nghĩ là mùi xác thối, ông thấy mùi này hồi sau khi thành phố bị phong tỏa.

Tôi yêu cầu mọi người tránh sang bên, chỉ mình tôi ở lại trước cửa. Khi đó cả những người đứng xem cũng lùi lại, dù họ phải trả giá đắt để nhìn thấy chúng tôi cứu Emerenc. Khi ngoài hiên đã vắng, và ông bác sĩ đứng chờ lệnh sau góc tường nhô ra, tôi gõ cửa. Emerenc yêu cầu tôi đừng vào, chỉ đưa cho bà chiếc hộp, tôi cứ đứng yên đợi ở ngoài. Người từ truyền hình đến bấm còi trước cửa nhà tôi. Tôi không trả lời, chăm chú nhìn cánh cửa chuyển động và bàn tay Emerenc thò ra, không thấy mặt bà. Chắc bà không bật đèn trong nhà,

1. Pieter Brueghel (1525-1569): họa sĩ nổi tiếng người Flanders, sinh tại Habsburg Hà Lan (nay thuộc Bỉ). Ở đây nói đến bức *Thành ngữ* của ông, mô tả một góc thị trấn có từng tốp người làm những việc khác nhau.

hay vừa tắt điện, vì sau khe cửa tối thui. Cái mùi ủa ra khiến tôi đưa tay lên bịt mũi, nhưng tôi cứ đứng đó, người hướng về phía trước như những con chó trong khi đi săn. Đúng là cái mùi sau đợt phong tỏa bốc ra từ căn hộ, mùi phân người và súc vật, nhưng ai để ý đến những tình tiết ấy. Tôi đưa cái hòm vào. Người nhà dài lại bấm còi. Emerenc kéo cửa lại, tôi nghe bên trong có tiếng bật công tắc điện. Ông bác sĩ ngó ra từ sau góc nhà, tôi ra hiệu cứ đứng nguyên đó. Lại có tiếng còi xe, Emerenc không đưa cái hòm ra mà đưa cái xác mèo, phủ một chiếc áo khoác nhỏ cũ nát. Chiếc hộp hóa ra không đủ lớn, cái xác mèo dãn dài ra không đặt vừa vào hộp, tôi phải ôm trên cánh tay như ôm một đứa bé bị giết.

Bà định đóng ngay cửa lại, nhưng lúc đó ông bác sĩ đã đặt chân vào khe cửa, “con trai cậu em Józsi” cũng tiến ra. Họ đã vào trong nhà hay đã cùng ông thợ bách nghệ kéo Emerenc ra ngoài, như chúng tôi đã bàn bạc, tôi không biết nữa. Tôi ôm xác con mèo chạy về nhà mình, giữa đám nhân vật của Brueghel, tôi thấy buồn nôn, liền ném cái xác mèo vào thùng rác. Còi xe giục liên hồi, như người mất trí tôi lao lên nhà, tôi cảm thấy nếu không xả nước nóng rửa tay ngay, thì đến studio tôi cũng không thể thốt ra được lời nào, họ có hỏi cũng vô ích. Sao mọi việc lại diễn ra rồi tung rồi mù, chẳng đâu ra đâu thế này? Lúc đó Emerenc đang được đưa về nhà tôi, rõ ràng bà cưỡng lại, họ lôi kéo bà, lẽ ra tôi phải có mặt bên cạnh bà, nhưng không thể được, tôi biết làm sao, tôi không thể. “Anh có thể giúp em một việc?” tôi hỏi chồng tôi. Sau này ông nói không thể nhận ra giọng tôi, cả nét mặt tôi nữa. “Anh đừng đợi đến lúc họ tới đây, chạy sang khóa hộ em cái cửa nhà Emerenc, trước khi hàng phố ngó vào. Anh cũng đừng nhìn vào, và khi đưa bà lên nhà xong, đưa ngay

chìa khóa cho bà và bảo chính em đã dàn xếp mọi việc trong nhà bà. Còi xe giục liên tục, em không ở lại thêm được, cũng không thể giải thích điều gì với bà.” Ông hứa sẽ làm đúng ý tôi. Tôi lao ra xe, ông chạy sang nhà Emerenc. Không thấy bà già đâu, cả đội cứu trợ cũng không, chỉ thấy tiếng động gì đó, âm ỉ. Như người điếc, tôi ngã vào ghế xe của đài truyền hình, chiếc xe lao khỏi con phố.

ĐẦU ĐỂ TRẦN

Con người ta không biết mình đã mắc lỗi không thể tha thứ được vào lúc nào, nhưng đầu sao vẫn có cảm giác ngờ ngợ là mình đã mắc. Tôi tự nhủ, cảm giác tội tệ, căng thẳng trong tôi là do nỗi sợ ánh đèn sân khấu, nhưng đó chỉ là ý thức tội lỗi. Khi chúng tôi đến nơi, mới té ra họ đã tính toán nhầm giờ tôi cần đến, chúng tôi đã đến muộn. Thế là tôi xuất hiện trước ống kính mà không trang điểm, tôi hồi hộp, ngoại hình bất lợi. Có thể thấy phóng viên chờ đợi ở tôi nhiều hơn những ý tưởng độc đáo, nhưng trong khi trả lời đầu óc tôi vẫn nghĩ đến việc xảy ra ở nhà. Tôi đã thỏa thuận với ông bác sĩ, nếu bệnh trạng của bà nhẹ, khả năng bị kịch không xảy ra, thì Emerenc sẽ ở lại nhà tôi, nếu bệnh nặng, hay nguy hiểm đến tính mạng, xe cấp cứu sẽ đưa bà đi. Dù thế nào, khi tôi về đến nhà, chắc mọi việc đã được quyết định. Nhiều người tham gia cuộc phỏng vấn, chương trình kéo dài, cuộc gặp gỡ không kết thúc sau phần trò chuyện, vì họ không để chúng tôi về ngay. Dù tôi sốt ruột chỉ chờ đến lúc có thể ra về, nhưng đầu sao tôi cũng vinh dự, lần đầu tiên tôi có mặt trong các phòng của truyền hình. Nếu cứ khẳng định đòi về chắc tôi cũng về được, nhưng đây là một ấn tượng hiếm có, tôi được gặp gỡ những nhân vật hàng ngày tôi thấy trên vô tuyến, biết mình cần phải vội về, nhưng tôi vẫn không về. Cuối cùng tôi liếc mắt nhìn, kinh ngạc thấy đồng hồ chỉ mấy giờ, tôi vội vàng gọi taxi, bảo đi thật nhanh. Khi tôi ra khỏi xe, trời đã nhập nhoạng tối, đường phố yên tĩnh, vắng vẻ

đến phi lý, chỉ trong nhà tôi có tiếng động, Viola đang phàn nàn về nỗi cay đắng của nó. Vậy là Emerenc không có trong nhà tôi, vì nếu có, Viola không khóc. Như người ta nói, tôi cảm thấy sự việc nghiêm trọng hơn tôi tưởng. Lẽ ra từ lâu tôi phải cảm thấy điều này, ngay đúng cái ngày mà Emerenc nghỉ không làm việc, và nhấn chúng tôi phải tự lo lấy, nhưng gần đây tôi không chú ý đến gì khác, ngoài bản thân mình. Tôi ra khỏi taxi trước cửa nhà tôi, cách thùng rác hai bước, tôi nhìn vào xem cái xác khủng khiếp ấy đã biến mất chưa, tất nhiên nó vẫn đấy, tôi vội vàng đẩy nắp thùng rác lại. Tôi không lên cầu thang, mà quay sang kiểm tra xem chồng tôi đã đóng cửa nhà Emerenc chưa.

Trong ngôi nhà, đúng lúc ông thợ bách nghệ đang từ từ, cẩn thận hạ rèm cửa sổ xuống, như cách ông động vào mọi vật. Sự việc không diễn ra tiếp như tôi chờ đợi, tôi nghĩ từ trong ông sẽ vẫy tôi, báo hiệu có điều gì muốn nói, và ông sẽ kể lại với tôi chuyện ông đã chứng kiến, trong lúc tôi nói những điều sáo rỗng tầm thường trên vô tuyến. Nhưng ông hạ rèm cửa xuống tiếp, mặt ông và mặt tôi bỗng bị ngăn cách bởi những thanh gỗ dài xếp lại với nhau. Con người này không muốn nói chuyện với tôi, tôi nghĩ. Hốt hoảng, tôi bắt đầu chạy qua khu vườn. Tôi đã trải qua tình huống giống như vậy, nét mặt các cô hộ lý giống như vẻ mặt của ông thợ bách nghệ, đang được ánh sáng chiếu từ sau lưng. Khi ta bước vào phòng bệnh thăm người ốm, và thấy bệnh nhân khác nằm trên giường người nhà mình, và cô hộ lý, với giọng nói vô cảm yêu cầu ta đến gặp bác sĩ, vì bác sĩ muốn thông báo với ta điều gì đó. Lạy Chúa, điều gì đã diễn ra theo cách khác so với chúng tôi dự liệu? Hay cửa nhà Emerenc vẫn để mở, hay lũ mèo của bà đã chạy tán loạn khắp nơi? Đó là giây phút đầu tiên, tiếp theo đó còn vô số nữa, khi

tôi lơ mơ nhận ra rằng, dù tôi có được bất cứ giải thưởng gì, và không phải với tư cách một nhân vật phụ trong một chương trình chung, mà một mình tôi chiếm lĩnh màn hình suốt cả ngày, dù tất cả các thành viên chính phủ làm lãnh và an ủi tôi, trong lúc tôi có thể gào lên với bốn phương trời những khổ ải, nhục nhã của chúng tôi trong quá khứ, thì lẽ ra tôi vẫn không được bỏ mặc Emerenc một mình với những gì đã xảy ra với bà. Trí tưởng tượng thường được khen là khá của tôi cũng chỉ đến mức tôi tính đến chuyện tối nay phải quét dọn nhà Emerenc, để hết mùi hôi thối, dù nguyên nhân của nó là gì, đừng để bất cứ ai trong khu nhà phải phàn nàn, chứ việc lẽ ra tôi phải ở bên cạnh bà trong khoảnh khắc quyền tự chủ của bà bị mất, và mặc dù cửa nhà bà chỉ bị mở ra vừa đủ cho ông bác sĩ lách vào, nhưng vẫn là phá cửa, họ đã lôi bà ra khỏi nhà bất chấp sự phản đối của bà, thì tôi đã không nghĩ đến được nữa. Cái giải thưởng - tôi cay đắng nghĩ - đã bắt đầu phát huy ảnh hưởng của nó, tôi đã đi ô tô lao theo ánh sáng của nó, bỏ lại phía sau bệnh tật, tuổi già, sự cô đơn và bất lực.

Vào đến hiên, tôi quên lối đi, đứng chôn chân một chỗ trong đôi giày đi vào dịp lễ. Khi đó tôi biết sẽ có chuyện chẳng lành, nhưng không đến mức này, vì những gì hiện ra trước mắt tôi vượt quá mọi tưởng tượng. Cửa nhà Emerenc không phải là bỏ ngõ hay chưa khóa, mà là không còn cửa. Cánh cửa được dựa vào tấm ván của phòng vệ sinh với chiếc khóa vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Nó bị giật khỏi bản lề, thủng một miếng ở giữa, chắc bị ai đó đập vỡ bằng một vật cứng, chỉ phần trên là còn nguyên vẹn. Có thể nhìn thấy trên các bức họa Flanders hình ảnh tương tự như vậy, phần phía trên của ô giữa cánh cửa bị xé lật xuống, ảnh một phụ nữ đang cười tựa khuỷu tay lên thanh ngang giữa cửa, như một bức chân dung vừa được đóng

khung. Tôi tưởng tượng thấy nét mặt Emerenc, khi bà ngó ra dưới vành khăn đội đầu, nhận ra tình huống: tôi không có mặt, thay vào chỗ tôi đứng là ông bác sĩ, người vội túm lấy bà. Tôi chỉ hình dung được đến đó, không tiếp tục nổi. Tôi thấy người mệt rã rời, đến nỗi phải ngồi xuống chiếc ghế băng để trấn tĩnh lại. Tôi biết mình không thể né tránh, tôi buộc phải vào căn phòng hồi thối kia. Tôi nghỉ mấy phút, rồi bước vào. Tôi nhớ buổi tối hôm bà cho tôi vào nhà, công tắc điện nằm ở đâu, tôi cũng lần sờ bật điện lên. Nhưng sau động tác của tôi, không thấy tiếng sột soạt nhẹ nhàng như tiếng chuột chạy. Im lặng tuyệt đối; lũ mèo, nếu có còn ở đây, cũng nằm bẹp đầu đó sau cơn sốc hãi hùng ban chiều.

Ánh sáng, mà tôi đã nhắc tới sau lần đầu tiên, chói lói rọi sáng tất cả không che giấu một thứ gì. Tôi thấy mình đứng giữa những bản thù của người và súc vật trong căn phòng sạch bong khi trước, những đồng thức ăn ôi thối trên nền nhà hay trên giấy báo. Những đĩa thức ăn phủ đầy dòi bọ, cả một con cá sống đang phân hủy, một con vịt đã mổ, cũng nhung nhúc dòi. Có trời biết từ khi nào chẳng ai rửa ráy hay lau dọn, thức ăn mọi người mang đến đổ tung tóe ra nhà, có cả gián chết. Trên tất cả những thứ kinh hoàng đó phủ một lớp bụi trắng dày, như thể ai đó rắc một lớp đường bột lên khuôn mặt ghê rợn, độc địa của Thần Chết thời Trung cổ, và từ dưới lớp bụi ấy nhe ra những chiếc răng của gương mặt trống hốc. Không thấy Emerenc đâu, cả lũ mèo cũng không, chỉ một mùi thuốc khử trùng nồng nặc, không phải mùi clo hay xịt thơm thông thường, mùi này dữ dội hơn. Chẳng có khung cửa sổ nào nguyên vẹn, những cánh cửa chớp, cửa sổ đã bị phá. Không chỉ bác sĩ và cứu thương đã tới đây, cả Viện Khử trùng, loại bột này, với lượng nhiều thế này không có trong một cửa hiệu hay nhà dân nào.

Khi về đến nhà, vì cảm giác sợ hãi và tội lỗi, tay tôi cứng lại, không xoay nổi chiếc chìa trong ổ khóa, tôi phải bấm chuông cho chồng tôi ra mở cửa. Không bao giờ ông mắng tôi, kể cả lúc ấy, ông chỉ lắc đầu, như người không biết nói gì về những chuyện đã xảy ra. Ông vào bếp pha trà, Viola trườn đến gần tôi. Tôi uống trà, răng đánh lập cập trên thành cốc. Tôi không hỏi gì, chòm chìa khóa nhà Emerenc nằm trên bàn. Chúng tôi không nói lời nào về chuyện gì đã xảy ra ở đài truyền hình. Chồng tôi đợi tôi khó nhọc uống hết cốc trà, rồi ông gọi taxi, chúng tôi đi đến bệnh viện, trong im lặng. Chúng tôi nói với nhau lần đầu tiên là khi ông bác sĩ cho số phòng bệnh, nơi người ta đã biết và đợi Emerenc được đưa tới, nhưng bà chưa tới. Sao lại có thể như thế? Không phải người ta đưa bà đến đây sao? “Họ đưa đến đây,” cô hộ lý nói. “Nhưng chưa tới. Người ta còn đưa bà đi khứ trùng trước, vì trong trạng thái người ta tìm thấy bà, không thể để bà vào nằm viện.”

Đầu tiên tôi không hiểu cô ta nói gì, cứ nhìn cô chăm chăm, suýt ngã quỵ. Đám hộ lý đi lại quanh tôi, họ hỏi tôi có cần uống thuốc không, nom tôi không được khỏe, hay tôi uống một tách cà phê. Tôi bảo không cần gì hết. Chúng tôi ngồi đợi, khi đó tôi không thể không hỏi chồng tôi một cách chi tiết, ông đã nói những điều ông tận mắt chứng kiến.

Khi ông sang đến nhà Emerenc, ông bác sĩ đã giữ được cánh tay bà già, bà cứng lại, nhưng sức bà đã yếu, vì như sau đó ông bác sĩ và bác sĩ cứu thương đã xác định, bà đã qua một cơn xuất huyết não nhẹ, tay trái bà cử động khó, chân trái tê liệt, có thể bà đã bại liệt hẳn trong mấy ngày, dù cơ thể rất khỏe của bà khi đó đã thắng căn bệnh. Bà rút được tay phải ra, kéo cửa vào và chốt lại. Bà không trả lời câu hỏi nào, khi đó dân chúng ngoài đường đã vào cả trong hiên nhà. Bà im lặng trong

nhà một lúc nghe người ta khẩn nài, nhưng khi ông bác sĩ dọa sẽ báo nhà chức trách, bà hết vọng ra là nếu không để cho bà yên, bà sẽ đập chết kẻ nào phá cửa vào đầu tiên. Cái uy của bà lớn đến mức không một ai dám dùng bạo lực. Có một người lạ mặt, nghe tiếng la hét liền từ ngoài đường tò mò đi vào, ông thử nạy cửa khi hiểu ra là có chuyện gì, nhưng khóa cửa không xô dịch. Bất chợt không phải từ bên ngoài, mà từ bên trong một thanh gỗ bung ra, và qua khe hở, như trong phim kinh dị, bổ ra một chiếc rìu. Chiếc rìu khua khoắng loạn xạ, từ lúc đó không ai dám lại gần cánh cửa, một phần cũng vì mùi hôi thối tràn ra ngoài qua khe hở.

Do hậu quả của cú đột quy, một tuần liền Emerenc hoàn toàn không đi lại được, bà chỉ nằm nghỉ, chống hai khuỷu tay, phải giải quyết cuộc sống mà không nhúc nhích được, và bà tự lý luận với mình, nếu bà không báo cho ai biết về tình trạng bất lực của mình, sẽ không ai biết gì hết, cả bác sĩ, cả xe cứu thương cũng sẽ không đến, cũng sẽ không có bệnh viện. Nếu như phải lựa chọn giữa những điều khủng khiếp, thì tốt hơn là hãy diễn ra theo cách bà chọn: nếu lũ mèo có thể xả xú uế ở nơi chúng muốn, thì bà cũng chẳng bỏ toài ra ngoài hiên, và thế thì bí mật của bà vẫn là bí mật. Đến khi nào khỏi bệnh, bà sẽ dọn dẹp đầu vào đẩy tất cả ngay sau khi bà đi lại được. Còn nếu bà chết, thì chẳng nào cũng vậy, bà chẳng còn biết gì nữa, đã bao lần bà nhấn mạnh rằng bên cạnh nhiều thứ khác, bà cũng không tin vào thế giới bên kia.

Chất thải của người và vật phân hủy, bốc mùi bên cạnh đồ ăn sống, thức ăn đã chín ôi thiu, mốc meo, lên men trong căn phòng. Cuối cùng người ta đã khống chế được Emerenc. Người lạ mặt đã dùng chiếc rìu của ông thợ bách nghệ nện một phát mạnh vào chiếc khóa, đến nỗi tất cả bung ra. Vừa

cố gắng chống lại, Emerenc ngã lao ra ngoài hiên, về phía mọi người. Không còn có thể phủ nhận bi kịch, bộ quần áo - có trời biết từ khi nào không thay - cũng chịu hậu quả của những gì đã xảy ra. Từ bộ đồ lót trước đây bao giờ cũng sạch tinh của bà những thứ bẩn thỉu đã khô rơi lả tả xuống chân mọi người. Ngài Brodarics gọi xe cấp cứu, họ đến rất nhanh, lúc đó Emerenc không còn tỉnh táo, vừa ra không khí trong lành bên ngoài bà liền bị ngất. Hai bác sĩ, người lạ mặt từ ngoài đường vào và nhân viên cấp cứu bàn nhau cách giải quyết. Người ta tiêm cho bà, nhưng xe cứu thương không chờ đi, ông bác sĩ cấp cứu bảo trước mắt không có nguy cơ tử vong, ông sẽ cho vào viện, nhưng trước hết phải gọi Đội Khử trùng, vì phải xử lý không chỉ người bệnh mà cả căn hộ nữa. Các nhân viên Đội Khử trùng tới, đầu tiên họ rắc thứ bột trắng gì đó, rồi phun nước khử trùng lên mọi thứ. Họ quần Emerenc lại, đem về nơi xử lý của họ, họ bảo, sau khi đã xử lý xong, có thể đưa bà vào viện. Trước hết phải tắm rửa sạch sẽ toàn thân bà, chứ không thể để vậy đặt lên xe cứu thương. Trong khi các nhân viên khử trùng phun rắc chất diệt trùng lên các đồng thức ăn ôi thối, những con mèo lớn lao ra từ nơi chúng ẩn nấp, chạy trốn qua cửa. Rồi Phòng Vệ sinh Dịch tễ quyết định sẽ xử lý căn hộ thế nào, vì không thể để nguyên như vậy, phải lưu ý cả đến những cư dân khác nữa. Cửa đã hỏng không khóa được, nhưng khóa cũng bằng thừa, vì chừng nào những thứ đồ ăn đang phân hủy còn ôi thối như thế này, cũng sẽ chẳng ai dám vào. Sau khi Đội Khử trùng làm việc xong, người ta dùng ván bịt cửa lại.

Chỉ còn thiếu điều này trong cuộc đời tôi: hình ảnh bà già nằm trong đồng xu uế tự thả ra, trong vòng vây của thịt ôi, xúp thiu thối, với bệnh liệt đang khởi đầu, nhưng chưa thể đi

nổi. “Con trai cậu em Józsi” ngồi bên bên cạnh chúng tôi có vẻ sốt ruột, anh ta khiến tôi lo lắng thực sự: có thể không có tên kẻ cắp nào chịu nổi cái chế chế của Emerenc, nhưng những cuốn sổ tiết kiệm dấu sao cũng là những miếng mồi dễ dàng, dấu sao cũng phải lấy ra khỏi nơi đó. Tôi bảo anh ta hãy đi ngay, tìm lấy những cuốn sổ khốn khổ ấy. Anh ta đã tìm ra rất nhanh, cả hai đều được nhét vào khe hở bên hông chiếc đi văng bản thủ, anh ta nhớ chính cha anh cũng hay giấu ở chỗ như thế, trong cái kẻ có thể lừa tay vào được giữa vải bọc và đồ gỗ. Chúng tôi ngồi chờ Emerenc.

Chống tôi luôn đem theo sách, ông ngồi đọc, còn tôi cứ ngồi đó, nắn bóp các ngón tay, tôi cảm thấy như tay trái mình cũng đang liệt dần. Cuối cùng khi bà già được đưa đến, chúng tôi suýt nữa không nhận ra bà trong bộ quần áo khác bộ bà thường mặc. Bà cứ để yên cho họ muốn làm gì thì làm, mắt bà nhắm, cơ quanh miệng thỉnh thoảng lại giật giật, bà chưa tỉnh hẳn. Người ta nối ống truyền nước, đắp chăn phủ lên người cho bà. Nỗi hổ thẹn và buồn làm người tôi rã rời, tôi muốn nằm xuống bên cạnh bà. Bác sĩ yêu cầu lúc này chúng tôi hãy ra về, chúng tôi không giúp được gì, ở lại đây chỉ thờ hít hết phần không khí của bà. Đẳng nào bà cũng chưa nhận ra ai sau cơn sốc. Ông bác sĩ cũng không biết an ủi chúng tôi thế nào, ông bảo bệnh liệt đã đỡ dần, theo kết quả chụp X quang thì bệnh viêm phổi cũng sắp khỏi, nhưng tim bà đã chịu đựng quá nhiều, quá mệt mỏi, trước mắt chưa đoán được nó còn chịu đựng được những gì, hay - ông ngăn ngừa một lát trước khi nói ra - nó muốn chịu đựng những gì. Không chắc việc điều trị bệnh sẽ giải quyết được vấn đề của bà, bởi căn bệnh và hoàn cảnh mà vì chúng mà bà phải vào đây; có thể đã khiến bà hổ thẹn quá mức bình thường. Y học đã làm được một vài việc kỳ

diệu, nhưng với trường hợp của bà phải hết sức cố gắng, vì ông chưa bao giờ khám cho một trái tim đã làm việc quá sức như của bà.

Đây là lần đầu tiên, đúng là lần đầu tiên, kể từ khi chúng tôi bước vào cuộc đời nhau, tôi nhìn thấy Emerenc không đội khăn. Mái tóc bạc trắng như tuyết đã gội thơm tho sạch sẽ của người mẹ sáng lên trước mắt tôi, và từ những đường nét của mái đầu bà tôi có thể phục hiện lại sự hài hòa tuyệt vời, mà thời gian đã tàn phá hết từ lâu, của gương mặt bà. Vào lúc ở gần cái chết hơn sự sống, dù bà không biết điều đó, bà đã hóa thân trở lại thành người mẹ của chính mình. Nếu một ai đó - vào lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, khi giữa những khóm hoa hồng tôi suy tư xem bà có thể là loài hoa gì - nói với tôi rằng bà là trà hoa nữ màu trắng, là hoa trúc đào trắng, là lan dạ hương Phục sinh, thì tôi đã cười, nhưng bây giờ thì bà không giấu được nữa, trước mắt chúng tôi là vẻ đẹp rực rỡ của bà, ngay cả khi bà đã già nua. Vầng trán cao, thông minh không bị che kín bởi thứ gì. Không phải là một thân thể không mặc áo quần hay đắp sơ sài nằm trên giường, mà cuối cùng là bộ đồ không giả trang, đơn giản, phù hợp của một bà già quý phái bị hành hạ vì trọng bệnh. Đúng vậy một mệnh phụ đáng kính đang nằm trước mắt chúng tôi, sáng ngời như một vì sao.

Khi đó tôi mới thực sự ý thức được tôi đã phạm sai lầm như thế nào, khi không ở lại bên cạnh bà. Nếu tôi ở nhà, thì nhờ cái uy tín mới có và đã đem sử dụng không đúng chỗ của mình, có lẽ tôi đã thuyết phục được ông bác sĩ đừng lo lắng chuyện gì, cứ để bà nằm ở nhà tôi, tôi chịu được không cần phải khử trùng. Sutú và Adélka sẽ giúp tôi, tôi sẽ tắm rửa, chăm sóc cho bà khỏe; vô tuyến cứ làm chương trình của họ

thiếu tôi, quan trọng hơn là tôi tránh được sự hổ thẹn cho bà, khi người lạ vào phòng bà lục lọi, căn phòng mà hình ảnh thật của nó ngoài tôi ra chưa ai nhìn thấy. Nếu sau này đứng trong Nhà Quốc hội⁽¹⁾, mọi người đều nghĩ rằng tôi đã đạt được cái gì đó, thì chỉ mình tôi biết rằng tôi đã thất bại ở chặng đầu tiên. Ít ra thì phần kết, chặng cuối cùng tôi phải bù đắp lại, vì nếu không tôi sẽ đánh mất bà mãi mãi. Bây giờ tôi phải làm nên chuyện thần kỳ, phải vượt lên bản thân mình, phải khiến bà tin rằng buổi chiều hôm nay chỉ là một giấc mơ, bà đã nằm mơ tất cả.

1. Lễ trao các giải thưởng nhà nước cao nhất của Hungary thường được tổ chức trong Nhà Quốc hội.

LỄ TRAO GIẢI THƯỞNG

Đêm ấy tôi còn gọi điện hai lần, tình trạng của Emerenc không thay đổi, chẳng xấu đi, cũng chẳng khá hơn. Khi về đến nhà tôi đã thái một ít thịt bỏ vào đĩa, và mang sang căn phòng khủng khiếp của bà. Ông bác sĩ bảo lũ mèo đã chạy tán loạn cả, nhưng biết đâu chúng lại quay về, vì chúng không biết đến căn nhà nào khác. Ban đêm, yên tĩnh, dù có hốt hoảng đến đâu, từ lúc đó đến giờ có thể chúng sẽ về. Tôi suýt chết ngạt vì mùi hôi thối trong khi xem xét phía sau và phía dưới mọi thứ, nhưng căn nhà trống không, không có động tĩnh gì. Sáng sớm tôi lại chạy sang, đĩa thịt vẫn nguyên, ban đêm không một chú mèo nào về đây, dù tôi rất hy vọng. Vẫn biết chúng biến hết, chúng không về là tốt hơn cả, nhưng tôi đã bỏ qua thực tế, bỏ qua cả lợi ích của tôi nữa, tôi chỉ cầu mong ít ra có một hay hai con quay về, để nếu sau khi tôi dọn dẹp và sắp xếp đâu vào đấy mọi thứ, và người ta cho Emerenc về, thì ở nhà đã có vài con vật bà yêu quý. Nhưng cũng như các nhân viên của Viện Khử trùng, tôi cũng vĩnh viễn không thấy con vật nào, dù sống hay chết. Khi cánh cửa bung ra, khi chúng cảm thấy cả thế giới xông vào chúng, tất cả đã lao ra, vào môi trường nguy hiểm và chết chóc, đầy bất trắc, nơi mà trước đó Emerenc đã cứu vớt chúng ra. Sau này không bao giờ thấy bóng dáng mèo còn lại văng tới gần nhà Emerenc, như thể có một thông điệp bí mật nào đó khiến chúng ghê sợ và tránh xa nơi này. Viola cũng không tự lại gần căn nhà,

dù nó biết rõ nhất đường đi lối lại. Sau khi Emerenc chết, căn nhà đã được sửa chữa nhanh chóng có chủ mới, nhưng con chó không hề quan tâm, mặc cho ánh sáng chiếu ra từ hiên, mặc cho hoa violet của Emerenc vẫn nở vào mùa xuân. Nó tìm bà ở khắp cả những nơi bà từng đi dạo với nó, nhưng ở nhà thì không. Viola đã nhận ra nơi diễn ra trận chiến bại, dù nó không có mặt ở đó khi trận chiến xảy ra. Vào ngày ấy cả phố yên ắng lạ thường, như thể một lãnh tụ ốm nặng, và dân chúng xúc động để tang trước, không theo mệnh lệnh, mà từ trái tim mỗi người. Con chó nằm trên tấm thảm, như bị cắt tiết, không động đậy. Khi chúng tôi cho nó ra phố, đầu nó cúi gằm, chẳng thèm để mắt đến những con chó khác.

*

Hồi trẻ tôi chụp ảnh nhiều, bằng chiếc máy rất thô sơ, cũng chẳng có năng khiếu. Nếu hồi tưởng về ngày được trao giải, một kỷ niệm sống dậy trong tôi, như phiên bản của một bức ảnh mà, do một sự ngẫu nhiên quang học nào đó, đã ghi hai chuyển động ngược nhau của cùng một người. Lần ấy tôi đã chụp mẹ tôi, và khi đem cuộn phim đã tráng từ hiệu ảnh về, tôi không muốn tin điều này có thể xảy ra: mẹ tôi, người tôi muốn ghi hình lại, vừa đến vừa đi, hình bà là hình kép, trong chuyển động ngược chiều lúc thì to dần lên, lúc lại bé dần đi. Gia đình tôi đưa cho người ngoài xem cái khoảnh khắc ảo diễn ra cùng lúc trong không gian và thời gian, không thể tách bạch, nhưng tự mâu thuẫn này. Lúc nhận giải có lẽ tôi đã giống như vậy, trong những giờ ấy bất cứ điều gì đã xảy ra với tôi, mọi hành động và ý nghĩ đều có phiên bản đối xứng trong tôi, sau tôi và xung quanh tôi, nhưng ngược lại.

Đó là một ngày bận rộn, bắt đầu từ sáng sớm với việc kiểm tra đĩa thịt và lũ mèo đã bỏ đi. Từ nhà Emerenc tôi chạy đến bệnh viện. Không chỉ có một mình tôi, cả Sutú và Adélka đã đến trước, và cùng với họ tôi đã chứng kiến sự im lặng - lúc này đã rõ ràng đối với tất cả mọi người là không thể an ủi và cũng không nghĩ tới sự tha thứ - của Emerenc. Sutú bồn chồn với chiếc phích trong tay, Emerenc không cần cà phê, nước mát, hay thứ gì khác. Adélka, ngoài hộp thức ăn riêng do bà nấu còn xách trong túi hai hộp khác, quà của bạn bè, vợ ông thợ bách nghệ nấu xúp thịt gà mái, còn nhà ngài Brodarics thì gửi món trứng trôi⁽¹⁾. Emerenc không thèm ngước nhìn lên, bà chẳng quan tâm đến cả lời hỏi thăm lẫn quà cáp. Sau này cô họ lý kể lại, suốt ngày người đến thăm quấy nhiễu bà, hôm sau là ngày quốc lễ, người ta muốn đến thăm trước. Nhưng dù ai đến cũng vô ích. Những người cùng phố ra về hơi tự ái, bà già không thèm để mắt đến họ. Tôi không mang thứ gì, tôi nhìn đồng hồ xem còn ở bên bà được bao lâu, cũng không trò chuyện để bà bức mình, chỉ thỉnh thoảng động vào người bà dưới lớp chăn. Những lúc ấy bà rùng mình co người lại, chứ không ra hiệu gì khác chứng tỏ bà cảm thấy. Về sau ông bác sĩ khó chịu, ông quát Sutú và Adélka, còn chưa biết bà già có thoát chết hay không, nhưng nếu có, thì có thể thấy một điều: bà không muốn có nhân chứng cho quá trình này. Dem thức ăn đến, cho bà ăn là việc làm thừa, bà đâu có để ý đến họ, đâu có ăn đâu. Cái gì cần để tồn tại, bà đã nhận được qua đường truyền, nếu họ thực sự muốn giúp bà, thì hãy để bà nghỉ ngơi. Ông nói đúng, vì dù ai to nhỏ điều gì Emerenc cũng làm ngơ, giống như với tôi, bà nhắm mắt lại, để khỏi phải nhìn bất cứ ai.

1. Lòng trứng trắng đánh bông, thả nổi trên mặt kem dùng để ăn tráng miệng.

Tôi đã mang hình ảnh gương mặt bất động như người chết của bà khi về nhà để mặc bộ đồ đen, và chỉnh sửa chút ít khuôn mặt cau có nhìn tôi từ trong gương. Chiếc phong bì to đựng quyết định khen thưởng kèm theo nhiều giấy tờ cần thiết có ích, trong đó có chiếc thẻ gắn lên kính để xe taxi có thể vào sát lối cổng chính có trải thảm. Cũng may, vì tôi gần như không thể đi nổi. Trên đường đi tôi không nói một câu nào. Trong buổi lễ tôi cũng không nói nhiều. Với tôi, đây không phải lần đầu tiên, thứ tôi được nhận đã đến với tôi dưới dạng hoặc trong hoàn cảnh khiến tôi gần như suy sụp, những bức ảnh người ta chụp tôi khi ấy đã chứng tỏ điều đó. Trước khi lễ trao giải bắt đầu, người ta đưa tôi vào một phòng nào đó để chụp ảnh cho ngày trọng đại này. Ngay trong lúc cực kỳ khổ sở này tôi vẫn để ý thấy sự bi kịch và khôi hài: bức ảnh sắp được một cơ quan chính thức nào đó lưu giữ và đưa vào album sẽ ghi lại một gương mặt không thật, của một nhân vật cổ tích cổ đại, người đã nhìn thấy Medusa⁽¹⁾, và trên nét mặt vẫn còn nguyên những nét hãi hùng. Tôi đã từ giường của người sắp chết đi đến buổi lễ. Chẳng cần tới bác sĩ tôi cũng cảm nhận được rằng Emerenc sẽ không khỏi bệnh, và ít hay nhiều, tôi là nguyên nhân của việc này. Emerenc sẽ không bao giờ phục hồi được không phải vì - tôi nghĩ trong đầu khi miệng nói “cảm ơn”, “đúng như vậy”, “vâng, đúng thế” - cơ thể tuyệt vời của bà không có khả năng giúp bà vượt qua vận hạn này, nếu bác sĩ chữa chạy, nếu thuốc men đầy đủ, nhưng đây là vấn đề khác, y học không xử lý nổi, vì nó không liên quan đến điều trị: Emerenc không muốn sống nữa, vì chúng tôi đã hủy hoại bộ khung của cuộc đời bà và

1. Medusa: một trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon gồm Stheno, Euryale và Medusa trong thần thoại Hy Lạp. Ai bị Medusa nhìn vào mắt sẽ hóa đá.

huyền thoại gắn với tên tuổi của bà. Bà là tấm gương cho mọi người, sự giúp đỡ của mọi người, bà là một mẫu mực. Từ túi chiếc tạp dề là cứng của bà những chiếc kẹo bọc giấy, những chiếc khăn tay vải bay ra như những chú chim câu. Bà là Chúa Tuyết, là sự bình yên, mùa hè bà là quả anh đào đầu tiên, mùa thu là tiếng hạt dẻ rơi, mùa đông là miếng bí ngô nướng, mùa xuân là mầm xanh đầu tiên trên bờ gấu: Emerenc thuần khiết và không thể nào vấy bẩn, bà là tất cả chúng tôi, với những gì tốt đẹp nhất, chúng tôi luôn luôn muốn trở thành người như bà. Emerenc, với vầng trán lúc nào cũng buộc khăn che kín, với nét mặt gương hồ, không đòi hỏi ai điều gì, không cần ai giúp đỡ, bà nhận gánh nặng của mọi người mà cả một đời im lặng về gánh nặng của chính mình. Và khi lẽ ra bà có thể nói, thì tôi đã lên vô tuyến, để mặc người ta xông vào cuộc đời bà trong khoảnh khắc tủi nhục, bệnh tật khốn khổ nhất.

Làm sao có thể phân tích tính cách của bà, giải phẫu lòng trắc ẩn của bà, tính cách và lòng trắc ẩn đã khiến bà nuôi một lũ mèo trong nhà? Emerenc tốt bụng một cách tự nhiên, không gò ép, bà rộng lượng một cách vô tư, bà chỉ thổ lộ sự cô đơn của mình với một kẻ mồi côi khác, chẳng bao giờ bà nói mình cô đơn. Bà giống một người Hà Lan, một mình chèo lái con thuyền bí ẩn của mình, bao giờ cũng trên những vùng nước lạ, trong cơn gió của những mối quan hệ tạm thời. Từ lâu tôi đã biết, điều gì đó càng đơn giản, càng khó cảm nhận. Giờ đây Emerenc không bao giờ còn có thể làm cho bất cứ ai hiểu được cả bản thân bà, cả lũ mèo của bà. Dù bà có nói gì đi nữa, thì cái mùi hôi thối đã ủa ra, sự bẩn thỉu không được quét dọn sẽ khiến nó trở nên khó tin. Những con gà, vịt chưa sử dụng xung quanh bà, món cá phân hủy và các món rau nấu chỉ chứng minh điều chưa bao giờ đúng là bà bị mất trí, không phải cơ

thể bà đã bỏ rơi ý chí sắt đá của bà. Vì sau khi bị đột quỵ làm sao bà có thể tắm rửa hay dọn dẹp, có thể đem thức ăn thừa ra thùng rác? Thịnh thoảng trong những ngày đầu bà vẫn bò ra lấy được thức ăn mọi người mang cho là một điều kỳ lạ của y học. Emerenc đã trở thành bất tín trước cả một cộng đồng, căn bệnh nghẽn mạch máu não thực chất ở dạng nhẹ và đang phục hồi đã giật cây chổi bạch dương ra khỏi tay bà, đã hủy hoại công việc cả một đời của bà.

Họ hàng, người thân thuộc và cả những người khác tràn vào chật phòng khách tiết, đến nỗi tôi không có chỗ ngồi. Tôi lại thấy mừng, vì điều đó có nghĩa là tôi không phải ngồi gí ở một chỗ. Tôi đợi đến lúc người ta gọi tên mình, bước lên trước bàn chủ tọa, để nhận chiếc hộp. Sau đó tôi có thể ra căng tin, vờ ăn uống một chút gì đó. Tôi sốt ruột muốn về, cảm thấy nếu Sutut hay Adélka, hay bất kỳ ai đó nhớ ra, và làm thay tôi việc tôi không làm thì không bao giờ tôi còn dám nhìn vào mắt Emerenc nữa. Không chỉ có Emerenc sẽ suy sụp và chán ngán bản thân mình, cả tôi nữa. Nhưng chúng tôi còn phải ở lại lâu, đây là buổi lễ lớn nhất trong đời tôi, chỉ có buổi chiều đại tối hôm ấy là rục rờ hơn, nhưng tôi vẫn thấy có gì đó không ổn, nó làm tôi liên tưởng tới một giấc mơ hồi nhỏ. Tôi luôn luôn muốn mặc một bộ áo thật dài, đi lên một cầu thang nhiều bậc, để có rất nhiều người dõi nhìn theo dáng người cao đẹp, quyến rũ của tôi. Nếu có dáng đi lạc nhịp, cũng như có âm thanh lạc điệu, thì tối hôm ấy tôi đã bước đi như thế, tôi bước trên những bậc cầu thang với dáng đi khó nhọc và bất hạnh. Tôi bắt tay những người cần bắt, sau đó tôi rẽ sang lối cầu thang phụ và vội vã ra khỏi Nhà Quốc hội, với ý nghĩ chắc chắn người ta sẽ cho tôi vào viện, cũng không buông lời nhận xét về trang phục của tôi. Nhưng nếu tôi có khóa thân ngồi xuống bên bà, hay mượn

một bộ y phục của hoàng gia đi nữa, thì Emerenc cũng chẳng thèm nhìn tôi.

Nhớ lại ngày hôm ấy, nghĩ đến buổi lễ trao giải thưởng, bên cạnh ký ức cay đắng và bất lực, tôi chỉ cảm thấy một điều: tôi rất mệt mỏi trong suốt thời gian đó. Tôi về nhà lúc gần một giờ đêm, sau khi thay quần áo lao động, tôi mang dụng cụ lau dọn sang nhà Emerenc. Không thể để nguyên nổi hổ thẹn, không cần đến Viện Khử trùng, khi họ đến thì tôi đã dọn đi mọi thứ cần dọn đi rồi. Hôm nay là thứ Bảy, ngày lễ, chắc chắn tôi sẽ làm xong công việc, vì các nhân viên vệ sinh lúc này mới bắt đầu ngày nghỉ lễ, khi họ tới họ sẽ thấy mọi thứ đã đâu vào đấy, sạch sẽ tinh tươm.

Chiếc xô trong tay tôi rơi xuống, khi tôi nhìn thấy các nhân viên khử trùng ngoài hiên, họ đang hút thuốc. Ông bác sĩ đã quên nói với tôi rằng Viện Khử trùng đã quyết định làm ngay, phải thiêu hủy hết đồ gỗ, với lý do vệ sinh và phòng dịch cho thành phố, có bồi thường toàn bộ. Tôi đứng ngay trước mắt họ, nom tôi có lẽ giống như một chú hề buồn trong rạp xiếc, mặt vẽ màu, vì tôi mới kịp thay quần áo, trên nét mặt khổ sở của tôi phấn son vẫn còn nguyên, tóc vẫn từng lộn loãn xoắn. Nhưng ai sẽ chịu, ai có thể chịu trách nhiệm về việc sắp xảy ra ở đây, các người định hủy hoại nhà người khác, như những kẻ phá hoại? Không phải vậy - người nhóm trưởng của đám nhân viên y tế nói - trước hết họ sẽ làm vệ sinh, cọ rửa sạch mọi thứ, đổ rác bẩn, đánh nền, đồ gỗ, tường, sau đó họ mới đốt những thứ bẩn và ô nhiễm. "Xin bà đừng vung vẩy cái xô như thế, và đừng thử làm gì hết, tình hình ở đây là không ai có thể tự làm, ở đây đòi hỏi công việc chuyên môn, của nhà chức trách. Với tư cách được gia đình ủy nhiệm, bà có thể ký các giấy tờ để xác nhận công việc đã được tiến hành đúng mọi quy định, thực

ra là người ốm phải ký, nhưng bà ta chưa tỉnh, vậy nên bà vui lòng ký giúp, như người đại diện hợp pháp. Mời bà kiểm tra lại bản kê khai tài sản xem có đúng không, vì chủ nhà sẽ được bồi thường những đồ vật bị thiêu hủy. Không thể phản đối được đâu, xin bà đừng tranh cãi với chúng tôi, đây là quyết định chính thức.”

Tôi quay gót, lao về nhà gọi điện thoại, nếu bây giờ tôi gọi được ông trung tá. Ông đã từ chỗ nghỉ về vào mấy ngày lễ, nhưng tôi không nói chuyện được với ông vì đúng lúc tôi gọi thì ông đang trên đường đến nhà Emerenc. Chúng tôi tới nơi gần như cùng một lúc, các nhân viên vệ sinh đang quét dọn, cả sáu người đều rất hăng hái, họ đi găng cao su, mặc áo choàng, đeo mặt nạ. Họ dùng xẻng xúc một thứ chất lỏng hôi thối gì đó lên thùng chiếc xe vệ sinh có mùi clo, họ rửa mọi thứ bằng một thứ nước hóa chất gì đó, họ cọ nền nhà, đưa đồ gỗ ra vườn, những chiếc ghế bành dính nhớp nằm chỏng chơ trên thảm cỏ chăm sóc cẩn thận của nhà Emerenc, chiếc ghế tựa đôi, những chiếc tủ, những đồ đạc còn tương đối nguyên vẹn và đã khử trùng được kéo ra xa hơn các đồ vật khác. Tôi nhìn thấy cả hình nộm thử quần áo của mẹ tôi giữa những bụi tử đinh hương, với các tấm ảnh ghim trên mình, nom nó như một bóng ma. Giấy tờ, sổ sách rơi vào chỗ bẩn hay quần áo bẩn được chất lên chiếc ghế tựa đôi, cùng với những cuốn lịch cũ, báo, hộp, và cả những cuốn sách của tôi để tặng Emerenc, bà không mở ra nhưng vẫn đòi hỏi tôi phải ký tặng. Khi trong nhà đã hết tất cả đồ đạc, và người ta đã tách đồ gỗ và các thứ để lại với những thứ phải hủy bỏ, họ làm bản kê các đồ loại bỏ, rồi đổ xăng lên và châm lửa đốt. Tôi nhớ đến Viola, trong khi nhìn ngọn lửa, nó đã lớn lên trên chiếc ghế tựa này, và bà già cũng hay ngồi trên chiếc ghế này, vì bà không có giường, và cả những con mèo

thỉnh thoảng cũng ngồi trên chiếc ghế này, như đàn chim trên dây thép. Những đôi giày, quần tất, khăn đội đầu của Emerenc đang làm mỗi cho ngọn lửa.

Lúc này, lần đầu tiên ông trung tá hành xử như một cảnh sát, một thám tử, trước khi đồng ý cho đốt, ông đã kiểm tra lại mọi đồ vật, cân nhắc xem thứ gì còn có thể cứu vớt được, đích thân ông lôi ra, nếu nó thoát được ngọn lửa, ông còn đổ cả các ngăn kéo ra. Chỉ một thứ còn lại trong bếp, mọi bức tường bếp được đánh sạch và khử trùng. Đồ gỗ nằm chênh ềnh trên bãi cỏ, một phần đang cháy. Người đi ngoài đường ngó vào, ngạc nhiên nhìn đồng lửa trong vườn, phải bảo những người ngó nghiêng tránh ra xa. Đến lúc này trong bếp không còn lại thứ gì khác ngoài chiếc kết sắt chắn ngang lối vào phòng trong, căn phòng cửa đã bị nạy từ thời chữ thập nhọn. Tầm biến sắt cho thấy nó được chế tạo trong nhà máy thép của gia đình Grossman Imre, bên trong không có gì khác ngoài những âu, lọ sứ, người ta đã bỏ ra ngoài. Nếu Emerenc có đồ trang sức hay tiền mặt, thì chúng đã biến trong đồng lửa, chúng tôi không tìm thấy trong các ngăn kéo. Không một ai trong chúng tôi lần tay vào các khe hở trên các ghế bọc, trước đây “con trai cậu em Józsi” đã xem những chỗ đó. Đến khoảng giờ ăn trưa, khi người ta cảm thấy đã hủy hết mọi thứ ô nhiễm, và lẽ ra họ bắt đầu làm đến phòng bên trong nữa sau cái bếp, ông trung tá đứng ra chỉ huy. Những nhân viên khử trùng vui vẻ chấp nhận lời giải thích của ông, căn phòng kia không thể nguy hại gì đến cả chủ nhân và cả những người sống trong khu nhà, vì chiếc kết sắt không thể di chuyển được đã cách ly Emerenc với đồ đạc ở phòng trong, cả con vật lẫn con người đều không thể vào qua ô cửa đã bịt kín bởi chiếc kết sắt khổng lồ.

Những ngày nghỉ cuối tuần được kéo dài thêm bởi Quốc lễ bắt đầu, đội khử trùng hiểu ngay là cho tới lúc đó họ đã làm

được việc tốt và hữu ích, nhưng tiếp tục nữa là thừa: ông trung tá làm ở cơ quan công an khu vực, biết bà Emerenc, ông đã bảo phải để nguyên trạng căn phòng trong; đối với chủ nhà đồ đạc trong bếp và đồ dùng cá nhân bị đốt đã đủ gây sốc. Rồi bà sẽ tự xem có việc gì cần làm nữa hay không, nếu có bà sẽ gọi điện cho bên Phòng chống Lây nhiễm, xin giải quyết tiếp, nếu bà không gọi tức là mọi việc đều ổn. Cho tới khi đó, ông trung tá sẽ ký tên bên cạnh chữ ký của tôi, nhân danh công an quận nhận trách nhiệm thuộc về họ. Tất cả đều hài lòng, tay đội trưởng cũng đánh giá rằng anh ta không thấy có gì gây nguy hiểm nữa, suy nghĩ của ông trung tá là hợp lý. Họ còn làm thêm một việc là hò nhau xê dịch chiếc kết sắt khỏi ô cửa, để có thể yên tâm nói rằng họ không bỏ qua việc gì. Cánh cửa không có chìa khóa, phá thì họ tiếc, cửa gỗ còn tốt, sơn trắng vẫn nguyên vẹn là dấu hiệu cho thấy từ lần đến thăm hồi ông trung tá còn là chuẩn úy đến giờ Emerenc không dịch chuyển cái kết sắt, không vào căn phòng. Họ có thể về, trong đó không có đồ ăn, sâu bọ, từ nhiều năm nay căn phòng không có người ở. Họ chào chúng tôi rồi đi. Trong khi đó “con trai cậu em Józsi” cũng từ bệnh viện quay về, anh ta hốt hoảng nhìn đồng lửa vẫn còn cháy, anh bảo tình trạng của Emerenc vẫn thế, nguy hiểm nhất bây giờ không phải là vấn đề trái tim bà, mà là sự thúc thủ, bị động của bà. Bà không nghe theo các bác sĩ, bà khiến người ta có cảm giác bà bất cần, bà phó mặc mọi thứ, dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Lời nhắn từ Nhà Quốc hội của tôi đã đến với bà, bác sĩ điều trị bà lo lắng vì bà không phản ứng gì, dù có thể nhận thấy bà hiểu, nhưng bà không quan tâm.

Lời nhắn từ Nhà Quốc hội? Tôi phải suy nghĩ về điều đó. Thật khó tập trung ý nghĩ khi đứng trên cái hiên đầy mùi thuốc khử trùng của căn hộ gần như bị hủy hoại, cách đó một

đoạn là quá khứ của Emerenc đang bị thiêu hủy, những chiếc gối, những chiếc thìa gỗ, những đồ dùng kiểu cũ, đơn giản gắn với bao kỷ niệm, bị ném vào lửa. Bất chợt tôi không nhớ ra mình có đem chiếc hộp đựng giải thưởng về hay không trong trạng thái tinh thần mà tôi đã trải qua các sự kiện vào buổi sáng. Chắc chắn là sau khi chụp ảnh, có một tình tiết nữa, người ta đưa tôi và một đồng nghiệp khác vào ngồi trong phòng riêng, và phóng viên truyền hình hỏi tôi nghĩ thế nào, tôi biết ơn ai để có ngày hôm nay. Tôi đáp, nêu ví dụ Emerenc, người đã làm mọi việc để tôi có thời gian ngồi viết, bởi đứng sau mỗi thành quả có thể thấy được một con người vô hình, thiếu người đó là không có sự nghiệp. Trong bệnh viện, các cô hộ lý đã nghe chương trình phỏng vấn, “con trai cậu em Józsi” nói, một cô đã chạy vào chỗ bà già, bảo người ta đang nói về bà, thậm chí còn gí vào sát tai bà chiếc radio nhỏ, để ít nhất bà nghe được đoạn cuối. Emerenc lơ đãng nhìn, cũng không nói gì, tất nhiên trong người bà có nhiều thuốc, cũng có thể vì thế mà bà im lặng. Tôi nghĩ khác, Emerenc hiểu rất rõ điều bà nghe thấy, nhưng bà không chút bận tâm, trong đời bà căm ghét sự xuất hiện công khai trước công chúng và những ngôn từ bóng bẩy. Lẽ ra tôi phải ở bên bà trong móng vuốt sư tử, ở Golgotha⁽¹⁾ của bà, nhưng tôi đã không có mặt, và bà đã phải hứng chịu một mình tai họa giáng xuống bà. Và giờ đây bà không quan tâm tôi huyền thuyên những gì, huyền thuyên thì dễ, rồi ở trên linh sàng tôi cũng sẽ nhìn lên, và trong khi đám tang cử hành tôi sẽ đếm xem có bao nhiêu người đã tới. Emerenc biết rõ tôi như lòng bàn tay bà, bà biết

1. Golgotha: tên gọi ngọn đồi ở phía Tây Bắc Jerusalem, nơi hành quyết các tội nhân, cũng là nơi Chúa Jesus bị đóng đinh lên cây Thập ác, và được chôn cất ở đây.

không có sự chấn động thần kinh nào lớn đến mức tôi không thể diễn đạt nổi.

“Con trai cậu em Józsi” đến chào tôi, anh ta vội về với gia đình. Trước khi về anh ta đã an ủi tôi, một cách vụng về nhưng dễ thông cảm, về việc tôi mất phần thừa kế trong tương lai vì cái bếp bị hư hỏng. Những gì đã cháy, anh ta nói, là thiệt hại của tôi. Cho tới khi đó tôi cũng không nghĩ tới điều này, tôi không thực sự cảm thấy vui vẻ, nhưng lại cười. Mất nửa di sản được thừa kế, thật quá sự rủi ro. Còn lại hai chúng tôi ngồi trên chiếc ghế băng với ông trung tá, cô vợ trẻ xinh đẹp của ông thợ bách nghệ, cô bao giờ cũng thân thiện và chu đáo với mọi người, cô đem cà phê đến cho chúng tôi. Chẳng ai trong chúng tôi uống, chỉ nhìn và khoảng mãi tách cà phê.

“Làm sao lại đến mức này?” cuối cùng ông trung tá lên tiếng.

Lạy Chúa, tại tôi. Tôi đã thất bại. Tôi còn thấy nhẹ nhõm khi được kể với ông các chi tiết, điều gì đã xảy ra, và như thế nào, trong khi ông đi bách bộ trong những khu rừng ở Visegrád⁽¹⁾. Giá như tôi tìm được ông đúng lúc, nhiều việc đã không xảy ra, hay ít nhất cũng không như thế này. Nếu như tôi đã bỏ mặc Emerenc, chắc ông đã chia sẻ với bà khoảng thời gian ấy, khoảng thời gian duy nhất, khi bà cần đến sự giúp đỡ. Ông không nói gì, ông là con người tế nhị, sau này ông cũng không trách móc, cũng không an ủi tôi. Ông hỏi tôi định thế nào? Chẳng thế nào hết, nếu bà vượt qua được đận này, tôi sẽ đón bà về nhà tôi, và chúng tôi sẽ hủy bỏ chuyến đi nước ngoài. Ba ngày nữa, với tư cách là thành viên của đoàn Hungary, chúng

1. Visegrád: một địa danh nằm ở hữu ngạn sông Danube, cách thủ đô Budapest 43km về phía Bắc.

tôi sẽ đi Hy Lạp dự Hội nghị Hòa bình quốc tế do Hội Nhà văn Hy Lạp tổ chức, và chúng tôi định ở lại thêm vài ngày ven biển, kết hợp nghỉ ngơi. Nhưng các sự kiện đã làm thay đổi tất cả. Tôi sẽ không phụ lòng bà một lần nữa, dù sẽ không bao giờ thấy Athens, cũng không sao.

Ông nổi nóng, quát lên với tôi. Tôi đã mắc nhiều sai lầm, bây giờ tôi lại làm sự việc rối tung lên nữa sao? Các cơ quan ngoại quốc sẽ vui mừng nếu đại biểu không đến chắc. Họ sẽ nghĩ không biết có chuyện gì xảy ra, hay là người ta không cho phép tôi xuất ngoại. Tôi đừng lẫn lộn chuyện quốc gia với chuyện cá nhân, tôi phải đi, tôi ở lại cũng chẳng có nghĩa lý gì. Nếu từ giờ đến mai bà già chết, thì tôi chẳng còn gì để lo lắng, còn nếu ngày mai bà còn sống, thì theo bác sĩ, chắc chắn bà sẽ qua khỏi, và bà sẽ đợi tôi về. Một tuần ngắn ngủi chẳng là gì hết. Trong thời gian đó ông sẽ liệu, sẽ xem xét mọi việc. Phải thay cánh cửa, phải thúc nhà chức trách trả tiền đền bù những thứ họ đã thiêu hủy. Không thể để họ chính thức tố giác Emerenc, nếu một người liệt không cử động được, nếu một bàn tay tê liệt không dọn dẹp được, thì đó không phải là tội lỗi, chỉ là sự bất hạnh, bà già không cố ý gây nguy hiểm cho sức khỏe cộng đồng. Ông sẽ kiểm cho bà đồ gỗ, đẹp hơn, thoải mái hơn trong kho nhà nước chứa đồ thu gom từ các căn hộ của những người đã mất mà không có người thừa kế. Tôi đừng tranh luận với ông nữa, quan hệ đối ngoại là việc quan trọng, ông sẽ trông nom Emerenc, còn tôi và chồng tôi thì cứ hoàn thành công việc mà nghề nghiệp của chúng tôi quy định và đất nước đòi hỏi. Đến lúc chúng tôi quay về, thì cơ thể Emerenc sẽ tự nó đưa ra quyết định cuối cùng. Nếu bà có khả năng hồi phục, thì khi đó bà đã đỡ dần, nếu không thì họ sẽ đợi chúng tôi về mới chôn cất. Căn

phòng kia thì khi nào chúng tôi về mở ra vẫn chưa muộn, ngay ngày hôm nay ông sẽ cho bịt kín cửa lại bằng gỗ, sau mấy ngày lễ ông sẽ cho công an đến mở khóa cửa trong và chặn thanh ngang lại. Khi nào chúng tôi vào, sẽ quyết định có cần dọn dẹp kỹ hay không. Ông nghĩ là không, vì Emerenc không khi nào sử dụng căn phòng ấy.

Cuối cùng tôi có thể về nhà, trút bỏ bộ quần áo nóng như lửa. Tôi không ăn trưa, định cho con chó ăn, nhưng chống tôi đã thử cho nó ăn từ trước. Viola tuyệt thực, ra đường nó chỉ lết đi bên cạnh chúng tôi. Phóng uế xong sau gốc cây, nó đòi về nhà, không sữa, không uống nước. Căn bệnh bắt đầu, chúng tôi không có cách gì giúp được nó. Viola đã phản ứng với sự việc xảy ra theo cách của nó. Hơn nữa tôi cũng bỏ bữa trưa, ở trong Nhà Quốc hội người ta đã chắt cho tôi đầy đĩa, nhưng ở đó tôi cũng không nuốt nổi, và đưa ra những câu trả lời vô nghĩa cho những câu hỏi không hiểu rõ nội dung. Tôi nằm trên đi văng một lúc, rồi tôi vùng dậy, tôi cảm thấy nếu tôi không níu giữ, Emerenc sẽ chết, chỉ tôi có thể tránh cho bà được nỗi kinh hãi đang khiến cả hai chúng tôi nghẹt thở. Tôi lao vội đến phòng bệnh. Emerenc vẫn tỉnh táo, ông bác sĩ mỉm cười, nói bà đã khá hơn chút ít, bà bắt đầu nói, bà bảo cô hộ lý đáp cho bà cẩn thận vì bà không chịu được phải ở trần. Sau đó bà đòi khăn đội đầu, người ta đưa cho bà chiếc mũ của phòng mổ. Bà đội chiếc mũ nom rất lạ, nhưng nó đã khiến bà bình tâm lại. Ông nghĩ bà bắt đầu hồi phục, chúng tôi phải đem thêm cho bà quần áo và một vài thứ khác, vì bà không mang theo thứ gì khi đến đây.

Tôi gần như không dám nhìn bà, không chỉ vì những gì đã xảy ra, đội chiếc mũ của phòng mổ, hình ảnh bà không thể tưởng tượng nổi. Không phải vì chiếc mũ không hợp, mà

vì nó rất hợp với bà. Và ngay lập tức, tôi thấy Emerenc giống như một giáo sư giỏi, cuối cùng đã thể hiện được những khả năng trái nết thực sự của mình. Tôi im lặng, tôi có thể nói được gì. Ông bác sĩ không cần biết rằng tất cả khăn tắm, áo ngủ, các đồ khác của bà để trong tủ không còn gì nữa, thứ gì còn lại cũng ướt đầm nước khử trùng và đang nằm bốc hơi trên bãi cỏ. Nếu tôi đem đồ lót của mình vào, mà theo bà là những thứ đồ hớ hênh, bà sẽ nghi ngờ, bà biết khăn tắm của tôi, tôi không có đồ bằng lanh như của bà. Thôi được, rồi tôi sẽ nghĩ ra cách gì đó.

Tôi bước vào phòng, bà nhận ra ngay và liền kéo một chiếc khăn tay lên che mặt, như những bậc đế vương xưa theo truyền thống của hoàng tộc che giấu dung nhan của họ trong cơn hấp hối trước quần thần. Nhưng ở đây làm gì có chuyện chết chóc, nom bà còn tỉnh táo hơn cả buổi sáng, chỉ có điều bà không muốn nhìn tôi nữa. Thôi thế cũng được. Tôi quay ra, trước khi về nhà tôi rẽ qua quầy hàng của Sutú, bảo cô ta nếu vào thăm, hãy mang cho Emerenc một số đồ mà cô ta cho là thích hợp, như khăn tắm, đồ vệ sinh, hãy nói dối tại sao không đem đồ riêng của Emerenc vào. Vài người trong phố đang tụ tập ở chỗ Sutú, họ đang bàn nhau xem nên nấu món gì cho Emerenc. Tôi về nhà, xem khi nào người của ông trung tá đến bịt cửa bếp. Tôi biết, mình phải đợi tới khi nào người ta đến, dù là lúc nào, để ít nhất cũng giữ được một thứ nào đó cho tử tế. Sức chịu đựng của tôi đã gần tới hạn. Những vòng tròn và đường thẳng nhảy múa trước mắt tôi. Tôi sẵn lòng đổi cả sự cứu rỗi linh hồn nếu có một ai đó lay tôi và nói “đừng hét lên nữa, bà đang mơ đấy”. Mỗi lúc tôi càng cảm thấy chuyện xảy ra với chúng tôi không thể là thực, gần ấy ấn tượng khủng khiếp không thể đổ xuống đầu con người ta.

Người công an mặc đồ dân sự đến tương đối nhanh, mang theo những tấm gỗ. Từ khi tôi biết, người ta không đóng đinh vào quan tài, mà đóng nắp bằng các chốt, thế mà tôi vẫn cảm thấy như người ta đang đóng đinh lên nắp quan tài, khi anh ta đóng bốn tấm ngang, bốn tấm dọc bịt lên khung cửa đã được gia cố. Tiếng búa như báo hiệu một lúc nhiều cái chết: kết cục của một cách sống, một căn nhà, và kết thúc của thiên *saga*⁽¹⁾ về Emerenc.

Đã sắp tới giờ tôi phải tới dự buổi lễ ở Nhà Quốc hội, nhưng tôi cảm thấy người mệt như dẫn, loay hoay mãi mới mặc xong quần áo. Trước đó tôi còn gọi vào bệnh viện, tình trạng của Emerenc có khá lên đôi chút, sau khi được cho uống thuốc an thần mạnh, bà đã ngủ. Bà uống cả thuốc kháng sinh, chúng tôi hãy hy vọng. Lúc thức, bà rất ít nói, và lần nào có khách đến gần giường bà cũng kéo khăn tay che mặt. Nhiều người đến thăm bà, hơi nhiều, họ làm ống tiếp nước rung lên luôn.

Emerenc sống, bệnh tình bà đang đỡ dần, vậy là tôi có thể chuẩn bị cho buổi tối rục rờ của đời tôi. Lấy quần áo thích hợp ra, nhưng hôm nay không có chuyên gia trang điểm nào có thể sửa giúp gương mặt của tôi. Ở Nhà Quốc hội, khi tôi nói với người quen đầu tiên là rất tiếc hôm nay tôi không ở trạng thái thích hợp, thì tôi không cần phải giải thích, người ấy tin ngay. Chẳng ai bất ngờ vì tôi biến khỏi phòng lớn, căn phòng tối hôm ấy giống như một bầu trời sao mùa hạ. Những phần thưởng, những đồ trang sức lộng lẫy, những đèn chùm rục rờ phản chiếu ánh sáng trên sàn nhà từ mọi phía. Có lẽ

1. Saga (trong ngôn ngữ Slave): truyện kể dân gian về những nhân vật huyền thoại thời tiền Trung cổ ở vùng Bắc Âu.

những tối vũ hội thời xưa cũng giống thế này, nhưng tôi chỉ muốn về nhà càng sớm càng tốt, và chui lên giường nằm nghỉ. Ngày mai tôi sẽ biết nhiều hơn về bản án của mình. Nếu Emerenc chết, thì không có lối thoát. Nếu bà sống, thì cái sức mạnh cho tới lúc này chưa bao giờ cho phép tôi bị nhấn chìm, một lần nữa, lần cuối cùng sẽ giữ tôi trên những vòng xoáy của chính mình.

CHỨNG QUÊN

Tôi trải qua một đêm trần trọc, nhưng may là không mơ, tuy nhiên thỉnh thoảng lại choàng dậy xem điện thoại có đổ chuông không. Tôi đã dặn mấy cô hộ lý, thế nào cũng báo cho tôi nếu có chuyện gì xảy ra, nhưng điện thoại im lặng. Sáng dậy tôi đưa Viola đi dạo, nó ngẩn ngơ như mất hồn, vẫn không chịu ăn gì hết. Rồi tôi vào bệnh viện. Nom Emerenc có vẻ khá hơn, đúng lúc họ đang tắm rửa cho bà, và một cô hộ lý đang đưa bữa sáng tới trên một chiếc xe nhỏ. Vừa thoáng thấy tôi qua khe cửa, Emerenc vội lục lọi quanh mình, kéo chiếc khăn tay lên che mặt. Với cảm giác đắng ngắt trong miệng, tôi gõ cửa phòng bác sĩ trực, người đã ở bên cạnh bà đêm qua, dù điều tôi nghe được toàn là những tin lành: nếu bệnh tình bà tiếp tục thuyên giảm với tốc độ này, thì chúng tôi có thể yên tâm đi Hy Lạp, bà già sẽ qua khỏi. Tôi chưa thể đưa bà về, có thể vài tuần nữa, và cả khi đó cũng không thể đón bà về trong bất cứ điều kiện nào, chẳng hạn bà không được phép làm việc. Bà ấy có nhà cửa, có nơi để được chăm sóc chứ? Sao lại không, tôi nghĩ. Tôi bảo, chúng tôi định đưa bà về sống ở nhà tôi, cho đến khi bà phục hồi hẳn cả về mặt thể chất và tinh thần.

Chống tôi đi lo giấy tờ cho chuyển đi, hiện tại có vẻ như chúng tôi có thể đi được, dù tôi không muốn đi chút nào. Tôi uể oải xếp đồ đạc, với hy vọng mong manh nào đó là cho đến phút cuối nước chủ nhà sẽ từ chối, hội nghị sẽ bị hủy bỏ. Lần cuối cùng vào bệnh viện, tôi nói chuyện với bác sĩ trưởng, về

mặt sức khỏe của Emerenc, ông đảm bảo chúng tôi cứ yên tâm đi, còn về mặt tâm lý, điều gì đang diễn ra trong thâm tâm bà, đó là vấn đề của chuyên khoa thần kinh. Bệnh tắc nghẽn mạch đã gần khỏi, nó không ảnh hưởng tới trung tâm xử lý tiếng nói của não, nó ảnh hưởng tới vận động, một bên chân bà vẫn liệt. Sự im lặng của bà có lý do tâm lý. Tôi nghĩ, nếu khi tôi vào phòng bệnh bà lại kéo chiếc khăn khố khiếp ấy lên che mặt để khỏi phải nhìn thấy tôi, thì tôi sẽ không làm bà bị xúc động thêm nữa, đằng nào thì cũng chỉ có Viola là sinh linh duy nhất bà không tránh mặt, không nhìn với vẻ căm thù. Tôi ra khỏi viện mà không chào bà nữa, trong lúc lưng thưng bước về nhà tôi gặp hai người cùng phổ xách hộp thức ăn đang đi lên dốc. Ở nhà, con chó tiếp tục tuyệt thực, bây giờ tôi cũng chẳng để ý đến nó nữa, tôi cảm thấy cay đắng, có cảm giác tội lỗi và mệt mỏi, chẳng thiết gì nữa. Tôi gom đồ đạc của Viola lại, cái đệm nằm, khay đựng thức ăn, các hộp thịt dành cho chó, mang sang nhà Sutú, nhờ cô ta trông giúp vài hôm, trong khi chúng tôi đi công cán. Sang nhà Sutú, Viola uể oải ngồi xuống, nó chẳng buồn nhìn theo khi tôi đi, cứ như nó không phải là con chó của chúng tôi vậy. Tôi gói đồ như một cái máy, không có cảm xúc. Hình như ý nghĩ duy nhất của tôi là chẳng có gì quan trọng hết, cả bản thân tôi. Sau bữa tối tôi lại gọi điện vào bệnh viện, nhưng không vào nữa, vào để làm gì. Emerenc khỏe, ăn được, tôi chúc bà mau bình phục, tôi nói một cách xã giao, và gửi lời chào bà; khi đó lời nhắn gửi của tôi nghe trịnh trọng như một thông báo. Trước mắt bà đừng lo lắng về những việc chưa giải quyết, tôi nhắn qua cô hộ lý, tất cả mọi việc đều ổn, bạn bà, ông trung tá đã xử lý, nhà bà sẽ được bài trí theo trật tự mà bà muốn, và hoàn toàn sạch sẽ, thứ gì cần chăm nom sẽ được chăm nom. Tôi nghĩ bà còn thời gian để biết các việc diễn ra

sau khi bà đi, tôi còn nhắn bà đừng đợi tôi (đợi ư? bà có thèm nhìn mặt tôi đâu) trong mấy hôm tới. Tôi không thông báo với bà việc chúng tôi đi nước ngoài, tôi chỉ gọi “con trai cậu em Józsi” để anh ta biết sao chúng tôi không có nhà, giả dụ anh ta có tìm, và chúng tôi bay đi Athens trên chuyến bay đêm.

Buổi sáng trong khách sạn, điện thoại của Hội Nhà văn Hy Lạp đã đánh thức chúng tôi dậy, tôi mệt mỏi đến mức không hiểu họ nói gì, không chỉ về mặt ngôn ngữ, cả về mặt âm thanh. Có thể tôi đã trải qua một cơn sốc nhỏ nào đó, vì bỗng nhiên tôi chẳng hiểu một thứ tiếng nào hết, một cốc nước tôi cũng không yêu cầu nổi, chứ chưa nói tới việc trao đổi về các khả năng chung sống hòa bình quốc tế. Vào hội nghị chúng tôi ngồi ở hàng ghế đầu, tôi ngủ gật ngay, chống tôi đưa về phòng. Ông thay mặt tôi xin lỗi họ, những gì có thể nói, ông đã thông báo tình hình trước đó của tôi với ông chủ tịch. Có một phiên họp tôi phải chủ tọa, nhưng tôi chỉ lấp bấp một cách vô nghĩa. Thấy thế, người ta cho xe chở tôi đến một khách sạn ở Glifada và để tôi ở lại đó, còn biết làm gì với một đại biểu rõ ràng là đang ốm.

Biển Aegea rực rỡ hiện ra trước mắt tôi qua những đám mây hoa sim, hoa râm bụt, hoa nhài, hoa húng tây, nhưng tôi không cảm thấy gì hết, tôi đã ở giới hạn của sự suy sụp, chỉ có chống tôi đã chỉ cho tôi ông nhìn thấy những gì vào lúc nào. Khi chúng tôi đến nơi thì nước màu xanh, xanh ngọc, lúc hoàng hôn nó chuyển sang màu hổ phách, và khi mặt trời lặn xuống thì mặt biển màu đỏ. Ông nói với tôi thế, chứ tôi không nhìn thấy. Tôi ngủ gật hết một ngày, khi tôi tỉnh dậy từ trạng thái gần như mê man, chúng tôi đi thơ thẩn quanh Glifada, tôi không nhớ một ngôi nhà nào, cả tên cái khách sạn cũng không nhớ. Điều duy nhất tôi cảm nhận được là quanh tôi có nhiều

thứ mùi phảng phất, và sóng biển xô đẩy xác một con chó. Lúc đó tôi nhớ tới Viola, lướt qua, như thể tôi mơ thấy cả nó, cả tôi nữa, tất cả những gì diễn ra với tôi, giải thưởng, Emerenc, các loại thuốc khử trùng, cánh cửa bị rìu phá hỏng.

Năm ấy Lê Phục sinh đến sớm, đầu tháng Tư, ngày cuối cùng chúng tôi ở bên đó là thứ Sáu trước lễ. Tôi nhớ chúng tôi đã đi nhà thờ, Christ được quàn trên linh sàng, ngoài cửa nhà thờ là một chiếc rổ mạ vàng đựng đầy cánh hoa hồng. Người vào rắc cánh hoa hồng lên thi thể Con của Chúa, tới khi hoa phủ kín hết. Sau đó người ta kéo một chiếc chuông nhỏ đặt trên để riêng, những người cao tuổi trong làng đứng quanh để chuông. Khi họ nhìn thấy chúng tôi ở cửa nhà thờ, chúng tôi cũng rắc cánh hoa hồng lên thánh thể, họ đến mời chồng tôi lại và ra hiệu cho ông cùng khóc Đức Chúa. Tôi còn nhớ, khi chồng tôi rung chuông, gió biển thổi tung mái tóc vàng, dày đã chớm bạc của ông. Sau đó ông đưa dây kéo chuông cho tôi, già làng có thể đã hài lòng với tôi, vì trong khi kéo chuông nước mắt tôi đã chảy, nhưng việc tôi khóc chẳng liên quan gì tới buổi lễ, chỉ là chuyện của riêng tôi.

Hôm sau chúng tôi quay về Athens, rồi về nước từ sân bay Helicon. Chuyến bay cũng chẳng khác gì những chuyến bay khác. Hội Nhà văn Hy Lạp đối với tôi quá tốt, những người đồng nghiệp đặt vào tay tôi túi quà đầy tặng phẩm như thể họ cảm nhận được tôi vừa bị xe lửa cán qua. Họ còn tiễn chúng tôi ra sân bay, và nếu sau này không bao giờ họ mời các nhà văn Hung nữa, thì đó là do lỗi của tôi.

Ngồi trên máy bay, chúng tôi thỏa thuận chồng tôi sẽ đưa đồ đạc về nhà, tôi sẽ đến thẳng bệnh viện. Thở dốc khi bước vào thang máy, tôi tưởng tượng ra mọi khả năng, vì trong những ngày vừa rồi bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Biết

đâu sự việc có thể xấu đi, và Emerenc đang chờ được chôn cất ở đâu đó trong phòng lạnh dưới tầng hầm; hoặc giả dụ bà còn sống, nhưng còn khổ tâm hơn, vì bệnh tình của bà không thể cứu chữa nổi; hay một ai đó đã đưa bà đi nơi khác mà không hỏi ý kiến tôi, vì xét về luật thì giải quyết vụ này là việc của “con trai cậu em Józsi”. Nhưng tôi không nghĩ đến khả năng đang đợi: tiếng cười vang đến tôi từ xa trên hành lang, tiếng cười đặc biệt của bà mà tôi nhận ra giữa tiếng của mọi người. Thấy tôi bắt đầu chạy, các cô hộ lý mỉm cười với tôi, một người còn nói gì đó, nhưng ai còn có thời gian để mà nghe. Tôi chạy về phía cửa, nơi vọng ra tiếng cười. Căn phòng đông chật người đến thăm, rõ ràng ở đây Emerenc cũng đã cảm hóa được tất cả, vì bình thường người ta không chấp nhận để chứng này người vào thăm bà. Người ta xúm quanh giường bà, Sutú đang dọn chỗ đồ ăn thừa, tất nhiên không phải đồ ăn bệnh viện, mà là đồ ăn do người hàng phố đem vào. Những chiếc đĩa, cốc, khay lạ chất đầy trên bậu cửa sổ. Emerenc ngồi quay về phía cửa, tựa lưng vào những chiếc gối. Qua vẻ mặt những người xung quanh, bà nhận ra có khách mới quan trọng đến. Bà vẫn tươi cười quay lại, chắc bà nghĩ là bác sĩ. Vừa nhận ra tôi, máu dồn lên mặt bà, như thể một đợt thủy triều quét sạch đi mọi nét vui vẻ. Lúc này, khi tôi trở về, bà đã sử dụng được cả hai tay, mấy bữa trước bà mới chỉ dùng tay phải vụng về kéo chiếc khăn tay. Đang để đầu trần ngồi với mọi người, nhìn thấy tôi, bà liền che mặt lại. Những người đến thăm chợt im bật. Một cử chỉ thô lỗ, như thể bà tát vào mặt tôi. Bỗng nhiên mọi người đều có việc gấp, họ vội vàng từ biệt. Sutú quên cả nhắc đến con chó, cô hấp tấp đến nỗi khi ra tới cửa mới quay lại giơ mấy ngón tay ra hiệu. Tôi hiểu ra, sáu giờ hoặc tôi sang nhà cô, hoặc cô sang nhà tôi, chúng tôi sẽ nói chuyện.

Không khi nào tôi lại nghĩ mọi người tể nhị đến vậy, và họ cảm nhận chính xác đến thế rằng trong lúc tôi đi vắng, Emerenc đã cân nhắc, đánh giá tôi và bà thấy tôi nhẹ ký, không hiểu vì sao, không ai hiểu, nhưng cũng chẳng cần tìm hiểu ngọn ngành, tốt nhất là nên tránh xa vụ này, phải đạo hơn cả là không nên ở lại.

Lần đầu tiên kể từ khi chuỗi các sự kiện xảy ra, tôi cảm thấy phần uất, không thể kiểm chế nổi. Lạy Chúa, bà trách móc tôi vì tội tình gì? Tôi không bỏ mặc cho bà chết ư? Nếu không được truyền tiếp, không có thuốc, thì bà đã chết. Tôi đã không ở bên bà, vì không thể ở được, có phải tôi thích đi đâu, mà tôi có đi chơi đâu, tôi đi làm việc, nếu có ai thì bà là người phải biết đối với tôi truyền hình cũng là công việc. Nếu bà không muốn nhìn mặt tôi, thì mặc bà. Rồi “con trai cậu em Józsi”, ông trung tá, Sutu, Adélka sẽ đến, ở đây chẳng cần đến tôi. Tôi cũng chẳng cố chào hỏi bà, hay bắt đầu giải thích với bà, tôi biết Emerenc rõ hơn thế. Hãy cứ kệ bà núp sau tấm khăn ấy cho đến ngày tận thế. Chẳng phải vì muốn ấn tượng này mà tôi đã hoài công chạy đến bệnh viện trong lúc mệt bã người, thay vì về ngồi ngâm mình trong bồn tắm ở nhà. Tôi quay ra, đi về phía thang máy, thì cô hộ lý chặn tôi lại.

“Thưa nữ văn sĩ,” cô ta bắt đầu, vẻ ngập ngừng như muốn tìm từ ngữ thích hợp. “Sức khỏe của bà cụ không được tốt, mọi người chỉ tưởng vậy thôi. Bà cụ chỉ làm bộ thể trước mặt mọi người. Lúc khác bà chỉ im lặng.”

Thì cứ mặc bà ấy im lặng. Nhìn mặt tôi, cô ta thấy còn phải nói thêm.

“Bà cụ hồi phục có vẻ nhanh, nhưng chỉ là bề ngoài,” cô ta tiếp tục. “Hôm trước mọi thứ còn chưa xác định được, nhưng hôm nay thì đã rõ, bà có thể cử động được tứ chi, nhưng không

thể đi được. Ngày nào ông trung tá cũng vào, chúng tôi đang suy nghĩ xem tới đây sẽ thế nào.”

Được rồi, nếu ông trung tá ngày nào cũng vào, thì tôi càng có thể về. Rồi dần nhạc công an nữa, có khi cả đội thiếu niên cũng sẽ đến. Tôi có cố gắng cũng vô ích, hàng phố đã cấp đủ đồ ăn và chuyện phiếm, ông trung tá thì lo việc an ninh cần thiết. Nếu không cần đến tôi thì thôi. Tôi hạ mình thế là đủ rồi.

“Thật tốt, nếu như bà...”

Cô hộ lý ngừng lời. Tôi hiểu cô muốn nói gì, từ ngữ là nghề nghiệp của tôi. Tôi không được tự ái, hãy nuốt giận, hãy bỏ qua mọi động thái của Emerenc, vì bà không chỉ sắp bại liệt, có khi còn không sống được bao lâu nữa. Vô lý, làm gì có chuyện ấy! Bà ấy sẽ sống mãi, tôi không lo lắng cho bà.

Giờ đây, khi đánh máy những dòng này, tôi cảm thấy đó là lúc tôi quyết định lần thứ hai và vĩnh viễn về số phận của bà, đó là lúc tôi buông tay bà.

“Dù sao, tôi sẽ gọi điện nếu bà cụ cần đến bà.”

“Không, cô đừng mất công gọi điện, bà ấy sẽ không cần đến tôi đâu, bà ấy không có nhu cầu gì cả về mặt thực tế, cả về mặt tình cảm đối với tôi.”

Tôi lững thững về nhà, chồng tôi chỉ im lặng khi tôi kể lại. Một lúc lâu ông không đáp, rồi ông nói ra câu tôi không chờ đợi, một câu nói bất ngờ. Ông thở dài bảo: “Emerenc thật đáng thương.”

Emerenc đáng thương! Trong giây phút đó tôi thấy gần gũi với vị linh mục của chúng tôi nhất, tôi đã tranh cãi với ông rất nhiều về bản chất con người của Emerenc.

“Đôi khi em bất công đến kinh ngạc,” chồng tôi nói. “Sao em không hiểu được điều rõ ràng đến vậy? Mọi người khác đều hiểu, cả phố này, cả ông trung tá nữa. Vì chuyện em kể quá rõ ràng.”

Cái gì “quá rõ ràng”? Tôi nhìn ông, giống như Viola nhìn khi nó không hiểu rõ lời sai khiến, và cố gắng giải mã những tín hiệu lập trình thiếu chính xác của tôi. Tôi đã phạm phải sai lầm gì nữa, ngoài việc đã làm vào cái ngày bất hạnh ấy? Từ đó tới nay cuộc đời tôi là sự cắn rứt lương tâm liên tục, không một phút nào thanh thản. Buổi nhận giải thưởng, buổi dạ hội đã trôi qua trong sự run rẩy vô thức, chuyến đi Athens là địa ngục, hoặc tôi ngủ, hoặc là các ý nghĩ lớn vờn quanh tôi như lũ chó sói.

“Emerenc thấy xấu hổ với em và với dân phố, nên bà ấy vờ như mắc chứng quên, vì như thế thì dễ chịu đựng ý nghĩ rằng bà đã nằm trước chúng ta giữa đồng như nhuốc, với lòng kiêu hãnh đã vỡ vụn ra từng mảnh. Chẳng lẽ anh phải dạy em sự hổ thẹn là gì, chính em đã đưa đến cho bà ấy kết cục định mệnh này, vì ý tưởng hành động là của em? Em đã đưa bà ấy vào tình huống bất khả kháng, con người sạch sẽ nhất trong những người sạch sẽ, với những bí mật của bà, trong khi lẽ ra em phải bảo vệ bà bằng bất cứ giá nào, vì em là người duy nhất trên mặt đất, bằng ngôn từ, có thể khiến bà mở cánh cửa ấy. Em là Judas⁽¹⁾, em đã phản bội bà ấy.”

Vậy ra giờ đây tôi còn là Judas nữa? Tôi mệt sắp chết và muốn đi nghỉ chưa đủ hay sao? Tôi đã chán ngấy cả rồi, và tôi nghĩ đây không phải là lúc ông lên lớp cho tôi, tôi muốn đi nằm. Sutu hẹn sáu giờ, tôi bảo chống tôi nếu đến lúc ấy tôi chưa dậy thì hãy đánh thức. Tôi chui vào giường trốn chính mình và trốn Emerenc. Tôi tưởng sẽ nằm bẹp vì kiệt sức, nhưng cuối cùng tôi cũng không nghỉ ngơi nổi, khi nghe tiếng sủa và tiếng cào móng chân báo con chó đã được đưa về, tôi là người

1. Judas: Theo *Tân ước*, là một trong mười hai sứ đồ đầu tiên của Chúa Jesus, nhưng đã phản bội Jesus và đem Jesus nộp cho các chức sắc Do Thái.

ra mở cửa. Viola gầy, nhưng hạnh phúc, lần đầu tiên nó mừng rỡ thật sự khi thấy chúng tôi, như thể nó muốn tỏ ra rằng nó đã về nhà, và ít ra nó đã gặp chúng tôi. Có thể điều này nghĩa là cơn ác mộng của nó sẽ chấm dứt và Emerenc cũng sẽ trở về. Tôi cảm ơn Sutur đã trông nom con chó, và hỏi xem phải trả cô ta bao nhiêu, cô nói số tiền vừa phải, và tôi đã trả cho cô. Nhưng cô ta chưa muốn về.

“Thưa nữ nhà văn,” cô ta bắt đầu, “bà phải biết điều này, nếu bác sĩ và các cô hộ lý không nói cho bà. Emerenc đang khỏi bệnh, nhưng rất lạ, bà ấy chỉ nhớ lồm bồm những việc đã xảy ra. Bà không biết gì về những việc trước đó, cả chiếc rù, cả những người cấp cứu, cả việc bà đã cố cưỡng lại. Bà hỏi người ta đã đưa bà vào thế nào, tôi bảo Emerenc là bà đã lo liệu. Việc bà ấy hỏi nhiều nhất là người ta có đóng cửa lại cẩn thận không, chúng tôi bảo dĩ nhiên là đóng ngay lập tức, và chìa khóa để ở chỗ nữ nhà văn. Emerenc chỉ biết những gì mà ông trung tá khuyên chúng tôi kể cho bà: một hôm chúng tôi gõ cửa mãi không thấy bà ấy đáp lại, chúng tôi hoảng hốt chạy sang chỗ bà, bà gọi cũng không được, khi đó thì chúng tôi đã biết chắc là có chuyện chẳng lành, ông *đốc tờ* đã cạy cửa (cả phố gọi chống tôi là *đốc tờ*, tôi thử tưởng tượng ông với thanh sắt trong tay, nhưng không nổi), chúng tôi thấy bà nằm ngất sau cửa, ông thợ bách nghệ đã bế bà ấy lên và chúng tôi đưa bà ấy vào bệnh viện bằng xe của ngài Brodarics, người ta chăm sóc bà ấy từ đó tới nay. Không ai nói một lời nào về các nhân viên khử trùng, về lũ mèo cũng không, không nói gì hết. Việc bà đi Athens cũng không ai nói. Bà hãy nói chuyện với bà ấy làm sao để bà ấy tin rằng mọi thứ vẫn còn nguyên. Nữ nhà văn đã đóng cửa lại ngay, nhưng bà vẫn sang hằng ngày và trông nom mọi thứ. Sau này bà ấy biết rằng không còn căn phòng, rằng những việc kinh khủng

đã xảy ra trong căn nhà ấy, cũng chưa muộn. Mọi người đều đối xử với Emerenc rất tử tế, ông trung tá nói dối trơn tru như nước chảy, cả anh chàng Szeredás nữa. Theo những gì Emerenc được biết cho tới lúc này, thì bà ấy sẽ khỏi bệnh, chỉ có điều tôi không biết khi biết rõ sự thật, bà ấy sẽ phản ứng ra sao.”

Tôi lặng im, dù biết Sutú chờ một lời khen, và cô ta cũng đáng được khen. Dân phố đúng là đã xuất sắc vượt qua đợt sát hạch về lòng tốt, về sự tế nhị, nhưng tôi vẫn im lặng, vì tôi mới là người hiểu Emerenc thực sự. Cuối cùng thì ánh sáng nhận thức cũng xuyên qua bóng tối dày đặc, và tôi bắt đầu xem xét lại vấn đề. Chứng bệnh quên của Emerenc, thật vô lý! Làm sao nó có thể ăn nhập được với chiếc khăn kéo lên mặt bà? Cả đời mình Emerenc như một bà hoàng, và bà điều khiển trí nhớ của mình cho hợp với thực tế đòi hỏi. Tôi không bất ngờ mà sợ hãi vì nhận biết của mình. Khi bắt tay tạm biệt, Sutú nhận xét các ngón tay tôi lạnh, hay trong người tôi có bệnh tật gì.

Chồng tôi cũng đi đến kết luận giống tôi, chúng tôi không cần tranh cãi. Tôi ngồi phịch xuống ghế, xoa xoa bộ lông của Viola, tôi cần suy nghĩ xem mình phải làm gì. Tôi gọi ông trung tá, nhưng không gặp được ông. Người ta hứa sẽ nói với ông, để ông gọi lại cho tôi. Tôi gọi anh cháu bà và nói chuyện với anh ta, anh ta đang sống trong thế giới lạc quan của Sutú. Ông Chúa nhân từ, anh ta nói, bà bác anh không nhớ gì, sau này, khi đã có một căn phòng bài trí đủ đồ gỗ, mới sơn sửa sạch sẽ đợi bà về, thì rồi thế nào cũng có thể an ủi được bà.

Không phải tôi biết nhiều hơn về y học, mà tôi hiểu rõ Emerenc hơn: tôi đã nhìn thấy bà tiêu hủy bữa ăn tối nấu cho khách bị ế như thế nào, tôi đã đi lòng vòng với bà trong hệ thống hành lang rắc rối của ký ức. Liệu Emerenc có thể quên đi lũ mèo của bà? Không thể có chuyện ấy, nếu không bà đã chẳng

quan tâm đến căn hộ. Bà nhớ hết, chỉ không dám hỏi một cách công nhiên. Ban đầu sự say choáng do thuốc tây có thể làm mờ nhạt đi ký ức của bà, nhưng sau này, loạt hình ảnh bị dồn nén vào khung đường viền mờ ảo càng ngày càng sinh động hơn, và nếu bà hiểu Sutu và dân trong phố thì bà phải biết rõ về căn nhà với lũ mèo, với con vịt chưa mổ, với con cá đã ương thối, với tất cả các thứ vây quanh bà vào giai đoạn cuối, khi bà nằm liệt một thời gian, nhưng bà đã giấu kín, vì bà hy vọng cũng sẽ vượt qua đận này, như bà đã từng vượt qua vực thẳm cuộc đời mình biết bao lần. Người ta không dám nói cho Emerenc khổ nỗi, bà thì không dám hỏi cho rõ sự thật, bà chỉ quờ quạng theo những cái bóng. Tồi nhạy cảm để làm gì, đây không phải là lúc trách móc xem bà đã xúc phạm đến ai, và liệu một người đau ốm có thể xúc phạm ai. Đi thôi, đến bệnh viện, trong vở kịch này chỉ có một nhân vật chính, đó là Emerenc chứ chẳng phải là tôi. Đây là một vở độc diễn.

Bà không ngồi một mình. Vợ ông giáo sư đến thăm, Emerenc đang vui vẻ trả lời người đến thăm. Hóa ra chị ta cũng đã nói giúp Emerenc. Trong viện có lẽ người ta ngạc nhiên vì có bao nhiêu người quan tâm đến bà già. Người phụ nữ trẻ xinh đẹp này là vị khách quan trọng và bất ngờ đến thăm, trước mặt chị ta bà không dám diễn lại trò che mặt, nhưng khi khách vừa đứng dậy, bà liền thò tay lấy chiếc khăn tay. Tồi không nhầm, không thể nhầm, đầu óc bà hoạt động không hề sai sót, vợ ông giáo sư vô can, rõ ràng chị ta không biết chuyện gì, trước mặt chị ta bà không cần che mặt. Với tôi thì khác, thấy tôi lại gần là bà che mặt như thấy tu mặc áo tể, và né tránh tôi, né tránh sự hổ thẹn. Tồi nhìn quanh, trên bàn, giữa những dụng cụ y tế vẫn còn tấm biển ghi “Không phận sự miễn vào!” để lại từ khi cấp cứu cho bà. Tồi đem treo nó lên tay nắm cửa phía ngoài,

rồi quay vào giật tấm khăn che mặt Emerenc xuống, ném lên chiếc giường bỏ trống bên cạnh. Bà không lấy lại được chiếc khăn, buộc phải đối mặt với tôi. Trong mắt bà là nỗi tức giận và căm thù.

“Thôi, chúng ta bỏ trò đó đi!” tôi nói. “Nếu bà ghét tôi vì đã không để cho bà chết, thì tôi chấp nhận, nhưng đừng có trùm kín đầu nữa, mà hãy nói thẳng ra, không thể tiếp tục thế này nữa. Tôi muốn làm việc tốt, việc đó không được như ý tôi muốn, nhưng tôi chỉ muốn điều tốt, dù bà không tin đi nữa.”

Bà nhìn tôi chăm chăm, nom bà vừa như một thám tử lại vừa như một quan tòa, và bất chợt một giọt nước mắt lăn xuống từ khóe mắt bà. Tôi biết bà khóc điều bí mật không còn là bí mật của mình, khóc lủ mề mà bà không dám hỏi về số phận của chúng, hình ảnh méo mó khủng khiếp của cách ứng xử bao giờ cũng kiêu hãnh của bà, chiếc rìu, cái chết của một huyền thoại và sự phản bội của tôi. Bà không nói, nhưng tôi biết Emerenc sẽ cảm thấy tôi yêu bà, nếu như tôi chấp nhận để bà tự kết tử mình trong lúc cùng cực và bất lực, chứ đừng phớt bầy sự hổ thẹn của bà trước dân phố cho tới khi đó bao giờ cũng nhìn bà với con mắt kính trọng. Emerenc không tin vào thiên đường, bà tin vào khoảnh khắc hiện tại. Khi tôi khiến bà mở ra cánh cửa nhà bà, trật tự thế giới bị đảo lộn, và nó đã chôn vùi bà. Tại sao tôi đã làm điều đó? Làm sao tôi có thể làm điều đó? Không một từ nào được nói ra về chuyện này, nhưng những câu không được nói ra vẫn lơ lửng giữa hai chúng tôi.

“Emerenc,” tôi tiếp tục, “nếu việc xảy ra ngược lại, bà có để mặc cho tôi chết hay không?”

“Tất nhiên rồi,” bà đáp lạnh lùng. Mắt bà đã ráo hoảnh.

“Và bà không thương xót tôi ư?”

“Không.”

“Nhưng dù tôi không cứu bà, thì rồi mọi việc cũng sẽ vỡ lở, con cá, lũ mèo, những thứ như bản.”

“Thế thì sao? Giá như bà cứ để tôi chết, khi đó thì dù có vỡ lẽ ra chuyện gì cũng có sao. Một người đã chết còn biết gì, nhìn thấy gì, cảm nhận được gì? Chỉ có bà tin rằng sau cái chết người ta đợi bà ở trên kia, rằng nếu Viola chết nó cũng sẽ lên trên đó, cả căn nhà và tất cả sẽ như hiện tại, một nàng tiên sẽ mang lên cả cái máy chữ, cả cái bàn của ông bà để lại, và tất cả sẽ tiếp tục. Bà mới ngốc làm sao chứ! Đối với người chết thì thế nào chẳng được, người chết là một số không. Sao bà chưa nhận ra điều này? Dù bà đã khá lớn tuổi.”

Nghĩa là không chỉ nổi hổ thẹn, mà cả sự bức tức và thù hận. Thế cũng xong, nhưng nếu vậy thì bà đừng chờ đợi ở tôi sự ăn năn hối lỗi, tôi không phải là Adélka.

“Vậy thì cái hầm mộ để làm gì, Emerenc? Bà định quy tập cha mẹ, hai đứa em sinh đôi vào cái hầm mộ cổ tích ấy để làm gì? Nếu vậy thì chỉ là một cây cắm quỳ bên rãnh nước cũng đủ. Một loài cỏ dại.”

“Với bà, chứ không phải với tôi, và những người thân đã khuất của tôi. Cứ để gia đình bà nằm với đám cỏ quỳ. Người chết không cảm thấy, nhưng họ đòi hỏi danh dự và sự tôn trọng, và chúng ta phải dành cho họ. Nhưng bà thì biết gì về danh dự, bà tưởng từ Nhà Quốc hội bà ném cho tôi một mẩu xương ngon, thế là tôi đặt tay lên trái tim mình và tôi sẽ tận tụy với bà như con Viola hay sao? Bà cứ đợi đấy. Trả lời phỏng vấn thì bà biết, nhưng ở lại đó khi cần (nếu như bà đã giật tôi ra khỏi tay Thần Chết), để che giấu sự khốn cùng của tôi trước thế gian, thì bà không có thời gian nữa. Bà hãy đi khỏi đây, đi

mà làm một bài phỏng vấn nữa. Lại còn dám nói nhờ tôi mà bà nhận được cái giải thưởng ư?”

Bà biết mình làm gì, khi đổp chát thẳng vào mặt tôi, chúng tôi hiểu nhau. Tôi đứng dậy. Chưa ra khỏi phòng, tôi nghe bà nói với theo:

“Ít ra thì bà cũng đã thu dọn rác rưởi? Cho lũ mèo ăn uống tử tế? Bịt tạm cái cửa lại rồi chứ?”

Trong một giây phút cảm dỗ như muốn trêu ngươi, tôi định nói bà chỉ còn nửa căn nhà, cửa đã mất, lũ mèo cũng biến hết. Nếu như chịu nhường sự cảm dỗ, có lẽ tôi không bao giờ tha thứ nổi cho mình buổi tối hôm ấy, nhưng may thay lần này tôi không mắc sai lầm. Tôi bảo ngoài tôi ra không ai bước chân vào nhà bà, ông bác sĩ đã kéo bà ra, chống tôi và ngài Brodarics đã đóng lại cửa, chỗ cửa bị vỡ đã được bịt bằng một tấm ván cán bột, mèo không chui ra được qua chỗ ấy. Sau khi người ta chở bà vào viện, ngay tối hôm ấy tôi đã dọn dẹp hết cả, hôm sau chỉ còn mấy việc vặt, việc đánh sạch nền nhà hơi khó khăn, nhưng rồi cũng ổn. Rác bẩn tôi không đổ vào thùng rác của bà mà rải đều vào các thùng rác trong phố, ở phía bên kia đường để chẳng ai nghi ngờ gì. Tôi nói như nước chảy, kể vanh vách như đọc một truyện ngắn. Lũ mèo vẫn bình thường, tất nhiên ngoài con tôi đã chôn dưới gốc hồng đại. Hiện chúng ăn thịt vì tôi không có thời gian nấu. Bây giờ tôi vội về, vì hôm nay chúng tôi cũng chưa ăn, chỉ lũ mèo là đã ăn no, và lại trời sắp mưa.

Và tôi định bước ra, chừng ấy đã quá đủ cho một ngày. Emerenc khiến tôi dừng lại, bằng lời. Bà gọi: Magduska⁽¹⁾.

Chỉ cha mẹ tôi đã gọi tôi như vậy, không một ai khác. Tôi đứng sững lại, chờ xem điều gì sẽ xảy ra. Tim tôi đập mạnh,

1. Tên gọi âu yếm, thân mật của Magda (tên nữ nhà văn).

cảm thấy các cung bậc tình cảm trào dâng trong lòng, nổi xấu hổ vì đã nói dối, hy vọng, ý thức tội lỗi, cảm giác nhẹ nhõm. Bà khẽ giơ tay lên, vẫy tôi lại gần giường. Bà lại gọi tên tôi, có một cái gì đó khác lạ, một điều gì đó nhiều hơn trong tiếng nói, trầm kín sâu xa, sự rung động bí ẩn như luồng điện. Giọng nói gần như thì thào, nhưng không khó chịu, như tiếng một tấm màng mỏng nứt rạn, hay như thể tiếng kéo lê một tấm thảm. Tôi ngồi xuống bên giường bà, bà nắm tay tôi, xem xét kỹ từng ngón tay, rồi bà nói.

“Tất cả những thứ hồi thối ấy ư? Những thứ thối rữa, bẩn thỉu ấy? Bằng bàn tay vụng về này? Và bà đã làm một mình để khỏi ai nhìn thấy? Vào ban đêm?”

Tôi quay mặt đi, không chịu đựng nổi ánh mắt của bà. Đó là giây phút sống sót nhất, xúc động nhất của đời tôi, khi bà đột ngột há mồm, cắn chặt những ngón tay tôi bằng hàng lợi không răng của bà. Nếu một ai đó nhìn thấy chúng tôi, người đó có thể nghĩ chúng tôi là những kẻ bệnh hoạn hay điên khùng. Chỉ có điều tôi biết cử chỉ đó có nghĩa là gì; khi Viola đã không thể diễn đạt nổi điều gì đó bằng âm thanh, nó thường găm nhẹ, đó là thứ ngôn ngữ của loài chó biểu hiện sự say mê và niềm vui sướng tột độ. Emerenc cảm ơn tôi, vì bà đã nhầm, tôi không phản bội bà. Đúng là tôi đã cứu bà, bà không trở thành đối tượng bị châm chọc, đúng là dân phố không biết gì hết, họ không nhìn thấy sự nhơ bẩn, phẩm giá của bà vẫn nguyên vẹn, bà có thể yên tâm trở về nhà. Trong cuộc đời tôi, khi nhìn lại quá khứ, ít có những giây phút khiến tôi rùng mình. Đó là một khoảnh khắc như thế. Chưa khi nào trước và sau đó tôi cảm thấy một cách rõ rệt như vậy, cùng một lúc, cả sự ghê sợ và sung sướng. Tất cả đều đã ổn, lũ mèo của Emerenc đuổi nhau quanh chúng tôi, những cánh cửa chớp giữ cho bóng tối

đủ an toàn, giữ chiếc ghế tựa đôi, giữ cả cái vương quốc từ lâu đã biến thành mây khói của Emerenc. Tôi rút những ngón tay lại, cảm thấy điều này đã vượt quá sức chịu đựng của mình. Tôi biết mình đã khóc, khi thấy Emerenc đưa tay lau quanh mắt cho tôi. Bà hỏi tôi làm sao vậy, vì bây giờ chắc chắn bà sẽ trở về mà không phải hổ thẹn, và bà hứa sẽ mau lành bệnh. Tôi chỉnh trang lại mặt mũi, trước khi bước ra ngoài. Emerenc gói chõ bánh ngọt, mấy thanh sô cô la và bảo tôi mang về cho Viola.

SUTU

Sự phục hồi của bà tiến triển đều đặn, quanh khuôn mặt tuyệt đẹp không nếp nhăn của bà những lọn tóc dày bị cắt lúc khỉ trùng mọc ra mỗi ngày một dài hơn. Mọi người, các bác sĩ, người cùng phố đến thăm, ông trung tá đều nhận ra, vì một lý do nào đó tâm hồn bà đã trở nên nhẹ nhõm. Bà càng thanh thản và vui vẻ bao nhiêu, mỗi ngày tôi càng trở nên căng thẳng bấy nhiêu, vì tôi càng dính sâu vào sự giả dối không thể tháo gỡ nổi. Tôi lại nói chuyện với bác sĩ điều trị của bà, ông không hài lòng lắm vì sự việc đã hình thành như vậy, nhưng cũng không biết khuyên tôi điều gì khác hơn là hãy trì hoãn việc nói ra sự thật càng lâu càng tốt, tới khi nào ông trung tá sơn xong bếp, bài trí xong đồ đạc, tới khi có cánh cửa mới. Tôi cũng chẳng buồn giải thích với ông rằng, dù chúng tôi có đặt vào nhà Emerenc một phòng của hoàng cung đi nữa, cũng chẳng xong, đơn giản là vì thứ bà đã thích không thể thay thế được. Nếu muốn thay đồ gỗ, thì bà đã thay từ lâu, nhưng có trời biết những kỷ niệm gì gắn bó bà với căn bếp, trong đó không có lấy hai thứ đồ đạc giống nhau. Còn một mối nguy khác, bà không chỉ từ chối tất cả, mà sức khỏe bà sẽ lại suy sụp, vì bà sẽ biết ngay rằng, phải thay đồ gỗ mới tức là đã xảy ra chuyện gì đó với đồ gỗ cũ. Và nếu đúng thế, nghĩa là tôi đã nói dối. “Ông hãy hiểu rằng,” tôi nói với ông bác sĩ, “bà cụ này đang sống với niềm tin là tôi đã giữ kín được bí mật của bà, bà không phải hổ thẹn trước hàng phố, bà có thể yên tâm trở về, hơn nữa

bà không chỉ có một mình, cả lũ mèo cũng chờ bà.” “Rồi bà ấy sẽ vượt qua,” ông bác sĩ an ủi tôi. Tôi thất vọng nhìn ông, ông không hiểu tôi, cũng chẳng hiểu Emerenc.

Để ít ra bà có thể nhận lại được lũ mèo, cả khu phố đi tìm. Tôi không miêu tả nổi hình dáng của chúng, vì tôi cũng chỉ nhìn thấy chúng một lần, tôi nhớ trong số chúng có con đen trắng, có con khoang. Chúng tôi tìm thấy xác một con mèo xám bên cạnh đường quốc lộ, về lý thuyết có thể đó là một trong những con mèo của Emerenc, ngoài ra không thấy thêm bóng dáng một con nào nữa. Bây giờ tất cả chúng tôi đều sợ cái điều trước sau gì cũng không tránh khỏi. Hiên nhà Emerenc lại chật cứng người, số người quan tâm đến việc của bà đông thêm, người ta đem thêm ghế tựa, ghế đẩu đến để ngồi bàn tán về vấn đề của bà già. Có thể thấy Sutur đã trở thành chủ tọa, người ta còn mang tới những con mèo vô chủ để cô ta xem xét, Adélka cũng háng hái tham gia vào việc kiểm tra mèo, dù bà ta cũng chẳng nhìn thấy lũ mèo của Emerenc lâu hơn chớp mắt.

Duy nhất có Viola không muốn bước vào hiên, nó cảm thấy mùi lạ, thấy thứ hơi phả ra từ căn nhà thiếu thân thiện, đáng sợ. Trong những ngày này, ở con chó đã bắt đầu một quá trình sẽ kéo dài mấy tháng liền, cũng may là không kết thúc một cách bi kịch, và đó là nhờ ông trung tá. Ông đã gửi thư đến các trạm gác, đến người trông coi công viên, các cơ quan thuộc hội đồng quận, và nhắc họ về một con chó đi hoang, có mô tả hình dạng, tên nó là Viola, nó đi tìm chủ, nếu ai tìm được xin đưa nó về nhà tôi. Sau khi chúng tôi từ Athens về được mấy hôm, Viola thường xuyên trốn ra ngoài, nó đi khắp cả quanh vùng, nó tới cả bãi rừng, nó đi tìm Emerenc. Một lần nó về tìm tôi, nó sủa gọi tôi ra, có vẻ như nó muốn chỉ cho tôi cái gì đó. Nom nó rất hồi hộp và sốt sắng, nó dẫn tôi chạy qua hai phố

nhỏ, tới một hàng rào, rồi nó nhìn tôi vẻ hối lỗi, như muốn xin tôi đừng giận, điều nó muốn chỉ cho tôi lúc này không còn ở đó nữa, nhưng đúng là nó đã nhìn thấy. Tôi hiểu ra ngay vì sao nó gọi tôi tới đây: nó đã nhìn thấy một trong những con mèo của Emerenc trong khu vườn, con mèo không chạy trốn nó vì chúng biết nhau, chỉ đến khi nó quay về gọi tôi, thì con mèo mới lẫn mất. Sau này chúng tôi ngờ xác một con mèo khác là của Emerenc, mấy bà thấy bên cạnh chợ, có thể thấy con mèo đã bị chó cắn chết, đó là con mèo đen trắng, ngực có những hình sao. Có thể nó đã có một kết cục như vậy, vì Emerenc đã dạy chúng không phải sợ kẻ thù truyền kiếp, chó không làm gì chúng, nên nó không chạy trốn. Những con khác đều mất hút, như chúng chưa bao giờ từng sống.

Tôi không vào bệnh viện hằng ngày nữa, tôi không có thời gian, cũng thấy không cần thiết. Lúc đầu tôi lẩn tránh những lo ngại và ý nghĩ, nhưng không xong. Tôi muốn viết, nhưng khả năng sáng tạo là kết quả của một trạng thái ân huệ nào đó, để có thể thành công cần hội tụ bao nhiêu điều kiện, sự hồi hộp và bình thản, sự tĩnh tâm và trạng thái căng thẳng vừa ngọt ngào vừa đắng đót, và những yếu tố đó khi ấy tôi không có. Nếu nhớ đến Emerenc, tôi không cảm thấy nhẹ nhõm vì bà đang sống, mà cảm thấy lúng túng và hổ thẹn không nguôi. Một hôm Adélka chạy đến gọi tôi, bảo sang ngay hiên nhà Emerenc, mọi người cùng phố đã ở đó, chúng tôi cần bàn bạc lại.

Sutu đi ngay vào vấn đề, cô ta hỏi ý kiến tôi nếu Emerenc khỏe hẳn và có thể về, thì sự thế sẽ ra sao. Tôi bảo, theo tôi biết, như chúng tôi đã quyết định: trước mắt bà không thể làm việc được, cho tới khi khỏi hẳn, bà là khách của vợ chồng tôi. Đầu óc, hai tay bà đã khỏi, chỉ đi lại thì cần trợ giúp, nhưng các bác sĩ động viên, đó chỉ là vấn đề thời gian. Tôi liền thoáng như

một nghệ sĩ tồi, diễn tồi hơn bình thường trong một vở kịch tồi. Suýt nữa Sutú đã phẩy tay bảo tôi ngừng nói.

“Nhưng bà ấy sẽ không bao giờ còn đủ khả năng làm việc nữa, không có chuyện hồi phục hoàn toàn đâu,” cô ta nói vui vẻ, như muốn thuyết phục mọi người về điều ngược lại. “Emerenc hết thời rồi, thừa nữ nhà văn, nếu không phải bây giờ thì là một năm nữa. Căn hộ này là nhà công vụ. Nhất thiết phải dọn dẹp cả khu nhà, phải quét vữa hè và cầu thang. Căn có người quản gia mới, không thể phân chia công việc cho mọi người sống trong nhà này cho đến ngày bà ấy chết, dù Emerenc có làm số công việc mà năm người khác cũng chẳng kham nổi.”

Vợ ông thợ bách nghệ đứng phắt dậy, như thể danh dự của bà bị xúc phạm. Không thể nói như vậy, bà hét lên, bà tuyên bố nhân danh những người sống trong nhà, rằng họ sẽ không bỏ mặc bà già, họ sẽ tiếp tục phân chia công việc với nhau, và đợi đến bất cứ khi nào bà già khỏi bệnh. Mọi người đều nhận việc gì đó, trước giờ họ đã làm thế, từ giờ trở đi cũng vậy. Sutú tưởng thế nào? Họ sẽ không để Emerenc phải ra đường.

“Ai nói đến chuyện ra đường?” Sutú nhìn bà ta, nom cô như một nữ thần số phận Moira. Dù cô ta chỉ là người thực tế. Bây giờ thì tôi đã biết, Sutú là người duy nhất trong chúng tôi đã tự phân tích các khả năng một cách có trách nhiệm, và chỉ mình cô ta có can đảm suy nghĩ. “Bà ấy không thể ra đường, nhưng nếu ông trung tá giúp đỡ, người ta sẽ nhận bà vào nhà nghỉ hay một nhà dưỡng lão tốt hơn, hay cháu bà ấy sẽ nuôi, hay đúng là ý nữ nhà văn muốn nhận. Tuy nhiên vẫn phải dọn dẹp khu nhà, phải quét tuyết không chỉ ở đây, trên vỉa hè nhà này, mà cả ở các nhà khác mà bà già nhận và đã ký hợp đồng. Cũng chẳng có ai giúp đỡ nữ nhà văn nữa, một mình bà sẽ xoay xở ra sao, bà dự định tới đây sẽ thế nào?”

Im một lúc, rồi bỗng nhiên chúng tôi bắt đầu nói, cùng lúc, cứ như những lời thổ lộ trong một buổi Lễ Hạ trần quay ngược lại, chẳng ai hiểu ai nói gì. Tôi tuyên bố đầu tiên: Emerenc dứt khoát có thể ở nhà tôi, việc nhà rồi sẽ có người khác lo. Ở nhà tôi bà sẽ thấy thoải mái, Emerenc yêu quý chúng tôi. Sutur cười, nhưng tiếng cười không vui.

“Bà quên đi,” cô ta nói, “thế bà nghĩ Emerenc sẽ chịu ở nhà bà hay sao? Emerenc chỉ sống chừng nào bà ấy nghĩ là mình có nhà riêng. Trước hết có lẽ cần phải suy nghĩ xem, nếu bà ấy biết sự thật, thì sẽ ra sao, vì tới giờ bà ấy chưa biết. Các vị, những con người tốt bụng, các vị chia nhau công việc của bà ấy ở đây. Thế các vị đã hỏi xem liệu bà ấy có đòi hỏi được giúp đỡ theo kiểu ấy không? Bà nhà văn nhận Emerenc về nhà. Tốt lắm. Còn phụng dưỡng bà ấy nữa. Nhưng liệu Emerenc có chấp nhận giải pháp ấy không? Bà ấy có chịu để người khác chăm sóc không? Bà ấy đã đồng ý chưa?”

Adélka dụi mắt, khịt khịt mũi, còn những người khác thì im lặng. Tôi ngồi im như thóc, vì ngay từ đầu tôi đã sợ điều Sutur vừa nói ra.

“Các vị đóng kịch làm gì?” Sutur tiếp tục. “Các vị biết bà ấy, bà ấy không đến ở nhà ai, không đi đâu hết. Đến lúc người ta cho bà ấy về, và bà ấy biết mọi chuyện, thì các vị hãy coi chừng. Bà ấy đã khỏe, hãy cất kỹ chiếc rìu đi. Bà ấy đã tấn công nhân viên cứu thương, thì ở nhà sẽ đến lượt chúng ta, hay ông bác sĩ, hay nữ nhà văn, hoặc ông trung tá, người đã cho phép đốt đồ gỗ của bà. Emerenc không cần một cuộc sống khác. Bà cần cuộc sống của riêng bà, cuộc sống ấy đã không còn.”

Buổi họp kết thúc trong không khí nặng nề. Adélka bị chấn động tới mức không thể phản đối được. Sutur thu dọn rồi đi, tôi cũng đi, chúng tôi chẳng đạt kết quả gì. Vợ ngài Brodarics

còn giữ mọi người lại, họ lên kế hoạch thay thế Emerenc vào một quyền vớ có dòng kẻ, cùng với vợ ông thợ bách nghệ.

Cả ngày hôm ấy tôi cảm thấy khó chịu, không ngủ được, cứ như người hoảng sợ một việc gì đó bất ngờ, không thuận lợi sẽ tới. Tôi đợi sự việc chẳng lành, có thể là mới, có thể là việc cũ diễn biến theo hướng mới, không phải không có lý do. Một tuần sau đó ngài Brodarics, người vừa được cuộc họp vắng Emerenc của dân phố bầu làm quản gia, gọi điện cho tôi. Với vẻ hơi lúng túng, ông nói Sutú đã tìm gặp ông, và cô ta tuyên bố nếu dân phố cũng muốn như vậy, cô ta sẵn sàng bỏ quầy hàng, trả lại giấy phép kinh doanh, và nhận công việc của Emerenc với tất cả tinh thần trách nhiệm, cùng mọi thứ đi kèm với vị trí làm việc này. Tôi nghĩ về việc này thế nào, ý kiến tôi ra sao?

Tôi luôn luôn phân tích đêm Gethsemane⁽¹⁾ theo quan điểm của Jesus. Lần đầu tiên tôi chợt nghĩ, liệu John hay Philip cảm thấy thế nào khi hiểu ra rằng, con người cùng đi với họ trên mọi nẻo đường, con người với những khả năng mà họ biết rõ hơn ai hết, bởi họ đã chứng kiến Lazarus và con gái ông Jairus hồi sinh, con người cho đến phút cuối cùng đã cho họ sức mạnh không thể hiểu nổi và niềm tin vào cuộc sống vĩnh hằng, con người ấy đã bị phản bội. Rằng tôi nói gì về việc này ư? Chẳng gì hết. Hở thẹn, nhục nhã. Tôi đặt ống nghe xuống. Sutú dám đứng ra nhận. Cô ta không có một khả năng gì cho tới khi Emerenc nhờ ông trung tá kiếm được cho cái quầy hàng. Sutú, người đã được Emerenc cho ăn uống, cho quần áo mặc, khi

1. Gethsemane: tên khu vườn dưới chân núi Olives gần Jerusalem. Theo *Kinh Thánh*, sau bữa tối cuối cùng, Jesus cùng các tông đồ đến vườn Gethsemane cầu nguyện, Judas phản bội, đưa người Do Thái đến bắt Chúa đưa đi đóng đinh lên thập giá.

thấy tử của cô ta trống không. Vậy đấy, đã đến lúc mọi chuyện đều có thể! Tôi không chỉ bức mình, tôi còn sợ, trước mắt ngài Brodarics đã từ chối lời đề nghị của cô ta, nhưng nếu Emerenc về nhà và không có khả năng làm việc nữa, thì trước sau gì dân trong khu nhà cũng buộc phải quyết định. Họ không thể làm thay Emerenc cho đến lúc bà chết, dân sống trong nhà ấy hoặc là sẽ rất già, hoặc họ phải chạy theo bao nhiêu việc khác, hầu như tất cả mọi người đều có việc làm thêm. Ở đó không có ai bất kỳ lúc nào cũng rảnh rỗi; tuyết, ống nước vỡ, nhân viên bưu điện, thợ thông ống khói, các nhà chức trách không thể lựa theo thời gian biểu mà cư dân trong khu nhà phân chia với nhau. Emerenc hoặc là sẽ khỏi hẳn và làm hết những việc cho tới nay bà đã làm, hoặc sẽ phải rời khỏi khu nhà và chuyển sang ở, chẳng hạn như, chỗ chúng tôi, vì cùng với công việc bà sẽ mất cả nhà ở. Tôi sẽ làm gì với bà, lạy Chúa, nếu bà không đi lại, không chạy đôn chạy đáo giải quyết việc, mua bán, nấu nướng, đem đồ ăn đi cho? Tôi sẽ xoay sở thế nào?

Hôm sau, khi tôi vào đến viện, người ta bảo ông bác sĩ trưởng muốn gặp tôi, ông yêu cầu tôi tới phòng ông. Một số các nhà phê bình, nếu muốn tôn trọng những nguyên tắc bất thành văn của nghề nghiệp, thường làm vậy. Họ tung ra lời khen hiển lành không ràng buộc nào đó để người sáng tạo có thể gặm như một con chó già, rồi bắn chết lúc nó đang gặm xương. Với gương mặt rạng rỡ, ông ta khen ngợi khả năng phục hồi bệnh tật bất ngờ của Emerenc, và nghị lực mà sau đợt trầm cảm ban đầu bà đã đấu tranh để giành lại sự sống, ông nói kết quả rất khả quan, cơ thể gây guộc gân cốt của bà đã tăng cân. Tôi có biết cả hai mắt bà đã bị bệnh đục nhân mắt hay không? Không à? Không sao, đó là triệu chứng của tuổi già, trước mắt cũng không ảnh hưởng gì vì bà không đọc

sách, còn vô tuyến thì bà vẫn xem được. Tôi chờ phát súng, và nó đã nổ.

“Tôi đề nghị bà hãy để Emerenc làm quen với ý nghĩ rằng bà cụ sẽ phải rời khỏi đây để về nhà. Bà già cũng đã mong điều đó, bà hay nhắc đến căn hộ, bà muốn về với mảnh vườn. Bà cụ nói là đã bỏ qua mất đầu mùa hạ, mùa bà thích nhất. Tôi biết, các vị đã giấu không cho bà cụ biết sự thật, làm thế là khôn ngoan. Nếu ngay từ đầu bà cụ rõ mọi chuyện, thì chẳng bao giờ bà khỏi bệnh. Nhưng giờ bà cụ đã khỏe, theo tôi bà chịu đựng được sự thật, các vị hãy yêu cầu ông trung tá cho sửa xong căn nhà, vì chúng tôi sẽ cho bà cụ về.”

“Chưa được đâu,” tôi nói ngay. “Chưa thể được đâu. Chúng tôi còn chưa quyết định về tương lai của Emerenc. Căn nhà vẫn nguyên như sau khi khử trùng, chưa xảy ra việc gì cả, chúng tôi còn phải cân nhắc. Chúng tôi không thể thực hiện điều ông muốn, không thể.”

“Không phải vậy đâu,” ông bác sĩ trưởng nói. “Chúng ta không đáng phải tranh cãi vì chuyện này. Tôi sẽ giữ bà cụ lại đây một tuần nữa, trong khi đó các vị giải quyết mọi việc. Các vị phải tính đến chuyện cần giúp đỡ bà ấy trong mọi việc, chưa biết đến khi nào bà cụ mới đi lại được, nhưng chúng tôi sẽ không để bà cụ thiếu người chăm sóc. Chúng tôi sẽ trao đổi với Hội đồng. Các vị phải tổ chức việc mua bán, nấu nướng giúp bà cụ, vì bà chưa rời khỏi giường nằm được, phải đưa thức ăn tới tận giường, còn việc tiêm thuốc, tắm rửa, thay ga trải giường sẽ có hộ lý. Nếu các vị không giải quyết được việc này trong phạm vi gia đình hay bạn bè, thì chắc ông trung tá sẽ tìm được cho bà cụ nơi thích hợp. Qua những dấu hiệu tình cảm quý mến chung của mọi người, tôi nghĩ sẽ có người nhận bà cụ về nhà.”

Cứ như tôi đang nghe Sutu nói vậy. Cũng những lý lẽ chắc chắn như thế.

“Thưa bác sĩ trưởng, thế nếu như Emerenc không chịu ở với ai, thì sẽ thế nào?” Tôi nói với ông, nhưng khi vừa nói xong tôi đã cảm thấy vỡ vụn. *Bà không muốn, không thích, không chịu, sẽ phản đối.* Nghĩa là sao? Mọi người đều biết, từ nay trở đi mọi việc sẽ luôn bị động với Emerenc. Không còn điều gì phụ thuộc vào Emerenc nữa, ngoại trừ cái chết.

Ông bác sĩ trưởng dịu dàng nhìn tôi, ông không muốn nghe câu nói cuối cùng, vụng về của tôi. Ông đứng dậy, nồng nhiệt nắm tay tôi.

“Vây là chúng ta hiểu nhau. Cho bà cụ ra viện, thâm tâm tôi cũng thấy nặng nề, vì ai cũng quý mến bà, cả tôi nữa. Sức khỏe, cũng như tinh thần của bà cụ là một điều kỳ diệu đối với lão khoa, một ca hiếm thấy. Nhưng tôi không thể giữ giường của một bệnh nhân khác mà chúng tôi phải chữa trị. Bà cụ đáng tiếc là có thể bị liệt, và chúng tôi không thể để bà ấy ở đây đến lúc chết. Bà hãy tin rằng, như thế này chúng tôi cũng đã làm nhiều hơn cho bà cụ so với bất kỳ ai khác. Và còn điều này nữa. Có lẽ còn quan trọng hơn.”

Tôi chờ phát súng thứ hai, miếng xương đã nhè ra khỏi mồm, nhưng con vật còn sống.

“Xin các vị đừng đặt bà ấy vào tình huống này: các nhân viên cấp cứu đưa bà vào một căn phòng chưa bao giờ nhìn thấy, mới sơn lại, với những đồ đạc mới tinh, rồi từ đó, vì bà không thể ở lại một mình, lại đưa bà đi ngay tới một nơi khác. Bây giờ bà cụ đã chịu đựng được, hãy nói với bà sự thật. Về chiếc riu, về việc khử trùng, về mọi chuyện khác. Bà hãy nói với bà cụ, nói ở đây, ở đây tôi còn có thể cho bà cụ một mũi tiêm, chứ đừng để lúc về nhà bà cụ mới vỡ lẽ, khi vô ích tìm đồ gỗ và lũ mèo.

Tôi đã nói chuyện với những người trong cùng phố, họ bảo bà cụ quý bà nhất, vậy nên bà hãy thông báo với bà cụ, vì xét cho cùng chính bà đã khởi động các sự kiện. Đúng là nhờ bà mà bà cụ thoát chết, vì nếu bà không thuyết phục được bà cụ mở cửa, thì các vị chẳng cần chờ đến bốn mươi tám tiếng bà già đã chết rồi.”

Đúng, tôi nghĩ, bà sống được đúng là nhờ chúng tôi cứu, nhưng lũ mèo khiến bà bớt cô đơn nay ăn nấu hay đã chết, đồ đạc bà yêu quý đã biến thành tro bụi, đề nghị phân chia công việc của những người cùng nhà, tuy rất tử tế, nhưng rõ ràng không thể duy trì được lâu dài. Emerenc không chịu vào nhà dưỡng lão, có chết cũng không. Bà chỉ có thể về nhà, nhưng từ nay đó là nhà nào, nếu là nhà tôi, bà cũng không thích. Bà chỉ cần nhà của bà, của riêng bà. Và tôi sẽ sắp xếp cuộc sống của chúng tôi thế nào với một người bệnh bại liệt, cần chăm sóc. Tôi chỉ nói mồm vậy thôi, chứ thời gian đầu tôi phục vụ ăn uống, tắm rửa, giặt giũ, nâng giấc cho bà. Hộ lý không phải ngày nào cũng đến, và nếu phải đi xa nhà tôi sẽ giải quyết thế nào, chồng tôi sẽ làm gì? Liệu bà có chịu đến nếu tôi mời? Chắc bà sẽ từ chối thẳng thừng đề nghị của tôi, nhưng thế thì bà sẽ đi đâu, ở nhà khác làm gì có chỗ. “Con trai cậu em Józsi” thì không nhận bà về, ông trung tá vừa cưới vợ lần thứ hai. Chẳng còn nơi nào khác, bà chỉ có thể về nhà chúng tôi.

Tôi quay về nhà, vừa đi vừa vắt óc suy nghĩ sẽ làm gì nếu bà cưỡng lại khi tôi mời. Chẳng cả vào chỗ Emerenc, tôi vội về để nói chuyện với chồng. Trên phố, chỗ trước ngôi nhà bà thấy có sự náo động, người đứng rất đông. Một chiếc xe tải đỗ trước nhà, tôi đi vào xem có chuyện gì. Người ta đang sửa lại cái hiên, những tấm ván đã được dỡ xuống, một người đang lắp cửa thay cho cánh cửa bị phá hỏng, mấy bà phụ nữ đang cọ rửa nền,

chắc là đội tù của ông trung tá. Vậy là công việc đã bắt đầu. Tôi quay về nhà gọi điện thoại, ông trung tá không hiểu tôi lại có chuyện gì không hài lòng. Cửa đã lắp vào chỗ, sơn đã xong, sàn nhà đã được đánh bóng, vài hôm nữa đồ gỗ sẽ về, trời hè nắng nóng, sơn đã khô. Có vấn đề gì, tại sao tôi có vẻ hốt hoảng thế?

Có vấn đề gì ư? Cuối cùng có ai hiểu không? Tôi nói với ông về sự phản bội của Sutut, ông chán nản, nhưng ông bảo ngay là luật pháp bảo vệ Emerenc, người ta không thể đuổi bà ra khỏi nhà, vì việc bà không thể có lại khả năng làm việc chỉ là phỏng đoán. Dù thế nào những người ở ngôi nhà đó cũng phải chờ trong hai năm, đó là theo nghị định về nghỉ ốm. Trong hai năm bao nhiêu việc có thể xảy ra, bà già có thể khỏi bệnh, hoặc bà có thể chết. Trước mắt, hàng phố cứ làm như từ trước đến nay họ vẫn làm, người trông nom bà thì ông sẽ tìm sau, tôi không việc gì phải lo lắng, căng thẳng. Mọi việc đều ổn. Chúng tôi đã vượt qua giai đoạn nguy kịch nhất. Bất kỳ ai cũng có quyền ốm. Ông cũng yêu cầu tôi lúc này hãy kết thúc việc tôi đã bắt đầu, Emerenc đã vượt qua và còn sống sau khi tôi đã củng cố thêm sự đối trá tuyệt vời của dân phố bằng uy tín của chính tôi. Giờ thì không cần nữa, tôi hãy đánh dấu chấm hết cho công việc của mình. Hãy làm nhẹ bớt đi cái tin xấu, tôi sẽ báo cho bà bằng tin mừng: bù vào những thứ đã mất đã có đồ đạc mới, vẫn là căn nhà cũ, được sang sửa lại, nghĩa là vẫn căn nhà ấy sẽ đợi chủ của nó trở về.

Ông cũng chẳng hiểu tôi, và có lẽ ông cũng không thể hiểu. Chúng tôi dùng hai ngôn ngữ khác nhau. Sở từ của Emerenc là: *sự nhơ bẩn, cánh rừng beng, vụ bê bối, trò cười cho cả phố, sự hổ thẹn*; của ông trung tá là: *luật pháp, trật tự, cách giải quyết, tình người, xử lý có hiệu quả*; nội dung của cả hai sở từ đều đúng, chỉ có điều chúng là những ngôn ngữ khác nhau.

Ít ra thì ông hãy nói với Emerenc, thực tế chuyện gì đã diễn ra. Tôi không có mặt ở đó, lúc ấy tôi tới đài truyền hình, vì ông biết ai có mặt khi đó tại hiện trường.

“Tôi không sợ bà ấy,” ông trung tá đáp. “Emerenc là người khôn ngoan. Bà đánh giá thấp bà ấy khi sợ nói với bà ấy sự thật, rằng bà không cứu sống bà ấy để đón nhận thất bại thảm hại, mà để có một kết cục tốt đẹp, dù kỳ lạ đi nữa. Chiều nay tôi sẽ nói với bà ấy, tôi cũng sẽ nói với Emerenc cả về sự phản bội của Sutú, bà đừng sợ, cái tin ấy sẽ tác động còn mạnh hơn thuốc men, có khi do bức tức bà ấy đứng ngay dậy được cũng nên. Nếu Sutú dám mò vào thăm bà, thì những gì cô ta nhận được sẽ không bình thường đâu. Tôi sẽ làm, nhưng cũng xin nói với bà rằng tôi thất vọng vì bà. Cũng còn may là chỉ đến giờ, trong giai đoạn cuối, bà mới đánh mất đi sự tự chủ của mình.”

HỒI KẾT

Tôi đã từng trải qua những giờ giống như buổi chiều hôm ấy. Nó đã trôi đi căng thẳng như thế trong suốt thời gian diễn ra ca mổ phổi của chồng tôi, cũng như trong đêm trước ngày chôn cất bố mẹ tôi. Tôi nằm trên chiếc giường của mẹ, Viola cũng nằm bất động, khoảng sáu giờ Adélka nhấn chuông, và thông báo với vẻ mặt bối rối, rằng có thể tôi không tin, nhưng người ta không cho bà ta vào chỗ Emerenc, bà không biết có chuyện gì. Trên cánh cửa là tấm biển không được vào thăm, và khi Adélka nhờ cô hộ lý đưa xúp vào, thì cô ta bảo hãy đưa về, Emerenc không muốn thứ gì hết, việc vào thăm trước mắt đang bị cấm. Bà vợ ông thợ bách nghệ cũng không được vào, bà ta cũng quay về với một túi thức ăn đầy. Vậy là chiếc riu đã bỏ xuống, tôi nghĩ, tôi có thể đi. Tôi chuẩn bị các thứ, ngoài đường tôi thấy Sutur đang uể oải quét vỉa hè phía trước nhà, rõ ràng là cô ta tự nguyện làm; khi nhìn thấy tôi, trên mặt cô ta không có vẻ gì là hối lỗi, mà đúng hơn là sự thăm dò. Có lẽ cô ta đã nghe Adélka nói về quy định mới, và lúc này cô ta đang băn khoăn như khi lật quân bài cho mọi người trên bàn ngoài hiên nhà Emerenc, xem sự việc xảy ra có lợi hay bất lợi đối với cô ta.

Trên đường tới bệnh viện tôi gặp hai người cùng pho mang thức ăn quay về. Các bà này cũng lo tình trạng của Emerenc chắc đã xấu hơn. Bầu trời xám như chì, có đợt lạnh tràn về, gió giật những tán lá trên hàng cây ven đường. Hay bà bị ảnh hưởng thời tiết, vì vậy mà các cô hộ lý phải cách ly bà với

mọi người. Ngay cả khi có vẻ bà đang hấp hối, người ta cũng không giữ bà nghiêm ngặt thế này. Tôi cứ lên đi, với tôi có thể người ta sẽ nói sự thật.

Tôi lên tới nơi, nhấc tấm biển cấm vào, cô hộ lý nhìn thấy nhưng chỉ gạt đầu, chắc cô đã nhận được lệnh như vậy. Trong khi bước vào phòng Emerenc, tôi nghĩ thực ra ông trung tá đã nói đúng: tôi đã can thiệp vào cuộc đời bà, và nếu tôi đã có gan giật chiếc kéo ra khỏi tay Atropos⁽¹⁾, thì hãy có can đảm nhìn quanh trong công xưởng của các Parca⁽²⁾.

Emerenc nằm quay lưng lại phía cửa, bà không nhìn ra sau, nhưng nhận biết được tiếng bước chân tôi, thính nhạy như một con chó. Khác với hôm qua, hôm nay trên mặt bà lại là chiếc khăn che, nhưng tôi biết rằng bà biết tôi đang ở phía sau.

Cả hai chúng tôi cùng im lặng. Chưa bao giờ có ai bí ẩn, câm lặng, khó hiểu như bà vào buổi chiều hôm ấy, khi hoàng hôn đang buông dần, những cành cây bên ngoài đập liên hồi lên các ô cửa sổ. Tôi ngồi xuống bên bà, tay vẫn cầm tấm bảng cấm.

“Còn lại mấy con mèo?” cuối cùng bà hỏi, vẫn để nguyên chiếc khăn che mặt. Giọng bà siêu thực như những đường nét không nhìn thấy trên nét mặt.

Đến nước này thì cũng chẳng cần giấu làm gì.

“Chẳng còn con nào hết, Emerenc ạ. Chúng tôi nghĩ đã tìm thấy xác ba con, số còn lại đã biến mất.”

1. Atropos: chị cả trong số ba thần số phận và định mệnh Moira trong thần thoại Hy Lạp, là người nắm giữ tương lai của cả con người và thần linh, có nhiệm vụ cắt đứt sợi tơ số mệnh của cuộc đời.

2. Parca: các nữ thần số mệnh La Mã, tương đương các nữ thần Moira trong thần thoại Hy Lạp.

“Hãy tiếp tục tìm kiếm. Con nào còn sống chắc ẩn náu trong các khu vườn.”

“Được, rồi chúng tôi sẽ tìm.”

Im lặng. Tiếng cánh cây chà vào cửa sổ.

“Bà đã nói dối tôi là bà quét dọn nhà.”

“Chẳng còn gì để quét dọn, Emerenc. Những nhân viên khử trùng đã làm hết.”

“Và bà đã chịu để họ làm?”

“Tôi không thể chống lại quy định. Cả ông trung tá cũng không. Đã diễn ra một bi kịch, một thảm họa.”

“Bi kịch! Bà có thể đến Nhà Quốc hội muộn hơn, hay đến ngày hôm sau.”

“Dù tôi có ở nhà cũng vô ích. Tôi đã nói là có quy định trong những trường hợp như thế, những biện pháp y tế. Tôi không thể vô hiệu hóa được chúng.”

“Bà không có mặt ở nhà? Bà đã đi đâu vậy?”

“Đi Athens, Emerenc ạ. Tôi đi dự hội nghị, chắc bà đã quên rồi, dù trước đó chúng ta đã nói về chuyến đi này. Chúng tôi là đại biểu, buộc phải có mặt.”

“Bà đã đi khi không biết tôi sống hay chết?”

Tôi không biết trả lời thế nào. Tôi nhìn những giọt nước lăn chậm chậm trên kính cửa sổ. Đúng thế. Tôi đã đi.

Đột nhiên bà giật chiếc khăn che mặt, nom bà trắng bệch.

“Các người là loại người gì vậy? Bà và ông trung tá? Hóa ra ông chủ lại là tử tế nhất, ít ra ông ấy không bao giờ nói dối.”

Tôi lại không biết trả lời sao. Chống tôi đúng là không bao giờ nói dối, ông trung tá là một trong những người đàn ông đáng trọng nhất mà tôi đã từng gặp, còn tôi thì như thế này đây. Tôi đã đi Athens, tôi đã đi thậm chí nếu đó là cha tôi ở tình trạng nguy cấp, vì Bộ Ngoại giao Hy Lạp sẽ hiểu khác

nếu đại biểu Hungary vắng mặt tại hội nghị, vì sau giải thưởng, cử tôi đi là một việc làm thể hiện thiện chí của nhà nước mà tôi không thể từ chối, vì tôi là nhà văn, tôi không có cuộc sống riêng, và vì với tôi mọi việc cũng diễn ra giống như với một diễn viên, tôi phải lên sân diễn ngay cả khi ở nhà có chuyện chẳng lành.

“Thôi, bà đi khỏi đây đi,” Emerenc nói nhỏ nhẹ. “Nhà bà cũng không mua, dù tôi đã yêu cầu, và tôi đã dự định để lại cho bà bao nhiêu của cải. Bà cũng không sinh con, dù tôi đã hứa sẽ nuôi dạy nó cho bà. Hãy đặt lại tấm biển lên cánh cửa, vì tôi không muốn nhìn thấy một ai trong số những người đã chứng kiến sự hổ thẹn của tôi. Giá như bà để tôi chết như tôi đã định khi hiểu ra rằng tôi sẽ không bao giờ có khả năng làm việc nữa, thì sang thế giới bên kia tôi vẫn phù hộ cho bà, nhưng bây giờ tôi không chịu nổi bà ở gần. Hãy đi đi.”

Nghĩa là bà tin ở thế giới bên kia, bà chỉ chọc tức cha cố và chúng tôi.

“Từ nay bà hãy làm điều gì bà muốn. Bà không biết yêu quý người khác, dù tôi đã tưởng có lẽ bà biết. Bà đã cứu tôi để đến nỗi này? Lại còn sẵn lòng nhận tôi về nhà, chăm nom tôi nữa? Đồ ngốc!”

“Emerenc!”

“Hãy đi khỏi đây! Đi mà phát biểu trên vô tuyến, mà viết tiểu thuyết, hay lại chạy sang Athens đi. Đừng một ai trong số các người thử lại gần tôi, nếu các người đưa tôi từ đây về nhà, vì Adélka đã để lại dây chiếc kéo, tôi sẽ đâm bất kỳ ai lại gần. Việc gì các người phải lo lắng cho số phận của tôi? Trên thế gian còn có nhà dưỡng lão, và nhà nước của chúng ta là tốt nhất trong mọi nhà nước, và tôi cũng có quyền nghỉ ốm hai năm. Đó là bạn bà nói thế. Nào, hãy về đi. Tôi còn nhiều việc.”

“Emerenc, ở nhà chúng tôi...”

“Ở nhà ông bà! Bà mà là người nội trợ, bà mà chăm sóc tôi. Bà và ông chủ! Thôi, bà rút đi! Ở nhà bà chỉ có một sinh linh lạnh lẽo, là Viola.”

Bên cạnh bà là bữa ăn tối chưa đụng đến, bà bực tức xua tay, làm đĩa thức ăn suýt nữa rơi xuống. Tôi không dám lại gần bà, đúng là tôi sợ bà đâm chiếc kéo vào người. Bà ngả lưng xuống, nhìn lên trần nhà, tôi gần như không nhìn thấy bà, khi bước ra ngoài, không chào bà. Tôi chạy về nhà trong mưa, vắt óc suy nghĩ xem lẽ ra tôi đã phải nói thế nào, nhưng chẳng nghĩ ra được điều gì.

Một giờ sau tôi đã bình tĩnh hơn, trong lòng nghĩ, tôi đã tính đến khả năng xấu hơn, nhưng ảo tưởng hòa bình không tồn tại lâu, chồng tôi khiến tôi phát hoảng. Ông đi đi lại lại trong nhà, rồi bảo ông không thích sự kiểm chế, sự bình thản ấy của bà, nó không đặc trưng cho tính cách của Emerenc, sẽ tự nhiên hơn nếu như đã xảy ra một trận cãi vã thật sự. Tôi không thể tiếp tục phân tích trạng thái tâm lý của Emerenc, vì bỗng nhiên Viola như phát điên, theo đúng nghĩa của từ này. Nó rít lên, cào xuống nền nhà, rồi kéo tất cả các tấm thảm. Nó lăn lộn trên nền nhà, sùi bọt mép, nó ở trong trạng thái kinh khủng đến nỗi tôi tưởng nó sắp chết. Tôi gọi điện cho ông bác sĩ thú y, bảo hãy đến ngay. Và ông đã đến, giống như vào cái đêm Giáng sinh không thể quên ấy. Viola rất quý ông, nó thậm chí đã diễn trò sau khi được ông tiêm. Nhưng bây giờ nó chỉ nằm đó, ông gọi nó cũng chẳng buồn đứng dậy. Ông bác sĩ quỳ xuống bên, hỏi han trò chuyện với nó, trong khi những ngón tay mảnh dẻ, nhạy cảm của ông lướt trên thân thể nó. Ông đứng dậy phủi bụi trên đầu gối, nhún vai: không có gì hết, nó bị một cơn sốc nào đó, một nỗi khiếp đảm nào đó đã làm hệ

thần kinh của nó mất thăng bằng. Ông thử dùng mệnh lệnh sai khiến nó, nhưng Viola không nghe, nó không ngồi dậy, không đi. Nếu ông dựng nó dậy thì nó đổ sang một bên, như thể bị bại liệt. Chúng tôi chia tay ông, ông hứa hôm sau sẽ đến thăm bệnh cho nó, bảo tôi buổi tối cho nó ăn đường nho và một liều thuốc an thần trẻ em. Ông cũng không rõ chuyện gì xảy ra với con chó. Có đóng đinh lên thập giá, ông cũng chịu. Rồi ông về.

Tôi dọn bàn ăn tối. Viola vẫn không động dậy. Tôi bảo nó hãy thể hiện là nó yêu quý tôi, nhưng nó chẳng nhìn tôi, cứ nằm im như một miếng giẻ rách. Bỗng nhiên nó tru lên với âm thanh không thể tưởng tượng nổi, tôi đánh rơi khay thức ăn trên tay, đứng chết lặng và không dám lại gần nó. Tôi có cảm giác nó đã phát điên, hay nó sẽ cắn tôi. Tôi không thể tin tiếng tru của nó, ngay cả khi chồng tôi đã đến đứng bên cạnh tôi và đồng thức ăn rơi vãi trong bếp. Ông nhìn đồng hồ và lặng lẽ nói: tám giờ mười lăm. “Tám giờ mười lăm,” tôi nhắc lại, như một người điên đọc thời gian chính xác từ cổ họng tôi vậy. “Tám giờ mười lăm, tám giờ mười lăm.” Khi tôi đã nhắc lại đến lần thứ ba, chồng tôi mang áo mưa đến, thì tôi nín thinh. Bỗng nhiên tôi cảm thấy những gì diễn ra quanh tôi đều không bình thường. Như một con vẹt, ba lần tôi nhắc lại thời gian. Tôi làm sao vậy, hay tôi cũng đã mất trí? Tôi tự dối mình, như thể cuộc đời tôi phụ thuộc vào việc đừng nói ra điều Viola đã nói. Dù tôi biết, và chồng tôi cũng biết. Con chó biết trước nhất, nó đã nói với vợ chồng tôi. Nó khóc như một đứa bé.

Trên hành lang trong bệnh viện đầy các bác sĩ, nghe giọng bà trưởng hộ lý vắng ra từ căn phòng, bà gọi điện. Không cần phải hỏi, vừa nhìn thấy chúng tôi, ông bác sĩ điều trị của Emerenc đã nói ông đợi chúng tôi đến để thông báo. Sau khi tôi từ đây về, lúc đầu Emerenc còn nằm yên, vịn vào chiếc khăn,

không đáp lời chào hỏi của ai. Đó không phải là hiện tượng bất thường, những lúc khác bà cũng ra hiệu để bà được yên. Khoảng sau tám giờ, khi cô hộ lý vào phòng để tắt đèn, bà yêu cầu đưa bà về nhà ngay lập tức trong tối nay, bà phải ra các nhà, các khu vườn xung quanh để tìm lũ mèo không ai trông nom, không ai cho ăn uống của bà. Họ bảo không thể được, vì một đằng trời đã tối, người ta không thể làm giấy cho bà ra, mặt khác bà chưa có chỗ nằm trong nhà. Thế là bà trở nên cực cần và ghê gớm, bà hét lên rằng thế thì không khiến đưa bà về, bây giờ bà cũng đủ sức để thắng sự yếu đuối, bà phải ra khỏi đây ngay, không thể ở lại, bà không thể vắng mặt ở nhà. Bà thử đi thật, bà vung ra khỏi giường. Dĩ nhiên là bà không đi nổi, đứng dậy cũng không, bà ngã vật xuống đất. Có thể khi bà ngã, một cơn nghẽn mạch mà thông báo của ông trung tá và chuyến viếng thăm của tôi đã gây ra từ trước, lần này không làm tê liệt bộ não, mà đã làm tê liệt trái tim bà. Hơn nữa, dù điều này có lẽ tôi không bao giờ tin, ngay cả trong cái khoảnh khắc siêu thực ấy nữa, trong cái khoảnh khắc người ta đã thông báo với tôi như một sự thật, điều mà Viola đã thông báo bằng tín hiệu âm thanh mông muội của nó, tôi vẫn tìm được một thứ gì đó để tước đoạt: tôi đã lấy đi cả điều cuối cùng mà Emerenc có thể tự hào một cách xứng đáng, tiếng vỗ tay cho sự kết thúc đầy phẩm giá của cái chết.

Không còn ai để ý đến bà nữa, dù bà vẫn nằm đó trên giường, nơi người ta đặt bà trở lại. Vì vừa nhìn thấy bà tôi đã ngã quỵ xuống bậc cửa, như người bị một cú giáng mạnh, và từ lúc đó cả khoa chú ý lo cứu chữa cho tôi. Mất một lúc lâu họ mới làm tôi hồi tỉnh lại. Họ không cho tôi về, bắt phải nằm lại một tuần. Thế là từ đó dân phố đem thức ăn đến thăm tôi, Emerenc lặng lẽ biến khỏi tâm điểm sự chú ý của mọi người.

Người ta đưa tôi vào một phòng có điện thoại, có vô tuyến, sẵn sóc, động viên, an ủi tôi. Tôi tắm trong vầng hào quang tình cảm của mọi người, như Toldi⁽¹⁾ được tôn vinh đứng tựa vào chiếc cán xẻng vô hình, đã nhận được thông điệp tha thứ của Vua Lajos⁽²⁾, dưới chân tôi là thi thể của bấy tôi Bence⁽³⁾, trên đầu tôi là gợn mây lãng mạn và huyền thoại hơn mọi huyền thoại.

Hằng ngày, chỉ sau chín giờ chống tôi mới vào thăm, khi ông đã chắc chắn không gặp người lạ nữa. Mọi người đều đến bên giường tôi với nụ cười khích lệ, chỉ vẽ thương hại và phiền muộn không thể cưỡng lại nổi trên gương mặt ông là chẳng khi nào thay đổi.

1. Toldi Miklós (khoảng 1321-1390): một nhân vật lịch sử sống trong thời vua Károly I và Lajos I của Hungary, một dũng sĩ có nhiều chiến tích về vang và nổi tiếng vì sức khỏe hơn người.

2. Lajos I tức Nagy Lajos (1328-1382): vua Hungary từ 1342-1382 và cũng là vua Ba Lan từ 1370-1382, đây là thời kỳ vàng son và hùng mạnh nhất của Vương triều Hungary thời Trung cổ.

3. Bence: tên người lính, bấy tôi trung thành của Toldi, trước khi chết Toldi đã dặn Bence lấy chiếc cán xẻng cắm lên nấm mồ ông thay cây thánh giá.

DI SẢN

Tôi hay nghĩ đến việc thực ra mọi thứ đã diễn ra đơn giản. Emerenc không để lại cho họ hàng ít ỏi và đám bạn bè sơ của bà những vấn đề không thể giải quyết nổi. Giống như những thủ lĩnh lớn, bằng một cử chỉ thuyết phục bà đã tự giải quyết mọi việc quanh mình. Nếu không có gì cản làm với bản thân, vì bà không biết làm gì với bản thân, thì nên kết thúc. Vì nhân loại đã đi những bước rất dài từ thuở xa xưa, và những người sống trong tương lai không thể tưởng tượng nổi về những ngày man rợ trước đây chúng ta đã tranh đấu đơn lẻ hay tập thể, có khi chỉ vì một cốc ca cao, nhưng ngay cả khi đó cũng không thể sắp đặt số phận của một con người mà không ai tìm được chỗ đứng cho người ấy trong cuộc đời mình. Nếu chúng ta không đủ can đảm để thừa nhận điều này, thì bà đã nói ra, rồi lịch lăm ra đi. Thậm chí các cơ quan và công sở không biết tới bà, bị quá tải bởi công việc, cũng xử sự như thể họ đã nhận được lệnh của Emerenc: dừng ngân ngại quá lâu. Ông trung tá đã dàn xếp để người ta nhận chôn cất bà không cần một mảnh giấy (cuốn sổ cư trú đã cháy cùng những giấy tờ lăm bầm khác trên chiếc ghế tựa đôi); bệnh viện coi một người bệnh nóng nảy gần tám mươi tuổi chết vì suy tim là bình thường. Người ta định ngay ngày thỏa thuận về di sản và ngày hỏa táng - nghi lễ hỏa táng chỉ coi là tang lễ sơ bộ, theo di chúc thì nơi yên nghỉ vĩnh hằng của bà sẽ là Taj Mahal sắp được xây dựng. “Con trai

cậu em Józsi” đã cho tôi xem các hóa đơn thích hợp và yêu cầu tôi nhận việc trao đổi với ông linh mục tôn kính về tang lễ nhà thờ. Tôi không đồng ý ngay, thực chất tôi còn muốn từ chối, để ít ra trong vấn đề này tôi có thể đại diện trung thành ý muốn của Emerenc, bà không muốn tang lễ theo tôn giáo. Nhưng “con trai cậu em Józsi” nghĩ rằng dân phố sẽ phẫn nộ và chê trách anh ta không làm đúng lễ nghĩa. Chúng tôi quyết định không đăng cáo phó, chỉ thông báo thời điểm tang lễ trên báo. Người cháu gửi thư về Csabadul, đã có hồi âm từ đó, người ta gửi lời phân ưu, nhưng đáng tiếc công việc không cho phép họ có mặt để tiễn biệt bà. Họ cũng cảm thấy Emerenc để lại tài sản của bà cho “con trai cậu em Józsi” là đúng luật, vì thực chất họ không giúp gì được bà (mà bà cũng không yêu cầu sự giúp đỡ của họ), dù sao thì các mối liên hệ giữa họ với bà đã đứt đoạn từ lâu. Nếu người cháu muốn quy tập cả các ngôi mộ ở Nádori nữa, thì không những họ không phản đối, mà còn cảm ơn anh ta vì việc đó.

Trong khi chúng tôi liệt kê những việc phải làm còn lại - chúng tôi trao đổi ở nơi một đạo thân hữu của Emerenc từng tụ họp, đó là hiên của Cấm Thành - Viola hoàn toàn đứng đưng nằm dưới chân chúng tôi. Bây giờ thì tôi đã có thể yên tâm đưa nó sang căn nhà trước đây của bà già, thái độ nó như thể trước đó nó chưa hề tới đây bao giờ. Chồng tôi nghe thấy tiếng khóc của nó suốt ba ngày, sau đó tiếng khóc trở thành tiếng rên rỉ, rồi nó im lặng hẳn. Đến lúc bỗng nhiên nó đứng dậy khỏi tấm thảm nó vẫn nằm, rùng mình lắc mạnh, vươn dài ra, nhìn chồng tôi như vừa thức tỉnh từ một giấc mơ. Và từ đó trở đi nó không đánh tiếng nữa, nó im lặng hẳn, không cảnh báo chúng tôi một điều gì nữa. Nó không tỏ ra vui mừng hay phàn nàn gì, dù chỉ bằng âm thanh nho nhỏ, bất quá khi ốm nó

chỉ găm gù với người thăm bệnh cho nó. Từ đó đến lúc chết nó không bao giờ sửa nữa.

Ông trung tá đã đề nghị buổi thỏa thuận phân chia tài sản vào đúng ngày an táng. Chín giờ sáng chúng tôi tới Hội đồng, “con trai cậu em Józsi”, ông trung tá và tôi. Không cần có thị sát hiện trường, ông trung tá nộp biên bản của Viện Khử trùng và giải thích là còn một phòng nữa với đồ đạc cá nhân, căn phòng trước đây ông đã thị sát, có một số đồ gỗ đẹp chứ không có gì khác. Trong bếp phần lớn đồ đạc đã hư hỏng, dù người quá cố đã trang bị đầy đủ đồ đạc của một gia đình. Nếu muốn, Hội đồng có thể tới kiểm tra, nhưng họ chẳng cần kiểm tra gì hết. “Con trai cậu em Józsi” thông báo, từ khi còn sống bà bác anh ta đã để lại đầy đủ số tiền cho anh ta, số đồ đạc còn lại thuộc về tôi. Trong vòng mười phút chúng tôi đã xong. Người phụ nữ trẻ giải quyết vụ này mỉm cười, cô ta bảo nếu người quá cố có cất giấu của báu, thì tôi phải khai báo để họ đánh thuế. Tôi hứa sẽ làm. Buổi làm việc nhanh gọn, lịch sự, chúng tôi còn được mời uống cà phê. Hai chúng tôi mặc đồ đen, còn ông trung tá trong bộ cảnh phục ông thường mặc khi được điều động đi tiếp đón các nguyên thủ. Chúng tôi ra nghĩa địa Farkasréti trên xe của ông. “Con trai cậu em Józsi” cho biết căn nhà thực sự của Emerenc sẽ xong vào ngày Thánh István, ngày 20 tháng Tám. Cũng khi đó sẽ diễn ra việc khai quật ở nghĩa địa Nádori, anh mời chúng tôi có mặt ngày 25 tháng Tám tại hầm mộ, trong buổi đặt vĩnh viễn bình tro cốt của Emerenc.

Đám đông bạn đồ đen đứng kín trước nơi đặt hài cốt. Tôi không nhìn thấy, chỉ sau này người ta nói lại rằng các cửa hiệu tư nhân trong khu vực nhà chúng tôi, hiệu đóng giày, quầy hàng của Sutú, người thuê khăn, người bán nước xô đa, ông thợ

may, người mạng tất, chủ hàng bánh quế, thợ làm móng chân, thợ da đều đóng cửa trong thời gian tiến hành tang lễ. Trên cửa hiệu là các tấm biển đề dòng chữ khác nhau, tùy mỗi người: *Đóng cửa đến hai giờ vì lý do gia đình. Tôi đi đám ma.* Ông thợ đóng giày diễn đạt ngắn gọn nhất, ông viết lên cạnh biểu giờ mở cửa: *E-m-e-r-e-n-c.*

Từ xa đã thấy vắng đến một điệu nhạc buồn nào đó. Quanh bình đựng tro cốt là rất nhiều những bó hoa nhỏ, tôi không thể nhìn nổi. “Con trai cậu em Józsi” đưa tôi đến chỗ đứng của người trong gia đình cùng với ông trung tá. Tôi cứ nghĩ không biết vị cha cố có đến không, cuộc trò chuyện nửa giờ với ông diễn ra rất nặng nề, chúng tôi có thể đưa vào tờ *Thông báo Thần học*, nó giống như cuộc trao đổi về một vấn đề hiện đại của các cha cố thời xưa. Lý lẽ của ông cố đạo: một người ở bất cứ chỗ nào cũng tỏ ra quay lưng lại với Thượng đế, người không bao giờ đến nhà thờ, và thường xuyên khiến các tín đồ phẫn nộ vì những tuyên bố của mình, tại sao lại yêu cầu tang lễ theo Giáo hội. Khi tôi cố giải thích cho ông hiểu Emerenc là người như thế nào, ông lạnh lùng nhìn tôi, ông bảo ông phải tuân thủ những quan điểm của Chúa và của Hiến chế Giáo hội; một cá thể không hành đạo, gây rối và sống không phù hợp, trái ngược với cộng đồng tôn giáo và không khi nào chịu lễ ban thánh thể, thì có quyền gì để đòi hỏi sự phục vụ của Giáo hội. “Không phải bà ấy đòi hỏi,” tôi đáp, “đó là nguyện vọng của con và tất cả những người có thiện tâm, thế mới hợp lẽ, đó là cách để tỏ sự tôn trọng. Trong số những tín đồ của cha, con biết rất ít người tin vào Thiên Chúa giáo tuyệt đối như bà cụ, tuy nói những điều khó nghe về Giáo hội như một thiết chế. Và khi nhận xét về số phận, bà nói bà không tin rằng Chúa lại kém nhân từ hơn bà. Khi Viola làm điều gì đó không phải,

bao giờ bà cũng cho rằng nó không phải là con người, vì thế mà không trừng phạt nó vĩnh viễn, vậy thì Chúa cũng không thể bắt công tới mức từ bỏ trước khi xem xét cuộc đời bà. Người đàn bà này không hành đạo trong nhà thờ từ chín đến mười giờ sáng Chủ Nhật, mà làm việc đó suốt cả cuộc đời, trong môi trường của bà, với tình yêu con người trong sáng như trong *Kinh Thánh*, và nếu cha không tin con, thì cha là người mù, vì cha không thể thấy bao lần bà chạy đi chạy lại với âu thức ăn làm phúc.”

Người đàn ông trẻ, có học thức, không đồng ý cũng chẳng từ chối. Ông hỏi khi nào sẽ cử hành tang lễ rồi lịch sự tiễn tôi ra, không hề có dấu hiệu cảm tình cá nhân nào. Đáng tiếc là Emerenc không cho ông ta cơ hội để hiểu biết về những tính tốt của bà.

Tôi xúc động khi nhìn thấy ông trong bộ áo dài thầy tu. Ông đã đọc một bài diễn văn thông minh và logic, sáng rõ như pha lê, trong đó ông ghi nhận giá trị của lao động chân tay, nhưng cũng nhắc nhở những người dự đám tang đừng chỉ nghĩ đến bánh mì mà mỗi người đều phải ăn để sống, và đừng tưởng tín ngưỡng chỉ là sứ mạng của riêng mình và của Chúa, hay việc thực hành đức tin có thể diễn ra không cần đến Nhà thờ Đức Mẹ. Ông đã tiễn biệt bà già với bài nói lạnh lùng, chính xác và có tác động mạnh. Ngôn từ của ông loại trừ mọi cảm xúc và qua đó không thể tái hiện nổi cuộc đời của Emerenc. Bài nói tác động đến tôi như một liều thuốc mê; trong khi nghe, tôi cảm thấy như tê dại, không phải là cảm giác đau đớn dữ dội sơ khởi của những người đứng đối diện với người mình yêu quý, giờ đây đã biến thành tro bụi và chỉ còn là chút gì đó trên chiếc khay nhỏ đang đặt trước mắt họ, và họ phải tin rằng đó chính là con người từng mỉm cười với họ. Đám tang đông

<http://tieulun.hopto.org>

ngọt, như thể Emerenc có mười hai người con và tất cả con cháu của họ cùng có mặt, và như thể bà có nơi làm việc ổn định, chẳng hạn trong một nhà máy. Cả con đường chính và những lối nhỏ xung quanh đèn đặc người đi đưa tiễn. Có người đứng gần ông cha cố, tựa vào bài nói có tác dụng giảm đau và chân xác của ông để an ủi, những người đứng xa thì may mắn hơn, họ có thể khóc. Chúng tôi bước chậm rãi đến gần bức tường để tro cốt, tôi đặt vào cạnh lọ tro cốt Emerenc một bó hoa nhỏ lấy từ vườn nhà bà. Ông cố đạo đọc một bài kinh cầu nũa, rồi người ta chít xi măng gần nắp lại. Sutú khóc nức nở. Suốt buổi Adélka cứ nhìn Sutú chăm chăm, chứ không nhìn lọ đựng di cốt của Emerenc.

Khi bị đâm vào tim bằng một lưỡi dao sắc lẹm, người ta không gục xuống ngay lập tức. Tất cả chúng tôi đều biết, ý thức về sự mất mát Emerenc chưa tác động ngay đến chúng tôi, sau này chúng tôi mới thấm thía, mới gục ngã, và không phải tại đây, nơi mà bà đã ở trong trạng thái bất khả nhưng vẫn còn có thể thấy được này, mà là trên đường phố, nơi bà không bao giờ quét nũa, hoặc trong những khu vườn, nơi những con mèo què bàn chân mềm như nhung và lũ chó đi hoang hoài công chui lủi, chẳng ai ném cho chúng chút gì ăn. Với cái chết của Emerenc, mỗi chúng tôi đã mất đi một mảnh cuộc đời.

Ông trung tá đứng suốt buổi tang lễ như đứng trong một hàng quân danh dự. “Con trai cậu em Józsi” và vợ anh ta khóc thật lòng. Tôi không khóc được khi người ta nhìn mình, tôi cảm thấy đây không phải là lúc khóc. Chắc sau này tôi sẽ khóc, nước mắt không dễ dàng tuôn rơi như thế.

Khi mọi việc đã xong, đa số người đến dự lễ tang còn ở lại. Từ khi Emerenc mất, Adélka to tiếng và dứt khoát hơn, dường như tính cách quá mạnh mẽ của Emerenc xưa đã tìm

hăm bà ta lại phía sau. Lúc này bà ta chạy hết chỗ này chỗ nọ, định tổ chức một chương trình gì đó sau đám tang, có thể là ngồi uống cà phê hay uống bia, vì thấy mọi người vẫn đứng im, trò chuyện. Sutut đứng một mình, lát sau bỏ về; từ khi đưa ra đề nghị, cô ta bị cho vào sổ đen.

Chúng tôi về. Ông trung tá hỏi người cháu Emerenc xem anh ta có muốn có mặt khi ông mở căn phòng trong cho tôi hay không, vì buổi chiều đội lao động sẽ đến, chúng tôi sẽ cho dọn dẹp căn nhà, ông cũng sẽ kiểm kê như đã hứa với Phòng Y tế. “Con trai cậu em Józsi” muốn về nhà hơn, anh ta nói theo bản di chúc việc này không thuộc về anh ta, chúng tôi hãy trả lại căn hộ của Emerenc cho cộng đồng dân cư, còn tôi thì hãy đem tất cả các thứ sử dụng được sang nhà chúng tôi, thứ gì không cần thì tặng cho người khác. Thực ra vợ anh ta muốn đến xem tôi được thừa hưởng những gì, nhưng người cháu đã gạt đi, bảo cô ta đừng tò mò, nếu có gì cần và hợp với họ thì Emerenc chắc đã không bỏ qua họ rồi, biết về những gì họ nhận được là đủ, thế này họ cũng đã mang ơn bà già không tả xiết. Họ về nhà bằng xe riêng. Cũng như lúc đi, ông trung tá chở chúng tôi về. Chồng tôi lên nhà ngay, tôi và ông trung tá vào nhà Emerenc. Đường phố vắng vẻ, tôi đã đoán đúng, Adélka tổ chức ăn uống gì đó sau tang lễ.

Ngoài hiên, chiếc rìu dựa vào một góc tường. Ông trung tá dùng nó bổ các thanh gỗ ông đã cho các nhân viên ăn mặc đồ dân sự đóng lên cánh cửa ngoài đã hỏng và cửa trong đã mất chìa khóa. Ông hỏi có cần ông vào cùng với tôi không, tôi bảo có. Emerenc là một nhân vật huyền thoại, di sản của tôi có thể là bất cứ thứ gì. Lúc này không có ông cố đạo ở đây để rửa sạch sự căng thẳng của tôi bằng những lời tinh tảo của ông ta.

“Bà sợ gì?” ông trung tá hỏi. “Emerenc yêu quý bà, không thể để lại cho bà thứ gì tệ hại. Ngày trước tôi đã vào căn phòng này, tất cả đều được phủ chắn. Bà ấy giữ cả một bộ đồ gỗ đẹp, và một chiếc gương nữa. Bà vào đi!”

Chúng tôi cùng bước vào, ban đầu chẳng nhìn thấy gì hết. Tất nhiên rồi, tại các cánh cửa chớp. Ông trung tá sờ trên tường, hóa chất do bộ phận khử trùng phun có thể đã lọt qua khe cửa, vì chúng tôi cảm thấy không khí nặng nề trong căn phòng mà chỉ có trời biết đã không được thông gió từ bao giờ, chúng tôi bắt đầu ho sặc sụa trong không khí ngột ngạt. Cuối cùng ông trung tá tìm được công tắc điện, ông kéo tôi trở lại căn phòng ngoài đã dọn sạch, vì khi bật điện lên, ông thấy tôi suýt ngất xỉu, như người bị nhiễm độc khí ga. Ông chỉ cho tôi trở vào khi đã mở tung hết các cửa sổ. Khi đó tôi đã nhìn thấy thứ tôi cần thấy, những thứ mà Emerenc để lại. Tôi tựa lưng vào tường.

Khung cảnh này chỉ thấy trong phim, nhưng ngay cả trong phim người ta cũng khó tin vào mắt mình. Một lớp bụi dày cỡ gang tay phủ trên các đồ gỗ, và mỗi bước cử động là một lớp mạng nhện bùng nhùng phủ lên mắt, lên tóc các nhân vật. Nếu trước đây bà già phủ chắn lên để bảo vệ đồ gỗ, thì chắc ngay sau khi công an thị sát bà đã bỏ xuống, vì không thấy các tấm chắn đâu nữa. Tôi đang đứng trong căn phòng được bài trí đẹp hơn tất cả những nơi cho đến nay tôi đã từng đến trong đời. Tôi đưa cạnh bàn tay lướt trên một chiếc ghế bành, một tấm vải nhung màu hồng nhạt lộ ra từ chiếc khung mạ vàng của đồ gỗ kiểu *rococo*⁽¹⁾, trước mắt tôi là một *salon* cuối thế kỷ

1. Rococo: một phong cách nghệ thuật hoa mỹ, cầu kỳ, xuất phát từ Pháp từ khoảng đầu thế kỷ 18.

18, có thể là tuyệt tác của một nghệ nhân quá cố chuyên đóng đồ gỗ cho các lâu đài, những báu vật cổ. Trên mặt sứ của chiếc bàn trà - nay đã là sở hữu của tôi, cho căn nhà tôi không bao giờ mua - là hình các mục đồng đang săn đuổi lũ cừu. Chiếc đi văng nhỏ với những chân mạ vàng bé như chân một chú mèo con. Tôi vừa động nhẹ lên tấm phủ, một đám mây bụi đã bay lên, rồi lại nhẹ nhàng hạ xuống. Chỉ đập nhẹ một cái, lớp vải đã vỡ làm đôi, nó nứt rạn ra như thể muốn tàn lụi đi vì thiếu sự dịu dàng. Chiếc gương trang điểm cao sát trần nhà, trên bàn là hai bức tượng nhỏ bằng sứ, ở giữa chúng là một thứ gì đó sinh động: một chiếc đồng hồ vĩnh cửu với hình mặt trời, mặt trăng và các vì sao, nó hiện vẫn còn hoạt động. Tôi định lau chùi nó, nhưng ông trung tá ngăn lại.

“Bà đừng động vào thứ gì!” ông nhắc, “di chuyển chúng rất nguy hiểm. Các tấm phủ đã hư hại, đồ gỗ và mọi thứ ở đây đã hỏng, chỉ còn chiếc đồng hồ. Để tôi hạ nó xuống.”

Tôi muốn cầm lên tay ít ra là mấy pho tượng nhỏ, hoặc xem trong ngăn kéo chiếc tủ gương có gì không, nếu có; tôi không nghe lời ông. Tôi cầm chiếc núm mở ngăn kéo, nhưng không mở được, tôi phải loay hoay xem xét, biết đâu lại tìm ra cách mở mà chỉ người trong gia đình mới biết. Bỗng nhiên xung quanh tôi tất cả bỗng trở nên như một ảo ảnh Kafka, như trong một phim kinh dị, chiếc tủ gương đổ ụp xuống. Nó không ụp xuống ngay lập tức, mà chậm chậm, từ từ, bắt đầu tan vữa ra, thành một đồng như mặt cửa bằng vàng. Những bức tượng nhỏ rơi xuống, cả chiếc đồng hồ, chiếc bàn gương, khung của nó đơn giản là lụi tàn đi, những chiếc ngăn kéo, cả những chân tủ đều biến thành bụi.

“Mọt,” ông trung tá nói. “Bà không lấy đi khỏi đây được thứ gì đâu, hư hỏng hết rồi. Emerenc đã không mở cửa kể từ

khi cho chúng tôi vào kiểm tra. Đây là phần thưởng cho việc bà đã cứu Grossman Êvike. Nếu nguyên vẹn thì đúng là một gia sản, nhưng bà thấy đấy, chúng đã hư hại cả. Bà xem này.”

Ông đặt tay lên một chiếc ghế tựa, nó cũng đổ ụp xuống. Một liên tưởng điên rồ: tôi không biết vì sao, nhưng tự nhiên tôi nghĩ đến trận đánh xe tăng ở Hortobágy⁽¹⁾. Những chiếc ghế sụp xuống, các lớp nhung lẫn lượt rạn vỡ, quần queo trên các khung gỗ, các chân ghế mủn ra trước mắt chúng tôi, như thể có một thứ thuốc bảo quản nào đó chỉ giữ cho chúng tồn tại đúng đến lúc con mắt chúng tôi nhìn thấy chúng. Tôi lại nhìn thấy, như hồi còn là một cô bé, đàn súc vật bị quân Đức lia bằng súng máy, bầu trời như mắc lại trên những đôi sừng. Cũng như tấm phủ trên các đồ gỗ, đàn súc vật cũng tan biến đi như thế.

“Ở đây chẳng còn gì bà có thể dùng được nữa,” ông trung tá nói. “Tôi sẽ cho quét dọn. Bà có mang chiếc đồng hồ về không? Nó vẫn kêu tích tắc đấy. Đáng tiếc là các bức tượng nhỏ đã vỡ hết.”

Tôi không cần chiếc đồng hồ, nó vẫn nằm trên mặt đất, tôi chẳng cần thứ gì hết. Không nhìn lại sau, tôi ra khỏi nhà Emerenc như thế, vẫn chưa có nước mắt.

Ông trung tá chào tôi, ông không đóng cửa lại. Adélka kể đến khi đội vệ sinh tới và nhìn vào, trong căn phòng không còn cả mảnh đồ sứ vỡ, cả chiếc đồng hồ, chẳng còn gì ngoài những thứ đồ gỗ đã tan biến hết. Nhưng tôi không quan tâm đến nữa.

1. Một địa danh ở vùng đồng bằng phía Đông Hungary, nơi diễn ra trận đấu xe tăng nổi tiếng giữa Hồng quân Liên Xô và quân đội phát xít Đức vào tháng Mười năm 1944.

HÓA GIẢI

Ở nhà Viola có vẻ uể oải, gần như lơ đãng. Tôi đưa nó đi dạo, nó bước qua cổng nhà Emerenc. Người đến phiên trực đang quét vỉa hè, chúng tôi niềm nở chào nhau. Tôi thấy cả Sutú, cô ta lại ngồi trong quầy bán rau quả, nom chẳng có vẻ gì là chán nản hay buồn phiền vì chẳng thấy ai đến mua hàng. Đang ăn thứ hoa quả gì đó của mình, cô chào tôi về lịch sự. Đường phố yên tĩnh, hầu như các nhà đều không bật vô tuyến. Không biết phải làm gì, tôi sang chỗ ông cố đạo trả tiền làm tang lễ. Ông đang đọc sách ngoài vườn, trong văn phòng không có ai, ông nhận số tiền. Tôi cảm ơn lòng tốt của ông, ông dứt khoát từ chối, ông bảo đó là trách nhiệm của ông. Lúc này chúng tôi thông cảm với nhau hơn bất cứ khi nào trong đời, ông nhìn tôi như người bỗng chú ý đến điều gì đó mà cho đến khi đó đã bỏ qua.

“Gần như không thấy nhà nào có tiếng vô tuyến,” ông nói.

“Người ta để tang đấy,” tôi đáp, “ở đây nhiều người gốc nông thôn ra Pest, sự yên tĩnh này là tập tục nông thôn. Cũng như vào thứ Sáu trước Lễ Phục sinh, vào ngày đưa tang nghe nhạc là không hợp lễ.”

“Nhưng bà ấy chỉ có một người họ hàng, người ấy không sống ở đây. Những ai để tang bà ấy?”

“Tất cả mọi người,” tôi nói. “Người Công giáo, người Do Thái. Mọi người đều mắc nợ Emerenc.”

Điều tôi không nghĩ tới là ông đã tiễn tôi ra đến góc phố, từ chỗ ấy có thể nhìn thấy nhà Emerenc. Ông cố đạo nhìn tôi, nhưng lúc này ông không hỏi thêm gì nữa.

Chủ Nhật, sau đám tang một tuần, tôi đến nhà thờ. Bao giờ người nghe ông cũng đông, nhưng chưa bao giờ đông như hôm ấy. Cả những người không đi nhà thờ cũng đến tụ tập ở đây, ông Elemér bán hiệu đồ ăn khô, đồ tạp hóa trong bộ đồ đen, con người mà ngoài những lời báng bổ Chúa ra người ta không nghe thấy ông ta nói điều gì khác, ông bác sĩ theo phái Phúc âm, ông Giáo sư theo đạo Thiên Chúa, chủ tiệm giặt hóa chất người Do Thái, ông thợ da theo thuyết Unitarian⁽¹⁾. Buổi hành lễ giống như một buổi tưởng niệm của phong trào Đại Kết⁽²⁾, người ta sẽ cảm thấy hổ thẹn nếu không có mặt. Chỉ có ông thợ bách nghệ vắng mặt, khi khác ông vẫn đến dự các buổi lễ của phái Phúc âm, nhưng hôm nay đến lượt ông trực, phải quét đường, đêm qua gió mạnh, lá tụ thành từng đống trên đường. Ông cố đạo nhìn vào mắt tôi khi đặt miếng bánh thánh lên đầu lưỡi tôi, tôi cũng nhìn vào mắt ông, thay vì cúi nhìn ba ngón tay biểu tượng cho Ba Ngôi. Giờ thì ông đã biết rõ, tôi kính trọng ông vì cử chỉ ông đã làm cho dân phố là đến đám tang Emerenc.

Một người nữa vắng mặt ở nhà thờ: Sutú. Chúng tôi về nhà với ý thức mình không có lỗi, không nói về chuyện này, nhưng chúng tôi cảm thấy đáng đời cho cô ta. Thế đấy, chẳng ai cần đến cô ta, cuối cùng cô ta cũng thấy khu nhà tự lo liệu được, cả phố đã đồng lòng. Tôi cũng đã quét một lần, nhưng

1. Người theo thuyết nhất vị luận, bác bỏ thuyết một thể ba ngôi của Cơ Đốc giáo, tin Chúa chỉ là một mà thôi.

2. Phong trào hiệp thông toàn bộ các cộng đồng Cơ đốc giáo theo các đức tin khác nhau

Adélka giằng lấy chổi khỏi tay tôi, tôi vụng về đến nỗi len lén đi bên cạnh bà ta, tôi xấu hổ vì chẳng làm được việc gì, có khi cả việc mình am tường. Chỉ một mình Sutú không nhận làm gì cho tập thể, hầu như không thấy mặt cô ta, cô ta đã đóng quầy rau quả, không biết cô ta sống bằng gì. Tôi cảm thấy cô ngồi nhà chờ đợi một điều gì đó, nhưng chẳng có dấu hiệu gì biểu hiện cô ta có nhà hay không. Đang là mùa hè, không thấy khói bốc lên trên nóc mái nhà cô.

Mấy tuần sau, người bạn cũ của Viola, ông thợ bách nghệ đem tin đến. Ông ngồi vắn về tai con chó, vể lúng túng. Ông bắt đầu rằng ngài Brodarics nhắ tôi điều gì đó đại loại là dù sao thì vắng Emerenc khu nhà cũng không thể chịu nổi. Bây giờ còn lần hồi được, vì thời tiết đẹp, nhưng lúc vào thu, lá bắt đầu rơi, thì họ không làm xuế, trong nhà rất ít thanh niên, và nếu có thì họ cũng đi làm từ sáng sớm đến tối mịt.

“Thôi, ông đừng tiếp tục nữa,” tôi bảo ông. “Ngài Brodarics nhắ là ngôi nhà không thể thiếu một quản gia chuyên nghiệp, họ sẽ thuê một ai đó, có khi đã thuê rồi. Tôi hiểu. Các vị đã tìm người qua đường quảng cáo?”

“Thực chất là không.”

Ông ta không nhìn tôi, hai mi mắt rung rung. Viola rùng mình. Tôi không muốn làm nó đau, nhưng những ngón tay căng thẳng của tôi bất chợt siết chặt lấy cổ nó.

“Thưa bà, bà hãy nghĩ xem,” ông thợ bách nghệ nói, “chúng ta đã biết cô ta từ lâu rồi. Cô ta là người sạch sẽ, điếm đạm, chăm chỉ, không rượu chè, cũng đã qua tuổi lú con trai theo đuổi. Khi Sutú đề xuất, tất cả đều quá mới mẻ nào đó, nên chúng ta đã phản nộ. Nhưng rồi mọi người trấn tĩnh lại, chúng tôi bắt đầu suy nghĩ. Cuối cùng chúng tôi đi đến thỏa thuận.”

“Với Sutú?” tôi cay đắng nói.

“Không phải với Sutú, mà là với Adélka. Ngài Brodarics nghĩ chúng tôi phải nói cho bà biết để bà khỏi bất ngờ.”

Tôi không còn bất ngờ vì chuyện gì nữa. Khi ông thợ bách nghệ ra về, tôi ra đứng ngoài ban công, nơi có thể nhìn thấy hiên nhà Emerenc. Adélka đã ngồi đó, bên chiếc bàn bày biện đẹp như Emerenc thường thích, và không chỉ có một mình, có lẽ họ đang bóc vỏ thứ gì đó, vì bà ta đang cúi xuống chiếc khay cùng với vợ người thợ đóng giày. Lúc đó không còn ai xa lạ nhìn thấy tôi, tôi đã có thể khóc. Chồng tôi không an ủi, dù trong ánh mắt ông không có gì khác sự thông cảm.

“Cả khu nhà, cả phố không thể thiếu Emerenc,” tôi nghe tiếng ông nói. “Adélka không phải là người xấu, và đúng là mọi người đều biết. Bà ta đã khôn khéo chờ đợi, Sutú đã vội vàng. Bây giờ em khóc điều gì? Không thể khóc vì Emerenc, vì người chết bao giờ cũng là người thắng cuộc. Chỉ người sống mới thua.”

“Em khóc chúng ta,” tôi đáp. “Chúng ta đều là những kẻ phản bội.”

“Không phải phản bội. Có nhiều việc phải làm.”

Ông đứng dậy, con chó cũng đứng lên theo, đến bên cạnh ngã đầu vào gối ông. Từ khi Emerenc chết, chồng tôi đã thế vào chỗ của bà. Lại không phải là tôi. Mọi phép lạ của Emerenc đều nghiêng lệch, chứ không bằng phẳng.

“Em chỉ tự làm mình xúc động, và lại không viết, mọi việc của em sẽ trễ. Sao em không ngồi vào bên máy chữ?”

“Em không viết nổi,” tôi đáp. “Em mệt mỏi. Em chán. Em căm ghét mọi người, căm ghét Adélka.”

“Em mệt mỏi vì em nấu nướng, quét dọn, giặt giũ và mua bán. Em không tìm được ai mà em có thể chịu đựng được ở



bên cạnh mình, vì không phải em tìm một người nào đó, mà em đi tìm người duy nhất, người ấy không bao giờ trở về với em nữa, em tìm Emerenc. Em hãy hiểu rằng Emerenc không còn nữa. Còn em thì bị ràng buộc bởi các hợp đồng, em phải lao động, phải hoàn thành công việc của mình, và nếu như em không mệt mỏi rã rời như thế, thì từ lâu em đã biết mình phải làm gì. Mọi người trong phố đều hiểu, ngài Brodarics, ông thợ bách nghệ, chỉ mình em không hiểu. Hãy nhận ra đi, vì Chúa, vì những người trong ngôi nhà đã gián tiếp gửi cho em thông điệp của họ.”

Tôi bịt tai lại để khỏi phải nghe. Chồng tôi đợi tôi trấn tĩnh lại đôi chút, rồi nhắc chiếc dây dắt Viola từ trên mắc áo xuống.

“Ông thợ bách nghệ đã đến đây, vì ở đây mọi người đều quý em, và họ muốn em dễ dàng đi đến quyết định mà em cũng đã biết, nhưng em không đủ can đảm nói ra. Em còn chần chừ đến bao giờ nữa? Thật vô nghĩa! Em đã dạy Emerenc rằng sự sáng tạo không có đối thủ, việc gì em phải xấu hổ với người kế tục của bà? Rồi cô ta cũng sẽ thấy điều đó.”

Viola lơ đãng để ông trông cái dây dắt vào đai vòng cổ. Nó không tỏ ra vui mừng, cũng không phản đối, nó sẵn sàng đi.

“Em hãy đưa con chó xuống, đi dạo một lúc, và trước khi mọi người nghĩ ra, hãy thỏa thuận với cô ấy.”

“Em không thỏa thuận, em không cần bà ta. Emerenc cũng chẳng thích Adélka, chỉ thương hại bà ta mà thôi.”

“Ai nói đến Adélka? Adélka ủy mị, yếu đuối và dấn. Với Sutú ấy. Cô ta đã làm hoàn hảo mọi việc khi chúng ta đi Athens. Sutú thẳng tính, can đảm, không sụt mướt, dứt khoát, và về mặt công việc, cô ta cũng không thương xót bản thân mình, giống như em.”

“Emerenc,” tôi nói tên bà với âm lượng mà - gần như độc lập với tôi - ông cũng biết tôi không thể hét to lên từ này với ai nữa.

“Emerenc đã chết, Sutú đang sống, cô ta không yêu quý em, cũng chẳng yêu quý ai khác, cô ta thiếu khả năng ấy, nhưng bù vào đó cô ta có rất nhiều đặc tính tốt. Nếu được tôn trọng, Sutú sẽ giúp em cho đến lúc em chết, vì không bao giờ em có thể đẩy cô ấy tới chỗ nguy hiểm. Cô ta không có bí mật, cũng không có cánh cửa, và nếu một khi cô ta có thì cũng không có giọng hát quyến rũ nào có thể khiến cho cô ta mở cửa ra cho bất cứ ai.”

CÁNH CỬA

Những giấc mơ của tôi giống hệt nhau, đó là những ảo ảnh trở đi trở lại, bao giờ tôi cũng chỉ mơ đúng một giấc mơ. Tôi đứng dưới chân cầu thang ngoài cổng nhà chúng tôi, phía trong chiếc cổng khung sắt lắp loại kính lưới thép không đập vỡ và cố mở khóa. Chiếc xe cứu thương đứng ngoài đường, tôi thấy bóng các nhân viên y tế qua cửa kính to khác thường, mặt họ nhòa rộng và có quầng như mặt trăng.

Chìa khóa xoay.

Nhưng tôi hoài công khó nhọc.

(hết)

CÁNH CỬA

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập	Trinh Thị Diệu
Biên tập viên Nhã Nam	Kiều Vân
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Mạnh Hùng
Sửa bản in	Vũ Minh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 04 37161518 | 04 37163409 | Fax: 04 38294781
Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn
Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
290/20 Nam kỳ Khởi nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 08 38469858 | Fax: 08 38483481

Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng
580 đường Núi Thành - thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 3797709

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 1773-2014/CXB/36-118/VH và quyết định xuất bản số 1889/QĐ-VH của Nhà xuất bản Văn Học ngày 25.12.2014. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2015.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

<http://tieu lun.hopto.org>

Một số tiểu thuyết nổi tiếng nhất của SZABÓ MAGDA:

Freskó (Bức tranh tường, 1958)

Mondják meg Zsofikának (Hãy nói với Zsofika, 1959)

Az ős (Con hoẵng, 1959)

Bárány Boldizsár (1959)

Disznótól (Mổ lợn, 1960)

Születésnap (Ngày sinh, 1962)

Pilátus (1963)

Danaida (1964)

Tündér Lala (1960)

Katalin utca (Phố Katalin, 1969)

Abigél (1970)

A szemlélők (Những người quan sát, 1973), Régimódi

történet (Câu chuyện kiểu xưa, 1977)

Az ajtó (Cánh cửa, 1987)

Für Elise (2002)

Tuyển tập kịch bản tựa đề Békekötés (Ký ước Hòa bình, 2006)

BECOME A FAN



<http://tieulun.hopto.org>

nhanampublishing



NHÀ NAM | VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

"Tài liệu quý giá về một mối quan hệ sống."

GUARDIAN

"Cuốn tiểu thuyết khác thường, độc đáo, và
hoàn toàn thuyết phục."

SCOTSMAN

Khép kín cực độ, hành vi dị thường, Szeredás Emerenc, người đàn bà kiếm sống nhờ quét dọn, nấu nướng, quản gia, bằng cách nào đó đã bước vào cuộc đời của nữ nhà văn Szabó Magda trong một vai kỳ lạ.

Tình bạn của hai tính cách khó tương đồng ấy cứ nghiêng ngả giữa đòi bờ thương yêu sùng kính, bức tức lồng lộn, đòi khi còn căm hận. Phải chăng là bởi Emerenc vẫn luôn đặt giữa họ, hoặc giữa bà với thế giới con người, một cánh cửa đóng chặt? Và khi cánh cửa đó hé lộ thoáng nhìn vào quá khứ thương tổn, soi thấu tâm hồn và số phận một con người giữa những trang sử bi thương của Hungary, nỗi day dứt lại càng trở nên ám ảnh.

CÁNH CỬA, tiểu thuyết có sức ám ảnh lớn nhất của SZABÓ MAGDA, đã được dịch ra gần bốn chục thứ tiếng, cũng là một trong những tác phẩm được nhiều thế hệ người đọc Hungary say mê, là niềm tự hào của văn học đương đại Hungary.



www.nhanam.vn



Giá: 76.000đ

ISBN 978-604-69-3503-2



8 935225 204508

<http://tieuthun.hopto.org>